

NGÂN HÀNG TMCP HÀNG HẢI
VIỆT NAM
VIETNAM MARITIME COMMERCIAL
JOINT STOCK BANK

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: **3107** /2024/CV-TGD5

Hà Nội, ngày **17** tháng 04 năm 2024
Hanoi, day month 04 year 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN
INFORMATION DISCLOSURE


**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh**

To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange

- Tên tổ chức / Organization name:** Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam/ Vietnam Maritime Commercial Joint Stock Bank
 - Mã chứng khoán/ *Securities Symbol:* MSB
 - Địa chỉ trụ sở chính/ *Address:* Số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam/ No. 54A Nguyen Chi Thanh, Lang Thuong Ward, Dong Da district, Hanoi, Vietnam
 - Điện thoại/ *Telephone:* 024-37718989
 - Fax: 024-37718899
- Nội dung công bố thông tin/ Content of Information disclosure:**

Công bố Báo cáo thường niên 2023/Information disclosure on Annual Report 2023
(Đối với trường hợp đính chính hoặc thay thế thông tin đã công bố cần giải trình rõ nguyên nhân đính chính hoặc thay thế)/In case of correction or replacement of previously disclosed information, explanation is needed)
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày **17** /04/2024 tại đường dẫn <https://www.msb.com.vn/vi/nha-dau-tu.html> This information was published on the company's website on .../04/2024, as in the link <https://www.msb.com.vn/vi/nha-dau-tu.html>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/
Attachment: 
Báo cáo thường niên

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/Party authorized to disclose information

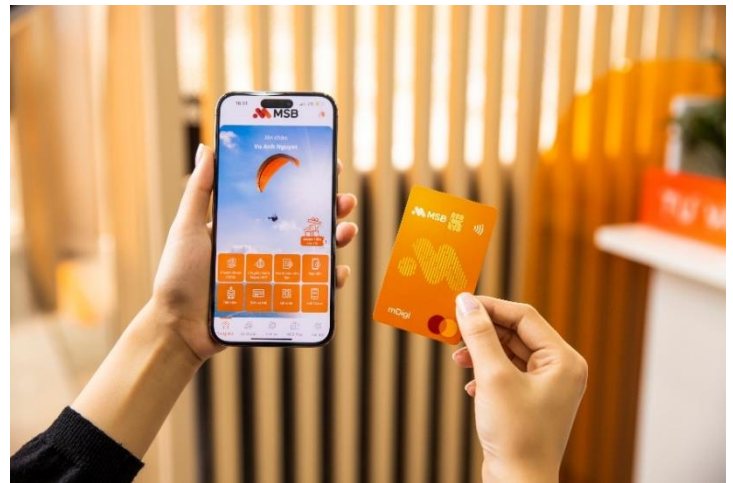


TỔNG GIÁM ĐỐC
NGUYỄN HOÀNG LINH



Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2023



Mục lục

A. THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

- | | | |
|---|---|-----|
| 1 | Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị | 1-3 |
| 2 | Thông điệp của Tổng Giám đốc | 3-6 |

B. THÔNG TIN CHUNG VỀ MSB

- | | | |
|---|---|-------|
| 1 | Thông tin khái quát | 6-7 |
| 2 | Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, định hướng phát triển | 7-8 |
| 3 | Quá trình hình thành và phát triển | 8-9 |
| 4 | Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý | 9-11 |
| 5 | Thông tin về cổ đông và cổ phiếu MSB | 11-14 |

C. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- | | | |
|----|---|-------|
| 1 | Bối cảnh kinh tế vĩ mô | 14-15 |
| 2 | Kết quả thực hiện chiến lược 05 năm 2018 - 2023 | 15-20 |
| 3 | Báo cáo và đánh giá của Hội đồng điều hành | 20-32 |
| 4 | Tình hình hoạt động của các mảng kinh doanh cốt lõi | 32-48 |
| 5 | Quản trị rủi ro để kiến tạo giá trị bền vững | 48-54 |
| 6 | Tổ chức và nhân sự | 54-68 |
| 7 | Hoạt động phát triển văn hóa | 68-71 |
| 8 | Tình hình đầu tư, thực hiện dự án | 71-77 |
| 9 | Báo cáo tác động liên quan tới môi trường và xã hội MSB | 77-91 |
| 10 | Hoạt động xã hội | 91-93 |
| 11 | Hoạt động của công ty con | 93 |

D. MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2024

- | | | |
|---|--|-------|
| 1 | Môi trường kinh doanh – Cơ hội và thách thức | 94-95 |
| 2 | Chiến lược phát triển | 95-96 |
| 3 | Các mục tiêu tài chính | 96-98 |

E. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

- | | | |
|---|---|-------|
| 1 | Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ngân hàng | 98 |
| 2 | Đánh giá về hoạt động của Hội đồng điều hành | 98-99 |

3	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	99-100
---	--	--------

F. QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

1	Tổng quan về quản trị ngân hàng	100-101
2	Hoạt động quan hệ nhà đầu tư	101-102
3	Giới thiệu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Hội đồng điều hành	102-117
4	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Hội đồng điều hành và Ban Kiểm soát	117

G. MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG	117-118
-------------------------------	---------

H. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT KIỂM TOÁN NĂM 2023

A. THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị

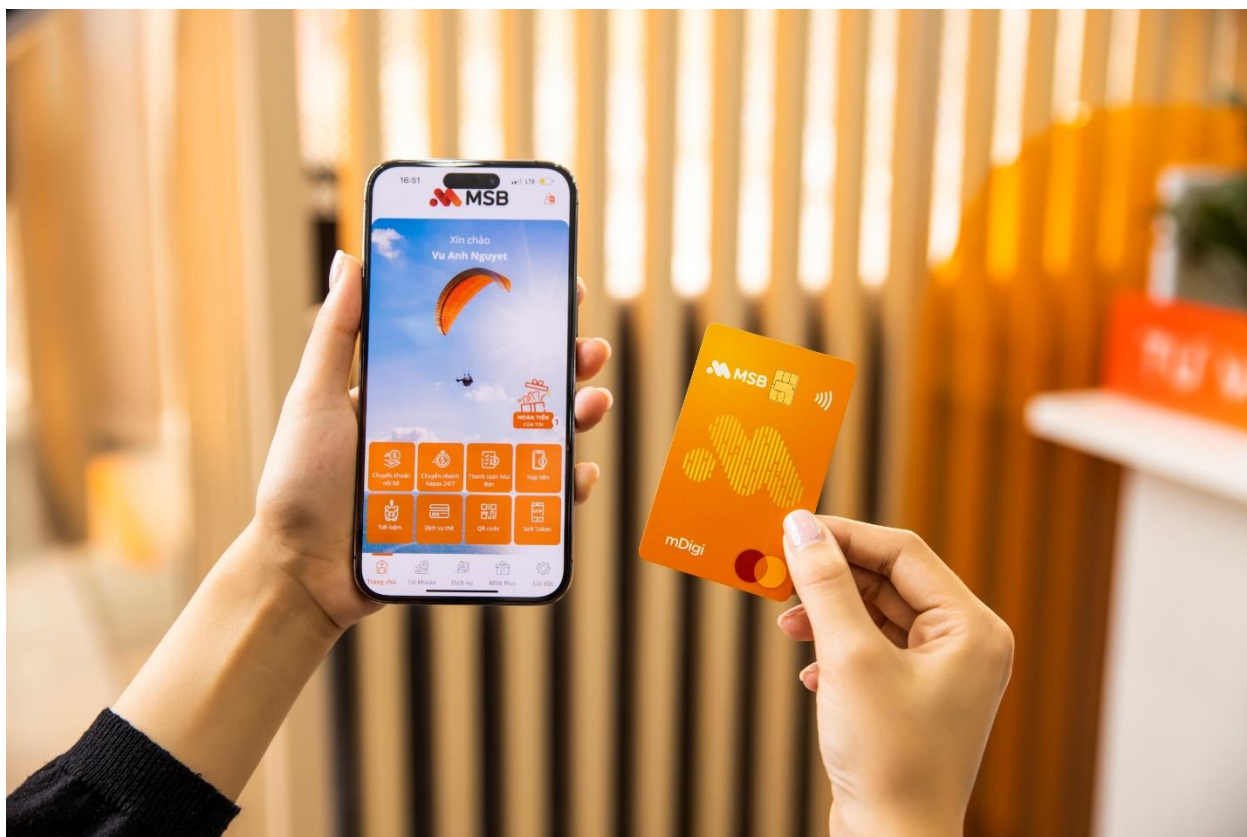
Kính thưa Quý vị Cổ đông,

Chúng ta vừa trải qua năm 2023 với thuận lợi và thách thức đan xen. Thuận lợi là khi MSB bước vào giai đoạn phát triển mới với tinh thần quyết tâm cao cùng nền tảng tích lũy ổn định, vững chắc về con người, công nghệ, tài chính. Thách thức là khi thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng phải đối mặt với hệ lụy dai dẳng sau đại dịch Covid-19, bất ổn địa chính trị, diễn biến khó đoán định của tỷ giá, lãi suất, và sự suy thoái tại một số nền kinh tế lớn.

Tuy dự báo năm 2023 tương đối thận trọng, nhưng bằng sự nỗ lực và linh hoạt, nền kinh tế Việt Nam vẫn ghi nhận kết quả khả quan. Tăng trưởng kinh tế cả năm đạt 5,05%, thuộc nhóm tăng trưởng cao trong khu vực và thế giới. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân năm tăng 3,25%, thấp hơn mục tiêu 4,5% đề ra. Thị trường tiền tệ, ngoại hối cơ bản ổn định; lạm phát, nợ công được kiểm soát. Về triển vọng của nền kinh tế nước ta, Fitch Ratings nâng hạng tín nhiệm quốc gia dài hạn lên mức BB+ (từ mức BB), với triển vọng "Ổn định". Việt Nam thuộc 02 trong số 62 quốc gia châu Á - Thái Bình Dương được nâng hạng.

Tại MSB, chúng tôi hiểu rằng, trong thách thức sẽ là cơ hội. Và đây chính là giai đoạn để ngân hàng nâng cao hơn nữa sức mạnh nội tại, hướng tới phát triển bền vững. Chính vì vậy, bên cạnh việc duy trì một năng lực tài chính vững mạnh, MSB chú trọng vào ba nền tảng chiến lược: Số hóa; Quản trị rủi ro; Con người và văn hóa. Những trụ cột này không chỉ giúp MSB đứng vững trong biến động, mà còn nhanh chóng đạt mục tiêu trở thành “ngân hàng có lợi nhuận tỷ đô” dựa trên sự “thuận ích” (thuận tiện tối ưu, hài hòa lợi ích) mang tới cho khách hàng, cổ đông và đối tác.

Với nền tảng số hóa, năm 2023 đánh dấu sự chuyển biến về “chất” trong hành trình chuyển đổi số của MSB. Hai dự án trọng điểm khởi động từ năm 2021 là Nhà máy số (DF) và Hiện đại hóa hệ thống Ngân hàng lõi (Corebanking) đến nay đã gặt hái nhiều kết quả vượt trội. Nhà máy số giúp MSB thành công tiếp thị khách hàng tại đa điểm chạm; đồng thời đáp ứng tốt nhu cầu đa dạng từ thị trường với những hành trình trải nghiệm sản phẩm – dịch vụ thực hiện 100% trực tuyến. Bên cạnh đó, hệ thống ngân hàng lõi đã hoàn thành các bước kiểm thử khắt khe và sẵn sàng đi vào hoạt động năm 2024. Những dự án này, bên cạnh việc thể hiện sự bắt nhịp xu thế về mặt chiến lược, còn là quyết tâm mạnh mẽ trong thực tế hành động của Ban lãnh đạo cùng hơn 6.000 cán bộ nhân viên; khẳng định cho sự đúng đắn trong định hướng và nền tảng văn hóa “khách hàng là trọng tâm” mà MSB theo đuổi.



Đối mặt với các khó khăn của thị trường, quản trị rủi ro trở thành hàng rào phòng thủ quan trọng củng cố hoạt động kinh doanh đồng thời bảo vệ thành quả của ngân hàng trước các diễn biến bất lợi. MSB đã dịch chuyển đồng bộ các phương diện quản trị rủi ro nhằm đảm bảo an toàn hoạt động, song song thích ứng với sự gia tăng mạnh mẽ của hàm lượng số hóa trong sản phẩm – dịch vụ. Quản trị đa dạng kịch bản, tính toán những biến thiên của nền kinh tế luôn luôn được cân nhắc trong mọi quyết định kinh doanh của ngân hàng. 2023 cũng là năm đầu tiên MSB hoàn thiện và đưa vào vận hành Hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội (ESMS) trong hoạt động cấp tín dụng, hướng đến thúc đẩy yếu tố “xanh” trong danh mục cho vay và nâng cao trách nhiệm trong hành trình thích ứng biến đổi khí hậu của ngân hàng, song hành cùng Chính phủ Việt Nam.

Với tầm nhìn “Trở thành ngân hàng ai cũng muốn tham gia và không ai muốn rời bỏ”, chúng tôi hiểu rõ rằng “Nhân viên hạnh phúc sẽ nỗ lực để làm khách hàng hài lòng”, người lao động là tài sản quý giá nhất của ngân hàng và là cốt lõi của sự phát triển bền vững. Năm qua, MSB đã triển khai dự án “Số hóa hành trình dịch vụ nhân sự” nhằm nâng cao trải nghiệm cho cán bộ nhân viên và tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào các chương trình đào tạo phát triển năng lực. Bên cạnh đó, trong hành trình xây dựng văn hóa doanh nghiệp, nhằm khẳng định rõ định hướng mới trong phát triển văn hóa, Hội đồng quản trị đã ban hành Nghị quyết số 0420/2023/NQ-HĐQT về việc điều chỉnh giá trị cốt lõi của MSB với các giá trị mới là “Trọng khách - Sáng tạo - Trách nhiệm - Hiệu quả - Nhân văn”. Đồng thời, song hành cùng chiến lược chung, ngân hàng đã xây dựng chiến lược phát

triển văn hóa năm 2023 - 2025. Trong đó, năm 2024, bên cạnh việc tiếp tục phổ cập nền tảng văn hóa doanh nghiệp, chúng tôi đặc biệt sẽ chú trọng triển khai chủ đề “Lãnh đạo phục vụ”, lan tỏa tinh thần lãnh đạo làm gương - chủ động cởi mở - lắng nghe chia sẻ - hỗ trợ - đồng hành - chịu trách nhiệm.

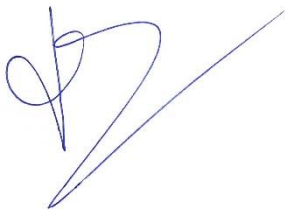
Và để MSB vươn tầm, chúng tôi cũng đang hiện thực hóa, triển khai các chương trình hành động cụ thể về tiêu chuẩn ESG (Môi trường – Xã hội – Quản trị) gắn với các mục tiêu Phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc (17 Sustainable Development Goals). MSB hiện đang góp phần thực hiện 10/17 mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc tại Việt Nam. Năm 2023, ngân hàng lần đầu tiên công bố Báo cáo phát triển bền vững độc lập. Thông qua báo cáo, MSB hướng đến việc chuẩn hóa và minh bạch thông tin về các ảnh hưởng từ hoạt động kinh doanh của mình đến kinh tế, môi trường, xã hội. Trên cơ sở đó, Ban lãnh đạo ngân hàng sẽ triển khai tích hợp các tiêu chí phát triển bền vững vào chiến lược kinh doanh mà MSB đang theo đuổi, đảm bảo tác động tích cực và lợi ích cho các bên liên quan.

Năm 2024 với nhiều chông gai trước mắt, MSB sẽ tập trung phát triển kinh doanh ưu tiên quản trị rủi ro, kiểm soát nợ xấu và mở rộng danh mục tín dụng sang các lĩnh vực phát triển bền vững. Chuyển dịch hoạt động ngân hàng sang kênh số vẫn giữ vị thế ưu tiên và số hóa tiếp tục là động lực tăng trưởng chính. “Chính sách linh hoạt – Giải pháp đa dạng” không chỉ là tôn chỉ MSB áp dụng với khách hàng mà còn với bản thân ngân hàng nhằm tìm ra hướng đi phù hợp để “vượt sóng”, mang đến giá trị cao cho khách hàng, cổ đông và đối tác.

Với một nền tảng vững chắc và tâm thế sẵn sàng, MSB sẽ chinh phục những khó khăn, thách thức của năm 2024. Hành trình này, ngoài sự quyết tâm của Ban Lãnh đạo và cán bộ nhân viên, chúng tôi mong nhận được sự đồng hành của các Quý cổ đông, Quý khách hàng và Quý đối tác, để MSB tiếp tục giữ vững vị thế là Ngân hàng thấu hiểu khách hàng nhất và có lợi nhuận cao tại Việt Nam. Kính chúc Quý vị nhiều sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Trân trọng,

TM. Hội đồng quản trị

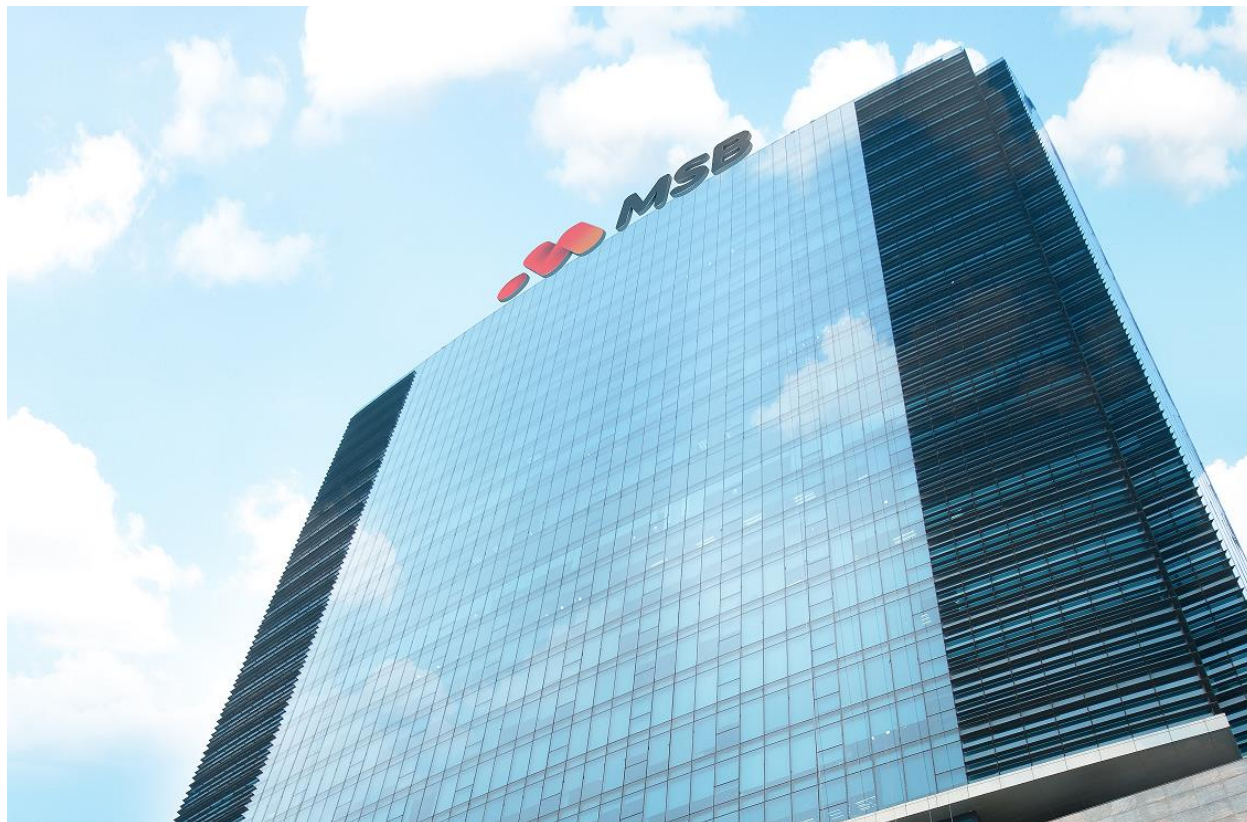


Trần Anh Tuấn
Chủ tịch HĐQT

2. Thông điệp của Tổng Giám đốc

Kính thưa Quý Khách hàng, Đối tác và Cổ đông,

Năm 2023 là một năm khó khăn, thách thức đối với nền kinh tế nói chung và mỗi doanh nghiệp nói riêng. Đây cũng là năm đầu tiên đánh dấu chặng đường phát triển mới (2023 - 2027), đặt nền tảng cho chiến lược 5 năm tiếp theo của MSB. Trong bối cảnh đó, một mặt, MSB vẫn nỗ lực duy trì sự tăng trưởng ổn định; mặt khác, ngân hàng tiếp tục chú trọng củng cố nội lực, sẵn sàng tạo đà tăng trưởng cho các năm tiếp theo.



Vượt qua những cơn “gió ngược”, năm 2023, MSB vẫn đạt được những kết quả khả quan. Tại 31/12/2023, tổng tài sản của MSB đạt hơn 267.000 tỷ đồng, tăng 25% so với năm 2022. Tăng trưởng tín dụng đạt 22,4% thuộc nhóm cao nhất ngành, tập trung vào các nhóm ngành ít rủi ro, xoay chuyển dần danh mục tín dụng phù hợp với xu thế xanh hóa và ưu tiên cho phát triển bền vững. Trong khi đó, tổng tiền gửi tăng 13%, đạt 132.000 tỷ đồng. MSB thuộc Top 4 ngân hàng có tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) cao nhất hệ thống với 26,5%.

Về kết quả hoạt động, tổng thu thuần hoạt động kinh doanh của MSB năm 2023 đạt xấp xỉ 12.300 tỷ đồng trong năm qua, tăng 15% so với năm 2022 với thu nhập lãi thuần và thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ đều tăng trưởng. Chỉ số chi phí/doanh thu (CIR) của ngân hàng đạt 39,26%, thấp hơn 2 điểm phần trăm so với cuối năm 2022. Những kết quả trên đã giúp lợi nhuận trước thuế năm 2023 của MSB đạt 5.830 tỷ đồng.

Song hành cùng việc duy trì các chỉ số tài chính lành mạnh, MSB luôn chú trọng đến việc đảm bảo hoạt động an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và chuẩn mực quốc tế. Kết thúc năm 2023, tỷ lệ cho vay trên tổng tiền gửi (LDR) đạt 67,55%, tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn (MTLT) chỉ 24,87%. Tỷ lệ nợ xấu (NPL) riêng lẻ là 1,94%. Chỉ số an toàn vốn hợp nhất (CAR) của MSB đạt mức 12,76%.

Với quyết tâm thực hiện số hóa toàn diện và đồng bộ trên toàn hàng, năm qua, MSB đã triển khai thành công nhiều dự án có tính chất nền móng cho lộ trình số trong tương lai, tiêu biểu như dự án Low code, ERP, New ATM... và nhiều dự án củng cố năng lực hạ tầng, nâng cao năng lực quản trị và tích hợp hệ thống. Cùng với đó, hoạt động quản trị rủi ro trên hành trình số đạt được nhiều kết quả tích cực khi triển khai thành công nền tảng cho vay trên kênh số dành cho khách hàng doanh nghiệp và khách hàng cá nhân. Hệ thống sẽ thực hiện tự động việc tra cứu thông tin doanh nghiệp, các tiêu chí về CIC và chấm điểm không có sự tác động của con người, từ đó tăng tốc độ xử lý tới 9 lần so với quy trình truyền thống. Khách hàng có thể nhận được phê duyệt vay trong vòng 04 giờ. Tương tự, với khách hàng cá nhân, dự án cho phép tự động hóa mô-đun thu nhập, tra cứu 224 tiêu chí CIC chỉ trong 3 phút nhằm nhanh chóng ra quyết định phê duyệt, đồng thời phát hiện sớm rủi ro, dự báo quá hạn và cảnh báo sớm. Trên cơ sở đó, MSB đã thực hiện thành công việc số hóa toàn bộ hành trình cấp tín dụng (thẻ chấp và tín chấp) mảng khách hàng doanh nghiệp, nâng điểm hài lòng khách hàng đạt 80,2/100.

Sự chuyển mình trong chiến lược số hóa đã giúp MSB mang tới nhiều giải pháp tài chính thuận ích trên kênh số phục vụ khách hàng cá nhân và doanh nghiệp. Năm 2023, kênh số đã đóng góp hơn 1,3 triệu khách hàng mới, nâng tổng số khách hàng lên 5,2 triệu; thúc đẩy số lượng giao dịch trên kênh ngân hàng điện tử đạt 110 triệu giao dịch - tăng 38% so với cùng kỳ 2022, tổng giá trị giao dịch đạt 1,5 triệu tỷ đồng.

Hành trình phát triển bền vững của MSB trong năm qua đã đặt những dấu ấn mới khi lần đầu tiên công bố báo cáo Phát triển bền vững (ESG Report) độc lập với Báo cáo thường niên; triển khai đánh giá rủi ro Môi trường - Xã hội với 100% khoản vay mới kể từ 1/6/2023 với hệ thống quản trị rủi ro Môi trường - Xã hội (ESMS) được xây dựng theo chuẩn quốc tế; ký Ý định thư với Ngân hàng Phát triển doanh nghiệp Hà Lan (FMO) trị giá 100 triệu Đô la Mỹ tập trung vào các dự án của doanh nghiệp vừa và nhỏ và các dự án xanh; tham gia Hội nghị COP28 tại Dubai với tư cách nhà tài trợ... Ngân hàng đang tập trung nghiên cứu năng lực nội tại cùng với định hướng của Chính phủ để xây dựng chiến lược Phát triển bền vững của MSB phù hợp với chiến lược kinh doanh của ngân hàng.

Những nỗ lực không ngừng của MSB trong năm 2023 không chỉ dừng lại ở những kết quả trên mà ngân hàng còn được ghi nhận bởi nhiều tổ chức quốc tế uy tín với các giải thưởng tiêu biểu: Giải Bạc – Giải thưởng Quản trị rủi ro Đông Nam Á (ASEAN Risk Champion Award 2023) do Học viện Quản trị rủi ro doanh nghiệp Singapore (ERMA) trao tặng; ngân hàng duy nhất được Tạp chí

The Financial Times vinh danh Ngân hàng của năm 2023 (Bank of the Year); Ngân hàng Chuyển đổi số tốt nhất 2023 trao bởi Global Brands Magazine...

Bước sang năm 2024, nền kinh tế được dự báo sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn, Ban Lãnh đạo MSB đặt ra mục tiêu với tổng tài sản tăng 5%, tương đương 280.000 tỷ đồng; Lợi nhuận trước thuế đạt 6.800 tỷ đồng, tăng 17%; Vốn huy động tại thị trường I và trái phiếu huy động vốn đạt 178.900 tỷ đồng, tăng trưởng 27%; Dự nợ tín dụng tăng trưởng 18% tương đương đạt 178.200 tỷ đồng.

Tôi tin với nền tảng tích lũy trong những năm qua, sự đồng lòng và quyết tâm mạnh mẽ của Ban Lãnh đạo cũng như toàn thể cán bộ nhân viên, MSB sẽ vững vàng vượt qua các thách thức, tràn đầy nhiệt huyết và tâm thế để hoàn thành các mục tiêu đã đề ra trong năm 2024

Xin chân thành cảm ơn và kính chúc Quý vị sức khỏe, thành công, hạnh phúc!

Trân trọng,



Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc

B. THÔNG TIN CHUNG VỀ MSB

1. Thông tin khái quát



- Tên giao dịch:
 - Tên tiếng Việt: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN HÀNG HẢI VIỆT NAM
 - Tên tiếng Anh: VIETNAM MARITIME COMMERCIAL JOINT STOCK BANK
 - Tên giao dịch: MSB
 - Tên viết tắt: MSB
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Số 0200124891 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/07/2005 (chuyển từ GCN ĐKKD số 055501 do Trọng tài kinh tế (nay là Sở Kế hoạch và Đầu tư) thành phố Hải Phòng cấp ngày 10/3/1992); đăng ký thay đổi lần thứ 26 ngày 13/01/2023.
- Vốn điều lệ: 20.000.000.000.000 đồng
Bằng chữ: Hai mươi nghìn tỷ đồng.
- Địa chỉ hội sở chính: Số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại: (024) 3771 8989
- Số fax: (024) 3771 8899
- Website: www.msb.com.vn
- Mã cổ phiếu: MSB
- Ngành nghề kinh doanh: Các nghiệp vụ ngân hàng như nhận tiền gửi, cho vay khách hàng, đem lại nguồn thu từ lãi, chiếm tỷ trọng chính yếu trong tổng thu nhập hoạt động của MSB.
- Địa bàn kinh doanh: Tính đến 31/12/2023, MSB có 263 chi nhánh và phòng giao dịch trải dài trên 51 tỉnh/thành phố của cả nước. Các thị trường cốt lõi của ngân hàng bao gồm Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh với tỷ trọng về tiền gửi và cho vay chiếm lần lượt là 54% - 60% với Hà Nội và 16% - 20% với Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, định hướng phát triển

2.1. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi

- Tầm nhìn
Trở thành ngân hàng ai cũng muốn tham gia và không ai muốn rời bỏ
- Sứ mệnh
Vì một cuộc sống thuận ích hơn
- Giá trị cốt lõi
 - **Trọng khách:** Người MSB đặt khách hàng làm trọng tâm trong mọi suy nghĩ và hành động.
 - **Sáng tạo:** Người MSB liên tục cải tiến, cởi mở với sự thay đổi và thúc đẩy ý tưởng mới.

- **Trách nhiệm:** Người MSB cam kết làm đúng, làm đủ, làm đến cùng, vì mục tiêu chung.
- **Hiệu quả:** Người MSB chú trọng mục tiêu và quyết liệt tạo ra các giá trị.
- **Nhân văn:** Người MSB đề cao con người, nỗ lực xây dựng một môi trường hạnh phúc cho người MSB và cộng đồng.

2.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn, các mục tiêu phát triển bền vững

MSB là một trong những ngân hàng tiên phong triển khai chuyển đổi số trên thị trường, định hướng trở thành ngân hàng có nền tảng số dẫn đầu với trải nghiệm dịch vụ khách hàng tốt nhất. Từ định hướng đó, MSB tập trung số hóa sản phẩm và quy trình nội bộ, cải tiến phương thức làm việc, thay đổi tư duy bằng việc triển khai các chương trình chuyển đổi lớn từ cốt lõi nền tảng công nghệ, đem tới các sản phẩm - dịch vụ ngân hàng tiên tiến, có giá trị cao cho khách hàng.

Là ngân hàng TMCP đầu tiên được thành lập tại Việt Nam, MSB luôn ý thức vai trò tiên phong của mình trong công cuộc chuyển đổi, định hướng xu thế mới cũng như việc đồng hành cùng các bên liên quan trong hành trình kinh doanh, nâng tầm vị thế, từ đó chung tay đưa Việt Nam phát triển mạnh mẽ, đảm bảo các cam kết quốc tế và tăng trưởng bền vững. Chính vì vậy, mọi chiến lược hành động của MSB đều hướng tới mục tiêu này. Đồng thời, MSB mong muốn góp phần cải thiện chất lượng cuộc sống cho người Việt và sự phát triển của doanh nghiệp Việt bằng những trải nghiệm sản phẩm dịch vụ tài chính thuận ích nhất. Song song, MSB cũng xây dựng cho cán bộ nhân viên môi trường làm việc lý tưởng, giúp mỗi cá nhân kiến tạo và nâng tầm sự nghiệp, tạo lập một cuộc sống hạnh phúc.

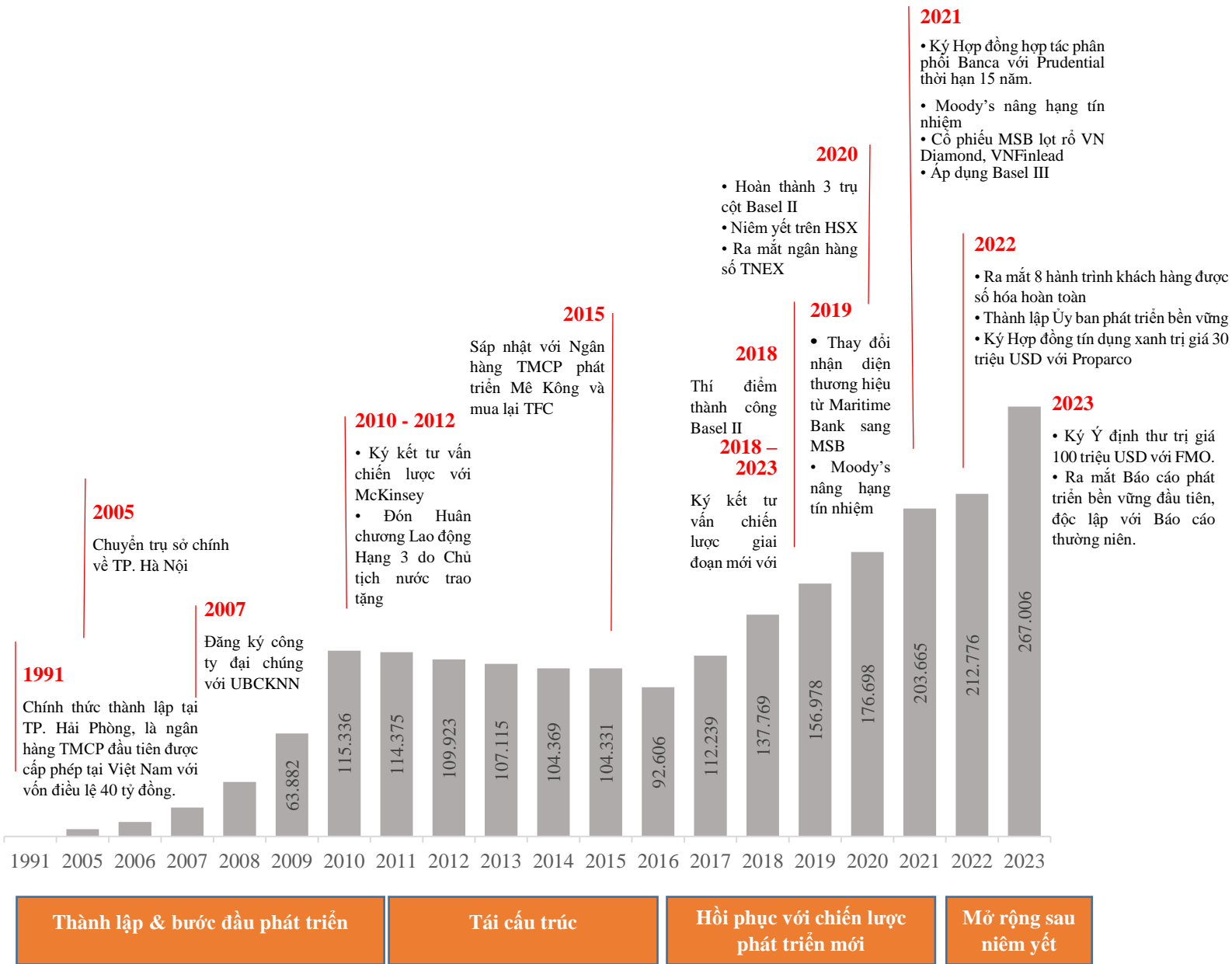
Trên hành trình đó, MSB luôn giữ vững cam kết đối với khách hàng, cơ quan quản lý, đối tác, cán bộ nhân viên và nhà đầu tư, cụ thể:

- Khách hàng luôn cảm thấy hạnh phúc, hài lòng về sự thuận tiện và lợi ích nhận được khi sử dụng sản phẩm dịch vụ của MSB;
- Cán bộ nhân viên luôn cảm thấy hạnh phúc, có động lực làm việc tốt nhất và vươn tầm sự nghiệp tại MSB;
- Đối tác/Nhà cung cấp cảm thấy an tâm và tin tưởng, mong muốn hợp tác, kết nối lâu dài với MSB vì lợi ích và sự phát triển của cả 2 bên;
- Cơ quan quản lý đạt được các mục tiêu về quản trị, tuân thủ, các chính sách điều hướng được hỗ trợ triển khai hiệu quả và an tâm trong đảm bảo an toàn hoạt động của hệ thống;
- Ngân hàng đạt hiệu suất lợi nhuận tăng trưởng bền vững và giúp cổ đông luôn tin tưởng vào sự phát triển bền vững, bứt phá của MSB;

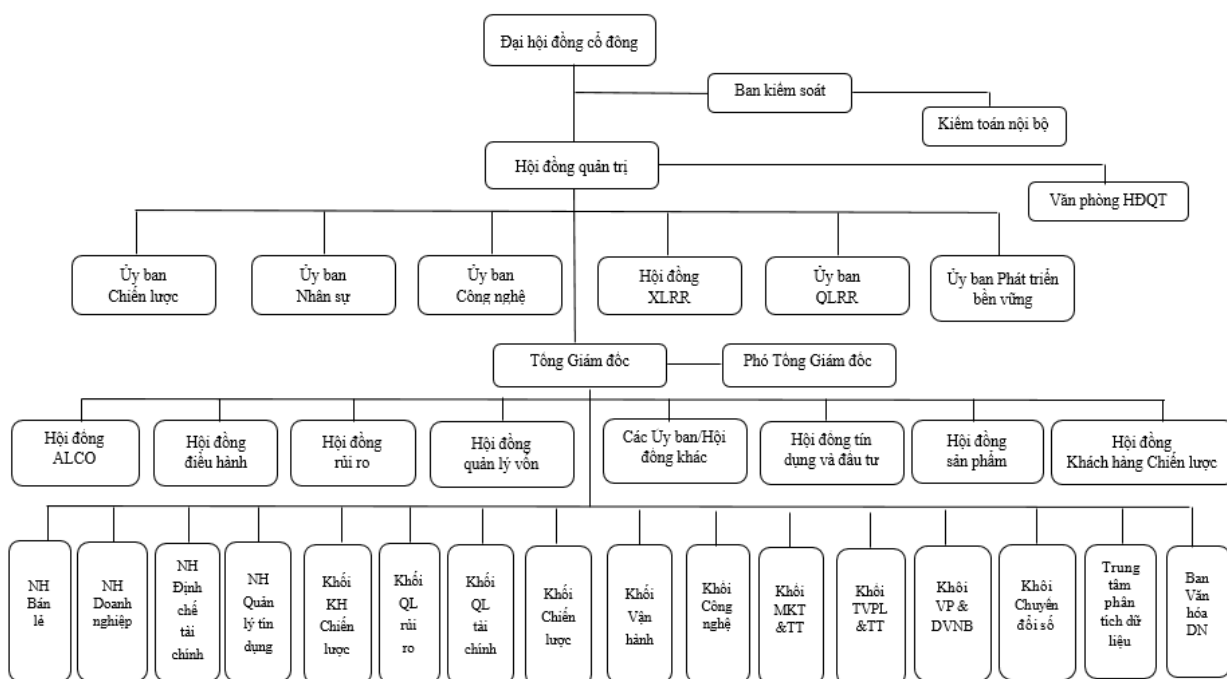
3. Quá trình hình thành và phát triển

Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam (MSB) thành lập năm 1991 tại thành phố Hải Phòng. Trải

qua 32 năm xây dựng, với quy mô vốn điều lệ lên tới 20.000 tỷ đồng cùng đội ngũ hơn 6.000 cán bộ nhân viên trình độ cao, MSB đã phát triển, trở thành một trong những ngân hàng uy tín tại Việt Nam, cung cấp toàn diện các giải pháp tài chính ngân hàng cho mọi đối tượng khách hàng trong nền kinh tế.



4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý



- **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)**

ĐHĐCĐ gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất, quyết định những vấn đề quan trọng của MSB theo quy định của pháp luật và Điều lệ. ĐHĐCĐ hoạt động qua phiên họp thường niên, phiên họp bất thường và lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. ĐHĐCĐ có quyền thông qua định hướng phát triển của MSB; bầu, miễn nhiệm các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và thực hiện các quyền hạn khác.

- **Hội đồng quản trị (HĐQT)**

HĐQT là cơ quan quản trị của MSB, có toàn quyền nhân danh MSB quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của MSB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. HĐQT của MSB bao gồm 07 thành viên trong đó có 01 thành viên độc lập và 06/07 thành viên không phải là người điều hành; Tổng Giám đốc kiêm Thành viên HĐQT.

HĐQT thành lập các Ủy ban làm tham mưu cho HĐQT trong việc quản trị ngân hàng, thực hiện chiến lược, kế hoạch kinh doanh; đảm bảo sự phát triển hiệu quả, an toàn và đúng mục tiêu đã đề ra. Các Ủy ban bao gồm: Ủy ban Quản lý rủi ro, Hội đồng Xử lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự, Ủy ban Chiến lược, Ủy ban Công nghệ, Ủy ban Phát triển Bền vững, Văn phòng HĐQT.

- **Ban kiểm soát (BKS)**

BKS thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và Nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT. BKS của MSB có 03 thành viên và đều là thành viên chuyên trách.

BKS có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực của MSB, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình.

- **Tổng Giám đốc (TGD) – Người đại diện pháp luật của MSB**

TGD là người điều hành cao nhất của MSB, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của ngân hàng, chịu sự giám sát của HĐQT và BKS, chịu trách nhiệm trước HĐQT và trước pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ của MSB. Hiện tại, nhân sự giúp việc cho TGD là các Phó Tổng Giám đốc, Chánh văn phòng Tổng Giám đốc, các Giám đốc Khối/Ban và các Hội đồng chuyên môn bao gồm: Hội đồng Quản lý vốn, Hội đồng Sản phẩm, Hội đồng Quản lý tài sản nợ - tài sản có (ALCO), Hội đồng Điều hành, Hội đồng Quản lý rủi ro, Hội đồng Tín dụng và Đầu tư, Hội đồng Khách hàng Chiến lược. Các đơn vị trực thuộc TGD gồm: Ngân hàng Bán lẻ, Ngân hàng Doanh nghiệp, Ngân hàng Định chế tài chính, Khối Khách hàng chiến lược, Ngân hàng Quản lý tín dụng, Khối Vận hành, Khối Quản lý rủi ro, Khối Quản lý tài chính, Khối Marketing và Truyền thông, Khối Tư vấn pháp lý và tuân thủ, Khối Công nghệ, Khối Chiến lược, Khối Chuyển đổi số, Khối Văn Phòng & Dịch vụ nội bộ, Trung tâm phân tích dữ liệu nâng cao, Ban Văn hóa doanh nghiệp.

Cơ cấu tổ chức của MSB được thiết kế đảm bảo phân tách giữa hoạt động kinh doanh và hỗ trợ: Các Ngân hàng chuyên doanh (NHCD) tập trung vào hoạt động phát triển, thúc đẩy khách hàng. Các đơn vị hỗ trợ đảm bảo vai trò chuyên môn hóa như vận hành, công nghệ, quản lý rủi ro.

Các NHCD đi theo định hướng phân khúc khách hàng. MSB triển khai cấu trúc quản lý nội bộ theo mô hình mỗi ngân hàng chuyên doanh như một ngân hàng nhỏ độc lập (bank in bank model), tự chủ trong quản lý chi phí, doanh thu, lợi nhuận và từ đó tiến độ triển khai các nhiệm vụ, yêu cầu rất thông suốt và hiệu quả.

- **Công ty con:**

Trong năm 2023, MSB chỉ có một công ty con là Công ty Tài chính TNHH MTV TNEX (TNEX Finance). Tiền thân của TNEX Finance là FCCOM. Việc chuyển đổi tên gọi được thực hiện vào quý IV/2023.

- Địa chỉ: Tầng KT tòa nhà văn phòng Thăng Long – Thăng Long Tower, số 98, phố Ngụy Như Kon Tum, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84-24) 3259 5063
- Vốn điều lệ đăng ký: 500.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của MSB: 100%
- Lĩnh vực kinh doanh: Huy động vốn, cấp tín dụng, các hoạt động khác.
- Công ty liên kết: MSB không có công ty liên kết.

5. Thông tin về cổ đông và cổ phiếu MSB

5.1. Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh – HSX kể từ ngày 23/12/2020 với mã cổ phiếu MSB.

Tại thời điểm 31/12/2023, tổng số cổ phần phổ thông của MSB: 2.000.000.000 cổ phần (tương ứng 20.000 tỷ đồng vốn điều lệ), trong đó:

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 2.000.000.000 cổ phiếu
- Tổng số lượng chứng khoán đăng ký: 2.000.000.000 cổ phiếu
- Tổng số lượng chứng khoán niêm yết: 2.000.000.000 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- Số cổ phiếu tự do chuyển nhượng: 1.954.792.660 cổ phiếu
- Số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng¹: 45.207.340 cổ phiếu

Vốn hóa của ngân hàng tại 31/12/2023 đạt 26.000 tỷ đồng.

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Tại thời điểm 31/12/2023, cơ cấu cổ đông của MSB như sau:

Loại cổ đông	Tổng số cổ đông	Tỷ lệ sở hữu cổ phần (%)
Cổ đông trong nước, trong đó:	33.885	70,25
- Cá nhân	33.777	35,83
- Tổ chức	108	34,42
Cổ đông nước ngoài, trong đó:	130	29,75
- Cá nhân	100	9,74
- Tổ chức	30	20,01
Tổng	34.015	100

Trong đó, Tập đoàn Bưu chính viễn thông Việt Nam (VNPT) là cổ đông lớn của ngân hàng, sở hữu 120.965.367 cổ phiếu tương ứng 6,05% vốn điều lệ.

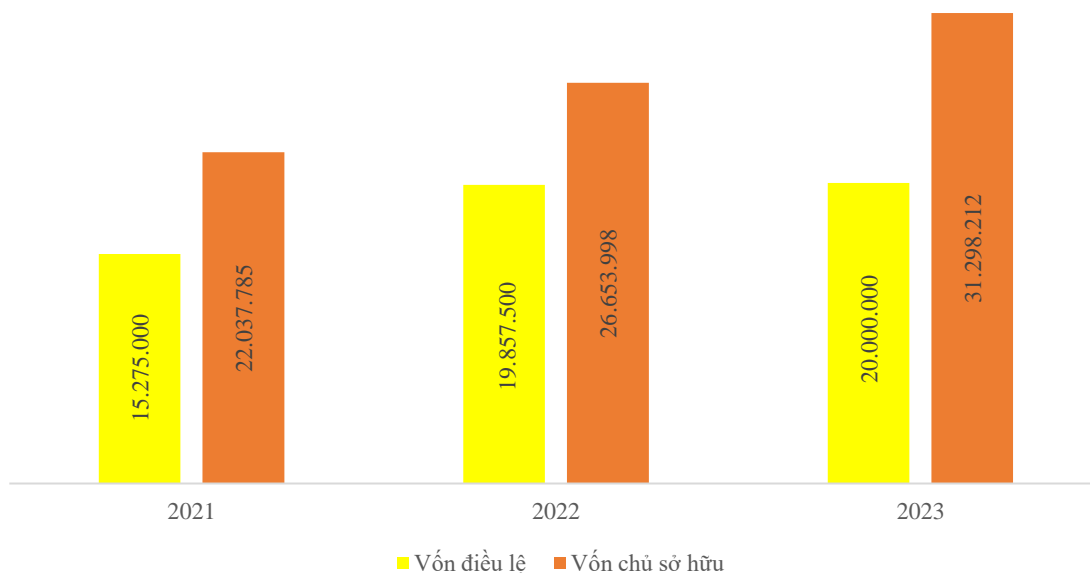
Tổng số lượng sở hữu cổ đông Nhà nước tại MSB là 130.544.043 cổ phiếu tương ứng 6,53% vốn điều lệ.

Tổng số lượng sở hữu nước ngoài của MSB luôn đảm bảo dưới 30% theo quy định luật. Tại thời điểm 31/12/2023, ngân hàng có 130 cổ đông nước ngoài, trong đó có 100 cổ đông là cá nhân và 30 tổ chức nước ngoài, sở hữu 29,75% vốn điều lệ.

¹ Theo quy định tại khoản 1, Điều 56, Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010, cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ. Số cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng này bao gồm cả cổ phiếu ESOP phát hành năm 2021 và 2022 và số cổ phiếu được các cổ đông cầm cố.

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn điều lệ và vốn chủ sở hữu của MSB theo Báo cáo tài chính kiểm toán 3 năm:



Trong năm 2023, MSB không tăng vốn cổ phần, không thực hiện phát hành cổ phiếu. Vốn điều lệ của ngân hàng tại 31/12/2023 là 20.000 tỷ đồng². MSB không có giao dịch liên quan cổ phiếu quỹ, số lượng cổ phiếu quỹ của ngân hàng là 0 cổ phiếu.

Đơn vị: triệu VND		Riêng lẻ		Hợp nhất	
		2023	2022	2023	2022
	VỐN CHỦ SỞ HỮU	31.365.617	26.713.467	31.298.212	26.653.998
1	Vốn của Tổ chức tín dụng	20.034.068	19.891.568	20.034.068	19.891.568
	<i>i. Vốn điều lệ</i>	20.000.000	19.857.500	20.000.000	19.857.500
	<i>ii. Vốn đầu tư XD CB, mua sắm tài sản cố định</i>	608	608	608	608
	<i>iii. Thặng dư vốn cổ phần</i>	33.460	33.460	33.460	33.460

² Tại ngày 01/01/2023 MSB đã hoàn thành đợt tăng vốn điều lệ lên 20.000 tỷ đồng sau khi phát hành xong cổ phiếu theo Chương trình ưu đãi cho người lao động, tuy nhiên do quá trình thủ tục thay đổi giấy phép hoạt động của ngân hàng kéo dài sang đầu năm 2023 nên việc hạch toán vốn điều lệ mức 20.000 tỷ đồng được thực hiện trong tháng 1/2023. Do đó, theo báo cáo kiểm toán năm 2022, tại 31/12/2022, vốn điều lệ của ngân hàng chỉ đạt 19.857,5 tỷ đồng.

	<i>iv. Cổ phiếu quỹ</i>		-	-	-
	<i>v. Cổ phiếu ưu đãi</i>		-	-	-
2	Quỹ của Tổ chức tín dụng	2.587.378	1.894.182	2.589.959	1.896.036
3	Lợi nhuận chưa phân phối / Lỗ lũy kế	8.744.171	4.927.717	8.674.185	4.866.394

C. BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Bối cảnh kinh tế vĩ mô



Kinh tế thế giới năm 2023 tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức khi xung đột địa chính trị gia tăng, lạm phát tuy đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao, chính sách tiền tệ thắt chặt chưa kết thúc. Hầu hết các nền kinh tế trên thế giới đều có mức tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 thấp hơn năm 2022 và đạt khoảng 3,1%, trong đó nhóm các nền kinh tế hàng đầu thế giới chỉ đạt mức tăng trưởng GDP 0,7%, trong khi nhóm các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi tăng trưởng khoảng 4%. Tổng giá trị giao dịch thương mại toàn cầu năm 2023 cũng giảm khoảng 5% so với mức 32.200 tỷ USD thiết lập năm 2022, chủ yếu bắt nguồn từ việc nhu cầu tiêu thụ và sản xuất giảm.

Tuy nhiên, điểm sáng của nền kinh tế thế giới năm qua đó là áp lực lạm phát hạ nhiệt mạnh. Báo cáo của IMF cho thấy, lạm phát cơ bản đang trên đà giảm từ mức 9,2% năm 2022 xuống còn 5,9% năm 2023 và xu thế này sẽ tiếp tục xuống còn khoảng 4,8% năm 2024. Lạm phát tại các nước phát

triển hạ nhiệt mở ra cơ hội cho các Ngân hàng Trung ương bắt đầu cắt giảm lãi suất vào năm tới. Tăng trưởng GDP dù chậm nhưng không phải rơi vào suy thoái. Tỷ lệ thất nghiệp tại phần lớn các nền kinh tế hàng đầu đều ở mức thấp hơn khoảng 0,5 điểm phần trăm so với mức trước đại dịch. Đây là một trong những chỉ báo cho thấy kinh tế toàn cầu sẽ “hạ cánh mềm” trong năm 2024.

Trong bối cảnh đó, tăng trưởng GDP của Việt Nam cả năm 2023 đạt 5,05%, cao hơn đáng kể so mặt bằng tăng trưởng kinh tế của các quốc gia đang phát triển. Chỉ số CPI bình quân cả năm tăng 3,25% - thấp hơn nhiều so với mục tiêu 4,5% Quốc hội giao. Điểm sáng khác của nền kinh tế đến từ khu vực đầu tư. Đầu tư công đến hết năm 2023 đã ghi nhận mức tăng 29% so năm trước, đầu tư nước ngoài (FDI) đăng ký vào Việt Nam đạt 36,6 tỷ USD, tăng 32%. Tăng trưởng khu vực dịch vụ và tiêu dùng 12 tháng đạt 9,6%, cải thiện đáng kể so với đầu năm.

Tuy nhiên, với độ mở của nền kinh tế lớn kết hợp với những tồn tại hiện có, hoạt động sản xuất công nghiệp, xuất nhập khẩu, du lịch, tiêu dùng của Việt Nam năm 2023 ghi nhận một số khó khăn khi kim ngạch xuất khẩu giảm 4,4%, nhập khẩu giảm 8,9% so cùng kỳ năm trước, chủ yếu do cầu thế giới giảm. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng tăng 9,6%, thấp hơn so với mức tăng cùng kỳ năm trước. Sức cầu suy giảm, tăng trưởng du lịch quốc tế và trong nước đều không đạt kỳ vọng.

Trong năm 2023, Chính phủ đã chủ động triển khai nhiều giải pháp nhằm tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy tăng trưởng, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô. Các giải pháp đã được tích cực thực hiện như: giảm mặt bằng lãi suất, ổn định thị trường ngoại hối; thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công; triển khai nhiều gói tín dụng hỗ trợ các ngành, lĩnh vực; miễn, giảm, gia hạn thuế, phí, tiền sử dụng đất, hỗ trợ doanh nghiệp; nâng thời hạn visa điện tử cho khách du lịch; tháo gỡ khó khăn, vướng mắc của thị trường trái phiếu doanh nghiệp, bất động sản... Do đó, xu hướng tích cực tiếp tục được duy trì và ngày càng rõ nét hơn trong nhiều ngành, lĩnh vực.

2. Kết quả thực hiện chiến lược 05 năm 2018 - 2023

2.1. Các sự kiện nổi bật

- Một trong những ngân hàng có tăng trưởng tín dụng cao nhất hệ thống (22,4%) nhờ đảm bảo các hệ số an toàn tài chính và thanh khoản, các cam kết cao với cơ quan quản lý và tích cực hỗ trợ khách hàng vượt khó khăn sau đại dịch.
- Nhóm đầu ngành có tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) trên tổng tiền gửi cao nhất hệ thống, đặc biệt nguồn CASA được đóng góp lớn từ tệp khách hàng chiến lược của ngân hàng (khách hàng bán lẻ và doanh nghiệp vừa và nhỏ - SME).
- Thị phần số 1 thị trường về giao dịch trái phiếu chính phủ (12,2% thị phần cho năm 2023).
- Công tác quản trị rủi ro và nhiệm vụ đảm bảo thanh khoản được tập trung trong bối cảnh thị trường biến động khó lường: mức CAR hợp nhất ở mức cao nhất trong 5 năm gần đây

- 12,76%, hệ số nguồn vốn ngắn hạn dùng để cho vay trung và dài hạn (MTLT) ở mức tốt
- 24,87%, mức tích cực so với mặt bằng chung các ngân hàng trong hệ thống.

- Lượng tiền gửi từ khách hàng cá nhân – tệp khách hàng tạo khả năng chống chọi với biến động tốt nhất – tăng trưởng 26% so với năm 2022, chiếm 57% tổng tiền gửi của MSB.
- Tỷ trọng cho vay ngành bất động sản giảm, đầu tư trái phiếu doanh nghiệp giảm mạnh.
- Hệ thống quản trị rủi ro môi trường xã hội (ESMS) theo chuẩn quốc tế được áp dụng với 100% quy trình phê duyệt khoản vay kể từ 1/6/2023.
- Nâng cao các cam kết với Chính phủ Việt Nam và quốc tế trong tiến trình xanh hóa Việt Nam, đưa đất nước hướng tới mức phát thải ròng carbon bằng 0 năm 2050.
- Lần đầu phát hành báo cáo phát triển bền vững độc lập với báo cáo thường niên, công bố phát thải từ hoạt động nội bộ của ngân hàng và các cam kết về định hướng ngân hàng xanh.

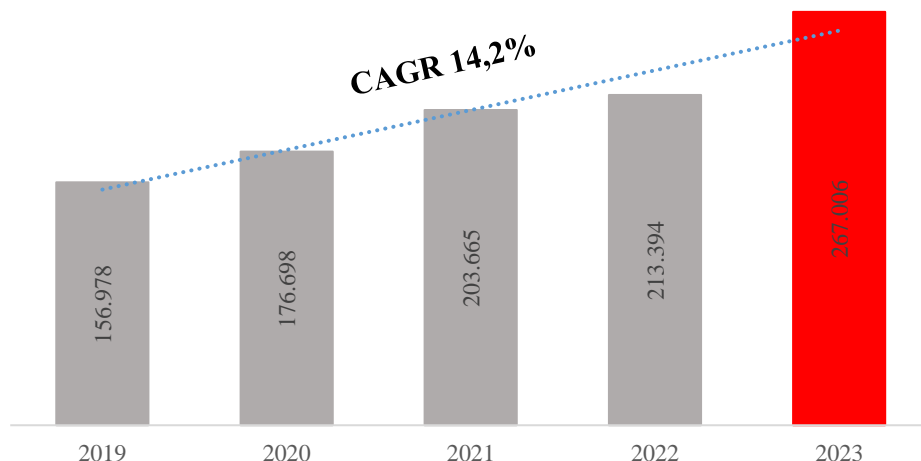
Kết quả kinh doanh năm 2023 của MSB cũng ghi nhận những tăng trưởng khả quan:

- Tổng tài sản: 267.006 tỷ đồng, tăng trưởng năm trên 25%
- Lợi nhuận trước thuế: 5.830 tỷ đồng, tăng trưởng gần 1% so với 2022
- Tăng trưởng tín dụng riêng lẻ: 22,4%
- Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối: 1.072 tỷ đồng, tăng trưởng năm hơn 7%
- Tỷ lệ CASA: 26,54% (đứng top 4 toàn ngành)
- Biên lãi ròng NIM: ~4%
- Tỷ lệ an toàn vốn hợp nhất CAR: 12,76% (2022: 12,31%)
- Tín dụng xanh: gần 6.000 tỷ đồng

2.2. Hành trình vươn tới Top đầu các ngân hàng tư nhân trên cơ sở các thành tựu 5 năm nổi bật

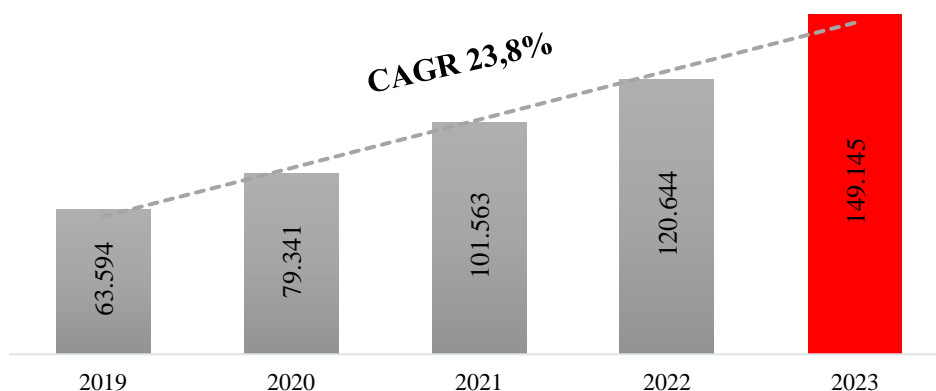
2.2.1. Tổng tài sản:

Tổng tài sản của MSB tăng hơn 1,7 lần sau 5 năm của giai đoạn chiến lược, đạt hơn 267.006 tỷ đồng, đưa mức tăng trưởng kép hàng năm chạm ngưỡng 14,2% với động lực chính đến từ tăng trưởng cho vay khách hàng.



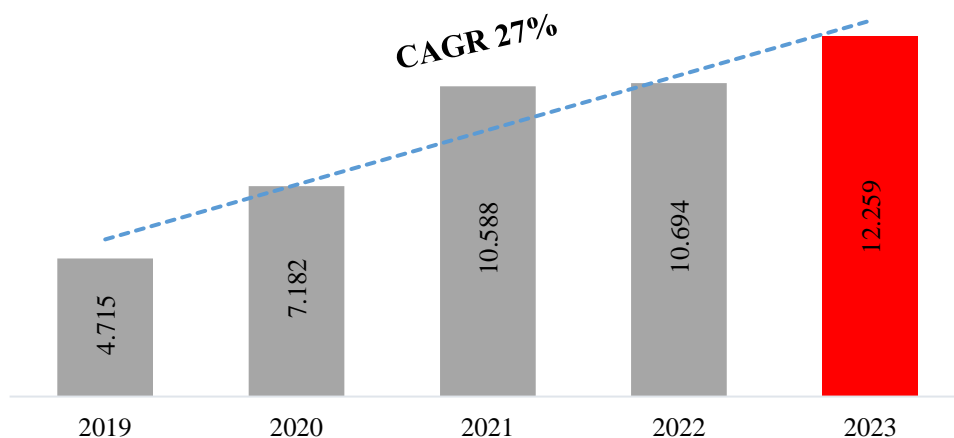
2.2.2. Cho vay khách hàng:

Luôn nằm trong danh sách các ngân hàng đầu ngành được cấp hạn mức tăng trưởng tín dụng cao nhất nhờ các tiêu chí về an toàn vốn, thanh khoản, tệp khách hàng giải ngân đúng định hướng Chính phủ và luôn tuân thủ quy định, đồng hành cùng Cơ quan quản lý trong các hoạt động điều hành thị trường, MSB ghi dấu tăng trưởng kép về cho vay khách hàng giai đoạn 2019-2023 ở mức 23,8%. Tỷ trọng mảng khách hàng cá nhân và doanh nghiệp vừa và nhỏ tăng dần trong tổng dư nợ tín dụng theo đúng chiến lược dài hạn của MSB.



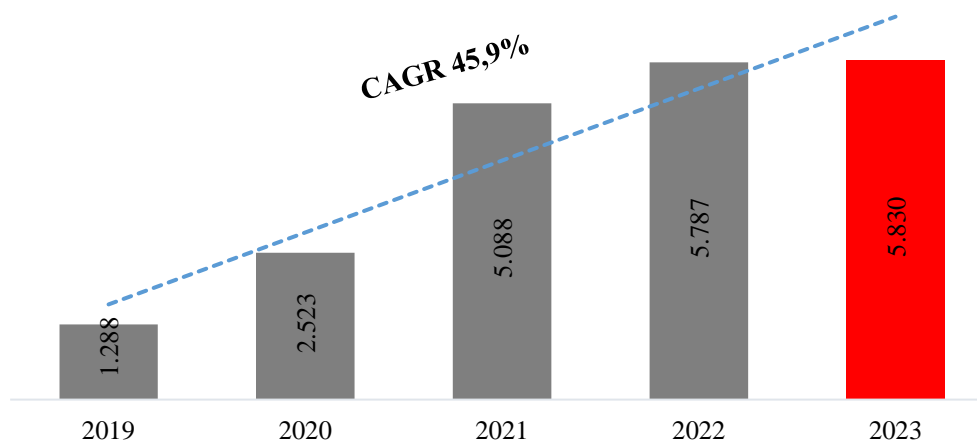
2.2.3. Tổng thu nhập hoạt động (TOI):

Tổng thu nhập hoạt động của MSB tăng trưởng đột phá giai đoạn 2019 – 2021 khi TOI năm 2021 tăng gần 2,5 lần so với năm 2019. Tăng trưởng kép hàng năm cho cả giai đoạn chiến lược đạt gần 27% với tỷ trọng thu nhập lãi thuần chiếm đa số, cụ thể khoảng 75% trong năm 2023 trên tổng TOI. Ngân hàng định hướng chiến lược tỷ trọng thu nhập ngoài lãi sẽ chiếm khoảng 30% tổng TOI với nguồn thu phí đa dạng từ các sản phẩm dịch vụ mới và phù hợp nhu cầu khách hàng.



2.2.4. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp:

Với chiến lược tập trung khai thác phân khúc khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ, các chính sách bán hàng, chiến lược khai thác hệ sinh thái với các sản phẩm được thiết kế chuyên biệt theo nhu cầu khách hàng, lợi nhuận trước thuế của MSB đã có những bước nhảy vọt, cụ thể lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2023 tăng gấp hơn 4,5 lần so với 2019, đưa mức tăng trưởng kép hàng năm giai đoạn này chạm mức gần 46%.



2.2.5. Các kết quả chiến lược đạt được:

Kết thúc giai đoạn chiến lược 5 năm 2018 - 2023, MSB đã hoàn thành xuất sắc các mục tiêu đề ra. Đặc biệt, nhiều mục tiêu như lợi nhuận, tổng thu nhập hoạt động (TOI)... được hoàn thành trước thời hạn được giao. Bên cạnh đó, các tiêu chí trọng yếu về tài chính cũng đạt và vượt kế hoạch, tiêu biểu như ROA, ROE, tỷ lệ thu nhập từ phí/doanh thu bình quân hàng năm. Về chỉ tiêu phi tài chính, chỉ số sức khỏe tổ chức (OHI) đạt 93 điểm, tỷ lệ khách hàng cá nhân mới qua kênh số tăng vượt trội trên 80%, hiệu suất của lực lượng bán hàng cũng tăng trưởng vượt bậc.

Đối với kênh giao dịch vật lý, MSB hướng đến tập trung phát triển theo chiều sâu, lựa chọn địa bàn theo trọng tâm nhằm tập trung hóa nguồn lực, khai thác hiệu quả và tối đa tiềm năng thị trường. MSB hiện có 263 Chi nhánh/Phòng giao dịch và 285 máy ATM bao phủ tại 51 tỉnh thành trên toàn quốc. Bên cạnh đó, kênh số được chú trọng phát triển đảm bảo cung cấp các sản phẩm dịch vụ và trải nghiệm đồng đều cho khách hàng trên đa điểm chạm.

Việc phát triển kiên định theo phân khúc chiến lược lựa chọn, tập trung vào khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ đã giúp MSB có sự tăng trưởng quy mô nhanh chóng; đồng thời không ngừng gia tăng tỷ trọng huy động tiền gửi không kỳ hạn nhằm đảm bảo phát triển cơ cấu nguồn vốn ổn định với chi phí vốn thấp, tạo nền tảng phục vụ cho tăng trưởng tín dụng và nâng cao hiệu quả kinh doanh.

MSB là 1 trong những ngân hàng đi tiên phong trong lĩnh vực chuyển đổi số. Việc thành lập nhà máy số (Digital Factory) và các chương trình chuyển đổi đã giúp MSB số hóa trọn vẹn nhiều hành trình khách hàng và các quy trình nội bộ, gia tăng trải nghiệm khách hàng trên kênh số, giảm thời gian thực hiện thủ tục giấy tờ, nâng cao năng suất lao động, tối ưu chi phí hoạt động. Kết quả kinh doanh từ kênh số đang dần đóng góp lớn trong kết quả chung của ngân hàng.

Hành trình 2018-2023 MSB cũng đã đạt được những bước chuyển mình trong công tác phát triển/bồi dưỡng nhân sự, bổ nhiệm cán bộ tài năng talentpool, cán bộ chủ chốt (key person), cán bộ cấp trung, giảm tỷ lệ nghỉ việc, triển khai chương trình lựa chọn cho người lao động ESOP, khen thưởng gắn bó 30 năm, triển khai nhiều hoạt động xây dựng văn hóa MSB giàu bản sắc hướng đến trải nghiệm nhân viên. Với tầm nhìn trở thành Ngân hàng ai cũng muốn tham gia và không ai muốn rời bỏ, MSB sẽ tiếp tục hành trình kiến tạo văn hóa làm việc tinh gọn hiệu suất cao, thu hút tuyển lựa và giữ chân nhân tài.

2.2.6. Các chỉ tiêu hoạt động cốt lõi của ngân hàng giai đoạn 2019 - 2023:

Quy mô (tỷ đồng)	2019	2020	2021	2022	2023
Tổng tài sản	156.978	176.698	203.665	212.776	267.006
Cho vay khách hàng	63.594	79.341	101.563	120.644	149.145
Chứng khoán đầu tư	46.233	55.884	48.296	31.593	37.897
Tiền gửi khách hàng	80.873	87.510	94.616	117.121	132.350

CASA/Tổng tiền gửi (%)	20,67%	29,29%	35,84%	31,16%	26,54%
Vốn chủ sở hữu	14.864	16.875	22.038	26.654	31.298
Vốn điều lệ	11.750	11.750	15.275	19.857.5	20.000
Kết quả kinh doanh (tỷ đồng)	2019	2020	2021	2022	2023
Thu nhập lãi thuần	3.062	4.822	6.216	8.322	9.189
Thu nhập ngoài lãi	1.653	2.360	4.372	2.371	3.070
Chi phí hoạt động	2.502	3.586	3.932	4.428	4.812
Chi phí dự phòng	925	1.073	1.568	479	1.617
Lợi nhuận trước thuế	1.288	2.523	5.088	5.787	5.830
Lợi nhuận sau thuế	1.044	2.011	4.035	4.616	4.644
Hệ số an toàn vốn (%)	2019	2020	2021	2022	2023
CAR	10,25%	10,56%	11,52%	12,31%	12,76%
CAR cấp 1	9,95%	11,06%	11,89%	12,68%	12,98%
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	9,47%	9,55%	10,82%	12,53%	11,72%
Khả năng thanh khoản (%)	2019	2020	2021	2022	2023
Dư nợ cho vay/Tổng tài sản	40,51%	44,90%	49,87%	56,70%	55,86%
Tổng dư nợ cho vay/Tổng tiền gửi khách hàng (LDR)	55,05%	62,32%	65,00%	68,77%	67,55%
Nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn - Mtl	24,87%	24,87%	24,87%	24,87%	24,87%
Chất lượng tài sản	2019	2020	2021	2022	2023
Tỷ lệ nợ xấu (NPL riêng lẻ)	1,71%	1,62%	1,15%	1,21%	1,94%
Khả năng sinh lời (%)	2019	2020	2021	2022	2023
ROE	7,23%	12,62%	19,82%	18,44%	15,56%
ROA	0,71%	1,21%	2,10%	2,31%	1,88%
NIM	2,51%	3,35%	3,63%	4,50%	3,98%
Thu nhập phí/TOI	11,08%	11,43%	27,14%	10,40%	13,03%
Chi phí hoạt động/TOI	60,25%	49,17%	37,14%	41,39%	39,26%

3. Báo cáo và đánh giá của Hội đồng điều hành

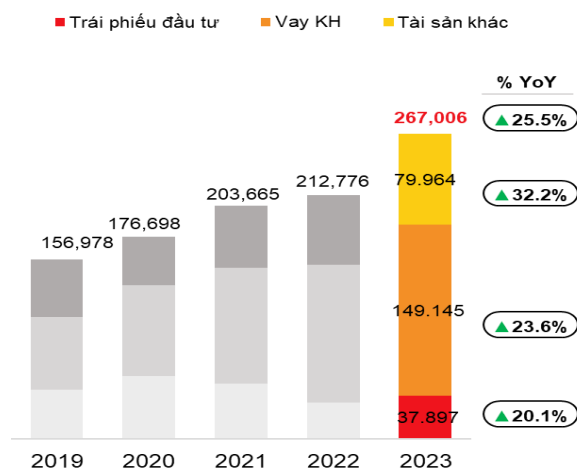
Năm 2023 – Năm của thử thách và nỗ lực chung tay vượt khó khăn

Với sự chung tay góp sức của hơn 6.000 nhân sự trên toàn hệ thống, MSB đã khép lại năm 2023 với những kết quả khả quan không chỉ thể hiện bằng các con số của chỉ tiêu tài chính mà cả những thành tựu mang tính chất lượng như quản trị rủi ro, đảm bảo an toàn hoạt động, tính thanh khoản,

hỗ trợ tốt cho khách hàng thông qua hạ lãi suất, kiểm soát nợ xấu, phát triển sản phẩm, số hóa để rút gọn quy trình, tinh giảm thời gian trong các quy trình nội bộ và phê duyệt sản phẩm. Ngân hàng hướng tới quản trị thông suốt, tuân thủ không chỉ các tiêu chí, quy định của Cơ quan quản lý mà còn thỏa mãn các yêu cầu theo chuẩn quốc tế trong hoạt động. MSB cũng đã có một năm đẩy mạnh các hoạt động phát triển bền vững, mọi hoạt động kinh doanh dần được tích hợp với các yếu tố Môi trường - Xã hội, đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên liên quan mà không làm tổn hại môi trường, đồng thời tiếp tục chung tay với cộng đồng trong nhiều dự án trách nhiệm xã hội. Ngân hàng đã có những hành động thích ứng phù hợp với diễn biến khó lường của lãi suất, tỷ giá, xu thế sản phẩm... Cụ thể, với kinh nghiệm quản trị hiệu quả sử dụng vốn và cơ cấu tài sản sinh lời thích hợp đã hỗ trợ MSB trong năm 2023 để đạt được mức biên lãi thuần (NIM) khả quan, giảm thiểu được các ảnh hưởng từ thị trường. Các dự báo biến động tỷ giá chính xác cùng các sản phẩm quản trị rủi ro cung cấp linh hoạt cho khách hàng đã hỗ trợ MSB giữ vị thế tốt trong mảng hoạt động ngoại hối. Hệ thống quản trị rủi ro được số hóa với một số sản phẩm tín dụng đã đem đến thuận ích cho khách hàng và hỗ trợ gia tăng tệp khách hàng chiến lược. Trên cơ sở những chiến lược ngắn hạn đúng đắn, đảm bảo định hướng dài hạn, MSB đã đi qua một năm đầy biến động với các tỷ lệ tăng trưởng an toàn và hiệu quả.

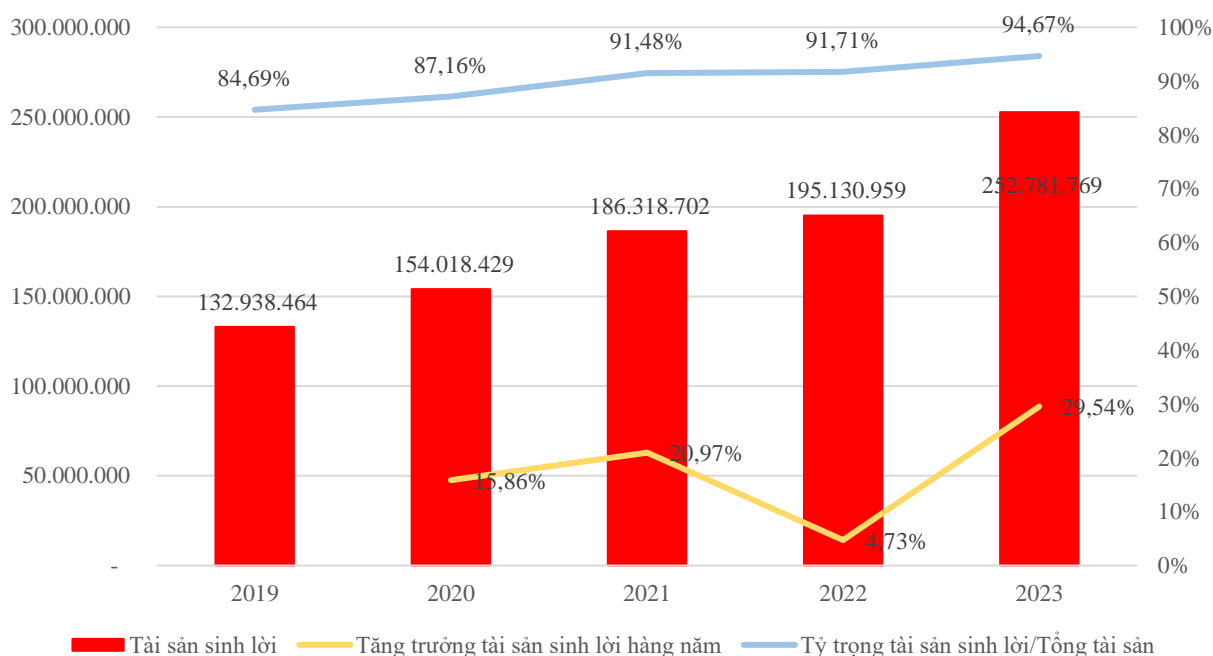
3.1. Tổng tài sản – Tổng nợ và nguồn vốn chủ sở hữu:

3.1.1. Tổng tài sản



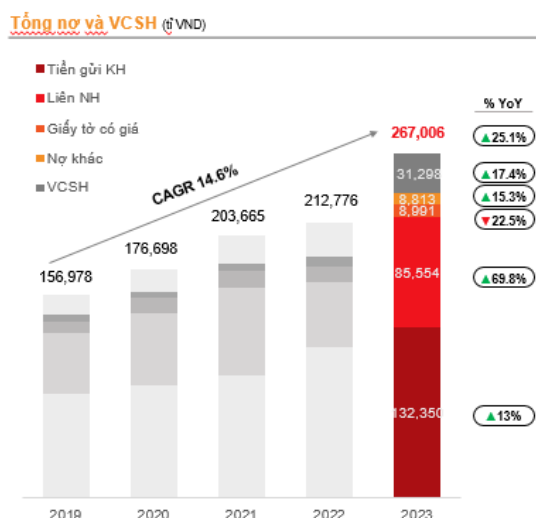
Cơ cấu tổng tài sản MSB giai đoạn 2019 – 2023 (ĐVT: tỷ đồng)

Tổng tài sản hợp nhất của MSB tại cuối năm 2023 đạt hơn 267.006 tỷ đồng, tăng trưởng hơn 25% trong năm 2023, chủ yếu có sự đóng góp của “cho vay khách hàng” khi tăng trưởng năm mảng này đạt trên 23,6%. Mức tổng tài sản vượt số kế hoạch năm 2023 hơn 37.000 tỷ đồng, tương đương 16%. Tài sản sinh lời của ngân hàng chiếm gần 95% tổng tài sản, hỗ trợ cải thiện biên lãi thuần (NIM) của MSB và tỷ trọng này qua 5 năm đã thể hiện sự cải thiện chất lượng tài sản của ngân hàng theo đúng định hướng chiến lược.



Trong năm 2023, MSB đã gia tăng tỷ trọng Trái phiếu Chính phủ khi tăng gần 6.000 tỷ đồng trong rổ Chứng khoán đầu tư của ngân hàng. Đây là tài sản sinh lời có tính ổn định và tiềm năng đóng góp lợi nhuận tốt cho MSB. Mặt khác, khi Trái phiếu doanh nghiệp đang có những vấn đề bất cập trên thị trường nói chung thì MSB là một trong những ngân hàng có lượng trái phiếu này thấp nhất. Ngân hàng giảm hơn 1.000 tỷ trái phiếu doanh nghiệp trong năm 2023 và chỉ còn nắm giữ hơn 1.500 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm.

3.1.2. Tổng nợ và Vốn chủ sở hữu – Nguồn vốn



Cơ cấu nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của MSB giai đoạn 2019 – 2022 (ĐVT: tỷ đồng)

Nguồn vốn của MSB có sự đóng góp chủ yếu từ tiền gửi khách hàng, chiếm 50% tổng nguồn vốn và tăng trưởng 13% so với năm 2022. Trong hơn 132.000 tỷ đồng tiền gửi khách hàng, tiền gửi từ khách hàng cá nhân chiếm 57%, tăng 26% so với cùng kỳ năm trước. Gia tăng tỷ trọng đóng góp từ tệp khách hàng cá nhân là một trong những mục tiêu của MSB nhằm tạo tính “bền chắc” cho nguồn vốn huy động của ngân hàng.

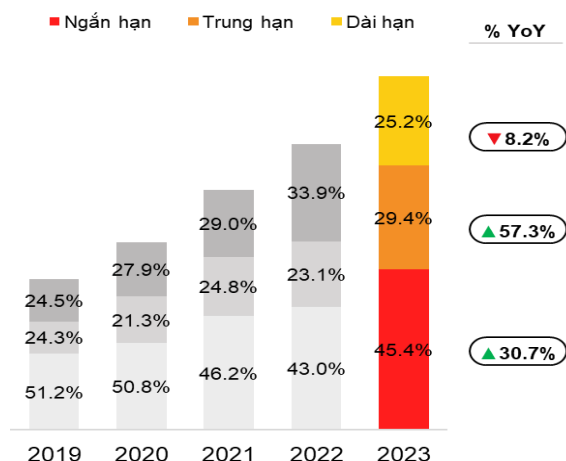
Năm 2023, MSB không thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông từ nguồn lợi nhuận tích lũy đến cuối năm 2022 theo kế hoạch được Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt. Nguồn vốn chủ sở hữu của ngân hàng đã tăng trưởng 17,4% so với cuối năm 2022 và được sử dụng hiệu quả cho các hoạt động kinh doanh nguồn vốn.

3.2. Cho vay khách hàng:

Năm 2023, MSB nằm trong danh sách các ngân hàng được cấp hạn mức tăng trưởng tín dụng theo tỷ lệ phần trăm nhiều nhất ngành. Theo dữ liệu hợp nhất sổ sách, tăng trưởng tín dụng tăng 22,27% so với năm 2022. Hạn mức này được Ngân hàng Nhà nước phê duyệt dựa trên các tiêu chí an toàn hoạt động, đảm bảo quản trị rủi ro và các khoản tín dụng được giải ngân theo đúng định hướng hỗ trợ của Chính phủ. Với khẩu vị rủi ro tương đối chặt chẽ, MSB áp dụng quy trình thẩm định cho vay khắt khe, phê duyệt tập trung và hệ thống kiểm soát sau cho vay hoạt động hiệu quả. Đây cũng là nhân tố hỗ trợ cho mức tăng trưởng tín dụng khá cao được cấp hàng năm của ngân hàng. Trong 5 năm gần đây, tăng trưởng kép hàng năm của MSB về tín dụng đạt tới 23,8%/năm.

Tổng cho vay khách hàng năm 2023 của MSB đạt 149.145 tỷ đồng, phân bổ cho tệp khách hàng cá nhân và SME gần 60%, tăng trưởng tương ứng 10% và 19% so với cùng kỳ năm trước. Với

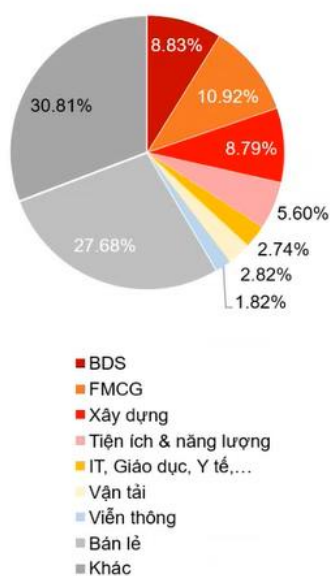
biến động lãi suất thị trường trong nước ảnh hưởng lớn từ xu thế tăng lãi suất của thị trường quốc tế trong gần 3 quý của năm 2023, nhu cầu vay vốn của khách hàng cũng bị ảnh hưởng do lo ngại với các kỳ hạn dài. Các khoản vay cho ngắn và trung hạn tăng lần lượt 30,7% và 57,3% so với cùng kỳ, chiếm đến gần 75% tổng cho vay khách hàng.



Phân bổ cho vay khách hàng theo kỳ hạn của MSB giai đoạn 2019-2023

Tỷ trọng cho vay khách hàng cá nhân chiếm 27,7% tổng danh mục cho vay của MSB, trong đó khoảng 50% là sản phẩm cho vay nhà đất, 15% sản phẩm cho vay tiêu dùng, hơn 11% cho vay ứng vốn từ tiền gửi kỳ hạn, gần 9% từ thẻ tín dụng...

Chi tiết dư nợ cho vay



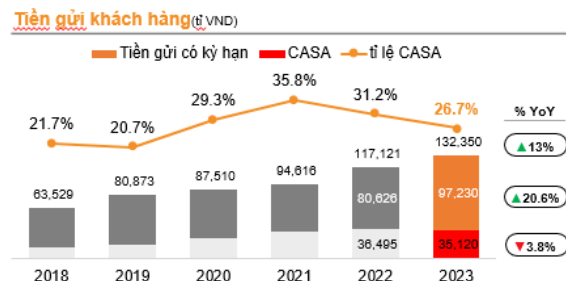
Phân bổ cho vay khách hàng theo danh mục tại MSB năm 2023 (ĐVT: %)

Trong tổng tín dụng cấp cho khách hàng doanh nghiệp, MSB hướng tới các doanh nghiệp trong ngành sản xuất, bất động sản và xây dựng, năng lượng và tiện ích. Mặc dù tỷ trọng cho vay bất động sản và xây dựng năm 2023 của MSB đã giảm so với 2022, mỗi ngành chỉ chiếm khoảng 8,8% tổng danh mục tín dụng của ngân hàng, nhưng MSB vẫn định hướng giảm tỷ trọng hai ngành này và đẩy mạnh tín dụng hỗ trợ sản xuất, xuất khẩu, giáo dục và các khách hàng có yếu tố “xanh”. Đến cuối năm 2023, tổng tín dụng xanh theo phân loại của MSB đạt gần 6.000 tỷ đồng, chiếm gần 4% tổng cho vay khách hàng và tăng trưởng hơn 7% so với năm 2022.

3.3. Tiền gửi khách hàng

Để đảm bảo hoạt động kinh doanh, tính thanh khoản và các yêu cầu về an toàn hoạt động, khi tín dụng ngân hàng tăng trưởng hơn 22% thì tiền gửi khách hàng tăng 13% trong năm 2023. Với biến động lãi suất và những chính sách điều phối tiền tệ của cơ quan quản lý, MSB đã có sự linh hoạt trong hoạt động quản lý nguồn vốn, kết hợp các hoạt động thị trường 1 và thị trường liên ngân hàng để đem lại hiệu quả hoạt động tốt nhất, đảm bảo mục tiêu kinh doanh và hướng tới kế hoạch cam kết với cổ đông.

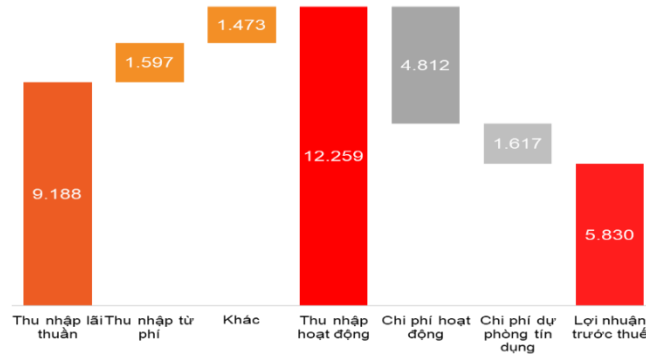
Xem xét cơ cấu tiền gửi theo kỳ hạn, với biến động tăng lãi suất tiền gửi theo xu thế thị trường thế giới, tỷ trọng tiền gửi có kỳ hạn đã tăng lên trong năm 2023. Cụ thể, tiền gửi có kỳ hạn chiếm hơn 73% tổng tiền gửi khách hàng so với 69% tại cuối năm 2022. Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn trên tổng tiền gửi có phần giảm sút so với cùng kỳ, tuy nhiên chỉ số này của MSB vẫn đứng thứ 4 thị trường ngân hàng khi đạt 26,54%, tương đương 35.120 tỷ tại 31/12/2023. Sự phân bổ nguồn vốn tiền gửi không kỳ hạn giữa các tệp khách hàng cá nhân, doanh nghiệp lớn và doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) có sự chuyển biến tích cực theo đúng định hướng chiến lược của MSB. Tỷ trọng CASA đến từ khách hàng cá nhân và SME đạt mức tăng trưởng 27,7% và 29,2% so với năm 2022. Sự biến động tích cực này có đóng góp hiệu quả từ các dự án số hóa và đẩy mạnh năng lực bán hàng mà MSB đã đầu tư trong những năm gần đây.



Tỷ lệ CASA/Tổng tiền gửi tại MSB giai đoạn 2018 – 2023 (ĐVT: %)

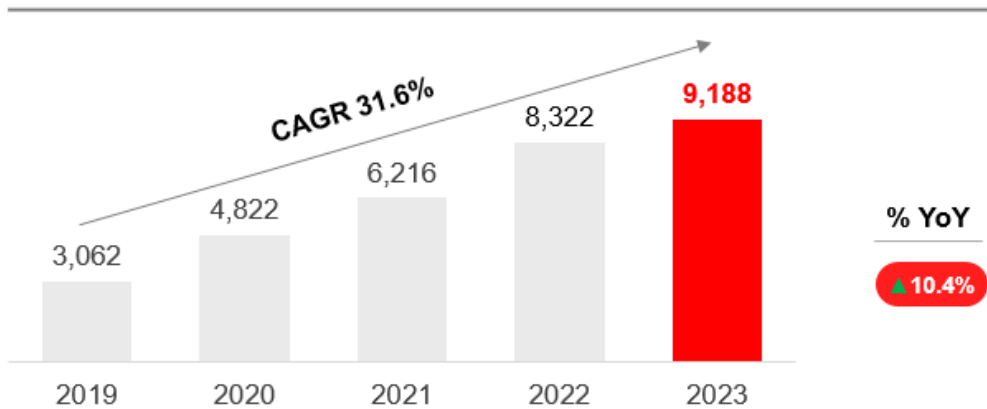
3.4. Tổng thu thuần hoạt động

Với mức tăng trưởng kép trong giai đoạn 2019 – 2023 khoảng 27%/năm, tổng thu thuần hoạt động (TOI) của MSB đã kết thúc giai đoạn 5 năm chiến lược ở mức 12.259 tỷ đồng, tăng trưởng 14,5% so với năm 2022. Mức tăng trưởng này thể hiện nỗ lực, phương thức kinh doanh mềm dẻo của MSB trong bối cảnh thị trường có nhiều trở ngại, khó khăn.

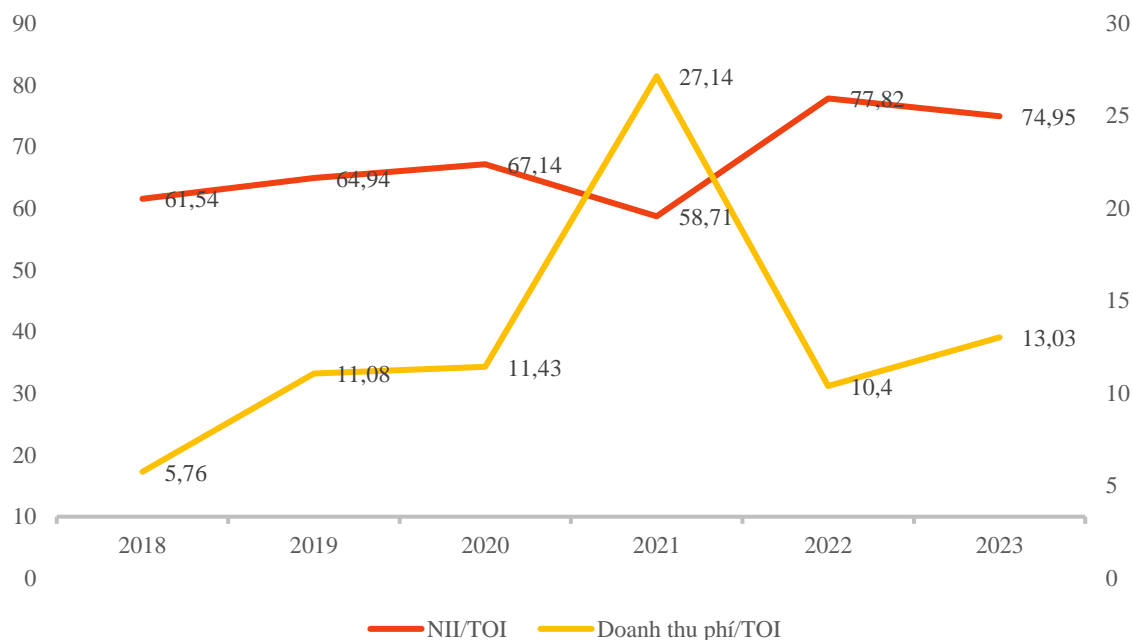


Cơ cấu thu nhập năm 2023 của MSB năm 2023 (ĐVT: tỷ đồng)

Thu nhập lãi thuần (NII) (tỷ VND)



Thu nhập lãi thuần của MSB giai đoạn 2019 – 2023 (ĐVT: tỷ đồng)

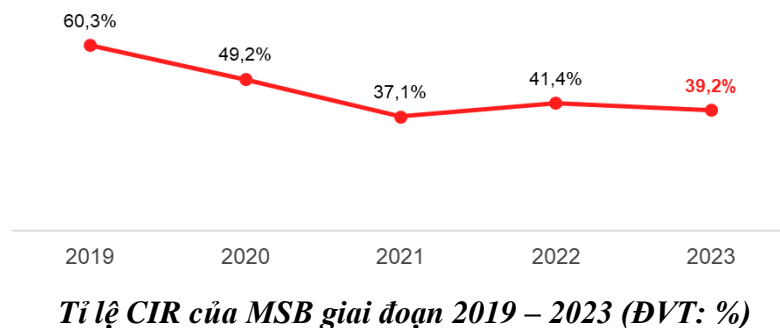


Tỷ trọng đóng góp vào Tổng thu thuần của MSB giai đoạn 2018 – 2023 (ĐVT: %)

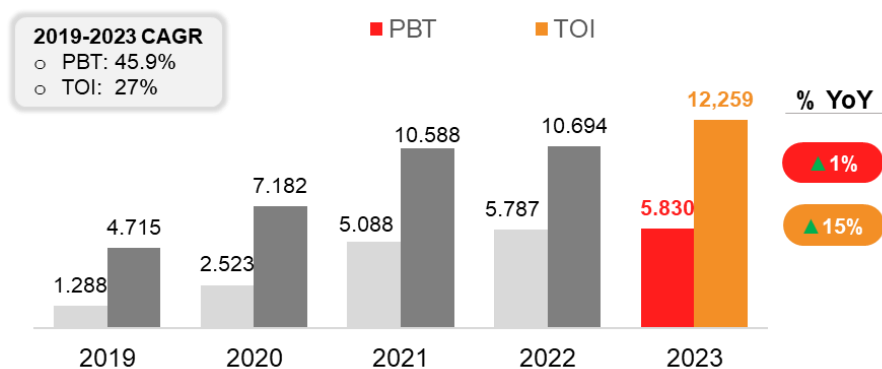
Chiếm tỷ trọng tới 75% TOI, thu nhập lãi thuần (NII) của ngân hàng có mức tăng trưởng năm đạt 10,4%. Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ đạt gần 1.600 tỷ, chiếm 13% TOI. Đặc biệt, lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối của ngân hàng đạt trên 1.072 tỷ đồng, đưa MSB chiếm vị thế cao trên thị trường trong hoạt động này. MSB cũng là một trong các nhà tạo lập hàng đầu trên thị trường liên ngân hàng. Các khoản doanh thu từ hoạt động kinh doanh Trái phiếu Chính phủ hay sản phẩm phái sinh trên thị trường 2 cũng là nguồn thu tốt đồng thời hỗ trợ thanh khoản cho ngân hàng. MSB có định hướng chiến lược về mô hình kinh doanh có thu nhập ngoài lãi đạt mốc 30% TOI. Trên cơ sở đó, các dịch vụ ngân hàng, sản phẩm mới, phương thức bán hàng chéo và gói sản phẩm để tăng doanh thu phí sẽ được ngân hàng tập trung phát triển.

3.5. Chi phí hoạt động

Chi phí hoạt động năm 2023 tăng 8,7% so với năm 2022, trong đó gần 60% là chi phí cho nhân viên (hơn 2.838 tỷ), tăng trưởng năm ở mức 7,2%. Với TOI tăng trưởng 15% và chi phí hoạt động tăng ít hơn, chỉ số chi phí trên doanh thu (CIR) của MSB giảm từ 41,4% năm 2022 về 39,2% năm 2023. Khi các dự án chiến lược, số hóa, đẩy mạnh năng lực bán hàng... của ngân hàng được hoàn chỉnh và áp dụng đồng bộ, MSB dự tính CIR sẽ được đưa về mức 30% và ổn định.



3.6. Lợi nhuận

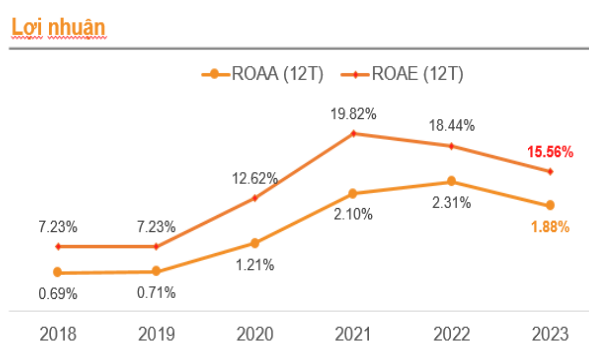


Tổng thu thuần (TOI) và lợi nhuận trước thuế (PBT) của MSB giai đoạn 2019 – 2023 (ĐVT: tỷ đồng)

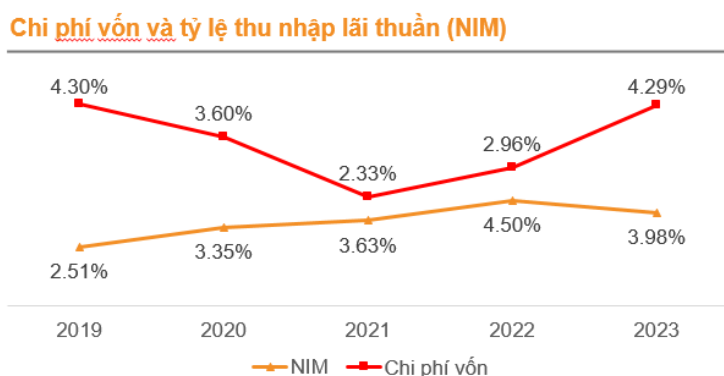
Cuối năm 2023, MSB ghi nhận lợi nhuận 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ 1% so với cuối năm 2022. Sau khi thực hiện các nghĩa vụ thuế với Nhà nước, MSB ghi nhận lợi nhuận sau thuế đạt 4.644 tỷ và lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu của ngân hàng đạt 2.322 VNĐ/cổ phiếu. ROAA và ROAE lần lượt đạt 1,88% và 15,56% tại cuối năm 2023, cũng chịu ảnh hưởng theo xu hướng thị trường.

Kể từ quý 4 năm 2022, xu thế lãi suất thế giới và trong nước gia tăng, lượng tiền gửi kỳ hạn tăng do ảnh hưởng xu thế này. Chi phí vốn của MSB cũng bị tác động bất lợi và tăng từ 2,96% năm 2022 lên 4,29% năm 2023. Kể từ quý III/2023, với yêu cầu và các biện pháp quyết liệt của Chính phủ nhằm hỗ trợ khách hàng, lãi suất cho vay giảm khi danh mục huy động vốn vẫn chịu lãi suất

cao. Do đó, biên lãi thuần (NIM) của ngành ngân hàng nói chung và MSB nói riêng đều bị giảm đáng kể so với năm 2022, chỉ đạt gần 4% tại cuối năm 2023 so với mức đỉnh 4,5% của năm 2022.



Hiệu quả sinh lời của MSB giai đoạn 2018 – 2023 (ĐVT: %)



Chi phí vốn và biên lãi thuần của MSB giai đoạn 2019 – 2023 (ĐVT: %)

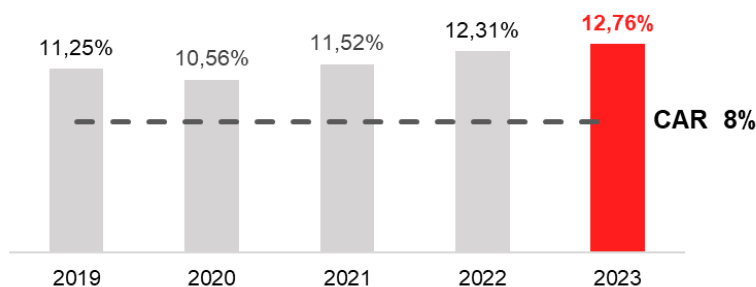
Bên cạnh đó, với rủi ro nợ xấu tăng mạnh khi các doanh nghiệp vẫn gặp nhiều khó khăn, hậu quả kéo dài từ các năm đại dịch kết hợp với biến động kinh tế, chính trị quốc tế, năng lực kinh doanh và sức khỏe tài chính của nhiều doanh nghiệp cũng như cá nhân bị ảnh hưởng mạnh. Để đảm bảo việc quản trị rủi ro, như nhiều ngân hàng khác, MSB gia tăng khoản mục trích lập dự phòng cuối năm 2023 và do đó, tác động đáng kể tới lợi nhuận trước thuế của ngân hàng.

3.7. Các chỉ số an toàn vốn và thanh khoản

Biến động thị trường quốc tế và trong nước năm 2023 đặt ra yêu cầu cấp thiết với các tổ chức tín dụng trong công tác nâng cao tiêu chuẩn an toàn hoạt động. MSB là một trong 10 ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước lựa chọn để triển khai Basel II theo Thông tư số 41 và đến năm 2020, ngân hàng đã hoàn thành tất cả 3 trụ cột của Basel II trước thời hạn yêu cầu 01 năm. Tiếp nối hành trình này, tháng 05/2021, MSB đã hoàn thành việc áp dụng phương pháp dựa trên xếp hạng nội bộ của Basel II trong quản lý rủi ro tín dụng; triển khai Khung công cụ Basel III trong quản lý rủi ro hoạt

động, thị trường và thanh khoản. Năm 2023, MSB tiếp tục xây dựng các tiêu chuẩn cao cấp của Basel III và nghiên cứu áp dụng Basel IV. Các công cụ quản trị rủi ro kết hợp theo các sản phẩm số hóa liên tục được triển khai và hoàn thiện, các chỉ số an toàn vốn và thanh khoản được củng cố. Kết thúc năm 2023, MSB có tỷ lệ an toàn vốn (CAR) hợp nhất tính theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN đạt 12,76%, cao hơn mức 8% theo yêu cầu. Các chỉ số về thanh khoản như chỉ số Tổng nợ/Tổng huy động (LDR) và hệ số nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn (MTLT) lần lượt đạt 67,55% và 24,87%, đảm bảo mức tốt so với yêu cầu của Cơ quan quản lý.

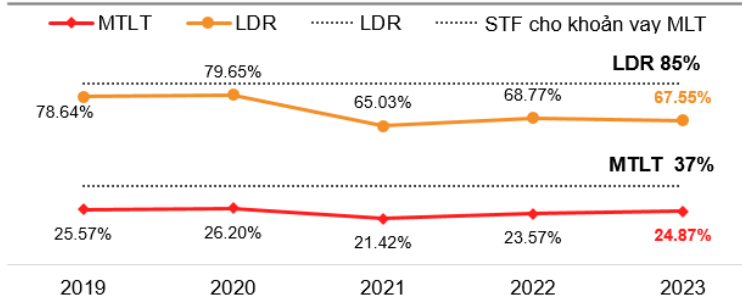
Nợ xấu (NPL) của mảng ngân hàng tính theo Thông tư 11/2021/TT-NHNN tại 31/12/2023 ở mức 1,94%, có gia tăng so với cuối năm 2022; tỷ lệ này theo dữ liệu hợp nhất là 2%. Tỷ lệ NPL có ảnh hưởng khá nhiều từ tác động phân loại nợ, phân loại khách hàng từ hệ thống thông tin tín dụng quốc gia của Việt Nam (CIC). Các khoản nợ tái cơ cấu theo các Thông tư 01/2020/TT-NHNN và 02/2023/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước tại MSB có số dư lần lượt là 0 đồng và 605 tỷ đồng tại 31/12/2023. Ngân hàng luôn tăng cường đầu tư cho công tác thu hồi nợ, công cụ cảnh báo sớm sau giải ngân và các biện pháp quản trị rủi ro tự động, số hóa được đẩy mạnh nhằm đảm bảo mục tiêu về quản lý nợ xấu. Để đảm bảo việc quản trị rủi ro, MSB cũng như các ngân hàng khác đều phải gia tăng khoản mục trích lập dự phòng tín dụng. Dự phòng cho vay tại cuối năm 2023 ghi nhận 2.363 tỷ, tăng 65% so với năm 2022.



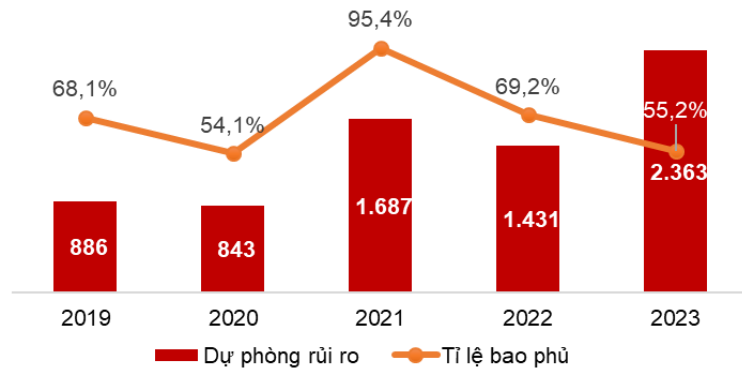
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)³ của MSB giai đoạn 2019 – 2023 (ĐVT: %)

³ Năm 2017-2018 áp dụng theo Thông tư 36/2014/TT-NHH, từ năm 2019 áp dụng theo Thông tư 41/2016/TT-NHNN (Chỉ số CAR năm 2019 áp dụng theo Thông tư 36 là 10,25%)

LDR¹ và Vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn (MTLT)

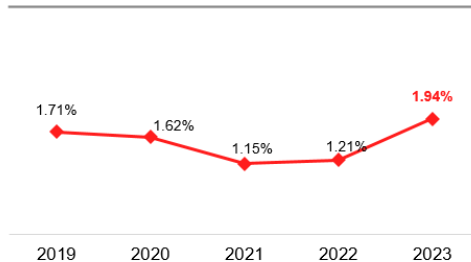


Tỉ lệ cho vay trên tiền gửi (LDR) và tỉ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn (MTLT) của MSB giai đoạn 2019 – 2023⁴ (ĐVT: %)



Dự phòng tổn thất cho vay của MSB giai đoạn 2019-2023 (ĐVT: tỷ VND)

Nợ xấu (NPL)³



Note:

- (1): Tỷ lệ tín dụng trên tổng vốn huy động của ngân hàng mẹ, được tính theo TT số 02/2013/TT-NHNN.
- (2): Từ năm 2017 đến 2018, áp dụng theo TT 36/2014/TT-NHNN, từ năm 2019 trở đi, áp dụng theo TT 41/2016/TT-NHNN. (Tỷ lệ an toàn vốn năm 2019 theo TT 36 là 10.25%)
- (3): Nợ xấu của ngân hàng mẹ, được tính theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN cho giai đoạn 2017-2020 và Thông tư số 11/2021/TT-NHNN cho năm 2021.

Tỷ lệ nợ xấu MSB giai đoạn 2019 – 2023 (ĐVT: %)

Tổ chức xếp hạng tín nhiệm của Moody’s cũng đã phát hành báo cáo xếp hạng cùng các thông cáo báo chí đánh giá hoạt động kinh doanh và đặc biệt là công tác quản trị rủi ro của MSB trong năm 2023. Theo báo cáo xếp hạng tín nhiệm cập nhật ngày 27/10/2023, MSB được Moody’s nhận định

⁴ Tỷ lệ LDR, Milt riêng lẻ, áp dụng theo Thông tư 02/2012/TT-NHNN;

có triển vọng ổn định. Các xếp hạng về tiền gửi và nhà phát hành được đánh giá B1, cụ thể như bảng dưới đây:

Xếp hạng cập nhật ngày 27/10/2023	
Triển vọng	Ổn định
Xếp hạng rủi ro đối tác (Counterparty Risk Rating)	Ba3
Tiền gửi ngân hàng (Bank Deposits)	B1
Đánh giá tín dụng cơ sở (Baseline Credit Assessment)	b2
Đánh giá tín dụng cơ sở điều chỉnh (Adjusted Baseline Credit Assessment)	b2
Đánh giá rủi ro đối tác (Counterparty Risk Assessment)	Ba3(cr)
Xếp hạng nhà phát hành (Issuer Rating)	B1

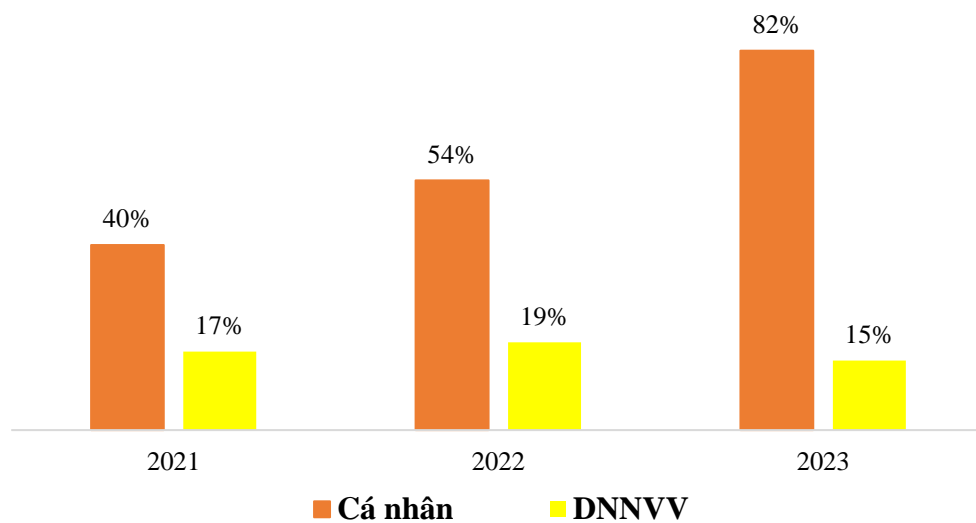
4. Tình hình hoạt động của các mảng kinh doanh cốt lõi

4.1. Hoạt động kinh doanh phục vụ khách hàng cá nhân



Năm 2023 trong bối cảnh khó khăn chung của thị trường, mảng bán lẻ MSB vẫn tăng trưởng doanh thu trên 20% so với năm 2022. Tổng khách hàng mới tăng trưởng trên 1,3 triệu, tổng huy động tăng trưởng hơn 25% trong đó tỷ trọng tiền gửi không kỳ hạn chiếm xấp xỉ 20% tổng huy động của mảng bán lẻ. Tổng huy động vốn của khách hàng năm 2023 chủ yếu là đến từ nhóm khách hàng có thu nhập từ lương.

Cũng trong năm 2023, hoạt động chuyển đổi số tại Ngân hàng Bán lẻ ghi nhận nhiều kết quả tích cực khi hơn 72% khách hàng mới bắt đầu sử dụng dịch vụ trên kênh số, 92% thẻ tín dụng và 84% các khoản vay thế chấp đã được mở trên các kênh kỹ thuật số. Bên cạnh việc số hoá tạo tiện ích cho khách hàng, số hoá trong hoạt động vận hành và quản lý kênh bán cũng được đầu tư và triển khai đồng bộ với hơn 3.000 cán bộ bán hàng được cung cấp ứng dụng trên thiết bị phục vụ cho việc quản lý hoạt động bán hàng hàng ngày, từ đó, nâng cao hiệu suất của đội ngũ bán và chất lượng dịch vụ tại Ngân hàng Bán lẻ.



Tỷ lệ khách hàng mới từ kênh ngân hàng số

Những sản phẩm - dịch vụ nổi bật của Ngân hàng Bán lẻ

- **Các giải pháp số kênh bán hàng số liên tục được ra mắt:**

▸ **M-Biz online:** Giải pháp cấp combo tín chấp online (vay tín chấp, thấu chi, thẻ tín dụng) cho khách hàng phân khúc kinh doanh (chủ doanh nghiệp, chủ hộ kinh doanh, doanh nghiệp siêu nhỏ) lên tới 1,5 tỷ VNĐ và duyệt nhanh trong 3 ngày làm việc. M-Biz mang đến tiện ích vượt trội với hạn mức tín dụng chạm tới nhu cầu khách hàng và quy trình tra cứu hạn mức dự kiến, đăng

ký, cung cấp hồ sơ chứng từ 100% online; quá trình phê duyệt & giải ngân được số hóa, tự động hoá giúp gia tăng trải nghiệm khách hàng.

▸ **Vay kinh doanh thế chấp online:** giải pháp giúp cho các chủ doanh nghiệp, chủ hộ kinh doanh có thể đăng ký khoản vay và cung cấp hồ sơ chứng từ 100% online.

▸ **M-Careyou:** là sản phẩm bảo hiểm số hóa đầu tiên giữa Bảo hiểm Bảo Việt và MSB, đánh dấu mối quan hệ hợp tác chiến lược ngày càng bền chặt và cam kết của 2 bên trong lĩnh vực số hóa các sản phẩm bảo hiểm. Đây là sản phẩm bảo hiểm chăm sóc sức khỏe toàn diện được cung cấp bởi Bảo hiểm Bảo Việt trên nền tảng công nghệ do MSB phát triển, giúp khách hàng tìm hiểu thông tin, hoàn tất việc đăng ký nhanh chóng mà không cần mất thời gian để hoàn thiện các thủ tục giấy tờ phức tạp. Trong trường hợp khách hàng nộp hồ sơ bồi thường online, thủ tục phê duyệt giải quyết quyền lợi bảo hiểm sẽ được MSB và Bảo hiểm Bảo Việt cam kết trong thời gian tối đa 15 ngày.

▸ **M-Merchant:** giúp khách hàng thuận tiện quản lý doanh thu và kiểm soát thanh toán của từng cửa hàng/doanh nghiệp mình quản lý, tiết kiệm nguồn lực thời gian cũng như nhân sự trong việc quản lý tiền mặt. Chủ cửa hàng/doanh nghiệp cũng có thể tạo tài khoản người dùng cho nhân viên để kiểm soát thông tin thanh toán của khách hàng mà không cần phải chụp lại màn hình thanh toán hay xác nhận thanh toán từ chủ cửa hàng/doanh nghiệp.

Thuộc M-Merchant, QR 1 chạm là giải pháp thanh toán kết hợp quản trị doanh thu cho chủ hộ kinh doanh và chủ doanh nghiệp. Với giải pháp này, nhân viên ngân hàng có thể tạo trước mã QR khi đi gặp khách hàng. Chủ cửa hàng/doanh nghiệp được tặng mã QR sẽ chủ động thực hiện gắn mã QR với tài khoản thanh toán mở tại MSB thông qua thao tác 100% online từ khâu đăng ký mở tài khoản (nếu chưa có tài khoản MSB) đến tạo tài khoản quản lý giao dịch trên trang <https://msbpay.msb.com.vn>.

▸ **Quầy giao dịch tự động M.Digi Bank:** ngoài chức năng như một máy ATM thông thường, khách giao dịch tại M.Digi Bank có thể nộp tiền mặt trực tiếp vào tài khoản ngân hàng tại máy giao dịch thông minh (STM - Smart Teller Machine), đồng thời tương tác với thiết bị như đang giao dịch thực tế với nhân viên ngân hàng, rút tiền mặt không cần thẻ vật lý.

- **Các giải pháp mới được thiết kế theo chiều phân khúc khách hàng:**

▸ **MSB Mastercard World Elite:** thẻ đen dành cho giới thượng lưu mang đến trải nghiệm sang trọng và độc quyền cho khách hàng cao cấp như miễn 100% phí giao dịch ngoại tệ, miễn phí hơn 1.200 phòng chờ sân bay đẳng cấp, tiện nghi trên toàn thế giới trong suốt vòng đời thẻ, cùng 10 lượt phòng chờ/năm cho người đi cùng. Khách hàng cũng nhận lợi ích hoàn tiền 10%, tới 36 triệu/năm cho trải nghiệm du lịch, dịch vụ, ẩm thực đẳng cấp tại khách sạn 5*, mua sắm quà tặng cao cấp trên toàn cầu. MSB còn mang đến đặc quyền trợ lý cá nhân cao cấp là Giám đốc quan hệ khách hàng ưu tiên, hỗ trợ mọi nhu cầu của khách hàng 24/7.

▸ **Các tính năng trên mobile app mới:**

- ✓ **Đăng ký tài khoản M-Nick. tài khoản phong thủy số đẹp:** giúp cho khách hàng có thể sở hữu tài khoản theo nickname cá tính, tài khoản tứ quý, tam hoa.
- ✓ **Tính năng chia sẻ biến động số dư:** tính năng chia sẻ biến động số dư và lịch sử giao dịch dành riêng cho khách là chủ cửa hàng, hỗ trợ quản lý doanh thu từ xa mà vẫn bảo mật số dư tài khoản. Qua các tính năng này, nhân viên hoặc quản lý có thể thuận tiện đối chiếu, kiểm soát tình trạng giao dịch, tránh các giao dịch giả mạo, tiết kiệm chi phí SMS thông báo số dư hàng tháng.
- ✓ **Tự động tách hạn mức giao dịch 24/7:** giúp cho khách hàng chuyển khoản hạn mức lớn chỉ trong 1 thao tác, không cần chuyển nhiều lần.

Về giải thưởng, Mastercard vinh danh MSB là:

- Đơn vị đầu tiên trên thị trường ra mắt dòng thẻ tín dụng MSB Mastercard World Elite. Sự kiện đánh dấu bước ngoặt mới trên hành trình thấu hiểu khách hàng thượng lưu, từ đó tạo động lực cho MSB tiếp tục xây dựng nên những dịch vụ xứng tầm.
- Đơn vị tăng trưởng doanh số giao dịch thẻ nhanh nhất.

Dự báo các quý đầu năm 2024 còn nhiều thách thức, tuy nhiên, từ những kết quả đạt được năm 2023, mảng hoạt động phục vụ khách hàng cá nhân hướng đến mục tiêu thách thức hơn như tăng trưởng huy động 30%, tăng trưởng cho vay trên 25% và lợi nhuận trước trích lập dự phòng tăng 32% so với năm 2023. Cũng trong năm mới, mảng bán lẻ MSB kỳ vọng tăng trưởng 715.000 khách hàng, song song chú trọng việc phát triển chất lượng. Doanh thu 2024 dự kiến tăng 15% so với năm 2023.

Để đạt được được các mục tiêu trên, mảng hoạt động phục vụ khách hàng cá nhân sẽ tổ chức triển khai trên các trụ cột:

- **Về thiết kế giải pháp cho khách hàng hướng tới:**
 - Giải pháp được thiết kế khác biệt theo các định vị phân khúc rõ ràng, tập trung vào phân khúc khá giả với hai chân dung là người có thu nhập từ lương và thu nhập từ kinh doanh.
 - Mô hình dịch vụ được thiết kế theo hành trình khách hàng nhằm đảm bảo quản lý trải nghiệm khách hàng xuyên suốt.
 - Số hoá được kỳ vọng tiếp tục tạo sự khác biệt cho sản phẩm dịch vụ tại MSB, trong đó tập trung tinh giản hành trình trải nghiệm khách hàng, giảm chi phí vận hành và tạo sự khác biệt về sản phẩm dịch vụ từ đó tạo lợi thế cạnh tranh.
 - Nghiên cứu và triển khai các sản phẩm mang tính định hướng khách hàng tiêu dùng thân thiện với môi trường, hỗ trợ công tác xã hội phù hợp với chiến lược phát triển bền vững của MSB
 - Đẩy mạnh khả năng tiếp cận các tệp khách hàng mới với mục tiêu thực hiện Tài chính toàn diện.
- **Về tổ chức hoạt động bán hàng hướng tới:**

▸ Mở rộng hoạt động kinh doanh trên kênh số nhằm tăng trưởng nhanh chóng sự đóng góp của kênh số vào hoạt động kinh doanh.

▸ Tối ưu hoá hiệu suất kênh bán thông qua việc cung cấp các công cụ số hoá, từ đó giảm thời gian vận hành, gia tăng các cơ hội bán và khả năng tối ưu hoá danh mục khách hàng hiện hữu.

▸ Đầu tư cho hoạt động tiếp thị trên kênh số, phát triển và ứng dụng phân tích nâng cao, giúp cải thiện cơ hội bán đầu vào và hiệu suất chuyển đổi của kênh bán.

- **Về tổ chức và con người**

▸ Năm 2024, mảng kinh doanh phục vụ khách hàng cá nhân sẽ hướng đến việc xây dựng đội ngũ nhân sự hạnh phúc thông qua phát huy vai trò của các quản lý cấp trung tại kênh bán; thúc đẩy hoạt động đào tạo nâng cao năng lực. Đơn vị cũng tích cực triển khai tinh thần lãnh đạo phục vụ: lãnh đạo làm gương, lắng nghe tuyến đầu; xây dựng chương trình đào tạo đội ngũ kế cận đối với các giám đốc chi nhánh, xây dựng chương trình đào tạo dựa trên hình thức mới. Từ đội ngũ nhân sự hạnh phúc, MSB cam kết mang đến trải nghiệm thuận ích, đơn giản và tối ưu cho khách hàng với mọi giao dịch, nhằm tăng tính kết nối trọn đời với sản phẩm - dịch vụ MSB.

4.2. Hoạt động kinh doanh phục vụ khách hàng doanh nghiệp



Kinh tế Thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng năm 2023 đều chịu ảnh hưởng sâu sắc bởi chiến tranh, khủng hoảng năng lượng, cơ chế thắt chặt tiền tệ... Nhóm Doanh nghiệp phải đối mặt với một năm đầy khó khăn, thách thức với việc tổng cầu suy giảm, thị trường tài chính diễn biến khó lường. Ngành ngân hàng cũng chịu tác động lớn và đòi hỏi chiến lược linh hoạt để thích ứng. Mảng hoạt động phục vụ khách hàng doanh nghiệp, trong vai trò là trụ cột trong hoạt động kinh doanh của MSB, đã ghi nhận sự tăng trưởng tương đối ổn định, cụ thể:

- Cho vay khách hàng doanh nghiệp tăng gần 30% so với năm 2022.
- Tiền gửi CASA từ tệp khách hàng doanh nghiệp có sự tăng trưởng tốt từ mảng SME, đúng theo chiến lược của MSB, tăng trưởng 29,2% so với năm 2022.
- Tín dụng xanh chiếm khoảng 4% tổng danh mục cho vay của ngân hàng, tăng trưởng 7% so với năm 2022.

Bên cạnh đó, để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của nhóm doanh nghiệp quy mô lớn, trong cơ cấu tổ chức của MSB có Khối Khách hàng Chiến lược với nhiệm vụ phát triển nhóm các Tập đoàn, Tổng Công ty nhà nước và các khách hàng chiến lược lớn theo định hướng của ngân hàng trên tất cả các mảng tín dụng, phi tín dụng. Khối Khách hàng Chiến lược đồng thời là đầu mối triển khai các chuỗi khách hàng đến Ngân hàng Bán lẻ và Ngân hàng Doanh nghiệp. Tính đến ngày 31/12/2023, danh mục khách hàng chiến lược của MSB là gần 300 khách hàng, doanh thu và lợi nhuận mảng tăng lần lượt 32% và 45% so với cùng kỳ năm 2022. Tỷ trọng doanh thu từ phí chiếm gần 30% tổng doanh thu; trong đó riêng hoạt động kinh doanh ngoại tệ mang lại lợi nhuận tăng trưởng 28% so với năm 2022.

Những sản phẩm - dịch vụ nổi bật dành cho khách hàng Doanh nghiệp:

Với định hướng chung về việc đưa chuyển đổi số trở thành động lực thúc đẩy việc chuyển dịch cách thức vận hành và kinh doanh, mảng kinh doanh phục vụ khách hàng doanh nghiệp đã tiếp tục tập trung nghiên cứu, nâng cấp và phát triển các sản phẩm số, nhằm mang đến khách hàng trải nghiệm mới mẻ, góp phần gỡ nút thắt về chi phí cũng như tài sản bảo đảm trong việc vay vốn. Sản phẩm, dịch vụ tiêu biểu có thể kể tới như:

- **Giải pháp Tài khoản M-Smart:** giải pháp tài khoản với tính năng thanh toán đa dạng cùng nhiều ưu đãi miễn/hoàn phí giao dịch, giúp doanh nghiệp tối ưu chi phí, tiết kiệm thời gian và nguồn lực. M-Smart đã được MSB triển khai trong 02 năm và chứng minh được hiệu quả tích cực đối với các khách hàng, giúp gia tăng gắn kết với ngân hàng thông qua những lợi ích thiết thực.
- **Gói giải pháp tín chấp M-Power:** giải pháp cấp hạn mức tín chấp online đến 15 tỷ đồng và duyệt siêu tốc trong 3 ngày làm việc. M-Power mang đến tiện ích vượt trội khi quy trình thực hiện 100% online từ xây dựng phương án kinh doanh, nộp hồ sơ, theo dõi tình trạng xử lý, phê duyệt.

- **Gói giải pháp tín dụng toàn diện M-Supreme:** giải pháp tín dụng toàn diện trực tuyến với giá trị lên tới 200 tỷ đồng và 280% giá trị tài sản đảm bảo, đa dạng hình thức cho vay nhằm đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp.
- **Giải pháp số hóa chuyên biệt cho các khách hàng doanh nghiệp từ hệ sinh thái & chuỗi giá trị (supply chain)** thông qua mở rộng hợp tác công nghệ với các công ty Fintech, các nền tảng B2B. Năm 2023, MSB đã triển khai hợp tác toàn diện với các đối tác lớn như: Công ty cổ phần MISA, Công ty TNHH Solv Việt Nam.
- **Hành trình tín dụng được số hóa:**
 - **Giải ngân online:** chuyển đổi 80% khách hàng và 81% giao dịch giải ngân VNĐ lên kênh Ngân hàng điện tử, sử dụng chữ ký số, cho phép khách hàng không cần đến quầy, không cần hoàn chứng từ giấy. Năm 2023, Ngân hàng doanh nghiệp đã bổ sung và thí điểm thành công việc triển khai 5 luồng kết hợp: giải ngân, mua bán ngoại tệ, thanh toán trong/ngoài nước, thanh toán LC/NT.
 - **LC/Bảo lãnh online:** cho phép khách hàng làm đề nghị phát hành trên Ngân hàng điện tử đơn giản và thuận tiện.
 - **Số hóa luồng hồ sơ tái cấp:** áp dụng luồng tối giản với khách hàng doanh nghiệp chỉ sử dụng thẻ và dấu chỉ.
- **Chương trình tín dụng cho Khách hàng doanh nghiệp, doanh nghiệp vừa và nhỏ** (quy mô doanh thu từ 20 tỷ đồng tới 1.000 tỷ đồng) với cấu trúc tài trợ linh hoạt, cho phép tài trợ ngắn hạn không tài sản bảo đảm, giá trị tối đa lên tới 200 tỷ đồng; trong đó cho vay tối đa 100 tỷ đồng và/hoặc tài trợ ngắn hạn lên tới 280% giá trị tài sản bảo đảm.

Mảng kinh doanh phục vụ khách hàng doanh nghiệp cũng xây dựng và triển khai nhiều chính sách riêng phù hợp với đặc thù của nhiều nhóm khách hàng trong nhiều lĩnh vực với tính năng nổi trội nhằm đồng hành hiệu quả cùng khách hàng vượt qua khó khăn, phát triển bền vững:

- **Giải pháp Tài trợ xuất khẩu:** MSB tài trợ vốn cho doanh nghiệp thực hiện đơn hàng xuất khẩu, giải ngân ngay từ thời điểm thời điểm ký hợp đồng/đơn hàng hoặc nhận được L/C (Letter of Credit – thư tín dụng) xuất khẩu. Tỷ lệ tài trợ tối đa lên tới 90% giá trị thanh toán còn lại của L/C.
- **Giải pháp cho Khách hàng doanh nghiệp sản xuất phụ trợ - M•360:** giải pháp tài chính linh hoạt cho doanh nghiệp sản xuất phụ trợ (thuộc các ngành dệt may, da giày, sản phẩm từ gỗ và lâm sản, cấu kiện, linh kiện, phụ tùng, động cơ, công cụ dụng cụ, bao bì, in ấn), đáp ứng 100% nhu cầu tín dụng theo kế hoạch sản xuất kinh doanh. MSB tài trợ không tài sản bảo đảm dựa trên hợp đồng/đơn hàng đã ký kết hoặc dự kiến ký kết, linh hoạt giải ngân và thu nợ theo từng phương án hoặc theo tổng thể dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.
- **Gói giải pháp FMCG (Ngành hàng tiêu dùng nhanh):** cấp hạn mức tín chấp dự phòng mùa vụ cao điểm lên tới 10 tỷ đồng.

- **Giải pháp chuyên biệt cho doanh nghiệp thương mại ngành hàng tiêu dùng lâu bền (điện tử - điện lạnh, đồ gia dụng, văn phòng phẩm):** đa dạng hình thức tài trợ, đáp ứng theo mùa kinh doanh.
- **Gói giải pháp ngành dược, y tế:** tài trợ vốn trên phương án kinh doanh đầu ra, ngay cả khi chưa có thông báo trúng thầu hoặc chưa ký hợp đồng đầu ra.

Bên cạnh đó, mảng kinh doanh phục vụ khách hàng doanh nghiệp cũng phát triển giải pháp nhằm mang lại tiện ích tối đa dựa trên am hiểu thực tế kinh doanh, hỗ trợ khách hàng trong việc tối ưu dòng tiền, giảm thiểu vận hành như:

- **Dịch vụ thu chi hộ dòng tiền cho khách hàng doanh nghiệp:** gắn liền với xu hướng kết nối hệ thống công nghệ - số hóa hành trình. MSB hợp tác, kết nối, trở thành đối tác chính của nhiều doanh nghiệp hoạt động trong nhiều lĩnh vực giao dịch hàng hóa, tài chính, được phẩm....
- **Thấu chi trên Tài khoản thanh toán:** giải pháp tiện ích giúp doanh nghiệp chủ động rút vốn trên tài khoản thanh toán, linh hoạt trong hoạt động sản xuất kinh doanh. MSB cấp hạn mức thấu chi không tài sản bảo đảm tối đa lên đến 5 tỷ đồng, ngoài ra tặng thêm hạn mức thẻ tín dụng và thấu chi lên đến 700 triệu đồng đối với doanh nghiệp gắn bó và có lịch sử giao dịch uy tín.

Trong năm 2024, MSB nói chung và mảng kinh doanh phục vụ khách hàng Doanh nghiệp nói riêng định hướng tiếp tục đẩy mạnh vai trò của số hóa trong chiến lược kinh doanh tổng thể, cụ thể:

- **Số hóa hành trình sản phẩm cung cấp sản phẩm, dịch vụ khách hàng**
 - Trở thành ngân hàng đầu tiên cung cấp giải pháp tín dụng số hóa hoàn toàn (end to end) cho khách hàng (áp dụng với tất cả các bước từ đăng ký khoản vay, ký kết hợp đồng, giải ngân), đem lại trải nghiệm số hóa khác biệt và vượt trội.
 - Ra mắt gói sản phẩm tín chấp vượt trội quickloan, đưa ra kết quả phê duyệt cho khách hàng trong vòng 4 giờ dựa trên ứng dụng mô hình chấm điểm và ra quyết định (decision engine) tự động 100%.
 - Triển khai các giải pháp tín dụng số hóa tích hợp với các đối tác Fintech như: Bizzi, Fast, Fis, từ đó tạo nguồn khách hàng doanh nghiệp chủ động và chất lượng.
 - Phát triển các giải pháp số trên nền tảng tài trợ chuỗi chuyên biệt (supply chain financing platform): tài trợ nhà phân phối, bao thanh toán, tài trợ trước giao hàng...
 - Triển khai hoàn thiện các sản phẩm trên kênh số: cam kết tín dụng, tu chính, giải tỏa bảo lãnh; hoàn thiện luồng L/C nháp, tu chính L/C.
 - Số hóa việc cấp hạn mức thấu chi, phát hành thẻ tín dụng online trên các kênh số ngân hàng điện tử (internet banking, mobile banking).
 - Triển khai số hóa thu nợ trên ngân hàng điện tử (internet banking).

- Triển khai hoàn thiện giải pháp tài khoản ảo (virtual account): đăng ký trực tuyến, quản lý đối tác (merchant) trên ngân hàng điện tử (internet banking).
 - Tiếp tục đẩy mạnh phát các giải pháp số hóa quản lý dòng tiền, ứng dụng công nghệ trong việc thu chi hộ không dùng tiền mặt cho các khách hàng doanh nghiệp tại MSB.
- **Tiếp tục chiến lược kinh doanh theo ngành, lĩnh vực trọng tâm; phát triển các giải pháp chuyên biệt trên cơ sở am hiểu khách hàng, tập trung vào:**
 - Cải tiến các chương trình tín dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ, xây dựng các chính sách riêng biệt cho khách hàng quy mô vừa, lớn với cấu trúc phù hợp theo phương thức kinh doanh và nhu cầu của khách hàng trong bối cảnh kinh doanh có nhiều thay đổi, áp lực cạnh tranh gia tăng.
 - Tiếp tục triển khai và cải tiến các giải pháp chuyên biệt cho các ngành/lĩnh vực: sản xuất phụ trợ, thương mại hàng tiêu dùng nhanh, hàng tiêu dùng lâu bền, xây lắp, dược y tế...; triển khai xây dựng và đóng gói giải pháp chuyên biệt cho các doanh nghiệp hoạt động trong các ngành/lĩnh vực: dịch vụ; sản xuất kinh doanh thiết bị điện, viễn thông, phần mềm; nông lâm sản, thủy hải sản, hóa chất, xây dựng công nghiệp, vật liệu xây dựng; kinh doanh phương tiện vận tải.
 - Xây dựng giải pháp tài trợ trung dài hạn nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu vốn cho hoạt động đầu tư phục vụ sản xuất kinh doanh của khách hàng.
 - Tiếp tục mục tiêu tăng trưởng số lượng khách hàng phi tín dụng, thực hiện đóng gói các giải pháp, gia tăng ưu đãi và giá trị trong Gói tài khoản đa tiện ích thông qua việc hợp tác chiến lược, xây dựng hệ sinh thái cung cấp gói dịch vụ cho khách hàng.
 - Tiếp tục phát triển các giải pháp tài trợ dựa trên dòng tiền, hợp đồng đầu theo hướng linh hoạt, đáp ứng tối đa nhu cầu về vốn và đảm bảo tối ưu hóa dòng tiền cho doanh nghiệp.
- **Tiếp tục phát triển theo định hướng phát triển bền vững của Ngân hàng, triển khai các gói giải pháp tín dụng xanh, đẩy mạnh mở rộng tệp khách hàng SME theo đúng chiến lược kinh doanh của MSB** đồng thời ưu tiên các tiêu chí phát triển bền vững trong quá trình hợp tác, xây dựng sản phẩm tín dụng gắn với tiêu chí phát triển bền vững với lãi suất ưu đãi để đồng hành cùng khách hàng trong quá trình chuyển đổi xanh của đất nước.
- Riêng mảng khách hàng chiến lược, trong năm 2024, **Khôi Khách hàng Chiến lược sẽ tiếp tục bám sát và mở rộng tệp khách hàng theo định hướng, đồng thời đẩy mạnh chuỗi khách hàng** có tiềm năng mang lại lợi nhuận tốt cho MSB; đồng thời, tăng doanh thu từ phí để tiến tới mục tiêu thu thuần ngoài lãi chiếm 35% tổng thu thuần vào năm 2028.

4.3. Hoạt động liên ngân hàng- Ngân hàng định chế tài chính

Trong số các tổ chức tín dụng Việt Nam, MSB được biết đến là ngân hàng có cấu trúc đặc biệt “ngân hàng trong ngân hàng” (bank-in-bank) với 4 ngân hàng con, hoạt động độc lập như một ngân hàng và cùng tối ưu doanh thu, lợi nhuận trong hệ thống, bao gồm: Ngân hàng Doanh nghiệp, Ngân hàng Bán lẻ, Ngân hàng Quản lý tín dụng và Ngân hàng định chế tài chính (FI).

Ngân hàng Định chế Tài chính (FI) của MSB có nhiệm vụ quản lý và phát triển kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ ngân hàng chuyên biệt với các định chế tài chính, tổ chức tài chính công, công ty quản lý Quỹ, công ty Bảo hiểm, công ty chứng khoán; xây dựng và thực hiện kế hoạch kinh doanh ngoại tệ, nguồn vốn, các chứng khoán và công cụ tài chính phái sinh; giao dịch trên thị trường liên ngân hàng, trái phiếu Chính phủ... Ngân hàng Định chế Tài chính là đơn vị đại diện cho MSB để thiết lập, duy trì và củng cố quan hệ với các định chế tài chính trong và ngoài nước nhằm hỗ trợ cho hoạt động kinh doanh của Ngân hàng Bán lẻ, Ngân hàng Doanh nghiệp cũng như đóng vai trò tiên phong, dẫn lối để MSB tiếp cận với những nguồn hỗ trợ về vốn, kỹ thuật theo chiến lược phát triển bền vững môi trường – xã hội – quản trị doanh nghiệp (ESG).

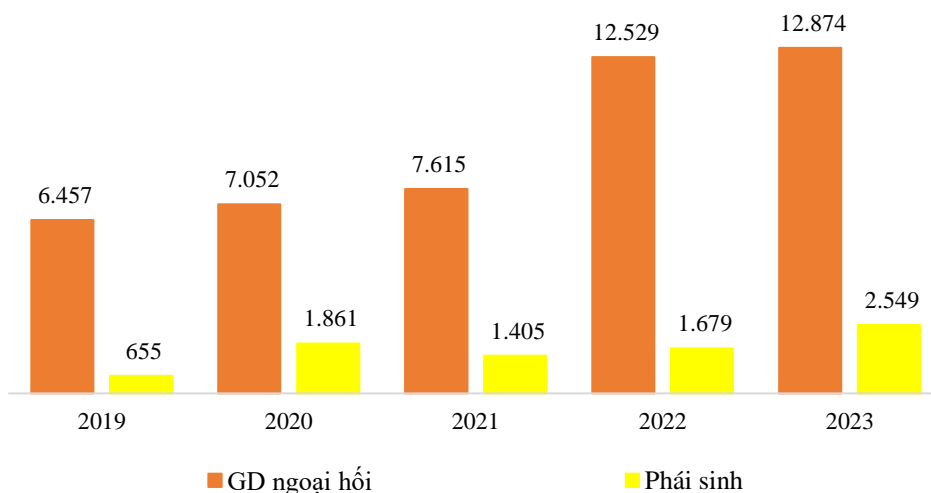
Năm 2023 được đánh giá là năm thành công của FI khi doanh thu của mảng hoạt động này đóng góp tỷ trọng lớn trong tổng thu nhập hoạt động của Ngân hàng. Đồng thời, sự ghi nhận từ các tổ chức trong nước và quốc tế thông qua chuỗi giải thưởng uy tín một lần nữa khẳng định vị thế của FI nói riêng và MSB nói chung trên thị trường. Xét riêng từng mảng hoạt động, FI cũng ghi nhận nhiều thành tựu nổi bật:

4.3.1. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ

Trong lĩnh vực kinh doanh ngoại tệ liên ngân hàng, MSB luôn giữ vững vị thế là nhà tạo lập thị trường với tốc độ tăng trưởng cả về lợi nhuận và doanh số vượt bậc so với năm 2022, tiếp tục duy trì vị trí top 3 ngân hàng có doanh số giao dịch lớn nhất trên nền tảng giao dịch điện tử do Sàn giao dịch Chứng khoán London Stock Exchange (LSEG) cung cấp. Theo sát chiến lược số hóa chung của ngân hàng, hoạt động kinh doanh ngoại tệ cũng đặt ra mục tiêu hiện đại hóa cho các giao dịch của mình. Do đó, năm 2024, MSB sẽ tiếp tục nâng cấp và hoàn thiện các nền tảng giao dịch tự động (platform) do MSB tự xây dựng để cung cấp cho thị trường liên ngân hàng, đồng thời ứng dụng các phương pháp giao dịch hiện đại trong hoạt động nghiệp vụ nhằm nâng cao hiệu quả và giảm thiểu tối đa rủi ro cho MSB.

Không dừng ở kinh doanh ngoại tệ, xu hướng điện tử hóa cũng được ghi nhận rõ nét trong các hoạt động của thị trường tiền mặt (banknote). Việc xây dựng thêm các công cụ báo cáo, quản lý trực tuyến, hoạt động quản lý tiền mặt đã tối ưu hiệu quả một cách rõ rệt các chi phí tồn quỹ và cung ứng tiền mặt cho toàn hệ thống cũng như cho thị trường liên ngân hàng. Được đánh giá là thị trường có xu hướng suy giảm về mặt quy mô so với năm 2022, tuy nhiên năm 2023, MSB vẫn tạo được điểm nhấn khi triển khai cung cấp dịch vụ ngân quỹ cho nhóm các ngân hàng không sử dụng

kho quỹ. Điều này tiếp tục ghi nhận những nỗ lực của MSB trong việc khẳng định vai trò là ngân hàng cung cấp dịch vụ ngoại tệ tiền mặt năng động trên thị trường Việt Nam.



Giao dịch ngoại hối và phái sinh của MSB giai đoạn 2019 - 2023
(ĐVT: triệu USD)

Đối với hoạt động kinh doanh sản phẩm phái sinh, MSB là một trong số những thành viên tích cực hoạt động trong phòng chào giá sản phẩm hoán đổi tiền tệ (swap), lọt vào top 3 những nhà chào giá tốt nhất thị trường swap năm 2023 do Hiệp hội thị trường trái phiếu Việt Nam (VBAM) ghi nhận. Với định hướng xây dựng và phát triển quy mô thị trường phái sinh mới mẻ tại Việt Nam, năm 2023, MSB đã hoàn thiện việc thực hiện ký kết hợp đồng khung phái sinh (ISDA) với hầu hết các tổ chức tài chính trong nước và quốc tế; đẩy mạnh quy mô giao dịch sản phẩm IRS (hoán đổi lãi suất một đồng tiền) và CCS (hoán đổi lãi suất hai đồng tiền) với thị trường liên ngân hàng tăng trưởng gấp rưỡi so với năm 2022. Năm 2024, ngoài mục tiêu mở rộng thêm các sản phẩm phái sinh khác trên thị trường liên ngân hàng tiệm cận với sự phát triển của thị trường phái sinh quốc tế, MSB sẽ hướng tới việc thúc đẩy các sản phẩm phái sinh xanh (green derivatives) gắn với các sản phẩm tín dụng xanh cung cấp cho khách hàng doanh nghiệp để có được hệ sinh thái bền vững, thúc đẩy xu thế xanh hóa hoạt động ngân hàng vốn không chỉ được coi là chiến lược chung của ngành mà còn là chiến lược mục tiêu của toàn nền kinh tế.

4.3.2. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ thị trường 1

Năm 2023 là một năm đầy thách thức với nền kinh tế Việt Nam nói chung và ngành ngân hàng nói riêng. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ chịu áp lực cạnh tranh gia tăng đột biến. Trong bối cảnh đó, MSB luôn nỗ lực tập trung để cung cấp sản phẩm, dịch vụ chất lượng đáp ứng tốt nhất nhu cầu của khách hàng hiện hữu. Hướng tới sự thuận tiện và tiết kiệm tối đa cho khách hàng, MSB tiếp tục hoàn thiện các tính năng giao dịch ngoại tệ trên kênh giao dịch điện tử như internet banking,

mobile banking... Dịch vụ này cho phép giao dịch thuận tiện, nhanh chóng. Đặc biệt, khách hàng có thể kiểm tra được chính xác khi nào đối tác, bạn hàng nhận được ngoại tệ sau khi thực hiện lệnh chuyển tiền.

Liên tục bám sát diễn biến thị trường nhằm cập nhật tới khách hàng thông tin mới nhất cùng với các sản phẩm phòng ngừa rủi ro tỷ giá, MSB đồng hành cùng khách hàng lựa chọn sản phẩm, thời điểm giao dịch phù hợp nhằm ổn định hoạt động kinh doanh, hạn chế tối đa những bất lợi từ biến động tỷ giá. Bằng việc liên tục cải tiến quy trình, hệ thống, phương pháp cũng như chú trọng nâng cao năng lực tư vấn của đội ngũ cán bộ bán hàng nhiệt huyết, am hiểu thị trường, MSB tự tin cung cấp các giải pháp tối ưu, tạo cơ sở để tiếp tục duy trì, giữ vững thị phần cũng như thu hút thêm các khách hàng mới tham gia đồng hành trong nỗ lực vươn tầm của ngân hàng.

Những lợi thế về đội ngũ cán bộ giàu kinh nghiệm, tận tâm, mạng lưới thanh toán rộng, sản phẩm đa dạng, thời gian giao dịch nhanh chóng, phương thức giao dịch thuận tiện tối ưu và các chương trình ưu đãi hấp dẫn của MSB hứa hẹn giúp khách hàng doanh nghiệp, cá nhân giao dịch an toàn, thuận tiện, tiết kiệm thời gian và chi phí trong hoạt động mua bán ngoại tệ cũng như thanh toán quốc tế.

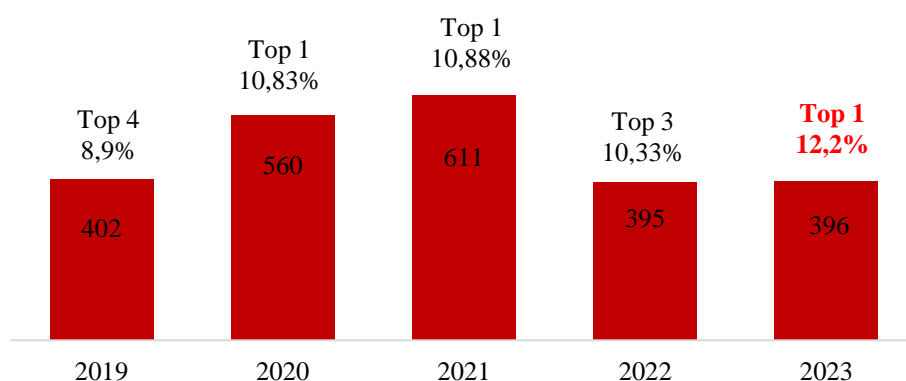
4.3.3. Hoạt động quản lý thanh khoản và kinh doanh ngoại tệ

Các chỉ số thanh khoản của MSB luôn đảm bảo trong ngưỡng an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Bên cạnh đó MSB còn ban hành bộ chỉ số thanh khoản riêng trong nội bộ được xây dựng và rà soát định kỳ với tiêu chuẩn khắt khe. MSB linh hoạt trong việc duy trì các loại tài sản thanh khoản cao để đáp ứng nhu cầu về nguồn vốn trong các giai đoạn và cho các mục đích khác nhau, nhờ đó có thể tối ưu hóa chi phí mà vẫn luôn sẵn sàng đáp ứng nhu cầu về thanh khoản. Ngân hàng kiên định thực hiện mục tiêu đa dạng hóa nguồn vốn, trong đó chú trọng tiếp cận các nguồn vốn “xanh”. MSB cũng thường xuyên thực hiện các bài kiểm tra thanh khoản với các tình huống đa dạng để sẵn sàng kích hoạt bộ máy ứng phó với các tình huống khó khăn về thanh khoản. Trong năm 2023, thị trường kinh tế tài chính trên thế giới có những diễn biến phức tạp, chính sách tiền tệ trong nước bắt đầu nới lỏng từ đầu năm nhưng để phù hợp với mục tiêu ổn định lãi suất và tỷ giá, Ngân hàng Nhà nước đã có những điều chỉnh linh hoạt vào từng thời điểm. Những thay đổi này đã tạo ra ảnh hưởng biến động trên thị trường tiền tệ. Trong bối cảnh đó, mảng kinh doanh tiền tệ MSB đã kịp thời ứng biến, đưa ra kế hoạch hành động phù hợp. MSB đẩy mạnh giao dịch tiền tệ liên ngân hàng, mở rộng quan hệ với nhiều đối tác trên thị trường, điển hình là các chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam. Nhờ đó, MSB đã đạt được những con số ấn tượng. Quy mô và doanh thu giao dịch tiền tệ liên ngân hàng của MSB đều vượt mục tiêu đề ra, lần lượt đạt 200% và 177% so với kế hoạch. MSB tiếp tục được đánh giá là một trong những đối tác lớn, tin cậy và hoạt động tích cực trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng.

4.3.4. Về hoạt động kinh doanh Trái phiếu Chính phủ

Năm 2023, trong điều kiện Ngân hàng nhà nước Việt Nam liên tục phải giảm lãi suất điều hành để hỗ trợ nền kinh tế, khiến cho lãi suất thị trường liên ngân hàng cũng giảm theo, MSB đã kịp thời nắm bắt xu thế thị trường để đón sóng đầu tư/giao dịch (trading) trên thị trường trái phiếu Chính phủ, góp phần không nhỏ lợi nhuận trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

MSB tiếp tục phát huy vị thế là ngân hàng năng động và tích cực nhất trên thị trường trái phiếu Chính phủ với tổng doanh số giao dịch năm 2023 đạt khoảng 390.000 tỷ, chiếm thị phần 12,2%, là ngân hàng có doanh số giao dịch lớn nhất thị trường. Thành tích này của MSB thể hiện thế mạnh vượt trội trong mảng kinh doanh giấy tờ có giá.



Giao dịch trái phiếu chính phủ và thị phần trên thị trường (ĐVT: tỉ VND)

Tiếp nối những giải thưởng đã đạt được trong nhiều năm qua, trong năm 2023, hoạt động kinh doanh trái phiếu Chính phủ của MSB tiếp tục được các cơ quan quản lý ghi nhận bởi những thành tích nổi bật sau:

- **Xếp hạng của Bộ tài chính**
 - Top 2 nhà tạo lập thị trường công cụ nợ khối Ngân hàng năm 2023
- **Xếp hạng của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội**
 - Top 1 thành viên giao dịch trái phiếu chính phủ năm 2023
 - Top 1 thành viên giao dịch tự doanh trái phiếu chính phủ năm 2023
 - Top 2 thành viên giao dịch outright trái phiếu chính phủ năm 2023
 - Top 1 thành viên giao dịch repo trái phiếu chính phủ năm 2023
- **Giải thưởng của Hiệp hội thị trường Trái phiếu Việt Nam**
 - Nhà tạo lập thị trường chào giá repo tốt nhất năm 2023
 - Nhà tạo lập thị trường có doanh số giao dịch repo đứng thứ hai năm 2023
 - Nhà tạo lập thị trường chào giá nhiều kỳ hạn nhất giao dịch outright năm 2023

4.3.5. Hoạt động phát hành và đầu tư giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng phát hành

Hoạt động kinh doanh giấy tờ có giá (GTCG) do các tổ chức tín dụng phát hành tiếp tục được đẩy mạnh trong năm 2023 và đóng góp đáng kể vào lợi nhuận của ngân hàng. Bên cạnh hoạt động đầu tư, MSB đã thành công triển khai các đợt phát hành chứng chỉ tiền gửi và trái phiếu đa dạng kỳ hạn từ 1 năm đến 3 năm, giúp ngân hàng cải thiện hệ số an toàn hoạt động cũng như huy động được nguồn vốn trung dài hạn với chi phí tối ưu.

Trong năm 2023 vừa qua, MSB đã tham gia tích cực vào việc hoàn thiện khung pháp lý của thị trường theo hướng minh bạch và hiệu quả hơn. Đồng thời MSB đã trở thành thành viên giao dịch đặc biệt trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ của HNX, đóng góp vào sự phát triển của thị trường trái phiếu nói chung.

Với chiến lược liên tục cải tiến và đổi mới để cung cấp cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ giấy tờ có giá ưu việt hơn, MSB là ngân hàng luôn luôn tiên phong trong việc phát triển các sản phẩm mới liên quan đến trái phiếu, cung cấp cho khách hàng hệ sinh thái sản phẩm đa dạng như tiền gửi tiết kiệm liên kết lợi suất trái phiếu, dịch vụ ngân hàng lưu ký, ngân hàng giám sát, quản trị quỹ...

Các sản phẩm dịch vụ được triển khai nói trên đã được vận hành ổn định trong năm 2023, không những mang lại nguồn thu phí ổn định, dự kiến tăng trưởng tốt mỗi năm mà còn tăng cơ hội tiếp cận các khách hàng mới, bán chéo các sản phẩm hiện hữu của MSB.

4.3.6. Hoạt động củng cố, mở rộng cơ sở khách hàng định chế tài chính

Đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn và tỷ lệ an toàn luôn là mục tiêu hàng đầu của MSB trong quá trình hoạt động kinh doanh. Do đó, MSB luôn nhận được đánh giá cao về uy tín và tính hiệu quả từ các tổ chức trong và ngoài nước. Tính đến 31/12/2023, số lượng ngân hàng đại lý của MSB đã vượt hơn 400 ngân hàng tại 54 nước trên thế giới và tổng hạn mức tài trợ thương mại được cấp lên tới hơn 1 tỷ Đô la Mỹ (quy đổi).

Với mạng lưới ngân hàng đại lý rộng lớn và nguồn hạn mức dồi dào, MSB luôn đáp ứng một cách nhanh chóng và hiệu quả nhu cầu đa dạng của khách hàng trong các hoạt động thanh toán quốc tế, tài trợ thương mại, mua bán ngoại tệ và các sản phẩm phái sinh....

Dựa trên uy tín ngày càng được nâng cao trên thị trường trong và ngoài nước, trong năm 2023, MSB đã huy động thành công nguồn vốn trung dài hạn từ các tổ chức lớn trên thế giới dưới hình thức đồng tài trợ hoặc song phương để bổ sung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh chung của ngân hàng cũng như thúc đẩy chương trình tín dụng cho các nhóm khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) hay tín dụng xanh từ Propaco và OPEC Fund để tài trợ cho SME. Ngày 02/11/2023, dưới sự chứng kiến của Thủ tướng Chính phủ hai nước Việt Nam và Hà Lan, đại diện Lãnh đạo các Bộ Ngành của hai nước cùng khoảng 300 Doanh nghiệp hai bên, MSB và Ngân hàng Phát triển doanh nghiệp Hà Lan (FMO) đã ký kết Ý định thư về hợp tác cho vay trung dài hạn. Theo đó, FMO cùng Quỹ khí hậu và phát triển Hà Lan (DFCD) dự kiến tài trợ lên tới 100 triệu USD với

kỳ hạn lên tới 9 năm, nhằm mục đích tài trợ cho SME và các dự án xanh. Bên cạnh đó, FMO cũng sẽ xem xét hỗ trợ MSB hoàn thiện và nâng cấp hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội nhằm đạt được các tiêu chuẩn quốc tế cao hơn.

Tháng 12/2023, đại diện MSB đã đồng hành cùng đoàn Việt Nam do Thủ tướng Chính phủ dẫn đầu tham dự Hội nghị lần thứ 28 các bên tham gia Công ước khung của Liên hợp quốc về biến đổi khí hậu (COP 28) được tổ chức vào cuối tháng 11, đầu tháng 12 năm 2023 tại Dubai - Các tiểu vương quốc Ả Rập thống nhất (UAE). Việc tham gia COP 28 là cơ hội để MSB gặp gỡ, trao đổi thông tin, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm với các chuyên gia hàng đầu trong lĩnh vực biến đổi khí hậu trong nước và thế giới, tăng cường tiếp cận với các xu hướng quốc tế cũng như các chính sách trong nước liên quan đến biến đổi khí hậu. Đây cũng là tiền đề thuận lợi cho MSB trong việc đưa ra các chiến lược, chính sách phát triển ESG mà Ủy ban Phát triển bền vững đã xây dựng, tạo nền tảng để ngân hàng tiến gần với các tiêu chuẩn quốc tế về tín dụng xanh, đồng thời chung tay thúc đẩy Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, hướng đến mục tiêu đạt mức phát thải ròng bằng “0” (Net zero) vào năm 2050.

Đối với phân khúc khách hàng là các công ty bảo hiểm và các công ty chứng khoán, MSB tập trung nâng cao chất lượng dịch vụ, tăng cường mức độ số hóa, nâng cấp và bổ sung các tính năng của bộ sản phẩm dịch vụ trọn gói bao gồm dịch vụ tài khoản tập trung và quản lý dòng tiền, dịch vụ thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế, dịch vụ thu chi hộ, giải pháp về tài khoản định danh. Các sản phẩm tiền gửi, giao dịch ngoại hối, giao dịch phái sinh lãi suất (IRS, AIRS) và phái sinh tỷ giá (CCS), cho vay, thấu chi, bảo lãnh, cam kết cấp tín dụng... được thực hiện với thủ tục đơn giản, thuận tiện, đáp ứng kịp thời nhu cầu của khách hàng. Một số các sản phẩm truyền thống đã được bổ sung tính năng thực hiện giao dịch online để tiết kiệm thời gian cũng như chi phí cho khách hàng: chuyển tiền quốc tế, chuyển ngoại tệ trong nước giữa các tài khoản của khách hàng, phát hành bảo lãnh, mua bán ngoại tệ... Do đó, MSB đã được các công ty bảo hiểm và chứng khoán hàng đầu trong nước tin tưởng lựa chọn là ngân hàng phục vụ chính đồng thời là đối tác thúc đẩy kinh doanh trong chiến lược phát triển dài hạn.

Đối với phân khúc khách hàng là các tổ chức tài chính công, từ sự tin nhiệm của Ngân hàng Nhà nước, Bộ Tài chính và các Bộ, ngành, MSB đã tham gia phục vụ các dự án ODA của Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Khoa học Công nghệ... Các dự án đa dạng trong nhiều lĩnh vực như giao thông vận tải, y tế, giáo dục, nông nghiệp, môi trường... trên phạm vi cả nước có thể kể tới như Dự án phát triển đường cao tốc Bến Lức – Long Thành; Dự án giáo dục và đào tạo nhân lực phục vụ cải cách hệ thống y tế; Dự án phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu các thành phố Đồng Hới (Quảng Bình) và Hội An (Quảng Nam); Dự án tăng cường phát triển và lành mạnh khu vực ngân hàng Việt Nam... MSB cũng là một trong những ngân hàng TMCP đầu tiên hợp tác với Kho

bạc Nhà nước để thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại vào quá trình thu, nộp ngân sách Nhà nước, thông qua việc triển khai dịch vụ thu ngân sách Nhà nước qua nhiều kênh và dịch vụ thanh toán song phương điện tử, giúp các khách hàng tổ chức và cá nhân thanh toán các khoản thuế, lệ phí nhanh chóng, chính xác chỉ trong vài phút. Bên cạnh đó, MSB đã hợp tác với nhiều bệnh viện, trường học lớn như Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức, trường Đại học Y Hà nội, Bệnh viện Bạch Mai là những bệnh viện hàng đầu Việt Nam...trong quá trình triển khai hiện đại hóa công tác thu nộp viện phí, học phí, hỗ trợ cho bệnh nhân, sinh viên, học sinh có nhiều lựa chọn về kênh thanh toán.

4.3.7. Hoạt động đại lý sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ

MSB bắt đầu thực hiện dịch vụ Đại lý Bảo hiểm kể từ thời điểm được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bổ sung giấy phép hoạt động với nội dung hoạt động “Dịch vụ Đại lý Bảo hiểm (ngày 06/12/2010) theo Quyết định số 2919/QĐ-NHNN ngày 06/12/2010 của Ngân hàng Nhà nước”.

Trong đó, hoạt động đại lý bảo hiểm phi nhân thọ đã được MSB chú trọng và xây dựng phát triển từ năm 2017 với mục đích chính là kiểm soát rủi ro trong hoạt động cấp tín dụng của Ngân hàng. Đồng thời, MSB đẩy mạnh bảo hiểm phi nhân thọ bán chéo độc lập để mang lại các sản phẩm đa dạng và tối ưu quyền lợi của khách hàng, giúp khách hàng tự bảo vệ bản thân trước các tác động tài chính cũng như các rủi ro trong cuộc sống.

Suy thoái kinh tế khiến doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường giảm 8,3% so với năm 2022, doanh thu bảo hiểm phi nhân thọ cũng biến động mạnh chỉ tăng trưởng 2,4% so với cùng kỳ năm 2022. Tuy nhiên, MSB vẫn tiếp tục tăng trưởng doanh số bảo hiểm phi nhân thọ 125% so với năm 2022 và lợi nhuận tăng trưởng 130%, đánh dấu một năm triển khai hiệu quả và đảm bảo bám sát chính sách về bảo hiểm rủi ro tín dụng của MSB, trên cơ sở nhận được sự đồng thuận của khách hàng trong việc cùng đặt ưu tiên hàng đầu là bảo vệ rủi ro cho chính tài sản và các khoản nghĩa vụ khi vay vốn tại MSB. Bên cạnh đó, đây cũng là một trong những yếu tố giúp MSB cải thiện đáng kể hệ số an toàn trong hoạt động cấp tín dụng, giảm tỷ lệ nợ xấu; khả năng thu hồi nợ được bảo đảm nhờ vào công tác quản lý và giải quyết bồi thường bảo hiểm nhanh chóng đối với các công ty bảo hiểm.

5. Quản trị rủi ro để kiến tạo giá trị bền vững

Đối mặt với các khó khăn của thị trường, MSB luôn nỗ lực không ngừng để nâng cao hiệu quả quản trị rủi ro nhằm đảm bảo an toàn hoạt động, góp phần ổn định chung cho toàn hệ thống và phục hồi nền kinh tế.

Tháng 7/2023, MSB vinh dự trở thành đại diện duy nhất của Việt Nam giành giải Bạc – Giải thưởng Quản trị rủi ro Đông Nam Á (ASEAN Risk Champion Award 2023) do Học viện Quản trị rủi ro doanh nghiệp Singapore (ERMA) trao tặng. Giải thưởng là sự ghi nhận cho nỗ lực của MSB

trong việc tiên phong áp dụng tiêu chuẩn quốc tế trong quản trị rủi ro, chuyển dịch mạnh mẽ cách thức quản trị rủi ro trên hành trình số, đồng thời phát huy thế mạnh về mô hình trong lĩnh vực này, mang đến tác động tích cực tới hiệu quả hoạt động và kinh doanh của ngân hàng.



Bà Lê Cẩm Thúy, Giám đốc Khối Quản lý rủi ro MSB nhận giải thưởng tại Singapore

5.1. Liên tục cải tiến và phát huy hiệu quả khung quản trị tiên tiến và mô hình quản lý rủi ro toàn diện

Khẩu vị rủi ro, chiến lược quản lý rủi ro được cập nhật định kỳ để đảm bảo phù hợp với thị trường và định hướng kinh doanh 2023 - 2027 của MSB.

Quý I/2023, Hội đồng quản trị đã ban hành Tuyên bố Khẩu vị rủi ro (KVRR) giai đoạn 2023-2025. Quý I/2024 các chỉ tiêu của KVRR đã được rà soát và cập nhật các ngưỡng quản lý cho giai đoạn 2024-2026. Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu trong năm 2023 và mục tiêu cho năm 2024 như sau:

Chỉ tiêu		Đơn vị tính	2023		2024
			Giới hạn	Thực tế	Mục tiêu
Vốn	CARicaap	Tối thiểu/%	8,0%	16,3%	8,5%
	CAR41	Tối thiểu/%	9,5%	12,6%	10,5%
Tài chính	ROE	Tối thiểu/%	15,0%	15,6%	16,0%
	RAROC	Tối thiểu/%	16,0%	25,5%	28,0%

Cũng trong Quý I/2023, Hội đồng quản trị MSB cũng đã ban hành Tuyên bố Chiến lược quản lý rủi ro giai đoạn 2023-2025 bao gồm danh sách các rủi ro trọng yếu. Trong đó, ngân hàng đã điều chỉnh bổ sung một số mục tiêu chiến lược quản lý rủi ro thị trường, lãi suất sổ ngân hàng; bổ sung nguyên tắc quản lý rủi ro kênh số, quản lý rủi ro môi trường xã hội trong chiến lược quản lý rủi ro tín dụng.

Hoạt động quản trị rủi ro toàn diện được triển khai đồng đều đối với các loại rủi ro trọng yếu của MSB, bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động, rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất trên sổ ngân hàng và rủi ro tập trung. Trong năm 2023, MSB đã triển khai đo lường và quản trị rủi ro theo các phương pháp luận mới của Basel III, Basel IV cho các rủi ro trọng yếu, góp phần tạo nên một hệ thống quản lý rủi ro minh bạch, tối ưu.

Với thế mạnh về xây dựng mô hình, MSB tập trung vào việc nâng cấp và rà soát lại toàn bộ các mô hình PD (Xác suất vỡ nợ), LGD (Tổn thất khi vỡ nợ), EAD (Dư nợ tại thời điểm vỡ nợ) để đảm bảo tính hiệu quả, phù hợp khi áp dụng mô hình vào các quyết định kinh doanh. Hoạt động kiểm định mô hình nội bộ của MSB đã được vận hành, qua đó, đảm bảo tính tuân thủ và hiệu năng của các mô hình.

Năng lực quản trị rủi ro tín dụng số hóa liên tục được nâng cấp, cải thiện nhanh chóng phù hợp với các thay đổi liên tục của mô hình kinh doanh.

Trong năm 2023, MSB hoàn thiện và đưa vào vận hành Hệ thống quản lý rủi ro môi trường và xã hội (ESMS) trong hoạt động cấp tín dụng đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật và đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, hướng đến sự phát triển an toàn và bền vững.

5.2. Quản lý rủi ro tín dụng nỗ lực vượt thách thức

Các hệ quả của dịch bệnh Covid-19 và suy giảm của nền kinh tế trong năm 2023 tác động tiêu cực đến chất lượng tín dụng của toàn ngành, tỷ lệ khách hàng dừng hoạt động, suy giảm dòng tiền, khó khăn trong việc trả nợ tăng cao. Tuy vậy, với tinh thần quản lý rủi ro chủ động, tuân thủ định hướng tăng trưởng tín dụng trên cơ sở quản trị rủi ro hiệu quả, đảm bảo an toàn hoạt động, quản

lý rủi ro tín dụng tại MSB đã triển khai đồng bộ nhiều giải pháp: điều chỉnh chính sách linh hoạt, cải tiến quy trình, đặc biệt là bước kiểm soát rủi ro trước, trong và sau cấp tín dụng; chú trọng công tác quản trị nợ nhằm ngăn ngừa, hạn chế tối đa nợ xấu mới phát sinh; triển khai các nhóm nhiệm vụ (taskforce) quản lý nợ theo từng phân khúc khách hàng, liên tục rà soát danh mục khách hàng hiện hữu nhằm nhận diện dấu hiệu rủi ro và phân luồng xử lý phù hợp; tích cực xử lý, thu hồi nợ xấu, nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tại tất cả các đơn vị kinh doanh. Với các nỗ lực trên, chất lượng tín dụng tại MSB được kiểm soát tốt, tỷ lệ nợ xấu riêng lẻ luôn ở mức dưới 2% trong suốt năm 2023.

Hoạt động quản trị rủi ro trên hành trình số đạt được nhiều kết quả tích cực. Dự án hệ thống hóa quy trình tín dụng trên nền tảng duy nhất (BPM risk) với sứ mệnh phát triển nền tảng cho vay hợp nhất phục vụ đa kênh (online và offline), áp dụng với toàn bộ các hành trình cấp tín dụng từ đầu tới cuối (end to end) đã phục vụ hiệu quả bộ phận kinh doanh (frontline) và bộ phận hỗ trợ (backline), từ khâu đề xuất cấp tín dụng đến giải ngân cho khách hàng, xác minh thực địa, phòng chống gian lận. Năm 2023, dự án BPM Risk đã triển khai thành công nền tảng vay kỹ thuật số (digi-lending) với khách hàng cá nhân, chủ doanh nghiệp, hộ kinh doanh và vay mua nhà online cho khách hàng cá nhân; phát triển hệ thống BPM khách hàng doanh nghiệp và đi vào hoạt động thành công luồng phê duyệt tập trung với gói sản phẩm chính, chuỗi sản phẩm với khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ; vận hành vay nhanh online (digi-lending quickloan) kết nối với bộ tiêu chí sàng lọc và tiêu chí cấp tín dụng áp dụng cho khách hàng phê duyệt siêu tốc trên kênh số (DE quickloan) tạo thành luồng phê duyệt tín dụng tự động siêu tốc, kỳ vọng là điểm nhấn về sản phẩm tín dụng siêu tốc trong năm 2024.

Bên cạnh đó, dự án cho vay luồng thẳng STP (straight-through processing) đã triển khai các bước tự động hóa, bao gồm: tự động hóa tính toán các chỉ số sàng lọc về uy tín tín dụng từ nguồn dữ liệu CIC, tự động hóa kết nối dữ liệu bên thứ ba để xác thực thông tin khách hàng, tự động hóa toàn bộ quá trình chấm điểm xếp hạng (từ khâu tiếp nhận thông tin chấm điểm, khởi tạo hồ sơ chấm điểm, tự động tính toán các chỉ tiêu đầu vào cho mô hình xếp hạng, tính toán và trả kết quả chấm điểm), giúp rút ngắn 80% thời gian chấm điểm còn 30s với luồng STP khách hàng cá nhân, 5 đến 10 phút với luồng STP khách hàng doanh nghiệp.

Trong năm 2023, MSB liên tục hiệu chỉnh các mô hình đo lường rủi ro từ xếp hạng đến cảnh báo sớm. Các mô hình sử dụng máy học (machine learning) được ứng dụng và giám sát liên tục để hỗ trợ công tác quản lý rủi ro kịp thời, ngân hàng thực hiện số hóa việc xây dựng cơ sở dữ liệu hành vi, tự động hóa quy trình chấm điểm xếp hạng cho một số hành trình phê duyệt, đồng thời triển khai các chốt chặn mới về phòng chống rủi ro gian lận, mô hình hỗ trợ thu hồi nợ để củng cố nền tảng quản trị rủi ro đáp ứng với tình hình mới.

Các kết quả cải tiến hành trình số, nâng cấp mô hình nhằm rút ngắn thời gian phê duyệt, giảm thiểu rủi ro tác nghiệp và tăng trải nghiệm khách hàng, nâng cao hiệu suất, tạo lập các giá trị bền vững.

Sau khi hoàn thiện hệ thống văn bản chính sách, quy trình, công cụ hướng dẫn về quản lý rủi ro môi trường xã hội, MSB triển khai kết hợp đánh giá rủi ro môi trường xã hội như một phần trong đánh giá rủi ro tín dụng của ngân hàng. Ngân hàng có định hướng giảm dần tín dụng vào các lĩnh vực phát thải carbon cao, tập trung cung cấp tài chính cho các lĩnh vực xanh và doanh nghiệp ít phát thải; thiết kế các sản phẩm tài chính xanh, xây dựng khung và quy trình đánh giá, phân loại, xác nhận các dự án/khách hàng đủ tiêu chuẩn xanh...

5.3. Quản lý rủi ro thị trường và thanh khoản (QLRRTT và TK)

Cải tiến không ngừng, kiến tạo bền vững trên cơ sở kiện toàn đồng bộ theo tiêu chuẩn quốc tế (Basel III) đối với hệ thống quản lý rủi ro thị trường, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất sổ ngân hàng

Trên cơ sở triển khai thành công việc tự nghiên cứu và ứng dụng các phương pháp quản trị rủi ro tiên tiến theo tiêu chuẩn Basel III cho các rủi ro thị trường và rủi ro thanh khoản từ các năm trước, trong năm 2023, MSB tiếp tục thúc đẩy quá trình tự nghiên cứu và phát triển hệ thống quản lý rủi ro lãi suất sổ ngân hàng (IRRBB) theo tiêu chuẩn Basel III trên cơ sở ứng dụng phương pháp tính vốn EVE trong công tác giám sát hàng tháng về tình hình rủi ro lãi suất sổ ngân hàng và thực hiện đánh giá nội bộ về mức độ đủ vốn (ICAAP) định kỳ hàng năm.

Sang năm 2024, MSB định hướng sẽ tiếp tục theo đuổi chiến lược tuân thủ toàn diện các tiêu chuẩn tiên tiến về quản trị rủi ro thị trường và thanh khoản do Ủy ban Basel ban hành và cập nhật, bao gồm các quy định mở rộng trong khung quản lý rủi ro về quản lý rủi ro thanh khoản trong ngày (intraday liquidity risk management), bộ các công cụ giám sát rủi ro thanh khoản (liquidity monitoring tools), tiêu chuẩn ghi nhận và phân tách danh mục sổ kinh doanh và sổ ngân hàng, tiêu chuẩn định giá thận trọng danh mục sổ kinh doanh và các tiêu chuẩn về công bố thông tin. Ban lãnh đạo tin rằng nền tảng quản lý rủi ro tiên tiến tạo nên từ định hướng nhất quán này sẽ hỗ trợ và thúc đẩy MSB hoàn thành vượt bậc các mục tiêu kinh doanh song hành kiến tạo giá trị bền vững.

Hỗ trợ tạo lập giá trị giữa Tuyến 1 (các đơn vị kinh doanh) và Tuyến 2 (chức năng quản lý rủi ro) trong công tác QLRRTT và TK

Với quan điểm hỗ trợ tạo giá trị giữa tuyến 1 và tuyến 2 trong công tác quản lý rủi ro nói chung, trong năm 2023, quản lý rủi ro thanh khoản tại MSB tiếp tục được củng cố, từ đó thúc đẩy sự phối hợp chặt chẽ giữa 2 tuyến trong việc nhận diện sớm và đề xuất các giải pháp về nguồn và sử dụng nguồn. Việc này nhằm kiểm soát các tỷ lệ an toàn thanh khoản ngay từ khi tuyến 1 triển khai lập kế hoạch kinh doanh hàng năm và các kế hoạch kinh doanh được phân bổ hàng tháng cho 3 tháng tiếp theo. Giá trị tạo lập từ sự phối hợp này được thể hiện rõ nét thông qua việc MSB luôn kiểm soát tốt và tuân thủ các hạn mức theo quy định của Ngân hàng Nhà nước, song song đạt điểm xếp

hạng cao ở nhóm các chỉ tiêu an toàn thanh khoản theo Thông tư 52/2018/TT-NHNN trong khi vẫn đảm bảo hoàn thành các mục tiêu về kinh doanh đặt ra, cụ thể:

Các tỷ lệ an toàn thanh khoản	Hạn mức 31/12/2023	Tỷ lệ 31/12/2023	Hạn mức 31/12/2022	Tỷ lệ 31/12/2022
Tỷ lệ dự trữ thanh khoản	≥ 10%	22,38%	≥ 10%	17,10%
Tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày VND	≥ 50%	78,17%	≥ 50%	83,40%
Tỷ lệ cho vay so với tổng tiền gửi	≤ 85%	67,55%	≤ 85%	68,70%
Tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn	≤ 30%	24,87%	≤ 34%	23,60%

Theo dõi và kiểm soát sớm rủi ro thông qua quản trị đa dạng kịch bản

Từ những trải nghiệm của MSB về biến động thị trường trong nước và quốc tế từ nửa cuối năm 2022 và dự báo cho các năm 2023-2024, MSB đã thực hiện việc rà soát và chuẩn hóa các bộ kịch bản khác nhau về biến động yếu tố thị trường (gồm lãi suất, tỷ giá và lợi suất trái phiếu) nhằm ước lượng, giám sát và đánh giá (trên cơ sở hàng ngày) tình hình rủi ro thị trường theo từng kịch bản. Song song với đó, ngân hàng cũng phát triển đa dạng các kịch bản về thanh khoản khi thực hiện kiểm tra sức chịu đựng (stress test) và đánh giá mức độ đủ thanh khoản (ILAAP) trên cơ sở bổ sung các giả định khác nhau về cấp độ tiền gửi/nguồn huy động của MSB có thể bị rút ra và khả năng tiếp cận nguồn vốn liên ngân hàng do ảnh hưởng bởi các tình huống rủi ro hệ thống và/hoặc riêng lẻ. Điều này sẽ giúp MSB nhận diện được mức độ thiếu hụt thanh khoản và chuẩn bị các kế hoạch dự phòng thanh khoản (liquidity contingency plan), bao gồm cả kế hoạch dự trữ về giá trị và cơ cấu các loại tài sản thanh khoản cao, phù hợp với các kịch bản rủi ro khác nhau.

5.4. Quản lý rủi ro hoạt động và an toàn thông tin

MSB tiếp tục dẫn đầu thị trường trong việc đáp ứng các chuẩn mực quốc tế về quản lý rủi ro hoạt động theo Basel III/IV hoàn toàn bằng nguồn lực nội bộ.

Trong năm 2023, MSB đã nâng cao hiệu quả quản lý rủi ro kênh số qua việc ban hành chính sách quản lý rủi ro hoạt động và an toàn thông tin kênh số, áp dụng những công nghệ mới nhất về trí tuệ nhân tạo (AI)/máy học (machine learning) để chống kỹ thuật tạo hình ảnh và âm thanh giả mạo (deepfake) qua định danh điện tử (e-KYC); có chứng nhận 3D Secure phiên bản mới nhất để xác thực giao dịch thanh toán mua hàng qua mạng; sử dụng dịch vụ bảo vệ rủi ro kênh số (DRPS) để chủ động phát hiện và gỡ các website giả mạo, phát hiện và hỗ trợ khách hàng có nguy cơ mất an toàn thông tin kênh số. MSB cũng chủ động tăng cường các biện pháp an toàn bảo mật thông tin (bao gồm an toàn thông tin đối với việc sử dụng điện toán đám mây - cloud computing, cơ sở dữ liệu lớn - big data, lập trình an toàn trên ngân hàng điện tử - mobile app/internet banking); triển khai thành công việc tuân thủ hoàn toàn Nghị định 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân. Bên cạnh đó, để đảm bảo hoạt động kinh doanh liên tục trong những tình huống thảm họa (ví dụ như

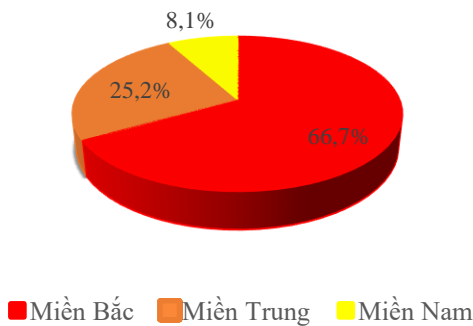
cháy nổ, dịch bệnh, mất điện, mất mạng...), MSB đã tổ chức diễn tập thành công làm việc tại văn phòng thay thế và trên các hệ thống dự phòng định kỳ, lần đầu diễn tập thành công làm việc trên máy tính ảo đối với một số nghiệp vụ đặc thù.

Trong năm 2024, MSB sẽ triển khai dự án đọc căn cước công dân gắn chip và xác thực với C06 - Bộ Công An để tăng cường an toàn giao dịch kênh số và kênh tại quầy, xác thực đa nhân tố đối với hệ thống ngân hàng lõi mới (new core banking), kiểm thử hệ thống dự phòng và kiểm thử khôi phục dữ liệu cho các hệ thống trọng yếu kênh số và new core banking.

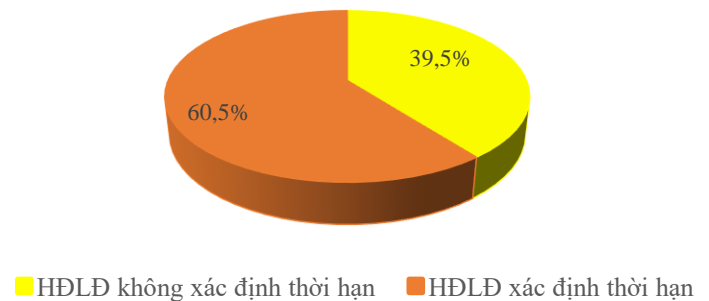
6. Tổ chức và nhân sự

6.1. Thông tin về nhân sự và người lao động

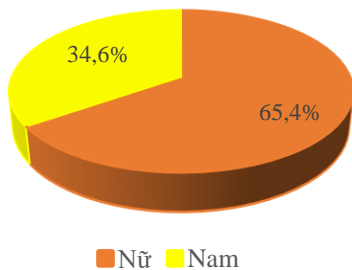
Cơ cấu lao động theo vùng miền



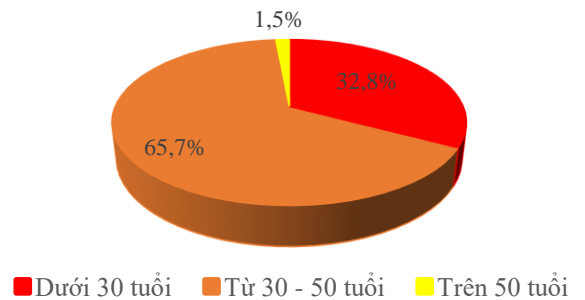
Cơ cấu lao động theo loại Hợp đồng lao động



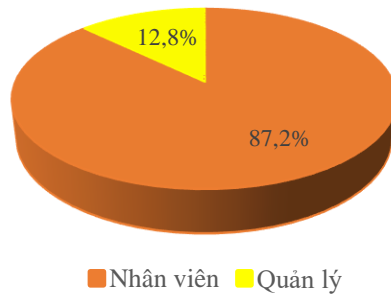
Cơ cấu lao động theo giới tính



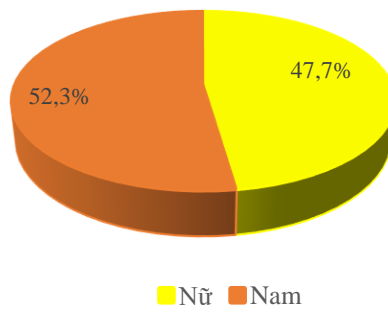
Cơ cấu lao động theo độ tuổi



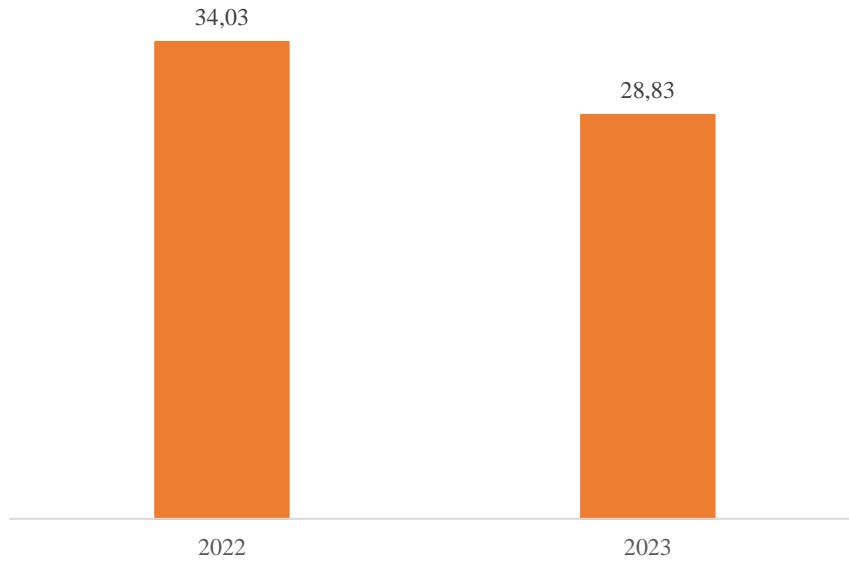
Cơ cấu lao động phân theo nhóm chức danh



Trong nhóm chức danh quản lý phân tách theo giới tính như sau:



Thu nhập bình quân của cán bộ nhân viên MSB năm 2022 – 2023 (đvt: triệu đồng)



Tỷ lệ phần trăm người lao động được đóng các loại bảo hiểm bắt buộc tính trên tổng số lao động thuộc diện phải đóng: 100%

6.2. Hoạt động quản trị nguồn nhân lực



6.2.1. Hoạt động phát triển thương hiệu Nhà tuyển dụng

Với mục tiêu trở thành ngân hàng “Ai cũng muốn tham gia và không ai muốn rời bỏ”, cùng với giá trị cốt lõi là hiệu quả và trọng khách, trong năm 2023, MSB đã thực hiện nhiều hoạt động tuyển dụng nhằm phát triển nguồn nhân lực chuyên nghiệp và đa dạng, mở rộng mạng lưới giao dịch, nâng cao chất lượng dịch vụ.

Ngân hàng đã thu hút hơn 40.000 lượt ứng tuyển của ứng viên vào các vị trí tuyển dụng, tổ chức và tham gia 08 chương trình, sự kiện tuyển dụng trọng điểm như:

- Tổ chức Chương trình Campus to Bank 2023 - Bridging the Gap: chương trình tham quan và giao lưu cho sinh viên Trường Đại học Kinh tế Quốc dân.
- Tham gia Hội chợ việc làm tại Trường Đại học Kinh tế Quốc dân: tổ chức gian hàng và tham gia chương trình trò chuyện (talkshow) giao lưu, chia sẻ kiến thức với sinh viên.
- Tham gia Hội chợ việc làm tại Đại học Bách khoa: tổ chức gian hàng, trò chơi (gameshow) thu hút nhóm ứng viên tiềm năng cho mảng công nghệ, phục vụ mục tiêu số hóa.
- Tham gia Lễ Khai giảng năm học mới và tài trợ học bổng cho các sinh viên có thành tích học tập cao, vượt khó tại Học viện Ngân hàng. Đây là cơ sở để nâng cao mối quan hệ hợp tác giữa một đơn vị hàng đầu đào tạo ngành Tài chính – Ngân hàng và MSB.
- Chương trình Tuyển dụng D-Innovation 04: chương trình tuyển dụng thường niên cho nhóm ứng viên có kinh nghiệm trong mảng công nghệ.
- MSB Bug Hunting: cuộc thi, đấu trường công nghệ dành cho vị trí kiểm thử phần mềm (Tester), giúp tìm kiếm nhân tài công nghệ cho MSB trong lĩnh vực này.
- Tham gia Lễ Khánh thành Trung tâm Đổi mới sáng tạo Quốc gia – NIC Hòa Lạc: tổ chức gian hàng, quảng bá thương hiệu tuyển dụng MSB mảng công nghệ tại sự kiện tầm cỡ quốc gia.
- “Trạm” hạnh phúc: tổ chức khu vực dưới dạng “trạm dừng chân” nhằm tri ân cán bộ nhân viên đã cùng chung tay xây dựng một môi trường làm việc hạnh phúc, lan tỏa thông điệp “Ngân hàng hạnh phúc” tới cộng đồng và ứng viên tiềm năng.

Số lượng lượt ứng tuyển không chênh lệch nhiều so với năm 2022, phản ánh nhu cầu phát triển của ngân hàng trong bối cảnh kinh tế biến động. Các vị trí tuyển dụng chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực như quan hệ khách hàng, tín dụng, công nghệ thông tin, bảo mật, quản trị rủi ro. MSB tiếp tục áp dụng các tiêu chí tuyển dụng theo quy định: nghiêm ngặt, minh bạch và công bằng, dựa trên năng lực, kinh nghiệm, trình độ học vấn và thái độ làm việc của ứng viên. Ngân hàng đã sử dụng nhiều kênh tuyển dụng khác nhau, như trang web tuyển dụng, mạng xã hội, hội thảo, hội chợ việc làm, đối tác tuyển dụng và giới thiệu từ nhân viên nội bộ. Ngân hàng cũng đã tăng cường hợp tác với các trường đại học, cao đẳng để tìm kiếm và đào tạo các ứng viên tiềm năng, đặc biệt là các sinh viên mới tốt nghiệp.

Để nâng cao về thương hiệu nhà tuyển dụng, MSB thực hiện các chiến dịch truyền thông chia sẻ về môi trường làm việc thân thiện, hòa đồng, sáng tạo và nhân văn, nhằm khuyến khích nhân viên gắn bó, đồng thời góp ý kiến xây dựng và đóng góp cho sự phát triển của ngân hàng. Ngoài ra, nội dung chia sẻ còn có các thông điệp về nhiều chương trình đào tạo, chính sách đãi ngộ và phúc lợi hấp dẫn cho nhân viên; đồng thời, tôn vinh và khen thưởng các nhân viên có thành tích xuất sắc, đóng góp nhiều cho ngân hàng.

Những yếu tố then chốt trên giúp MSB đạt được nhiều thành công và giải thưởng uy tín trong khảo sát “Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam” bởi Anphabe - một công ty chuyên về nghiên cứu và tư vấn nhân sự hàng đầu Việt Nam, cụ thể:

- Top 15 Doanh nghiệp tiêu biểu có “Nguồn nhân lực hạnh phúc”.
- Đứng thứ 2 ngành Ngân hàng (Banking).
- Đứng thứ 19 trong nhóm 100 “Nơi làm việc tốt nhất Việt Nam”.

Năm 2023 là một năm nhiều nhiều thử thách trong bối cảnh kinh tế khó khăn, tuy nhiên, MSB vẫn ghi nhận những thành tựu đầy ý nghĩa trong lĩnh vực tuyển dụng và phát triển nhân sự. MSB sẽ tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng hoạt động tuyển dụng, đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển bền vững của ngân hàng, đồng hành "Cùng vươn tầm" với toàn bộ khách hàng, cán bộ nhân viên, cổ đông và cộng đồng.

6.2.2. Chính sách phúc lợi

Một trong 5 giá trị cốt lõi của MSB là giá trị “Nhân văn” với chủ trương “Nhân viên hạnh phúc sẽ nỗ lực để làm khách hàng hài lòng”, theo đó MSB hiểu rõ rằng người lao động là tài sản quý giá nhất của ngân hàng và là cốt lõi của sự phát triển bền vững.

MSB luôn chú trọng tạo môi trường làm việc an toàn, thuận lợi để người lao động an tâm công tác, nâng cao hiệu suất làm việc, ngân hàng đảm bảo chế độ đãi ngộ đa dạng hướng tới tối ưu lợi ích giữa MSB và người lao động.



<p>Chế độ tiêu chuẩn</p>	<p>MSB luôn tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến người lao động và thực hiện đầy đủ các chế độ về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm tai nạn 24/24.</p>
<p>Chính sách lương thưởng</p>	<p>Toàn bộ cán bộ nhân viên ngân hàng được chi trả thù lao theo Quy chế tiền lương, tiền thưởng và nhận được các phúc lợi theo Thỏa ước lao động tập thể. Cấp quản lý cao nhất của MSB (Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát) được chi trả thù lao theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông hàng năm.</p>
<p>Bảo hiểm và chăm sóc sức khỏe</p>	<p>MSB luôn ưu tiên bảo vệ sức khỏe cán bộ nhân viên và thực hiện triển khai các chính sách:</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Khám sức khỏe định kỳ với nhiều hạng mục phù hợp, thực hiện tầm soát bệnh lý theo nhu cầu của cán bộ nhân viên tại các bệnh viện uy tín, chất lượng với chi phí trung bình 1,5 triệu đồng/người. ✓ Bảo hiểm sức khỏe: người lao động được thụ hưởng bảo hiểm sức khỏe toàn diện theo chương trình “MSB Care” với các chính sách và giá trị bảo hiểm gia tăng theo từng năm. Cụ thể, các chức danh lãnh đạo: giá trị bảo hiểm lên đến 1,5 tỷ đồng/người; các chức danh khác: mức bảo hiểm trung bình 300 triệu đồng/người. ✓ Nghỉ dưỡng hàng năm tái tạo sức lao động. ✓ Phòng y tế cho cán bộ nhân viên và phòng chức năng cho cán bộ nhân viên nữ đang trong thời kỳ nuôi con nhỏ.

<p>Phúc lợi/Đãi ngộ</p>	<p>Trợ cấp và khen thưởng:</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Hỗ trợ tiền ăn, đi lại/điện thoại/trang điểm. ✓ Chi thưởng các ngày lễ Tết. ✓ Chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật. ✓ Thưởng dựa trên kết quả thực hiện công việc trong năm. <p>Phúc lợi đời sống:</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Hoạt động văn hóa - nghệ thuật - thể thao. ✓ Quà tặng cho con nhân viên nhân dịp 01/06, Trung thu, đạt danh hiệu học sinh giỏi, ngày hội khai trường. ✓ Ngoài ra, cán bộ nhân viên MSB sẽ được hưởng thêm các chế độ như nghỉ hưởng nguyên lương trong ngày sinh nhật và nghỉ phép thâm niên tăng 01 ngày so với Bộ Luật lao động. <p>Chế độ cho lao động nữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Quà cho nhân viên nữ nhân dịp 08/03, 20/10. ✓ Trợ cấp thai sản. ✓ Ngày nghỉ khám thai tăng thêm so với Luật lao động. ✓ Chế độ nghỉ thai sản: MSB áp dụng chính sách nghỉ thai sản đối với người lao động (cả nam và nữ) tuân thủ quy định của pháp luật lao động và vận dụng chính sách khen thưởng, phúc lợi, bảo hiểm sức khỏe và các loại bảo hiểm gia tăng khác; đồng thời người lao động vẫn được bình xét thi đua hằng năm, xét nâng lương định kỳ và được đánh giá hiệu quả làm việc làm cơ sở xét thưởng hiệu quả làm việc hàng năm và các chế độ phúc lợi có liên quan.
<p>Các đãi ngộ/hỗ trợ/phúc lợi gia tăng gắn kết khác</p>	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Giờ làm việc linh hoạt đối với cán bộ nhân viên làm việc tại Hội sở. ✓ 03 lượt đi muộn/về sớm mỗi tháng với thời gian tối đa 4,5h/tháng và vẫn được trả lương để cán bộ nhân viên gắn kết cùng gia đình. ✓ Chính sách vay ưu đãi cho cán bộ nhân viên. ✓ Ngày nghỉ cho cán bộ nhân viên nam có vợ sinh con.

Trong những năm qua, MSB thường xuyên cập nhật, phân tích đánh giá lương thị trường và đánh giá hiệu quả làm việc của nhân viên (100% người lao động được đánh giá định kỳ hiệu quả công việc). Từ đó, ngân hàng luôn nỗ lực đổi mới và cập nhật thường xuyên chính sách về tiền lương,

thường, phúc lợi phù hợp với chiến lược kinh doanh, đồng thời đảm bảo quyền lợi của cán bộ nhân viên để kiện toàn hệ thống đãi ngộ.

Trong đó, tiêu biểu là dự án “Số hóa hành trình dịch vụ nhân sự” nhằm nâng cao trải nghiệm cho cán bộ nhân viên và những chế độ đãi ngộ gia tăng gắn kết theo chính sách riêng của MSB, các chính sách thu nhập theo kết quả hoàn thành công việc. Ngoài ra MSB luôn nỗ lực bình đẳng hóa giữa cán bộ nhân viên nam và nữ với các phúc lợi dành cho người lao động nữ theo quy định chung của nhà nước và của riêng MSB: MSB cam kết và luôn đảm bảo việc làm đầy đủ cho số lao động nghỉ thai sản được trở lại vị trí cũ sau khi kết thúc thời gian nghỉ.

Về sức khỏe và an toàn nơi làm việc, MSB cam kết mang lại một môi trường làm việc lành mạnh và an toàn; đảm bảo hoàn thành đầy đủ trách nhiệm về an toàn lao động và giảm thiểu nguy cơ gây tổn hại cho người lao động; đồng thời không ngừng cải thiện môi trường làm việc và các chính sách y tế để người lao động có thể yên tâm cống hiến hết mình cho sự phát triển của ngân hàng.

Tại MSB, chúng tôi tuân thủ các quy định của Bộ luật Lao động 2019, Luật An toàn - Vệ sinh lao động 2015; thường xuyên lập kế hoạch bảo trì, cải tiến cơ sở hạ tầng và đào tạo về an toàn vệ sinh lao động.

Việc xác định các rủi ro an toàn, vệ sinh lao động tại MSB như sau:

- Các rủi ro an toàn vệ sinh lao động có thể gặp phải tại MSB có thể kể đến: cháy nổ, tai nạn giao thông, giật điện, chấn thương.
- MSB chưa ghi nhận các tai nạn lao động, cũng như các phản ánh về an toàn sức khỏe nghề nghiệp văn phòng. Ngân hàng đã triển khai các chế độ về bảo hiểm và khám sức khỏe định kỳ cho người lao động nhằm phòng ngừa các bệnh nghề nghiệp và nâng cao đời sống nhân viên.
- Hệ thống quy trình và mạng lưới an toàn vệ sinh cũng đang được cải thiện từng ngày.

MSB đã thực hiện các hành động thiết thực để bảo vệ sức khỏe cán bộ nhân viên và an toàn nơi làm việc, cụ thể:

- Triển khai mô hình phòng y tế tại hội sở Hà Nội, bố trí phòng chức năng cho cán bộ nhân viên nữ đang trong thời kỳ nuôi con nhỏ.
- Luôn tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến người lao động và thực hiện đầy đủ các chế độ về bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo hiểm thất nghiệp; tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp; bảo hiểm tai nạn 24/24 chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ chi phí điều trị, thăm hỏi cho cán bộ nhân viên khi ốm đau, khi bị tai nạn trên đường đi công tác.
- Tổ chức khám sức khỏe định kỳ với nhiều hạng mục phù hợp, thực hiện tầm soát bệnh lý theo nhu cầu của cán bộ nhân viên tại các bệnh viện/cơ sở y tế uy tín, chất lượng với chi phí trung bình 1,5 triệu đồng/người.
- Thực hiện việc đăng ký khám, theo dõi lịch khám định kỳ và lưu trữ dữ liệu về sức khỏe của cán bộ nhân viên trong hệ thống quản lý thông tin nhân sự.

- Có bộ phận quản lý và nhân sự tham gia vào các vấn đề an toàn và điều kiện làm việc để xử lý các vấn đề này một cách nhanh chóng, kịp thời và hiệu quả.
- Thường xuyên tổ chức kiểm tra an toàn vệ sinh lao động tại các cơ sở làm việc.

6.3. Chương trình đào tạo

Trong năm 2023, MSB tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào các chương trình đào tạo phát triển năng lực nhằm nâng cao trình độ của đội ngũ nhân sự, đồng thời xây dựng thể hệ mới có tính kế thừa.



- Các chương trình đào tạo phát triển năng lực được triển khai mạnh mẽ với 64 lớp đào tạo tương ứng 03 dự án, 20 khóa đào tạo cho 2.054 cán bộ lãnh đạo/cán bộ quản lý tham dự, cụ thể:

Nhóm đào tạo Phát triển năng lực	Nội dung khóa đào tạo
Lãnh đạo cấp cao: 04 khóa và 02 dự án (Dự án Leading the way, Lãnh đạo tinh thức, Dự án Cố vấn tinh hoa: Kỹ năng cố vấn (mentoring) & chuyển giao bộ công cụ cố	Dự án Leading The Way Xây dựng khung năng lực và lộ trình đào tạo cho lãnh đạo band 8 trở lên Lãnh đạo tinh thức:

<p>vấn, Lãnh đạo kiêm chuyên gia Pit Stop, Tiếng Anh Lang Premium) Số lượt tham gia: 169 Điểm đánh giá trung bình: 4,7/5</p>	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Thấy biết trong sáng ✓ Bình thân đón nhận ✓ Hành xử tinh tế - Ra quyết định sáng suốt khi đối diện nghịch cảnh <p>Kỹ năng cố vấn (mentoring) & Chuyên giao bộ công cụ cố vấn</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Triết lý và mô hình cố vấn (mentorship) ✓ Bộ năng lực Người cố vấn – Người được cố vấn (Mentor – Mentee) ✓ Bộ công cụ cố vấn <p>Lãnh đạo kiêm chuyên gia Pit Stop</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Sức mạnh của việc tạo ra chất keo kết dính đội ngũ ✓ Sức mạnh của việc thúc đẩy đội ngũ liên tục bứt phá ra khỏi giới hạn của chính mình ✓ Sức mạnh của việc cho và nhận phản hồi giữa các thành viên trong đội ngũ
<p>Cán bộ lãnh đạo toàn hàng: 03 khóa & 01 dự án (Truyền cảm hứng để dẫn dắt sự thay đổi, Leader Talk and Do: Nghệ thuật xoay chuyển tình thế, Dự án M.Digi Leader) Số lượt học viên: 223 Điểm đánh giá trung bình khóa đào tạo M.Leader: 4,6/5 Điểm đánh giá trung bình Dự án M.Digi Leader: 4,1/5</p>	<p>Truyền cảm hứng để dẫn dắt sự thay đổi</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Nền tảng dẫn dắt sự thay đổi ✓ Dẫn dắt đội ngũ trong thay đổi ✓ Kiểm soát căng thẳng và tư duy tích cực ✓ Kể chuyện và giao tiếp truyền cảm hứng <p>Nghệ thuật xoay chuyển tình thế</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Xác định các hành vi có đòn bẩy cao nên tập trung vào ✓ Chẩn đoán nguyên nhân thực sự đằng sau các vấn đề về hành vi ✓ Tạo động lực và nâng cao năng lực cho người khác một cách hiệu quả, bất kể có những quyền hạn được bỏ nhiệm hay không ✓ Tạo ra các chiến lược thay đổi hành vi mang lại kết quả nhanh chóng và lâu dài <p>Dự án M.Digi Leader</p>

	02 khóa đào tạo với 80 lãnh đạo được bổ sung năng lực để truyền cảm hứng và dẫn dắt đội ngũ thay đổi theo chiến lược chuyển đổi số
<p>Cán bộ quản lý toàn hàng: 03 khóa</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Số lượng tham dự khóa học: 695 lượt ✓ Đánh giá trung bình khóa học: 4,6/5 	<p>M, Manager Talk and Do:</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Tạo động lực và gắn kết đội ngũ ✓ Kỹ năng huấn luyện kèm cặp ✓ Giao việc tối ưu, kết quả tối đa ✓ Review, ôn tập <p>Nâng cao năng lực lãnh đạo cho Band 5</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Chân dung người quản lý/lãnh đạo
<p>Cán bộ lãnh đạo & quản lý Khối và Ngân hàng chuyên doanh: 6 khóa (Quản lý kinh doanh (Business Manager - BM) Bootcamp, BM quy hoạch, BM tân binh (onboard), RB Leader, EB Hub Head quy hoạch, Nâng cao kỹ năng lãnh đạo cho quản lý cấp trung EB)</p> <p>Số lượt học viên: 772</p> <p>Điểm TB đánh giá: 4,7/5</p>	<p>BM Bootcamp</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Kỹ năng giao tiếp hiệu quả ✓ Kỹ năng sắp xếp thứ tự ưu tiên và ủy thác ✓ Kỹ năng thuyết trình tạo ảnh hưởng ✓ Kỹ năng quản lý thời gian <p>BM quy hoạch</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Hội thảo (workshop) sản phẩm, nghiệp vụ tín dụng & phi tín dụng ✓ Quản trị kinh doanh/Lập kế hoạch kinh doanh mảng ✓ Quản trị tác nghiệp, rủi ro và tuân thủ ✓ Trải nghiệm khách hàng nâng cao <p>BM onboard</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Phân khúc khách hàng ✓ Mục tiêu, chiến lược & giá trị cốt lõi của MSB ✓ Quản lý P&L ✓ Nhịp vận hành và công cụ hỗ trợ ✓ Trải nghiệm khách hàng ✓ Tác nghiệp rủi ro và tuân thủ ✓ Tổng quan sản phẩm <p>RB Leader</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Huấn luyện và tạo động lực ✓ Quản trị nhân sự cho đội ngũ lãnh đạo RB (HR for non HR)

	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Xây dựng đội ngũ đạt hiệu suất cao <p>EB Hub Head quy hoạch</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Phân tích báo cáo tài chính - Thẩm định khách hàng – Phòng chống gian lận (Fraud) ✓ Phân tích thị trường vi mô & quản lý bán hàng ✓ Quản trị nhân sự cho đội ngũ EB Hub Head quy hoạch (HR for non HR) <p>Nâng cao kỹ năng lãnh đạo cho quản lý cấp trung EB</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Ứng dụng Nhân tướng học trong quản trị nhân sự và kinh doanh
<p>Talentpool: 2 khóa</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Số lượng tham dự khóa học: 195 lượt ✓ Đánh giá trung bình khóa học: 4,2/5 	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Lãnh đạo tinh thức (Search Inside Yourself) ✓ Tổ chức số và hệ sinh thái số (Digital Organization and Ecosystems)

- Hình thức đào tạo và chất lượng của giảng viên nội bộ được đa dạng hóa và liên tục đẩy mạnh để phù hợp với các đối tượng học viên khác nhau (cơ bản/nâng cao, trực tuyến/trực tiếp). Điểm đánh giá các khóa đào tạo của giảng viên nội bộ đã tăng và đạt mức tương đương với giảng viên thuê ngoài là 4,7/5.
- Thời gian đào tạo trung bình năm: 51 giờ với cán bộ quản lý, 47 giờ với cán bộ nhân viên.

Định hướng năm 2024

Bước sang năm 2024, tiếp nối hành trình gia tăng trải nghiệm cho cán bộ nhân viên và nắm bắt các xu hướng chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, MSB sẽ tiếp tục dự án “**Số hóa hành trình dịch vụ nhân sự**” và những dự án khác về công nghệ trong công tác nhân sự như “**Xây dựng phân hệ HRIS trên ứng dụng di động thuộc M-Connect**”, “**Xây dựng hệ thống quản trị hiệu quả làm việc – PMS**”; đảm bảo sự minh bạch về lương thưởng, các chính sách đãi ngộ cũng như tối ưu các nguồn lực của người lao động.

Với đặc thù ngành ngân hàng có thời gian làm việc và khối lượng công việc lớn, MSB luôn ưu tiên thực hiện các chính sách đãi ngộ gia tăng cho cán bộ nhân viên để thúc đẩy sự cân bằng giữa công việc và cuộc sống gia đình. Trong năm 2024, MSB sẽ tiến hành chương trình “**Đồng hành cùng gia đình**” khi tăng ngày phép đối với nữ nhân sự nuôi con nhỏ dưới 12 tháng. Đây là chính sách gia tăng thêm so với quy định của luật để hỗ trợ phụ nữ sau sinh, giúp cán bộ nhân viên nữ

cân bằng cuộc sống và chăm sóc con nhỏ toàn diện. MSB muốn mang đến một môi trường làm việc thân thiện với phụ nữ và gia đình; thể hiện sự quan tâm, chăm sóc từ phía doanh nghiệp đối với nhân viên và gia đình của họ.

Trong năm 2023, MSB cũng thực hiện các khảo sát, thực hiện các chương trình đóng góp sáng kiến để lắng nghe các nguyện vọng của cán bộ nhân viên. Trong đó, năm 2024, MSB lựa chọn sáng kiến cung cấp thêm các lựa chọn thay thế cho vé gửi xe, trợ cấp gửi xe hàng tháng. Đội ngũ nhân sự sẽ được lựa chọn các phương án thay thế cho vé gửi xe, hỗ trợ gửi xe bằng việc lựa chọn các phương tiện công cộng như vé xe bus, vé tàu điện... Đây cũng là sáng kiến hướng đến sự phát triển bền vững khi không chỉ mang đến trải nghiệm tốt cho người lao động khi chủ động lựa chọn phương án hỗ trợ phương tiện đến nơi làm việc mà còn mang lại nhiều lợi ích khác như: bảo vệ môi trường, giảm ùn tắc giao thông, tiết kiệm chi phí, tăng cường sức khỏe...

Về đào tạo, trong năm 2024, MSB sẽ tiếp tục tổ chức nhiều khóa học hữu ích cho cán bộ nhân viên nhằm nâng cao năng lực trong công việc chuyên môn cũng như công tác quản lý, dự kiến như sau:

Nhóm đào tạo Phát triển năng lực	Khóa đào tạo dự kiến
Lãnh đạo cấp cao	<ul style="list-style-type: none"> - Dự án Nâng cao năng lực cho lãnh đạo từ Band 8 trở lên (Leading the way) - Huấn luyện 1-1 cho lãnh đạo cấp cao (Executive coaching) - Khóa đào tạo ngắn hạn cho lãnh đạo cấp cao (Executive short course) - Cố vấn tinh hoa giai đoạn 2: <ul style="list-style-type: none"> ✓ Sáng kiến cải tiến ✓ Mở rộng hoạt động cố vấn (mentoring) kết hợp với trao quyền
Cán bộ lãnh đạo toàn hàng (band 7): 04 khóa	<ul style="list-style-type: none"> - Xu hướng sử dụng AI trong công tác quản trị và hoạt động đổi mới sáng tạo tại Ngân hàng - Huấn luyện thông qua trải nghiệm - Tư duy hệ thống trong chuyển đổi số - Xây dựng thương hiệu cá nhân
Cán bộ quản lý toàn hàng (band 5, band 6): 03 khóa	<ul style="list-style-type: none"> - Tư duy hệ thống trong chuyển đổi số - Lập kế hoạch và quản trị thực thi - Huấn luyện và kèm cặp nhân viên
Cán bộ chuyên gia toàn hàng (band 5, band 6): 02 khóa	<ul style="list-style-type: none"> - Tư duy hệ thống trong chuyển đổi số - Huấn luyện và kèm cặp nhân viên

<p>Đào tạo elearning cho cán bộ quản lý và chuyên gia toàn hệ thống</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tư duy thiết kế - Quản trị sự thay đổi - Tác động của Chuyển đổi số tới kinh doanh - Phân tích dữ liệu (Data Analysis)
<p>Phát triển năng lực cán bộ quản lý theo từng Ngân hàng chuyên doanh/Khối/Đơn vị</p>	<p><u>Ngân hàng Bán lẻ</u></p> <p>Chương trình nâng cao năng lực cho BM (BM Bootcamp)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giai đoạn 1: Học tập và thực hành cơ bản ✓ Đào tạo về đặc điểm và chính sách tín dụng ✓ Sản phẩm phi tín dụng ✓ Nghiệp vụ dịch vụ khách hàng ✓ Quản trị chất lượng dịch vụ ✓ Hội thảo sản phẩm tín dụng, phi tín dụng ✓ Thực địa vị trí nghiệp vụ chuyên môn của các chức danh tại chi nhánh - Giai đoạn 2: ✓ Quản trị con người, quản lý đội nhóm ✓ Kỹ năng huấn luyện, phản hồi ✓ Lập và triển khai kế hoạch kinh doanh ✓ Quản trị rủi ro, tuân thủ ✓ Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình ✓ Thực địa vị trí BM <p>BM kế cận</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Nghiệp vụ tín dụng ✓ Nghiệp vụ phi tín dụng ✓ Kỹ năng thuyết trình ✓ Quản trị trải nghiệm khách hàng ✓ Kỹ năng quản lý đội nhóm ✓ Quản trị rủi ro & tuân thủ ✓ Lập kế hoạch kinh doanh ✓ Hội thảo - Giao chỉ tiêu & lập kế hoạch bán hàng ✓ Hội thảo - Triển khai chương trình kinh doanh/chiến dịch bán hàng <p>BM onboard</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Cơ cấu tổ chức, lộ trình nghề nghiệp

	<ul style="list-style-type: none"> ✓ KPI ✓ Quản lý P&L ✓ Nhịp vận hành & công cụ hỗ trợ ✓ Tổng quan tín dụng ✓ Quy trình, chính sách cấp tín dụng bán lẻ ✓ Hướng dẫn thẩm định khách hàng bán lẻ ✓ Nghiệp vụ kiểm soát, quản lý rủi ro hoạt động & Chất lượng dịch vụ ✓ Phòng chống gian lận ✓ Sản phẩm thế chấp linh hoạt ✓ Sản phẩm thế chấp hộ kinh doanh ✓ Sản phẩm tín chấp - phân khúc khách hàng từ lương ✓ Sản phẩm tín chấp - phân khúc khách hàng kinh doanh <p><u>Ngân hàng doanh nghiệp</u></p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Kỹ năng quản trị và điều hành dành cho trưởng nhóm (team leader), trưởng trung tâm (hub head) <p><u>Dự án M.Digi Leaders</u></p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Chương trình M.Digi Leaders: xây dựng khung năng lực và lộ trình đào tạo cho từng lãnh đạo số (digital leader) được lựa chọn. Chương trình gồm: 5 buổi đào tạo chính, 12 buổi thảo luận nhóm nhỏ chuyên sâu, 19 buổi chia sẻ của chuyên gia, 84 buổi chia sẻ của chuyên gia huấn luyện theo vị trí công việc. ✓ Học viện số (digital academy): Dự kiến thực hiện 5 mảng nội dung chính, mỗi mảng gồm 3 mức độ (cơ bản, nâng cao, chuyên gia) cho nhóm chủ đạo (core team) công nghệ của các dự án chuyển đổi trên toàn hàng.
<p>Talentpool: 3 khóa</p>	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Cập nhật kiến thức liên quan tới rủi ro pháp lý hoạt động ngân hàng trong bối cảnh chuyển đổi số. ✓ Xu hướng sử dụng AI trong công tác quản trị và hoạt động đổi mới sáng tạo tại ngân hàng. ✓ Huấn luyện thông qua trải nghiệm.

7. Hoạt động phát triển văn hóa

“Trở thành một doanh nghiệp phát triển mạnh mẽ và bền vững” là mục tiêu lớn nhất MSB đang hướng tới. Để thực hiện được điều đó, bên cạnh các chiến lược kinh doanh, nhân sự, hay chuyển đổi số, ngân hàng đặc biệt chú trọng tới phát triển văn hóa doanh nghiệp.

Ngày 26 tháng 6 năm 2023, nhằm khẳng định rõ định hướng mới trong phát triển văn hóa, Hội đồng quản trị MSB phê duyệt Nghị quyết số 0420/2023/NQ-HĐQT về việc điều chỉnh giá trị cốt lõi của Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam, với các giá trị cốt lõi hướng tới là Trọng khách – Sáng tạo – Trách nhiệm – Hiệu quả - Nhân văn.



Lãnh đạo MSB và sự kiện văn hóa về 5 giá trị cốt lõi mới

Trong giai đoạn 6 tháng cuối năm 2023 vừa qua, nhằm giúp cán bộ nhân viên MSB thấm nhuần văn hóa, dịch chuyển văn hóa định hướng “con người - kết quả” sang văn hóa định hướng “con người - đổi mới”, Ban Văn hóa doanh nghiệp đã triển khai các hoạt động phổ cập nền tảng văn hóa, thực thi phát triển văn hóa mạnh mẽ và triển khai trên toàn hàng. Bước đầu, hoạt động này ghi nhận nhiều kết quả tích cực. Các chương trình đào tạo nền tảng văn hóa doanh nghiệp liên tục được tổ chức, ghi nhận 97% cán bộ nhân viên đã tham gia và hoàn thành; nhiều chương trình thi đua liên minh thực hiện thành công và triển khai sâu rộng như câu lạc bộ như M runners, M music... Việc tham gia thực thi các hoạt động phát triển văn hóa giúp đội ngũ nhân sự gắn kết, nâng cao tinh thần phối hợp chặt chẽ giữa các Khối, Phòng ban Hội sở và đơn vị kinh doanh. Mục tiêu xây dựng văn hóa tổ chức vững mạnh hướng tới việc tạo đòn bẩy giúp ngân hàng phát triển không những hiệu quả mà còn phát triển bền vững, mang đến nét văn hóa đặc trưng cho MSB và

góp phần thúc đẩy môi trường làm việc hạnh phúc. Vì vậy 5 giá trị cốt lõi và 15 chuẩn hành vi văn hóa đã định hình cần được đưa vào thói quen trong hành động của mỗi người MSB.

Những thay đổi tích cực và nền tảng chiến lược của MSB trong thời gian qua đã tạo điều kiện cho các hành động phát triển văn hóa vươn tầm. Phần lớn nhân sự cấp cao và chủ chốt đều tin tưởng, gắn kết và có tâm thế sẵn sàng thay đổi, trao quyền. Cùng với đó, Ban Văn hóa doanh nghiệp đã xây dựng một đội ngũ đại sứ văn hóa phân bố trên khắp các vùng miền nhằm lan tỏa, thúc đẩy các hoạt động phát triển văn hóa trên toàn hàng. Đây là đội ngũ tiên phong thực thi và dẫn dắt, lan tỏa giá trị văn hóa tới toàn thể cán bộ nhân viên MSB thông qua các câu lạc bộ kết nối, thi đua liên minh, đào tạo...nhằm nâng cao quá trình trưởng thành thực thi văn hóa doanh nghiệp MSB.

Song hành cùng chiến lược MSB giai đoạn 2023 - 2027, Ban Văn hóa doanh nghiệp đã xây dựng chiến lược phát triển văn hóa năm 2023 - 2025. Cùng với đó, định hướng phát triển văn hóa năm 2024 đã được xây dựng với mục tiêu tiếp tục phổ cập nền tảng văn hóa doanh nghiệp MSB và đặc biệt là lan tỏa chủ đề “Lãnh đạo phục vụ”, cụ thể như sau:

- Phổ cập nền tảng văn hóa doanh nghiệp giúp cán bộ nhân viên thấm nhuần và đưa bộ chuẩn hành vi của các giá trị cốt lõi vào công việc hàng ngày. Các khóa đào tạo hướng dẫn cách thức thực thi văn hóa doanh nghiệp sẽ tiếp tục được triển khai sâu rộng và giúp đội ngũ nhân sự dễ dàng ứng dụng và thực thi.
- Dịch chuyển văn hóa định hướng “con người - kết quả” sang định hướng văn hóa “con người - đổi mới” thông qua chương trình thi đua liên minh, các câu lạc bộ tiếp tục được lan tỏa và triển khai trực tiếp tại các khu vực vùng tỉnh, dưới sự đồng hành dẫn dắt của Ban Văn hóa doanh nghiệp và đội ngũ đại sứ văn hóa.
- Đẩy mạnh truyền thông lan tỏa chủ đề “Lãnh đạo phục vụ” tới lãnh đạo, quản lý cấp trung tại các đơn vị kinh doanh, trong đó thể hiện tinh thần Lãnh đạo làm gương. Tất cả lãnh đạo đều cần: chủ động cởi mở - lắng nghe chia sẻ - hỗ trợ - đồng hành - chịu trách nhiệm cùng cán bộ nhân viên trong quá trình triển khai công việc, từ đó thúc đẩy tinh thần chủ động hơn - dám dấn thân - dám nghĩ - dám làm - đổi mới và cùng chia sẻ trách nhiệm từ cán bộ nhân viên đối với lãnh đạo.



Hội nghị tại MSB với tinh thần “Lãnh đạo phục vụ”

Trong năm 2024, Ban Văn hóa doanh nghiệp sẽ thực hiện triển khai mạnh mẽ các hoạt động phát triển văn hóa và lan tỏa tới cộng đồng thông qua các Câu lạc bộ: M Runners, M Sống xanh (thiện nguyện). Với mục tiêu lan tỏa mạnh mẽ hình ảnh về con người, thương hiệu ngân hàng tới cộng đồng, các câu lạc bộ thường xuyên được tổ chức và triển khai trên các tỉnh thành có điểm giao dịch MSB, từ đó lan tỏa giá trị nhân văn và góp phần đẩy mạnh chủ đề phát triển bền vững trong nội bộ cũng như bên ngoài.

8. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án

8.1. Các dự án công nghệ

Với quyết tâm thực hiện chuyển đổi số một cách bài bản và toàn diện, MSB đã xây dựng các chương trình chiến lược và lộ trình số hóa nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ cho khách hàng bên ngoài và khách hàng nội bộ. Dưới sự hỗ trợ của các đơn vị tư vấn như BCG và McKinsey, MSB đã định hình được các chương trình lớn như BPM (business process management), EDT (enterprise data transformation), DC (digital channel), STP (straight through processes).

Dưới định hướng chung này, trong năm 2023, MSB đã bước đầu triển khai thành công nhiều dự án có tính chất nền móng cho lộ trình số trong tương lai. Tiêu biểu như dự án Low code cho phép xây dựng ứng dụng mà không cần phải viết mã lập trình từ đầu, người dùng có thể sử dụng các

công cụ kéo thả thông qua giao diện cũng như các thành phần có sẵn để tạo ra ứng dụng một cách dễ dàng; hay dự án ERP nhằm số hóa hành trình nội bộ trong việc quản lý tài sản, quy trình lưu trữ hồ sơ và quản lý các tài khoản để quản lý tài chính một cách dễ dàng, hạn chế sự can thiệp thủ công của con người; dự án New ATM triển khai ATM thế hệ mới cho phép khách hàng có thể tự thao tác các dịch vụ ngân hàng như nộp tiền, rút tiền và tương tác trực tuyến hai chiều với cán bộ ngân hàng 24/7.

Cũng trong năm 2023, nhiều dự án củng cố năng lực hạ tầng đã được thực hiện: thay mới hệ thống tủ đĩa và San Switch để nâng cao khả năng lưu trữ và định tuyến tầng mạng; nâng cấp RAM của hệ thống máy chủ Wintel của DC nhằm tăng tốc độ xử lý giao dịch... Những dự án này đã giúp năng lực hạ tầng của MSB hoạt động một cách ổn định với hiệu năng cao, đáp ứng yêu cầu các dự án số trong thời gian tới.

Bên cạnh đó, MSB cũng đã triển khai giải pháp SDWAN đi kèm với những biện pháp bảo mật cao. Giải pháp này ngoài việc giảm chi phí về kênh truyền còn cho phép MSB dễ dàng kiểm soát lưu lượng trên hạ tầng mạng, chuyển hướng định tuyến đường truyền một cách linh hoạt, giám sát 24/7 liên tục và cho phép thiết lập ưu tiên về lưu thông theo mức độ quan trọng của giao dịch tài chính.

Trong nội bộ MSB, dự án “Thay thế máy tính cá nhân” trên toàn hệ thống đã được triển khai thành công tới hơn 7.000 cán bộ nhân viên, từ đó thúc đẩy hiệu suất lao động tăng mạnh trên diện rộng, nâng cao tới 40% tốc độ xử lý. Đặc biệt, dự án này mang lại hiệu quả lớn trong việc giảm thiểu thời gian xử lý giao dịch cho khách hàng tại quầy, đồng thời, đưa máy tính người dùng tương thích với những phần mềm mới, hiện đại, sẽ được triển khai trong tương lai cũng như đáp ứng tuân thủ quy định máy tính trong công tác kiểm tra, giám sát, đảm bảo an toàn, phòng chống rủi ro.

Ngoài các chương trình chiến lược, Khối Công nghệ và các bộ phận kinh doanh còn chủ động triển khai các dự án khác trong năm 2023 như:

- Nâng cao năng lực quản trị và tích hợp hệ thống: MSB đã thành lập Phòng Giao diện lập trình ứng dụng (API) để triển khai xây dựng nền tảng công nghệ và hỗ trợ các dự án trong vấn đề tích hợp. Khối Công nghệ đã xây dựng xong nền tảng API dựa trên công nghệ hiện đại, chuẩn hóa các API cốt lõi cho hệ thống và nhiều dự án trong việc tương tác. Song song đó, các cơ chế quản lý, quản trị và tiêu chuẩn công nghệ trong tích hợp cũng đã được ban hành. Việc quản lý vòng đời của API được quản lý một cách chuyên nghiệp thông qua đội ngũ API CoE từ lúc lên ý tưởng, thiết kế, đưa vào sử dụng, đến khi kết thúc.
- Chuyển dịch lên dữ liệu đám mây (cloud): MSB xây dựng chiến lược và lộ trình triển khai việc chuyển dịch lên nền tảng Cloud thông qua việc thành lập bộ phận chuyên trách cloud CoE để:
 - Tư vấn cho Ban Lãnh đạo xây dựng tầm nhìn và chiến lược di chuyển dữ liệu (data migration) lên cloud.

- Là đầu mối xây dựng phương án đảm bảo an toàn thông tin và quản trị rủi ro cùng với các bộ phận khác.
- Quản lý và quản trị việc cấp phát tài nguyên và chi phí sử dụng dịch vụ cloud một cách hiệu quả.
- Xây dựng mô hình cung ứng dịch vụ trên nền tảng cloud một cách tối ưu cho toàn hàng.

Năm 2024, Khối Công nghệ hướng tới các mục tiêu trọng điểm:

- Hoàn thành triển khai hệ thống Ngân hàng lõi (core banking) mới trong Quý I/2024 và tiếp tục hỗ trợ các đơn vị nghiệp vụ khi có vấn đề phát sinh, đảm bảo ổn định giao dịch và hoạt động của MSB.
- Đẩy mạnh công tác số hóa đặc biệt trên các kênh Ngân hàng điện tử (mobile/internet banking) theo hướng hành trình “end to end” để số hóa toàn diện và mang lại trải nghiệm tốt cho khách hàng.
- Xây dựng nền tảng dữ liệu lớn với việc cho phép khai thác và phân tích thông minh, phục vụ ra quyết định cho vay và hỗ trợ kinh doanh số như: tiếp thị số (digital marketing), kênh bán (digital sale)...
- Là nền tảng dữ liệu hỗ trợ kinh doanh một cách tối đa cũng như tạo ra sự đồng nhất về thông tin trên tất cả các kênh từ trực tiếp (offline) đến trực tuyến (online) và ngược lại.

8.2. Các dự án số hóa

Tiếp nối chiến lược số hóa ngân hàng, năm 2023, MSB đã triển khai nhiều dự án lớn và đã đem lại những kết quả bước đầu khả quan:

8.2.1. Dự án Nhà máy số (Digital Factory): Với mục tiêu số hóa trọn vẹn hành trình nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng, ứng dụng phân tích nâng cao cho việc ra quyết định để tối ưu hóa hiệu quả hoạt động và giảm thiểu rủi ro, thúc đẩy văn hóa số, năm 2023, dự án đã số hóa từng phần, toàn phần các hành trình:

- Hành trình tín chấp, thẻ tín dụng (khách hàng cá nhân) đã số hóa 100% từ đăng ký đến giải ngân, phát hành thẻ;
- Hành trình tín dụng khách hàng phân khúc kinh doanh (Chủ kinh doanh - BO, Tiểu thương - SBO, Doanh nghiệp siêu nhỏ - SSE) đã số hóa 100% từ bước đăng ký vay đến phê duyệt dành cho khách hàng mới và khách hàng hiện hữu.
- Hành trình bảo hiểm đã thực hiện trực tuyến 100% các bước gồm: đăng ký, thanh toán, phát hành, tái tục, quản lý hợp đồng.
- Hành trình cho vay mua nhà (homeloan) bước đầu số hóa quy trình đăng ký vay.

- Hành trình tín chấp, thế chấp cho khách hàng doanh nghiệp: Hoàn thiện toàn bộ hành trình cấp tín dụng cho khách hàng doanh nghiệp, phục vụ mọi nhu cầu cấp mới và tái cấp tín dụng.
- Hành trình cấp tín dụng cho đối tác Solv và Misa: Số hóa 100% hành trình cấp tín dụng từ bước đăng ký vay đến phê duyệt cho khách hàng trên chính nền tảng của đối tác.
- Hành trình cấp tín dụng phê duyệt thẳng cho khách hàng đã số hóa 100% từ bước đăng ký vay đến soạn thảo hợp đồng tín dụng cho khách hàng, tự động hóa thẩm định phê duyệt, soạn thảo hồ sơ.

Việc hoàn thiện số hóa thêm nhiều hành trình trải nghiệm đã giúp MSB tăng trưởng mạnh mẽ về số lượng khách hàng với 33.000 khách hàng mới trong năm 2023, trong đó khách hàng thẻ chiếm gần 50% tương đương với 16.000 thẻ mới. Bên cạnh đó, doanh thu từ kênh số cũng ghi nhận mức 500 tỷ đồng.

8.2.2. Dự án Hiện đại hóa hệ thống ngân hàng lõi (Core Banking): thay thế các hệ thống ngân hàng lõi hiện tại bằng bộ giải pháp core banking mới. Hệ thống ngân hàng lõi mới với nhiều tính năng ưu việt sẽ giúp gia tăng tính bảo mật, tăng tốc độ xử lý và tính chính xác của hệ thống, nâng cao trải nghiệm khách hàng. Tiếp nối lộ trình chuyển đổi Core Banking, trong năm 2023, MSB đã hoàn thành 03 đợt kiểm thử diện rộng các tính năng của T24, 03 đợt thử nghiệm dữ liệu thật tại toàn bộ các Chi nhánh/Phòng giao dịch, ghi nhận kết quả khả quan với 89% các tính năng của T24 được đơn vị đánh giá đạt yêu cầu. Trước đó, để có sự chuẩn bị và làm quen tốt nhất, Dự án đã hoàn thành xây dựng bộ tài liệu đào tạo chi tiết và tổ chức 03 đợt đào tạo Core T24 cho cán bộ nhân viên toàn hàng.

8.2.3. Dự án Nền tảng ngân hàng số (Digital Channel): phát triển nền tảng kênh số ổn định, đảm bảo khả năng mở rộng và độ tin cậy cao; xây dựng nền tảng mới cho Ngân hàng Bán lẻ, Ngân hàng Doanh nghiệp và các ứng dụng số; đồng nhất trải nghiệm khách hàng trên các hành trình, các kênh. Các tính năng đặc trưng của dự án có thể kể tới:

- Tài khoản phong thủy - M-Nick, tài khoản đa phong cách.
- Triển khai tính năng rút tiền qua mã (Cash by code), trích nợ tự động, mua bán ngoại tệ, chia sẻ lịch sử giao dịch, sao kê biến động tài khoản, giải ngân thanh toán quốc tế...

Với mục tiêu xây dựng kênh số vươn tầm “world class”, MSB đã xây dựng chiến lược và kế hoạch triển khai các kênh số trên nền tảng internet và di động theo tư vấn của McKinsey với tiêu chí sau:

- An toàn tuyệt đối và trải nghiệm đồng nhất trên toàn bộ các kênh giao dịch cho khách hàng.
- Hệ thống có khả năng tương tác hai chiều trong giao dịch số để phục vụ khách hàng.
- Tối đa khả năng cá nhân hóa theo khách hàng để đạt được sự trải nghiệm tốt nhất trong giao dịch với ngân hàng.

- Ổn định, thuận tiện và nhanh chóng.

8.2.4. Dự án Magnet: xây dựng hạ tầng toàn diện, tận dụng sức mạnh của dữ liệu thời gian thực (real-time) và 360 độ về khách hàng, đồng thời áp dụng các công nghệ tiếp thị để thu hút, gắn kết và giữ chân người dùng thông qua những trải nghiệm sáng tạo và cá nhân hóa. Dự án đã giúp:

- Thu hút hơn 10.000 khách hàng cá nhân mới.
- Tỷ lệ chuyển đổi từ “cài đặt ứng dụng” đến khách hàng “đăng ký tài khoản thành công” đạt 12%, cao hơn mức tăng trưởng cơ sở 2%.
- Hành trình tái tiếp thị đối với khách hàng chưa sử dụng dịch vụ: chuyển từ 8 tiếng làm thủ công/1 tuần thành tự động hóa 100%.
- Tỷ lệ khách hàng sử dụng tài khoản đạt 76%, gấp 3 lần mức tăng trưởng cơ sở.

8.2.5. Dự án Số hóa quy trình vận hành (BPM Op - BPM Risk): triển khai số hóa quy trình tác nghiệp tín dụng từ cho vay tới quản lý tài sản đảm bảo hay các quy trình vận hành để tối ưu hóa nguồn lực tại bộ phận chuyên môn; số hóa nhiều mảng quy trình như phê duyệt nội bộ trong công tác hành chính quản trị, quản lý/cấp phát tài sản, quản trị nhân sự, kiểm soát rủi ro..., giúp cải thiện năng suất lao động rõ rệt và tạo nên một cấu phần quan trọng trong hành trình số cho khách hàng tại MSB trong thời gian tới.

Kết quả năm 2023 của dự án đạt:

- Số hóa 8/9 luồng quy trình vận hành luồng làm việc với 7/8 luồng tăng 20% năng suất lao động (gồm soạn thảo, hạn mức, giải ngân, bảo lãnh, L/C, chuyển tiền quốc tế, dịch vụ sau vay).
- Phát triển thành công nền tảng tín dụng trên kênh số duy nhất (digi lending) phục vụ trọn vẹn hành trình cho vay khách hàng cá nhân và phát triển thành công nền tảng nội bộ phục vụ khách hàng doanh nghiệp.
- Số hóa thành công 5 luồng quy trình phê duyệt cấp tín dụng cho khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp và tích hợp hơn 15 hệ thống vệ tinh vào digi lending.
- Tiếp tục số hóa 33 luồng quy trình phê duyệt cấp tín dụng cho khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp trong năm 2024.

8.2.6. Dự án Chuyển đổi vận hành (Operations Transformation): phát triển các kênh bổ sung để tiếp nhận yêu cầu của khách hàng như giải pháp/dịch vụ trò chuyện tự động (chatbot), hỗ trợ 24/7 nhằm cải thiện, nâng cao trải nghiệm và cải tiến các giao dịch tại quầy. Dự án đã giúp:

- Chuyển đổi mô hình dịch vụ: tăng tỷ trọng yêu cầu tiếp nhận từ kênh số năm 2023 đạt 27%.

- Tăng cường trải nghiệm khách hàng: dễ dàng tiếp cận và gửi yêu cầu thông qua kênh số (đa kênh) bao gồm website, mobile app, zalo, facebook. Khách hàng cá nhân dễ dàng khởi tạo, gửi và theo dõi yêu cầu tra soát chuyển tiền, tra soát thẻ...trên mobile app.
- Tối ưu hiệu quả vận hành: giảm 50% thời gian tạo yêu cầu tra soát tại Trung tâm hỗ trợ khách hàng (Call Center); tập trung số hóa mô hình dịch vụ tra soát; thiết kế giải pháp rút ngắn thời gian tiếp nhận yêu cầu của khách hàng, quản trị được số lượng và chất lượng yêu cầu. Các luồng tiếp nhận và xử lý được cải tiến (bao gồm hệ thống và quy trình) để tối ưu cam kết về dịch vụ và gia tăng tỷ lệ tự động hóa trên suốt hành trình.

8.2.7. Dự án Chuyển đổi dữ liệu doanh nghiệp (Enterprise Data Transformation): thống nhất chiến lược dữ liệu toàn hàng; nâng cao năng lực tổ chức, quản trị và khai thác dữ liệu toàn hàng.

- **Nền tảng dữ liệu (Data Platform):** cho phép tích hợp tự động kết quả phân tích về phân khúc khách hàng, tích hợp các giao dịch khách hàng theo thời gian thực; hỗ trợ bộ phận Tiếp thị số (Digital marketing) triển khai các chiến dịch và thu thập phản hồi của khách hàng một cách tự động.
- **Quản trị dữ liệu (Data Governance):** thiết lập cơ cấu, quy định, quy trình quản trị dữ liệu toàn diện cho MSB; hoàn thiện siêu dữ liệu (Metadata) các trường thông tin cho khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp; xây dựng các tính năng cơ bản của công cụ quản trị dữ liệu và xây dựng bizcap cho giải pháp quản trị dữ liệu.
- **Phân tích dữ liệu (Data Analytics):** thực hiện phân tích chân dung và hành vi sử dụng của khách hàng, tích hợp các mô hình chấm điểm để phục vụ định hướng kinh doanh.

Để triển khai tốt chiến lược số hóa, MSB xác định ưu tiên hàng đầu là phát triển cơ sở dữ liệu lớn tập trung, phục vụ phân tích nâng cao, tối ưu khả năng khai thác sử dụng thông tin hiệu quả, kịp thời. Năm 2023, MSB đã xây dựng được chiến lược về dữ liệu, phân tách rõ chức năng khai thác và quản trị một cách tường minh, đồng thời tổ chức đào tạo cụ thể cho nhân sự để nâng cao năng lực chuyên gia và minh bạch trong khai thác, quản trị dữ liệu. Các trường hợp sử dụng (usecase) về dữ liệu cần ưu tiên cũng đã được xác lập và đang được triển khai theo từng phân vùng cụ thể, đảm bảo tối ưu nhất cho MSB. Với nền tảng công nghệ và kiến trúc cho dữ liệu lớn, MSB đã thử nghiệm nhiều vòng để xác định mức độ phù hợp và tối ưu nhất với đặc thù kinh doanh, dự kiến trong năm 2024 sẽ chính thức áp dụng để khai thác và phân tích dữ liệu lớn trên diện rộng.

8.2.8. Dự án Quản trị rủi ro luồng phê duyệt thẳng (Risk STP – Straight Through Processing): thiết kế quy trình, chính sách, tích hợp và số hóa các quy trình trên mô hình rủi ro và phê duyệt rủi ro, phát triển môi trường thời gian thực; xây dựng và nâng cấp mô hình quản trị rủi ro và các luồng công việc tiêu chuẩn.

- Tự động hóa sàng lọc các khách hàng quan tâm, phê duyệt trước cho các dự án số hóa.
- Hệ thống tự động xếp hạng tín dụng 100% không cần con người, giảm thời gian thực hiện từ 30 – 45 phút xuống còn 3 phút.
- Tự động hóa các báo cáo danh mục tín dụng, nhận diện cảnh báo sớm và các rủi ro tiềm ẩn.

Trong năm 2023, MSB đã xây dựng xong mô hình, các điều kiện dữ liệu cần thiết và triển khai thử nghiệm một số tính năng áp dụng trong việc cho vay tự động trên các kênh số của MSB, giúp nâng cao trải nghiệm khách hàng. Các hành trình cho vay đều được khách hàng đánh giá cao về hiệu quả và tính tiện dụng.

8.2.9. Dự án Hạ tầng bán hàng số (Digital Sale Platform): phát triển một nền tảng duy nhất cho lực lượng bán hàng (frontline) tích hợp thuận tiện với các nền tảng số khác của ngân hàng và đối tác, từ đó giúp nâng cao hiệu suất bán hàng, phát triển năng lực đội ngũ bán và mở rộng nhanh chóng kênh bán cho MSB.

- Hỗ trợ đơn vị kinh doanh nắm bắt thông tin, định hướng khai thác khách hàng, thông tin của khách hàng đầy đủ và thống nhất trên một nền tảng.
- Đảm bảo 100% hoạt động khởi tạo, quản lý cơ hội bán hàng ngày của lực lượng bán hàng được thực hiện trên nền tảng số.
- Tích hợp với các nền tảng hệ thống khác của MSB để gia tăng lượng khách hàng quan tâm, cơ hội bán và cập nhật tự động thông tin, tình trạng hồ sơ, trạng thái xử lý cơ hội bán cho người dùng.
- Kết nối dữ liệu hệ thống và tiếp nhận gợi ý cơ hội bán mới để hỗ trợ cho cán bộ bán hàng. Hỗ trợ cán bộ bán hàng quản lý khách hàng hiện hữu và tối ưu hóa danh mục khách hàng.

9. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của MSB

Theo ước tính của Ngân hàng Thế giới, trong giai đoạn 2011-2022, thiệt hại về kinh tế do tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu tại Việt Nam có thể lên đến trên 10 tỷ USD. Để thích ứng với biến đổi khí hậu, Việt Nam đã ban hành Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030 (NAP), tầm nhìn đến năm 2050 với 3 nhóm nhiệm vụ, giải pháp ưu tiên về nâng cao hiệu quả thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường khả năng chống chịu và nâng cao năng lực thích ứng của cộng đồng, các thành phần kinh tế và hệ sinh thái; giảm nhẹ rủi ro thiên tai và giảm thiểu thiệt hại, sẵn sàng ứng phó với thiên tai và khí hậu cực đoan gia tăng. Tuy nhiên, Việt Nam có nhiều thách thức đang phải đối mặt là thiếu hụt về nguồn lực tài chính, trình độ, kinh nghiệm, chưa đáp ứng kịp với yêu cầu cấp bách. Theo ước tính, nhu cầu tài chính cho thích ứng biến đổi khí hậu của Việt Nam trong giai đoạn 2021 - 2030 lên đến 100 tỷ USD.

Đồng hành cùng Chính phủ Việt Nam trong tiến trình ứng phó với biến đổi khí hậu, hướng tới mục tiêu đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050, MSB tiếp nối các hoạt động nền móng cho phát triển bền vững (PTBV) của ngân hàng kể từ năm 2022 (các cam kết với Chính phủ Việt Nam, thành lập Ủy ban Phát triển bền vững, hợp tác với đối tác quốc tế có kinh nghiệm xây dựng hệ thống quản lý rủi ro Môi trường - Xã hội (ESMS)). Năm 2023 trở thành năm ghi nhận các hoạt động mang tính cột mốc trong quá trình “xanh hóa” của ngân hàng, sự chuyển mình từ nội bộ đến vị thế tiên phong trên thị trường ngân hàng trong các hoạt động phát triển bền vững, đảm bảo các mục tiêu đạt ra từ năm 2022 được triển khai, thực thi, cụ thể:

- Với hỗ trợ sát sao từ các tổ chức có kinh nghiệm quốc tế kể từ cuối năm 2022, đến tháng 5/2023, MSB đã ban hành các quy định nội bộ liên quan đến quản lý rủi ro Môi trường – Xã hội. Các văn bản và quy trình này đều được hỗ trợ xây dựng, rà soát và cập nhật phù hợp với các tiêu chuẩn trong và ngoài nước. Kể từ 1/6/2023, 100% các khoản vay mới của ngân hàng đều phải qua quy trình đánh giá rủi ro Môi trường – Xã hội.
- Khởi động với khoản vay đầu tiên với tổ chức Proparco (Pháp) trị giá 30 triệu đô, tập trung cho tín dụng xanh vào tháng 12/2022. Đến tháng 11/2023, MSB đã ký Ý định thư với FMO trị giá 100 triệu USD dành riêng cho tệp khách hàng vừa và nhỏ (SME) và các dự án có tiêu chí xanh. MSB tiếp tục tiếp cận, trao đổi và hợp tác nhằm huy động nguồn vốn hỗ trợ phát triển bền vững từ các tổ chức quốc tế như IFC, FMO, ADB, Proparco...



**Ông Nguyễn Hoàng Linh – Tổng Giám đốc MSB ký kết Ý định thư với
Ngân hàng phát triển doanh nghiệp Hà Lan (FMO)
dưới sự chứng kiến của Thủ tướng nước CHXHCN Việt Nam.**

- MSB cũng đã bắt tay vào nghiên cứu, thiết kế sản phẩm tín dụng xanh dành cho các khách hàng hiện hữu để đồng hành trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế xanh. Ngân hàng cũng hướng tới xây dựng và thu hút tệp khách hàng mới - tệp khách hàng có tiêu chí xanh trong hoạt động. Năm 2023 là giai đoạn MSB đẩy mạnh kết nối với các Bộ ngành, các chuyên gia của các tổ chức nước ngoài trong bước đầu xây dựng các giải pháp thúc đẩy tín dụng xanh; phổ cập các kiến thức trong xu thế “xanh” tới cán bộ nhân viên; đặt bản lề để chuẩn bị cho giai đoạn triển khai các giải pháp, đẩy mạnh độ phủ của các sản phẩm xanh, sản phẩm có tiêu chí phát triển bền vững, hướng tới gia tăng tỷ trọng tín dụng xanh trong cơ cấu danh mục tín dụng cũng như mở rộng các cơ hội kinh doanh mới. Tại thời điểm 31/12/2023, tổng dư nợ cho lĩnh vực tín dụng xanh của MSB là 5.866 tỷ đồng, cấp cho 148 khách hàng, tăng trưởng hơn 7% so với cuối năm 2022 và chiếm gần 4% tổng danh mục cho vay của MSB.



**Ban Lãnh đạo MSB gặp gỡ đại diện Cục Biến đổi khí hậu – Bộ Tài nguyên &
Môi trường hồi tháng 10/2023**

- Bên cạnh các hoạt động khởi đầu cho việc thiết lập chiến lược phát triển bền vững nhằm giảm dần tỷ trọng tín dụng từ các lĩnh vực phát thải carbon cao, tập trung cung cấp tài chính cho các lĩnh vực và doanh nghiệp ít phát thải, tìm kiếm cơ hội trong xu thế xanh mới, MSB còn chú trọng chuyển đổi trong các hoạt động nội bộ của ngân hàng với các chương trình

truyền thông về môi trường, tiết kiệm nhiên liệu tiêu thụ, thông điệp sống xanh và các hoạt động chăm sóc đời sống tinh thần, sức khỏe của cán bộ nhân viên ngân hàng trong năm 2023.

- Các công tác đối thoại và hợp tác với các bên liên quan được MSB chú trọng và tăng cường với tiêu chí tuân thủ, minh bạch, đảm bảo quyền lợi và mở rộng khả năng hỗ trợ, đồng hành.



Đại diện lãnh đạo MSB gặp gỡ chi nhánh Cần Thơ



Hoạt động đào tạo tại MSB

Năm 2023 cũng là năm MSB tích cực lan tỏa thông điệp về phát triển bền vững tới các bộ nhân viên của mình thông qua:

- Thông điệp và tài liệu về hệ thống ESMS được cung cấp đến toàn hàng.
- Đào tạo chuyên sâu trực tiếp cho các cán bộ quản lý.
- Hội thảo tập huấn tăng cường năng lực, nâng cao nhận thức ứng phó biến đổi khí hậu cho cán bộ cấp cao của ngân hàng do Ủy ban Phát triển bền vững phối hợp với Cục Biến đổi khí hậu – Bộ Tài nguyên & Môi trường tổ chức.



Ban lãnh đạo MSB và Cục trưởng Cục Biến đổi khí hậu

- Các lãnh đạo MSB cùng Ủy ban Phát triển bền vững tham dự Hội nghị thượng đỉnh về biến đổi khí hậu của Liên Hợp Quốc lần thứ 28 (COP28) tại Dubai.



Bà Nguyễn Thị Thiên Hương – Chủ tịch Ủy ban Phát triển bền vững MSB tại Hội nghị COP28








Lãnh đạo MSB tham gia Hội nghị COP28 tại Dubai, UAE

Nối tiếp với báo cáo Phát triển bền vững độc lập của năm 2022, năm 2024, MSB ban hành báo cáo cho các hoạt động phát triển bền vững của năm 2023, rà soát và đánh giá lại các hoạt động đã được thực hiện trong năm, tích hợp các yếu tố phát triển bền vững trong mọi hoạt động kinh doanh cũng như vận hành thường nhật để từ đó đưa ra chiến lược phát triển bền vững dài hạn của ngân hàng. Để có thêm các thông tin chi tiết, vui lòng tham khảo Báo cáo phát triển bền vững năm 2023 của MSB (báo cáo độc lập).

Báo cáo phát triển bền vững được xây dựng giúp làm rõ định hướng chiến lược và cam kết của MSB với các bên liên quan. Phạm vi báo cáo hoạt động phát triển bền vững của MSB bao gồm 1 hội sở chính, 62 chi nhánh và 201 phòng giao dịch tại các tỉnh/thành phố trên cả nước, công ty con (Công ty Tài chính TNHH MTV TNEX Finance). Việc lập Báo cáo phát triển bền vững giúp chúng tôi chủ động rà soát và đánh giá lại các hoạt động đã được thực hiện trong năm trên các khía cạnh về phát triển bền vững. Trong quá trình thực hiện các hoạt động hướng tới mục tiêu này, MSB luôn trao đổi với các đối tác nhằm nhận diện các vấn đề được quan tâm từ đó xác định vấn đề trọng yếu cần được thực hiện, rà soát và cải tiến. Thông qua Báo cáo phát triển bền vững, MSB hướng đến sự minh bạch thông tin về các tác động từ hoạt động của mình đến kinh tế, môi trường, xã hội với các bên quan tâm. Điều này giúp Ban lãnh đạo định hướng các kế hoạch phát triển vì mục tiêu phát triển bền vững, đồng thời cân bằng lợi ích của các bên liên quan.

Đánh giá hoạt động của MSB theo 3 lĩnh vực Kinh tế - Môi trường – Xã hội






Thành tựu đạt được năm 2023		Mục tiêu PTBV (Sustainable Development Goals – SDGs)
Kinh tế		
Hiệu quả hoạt động kinh tế	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Doanh thu thuần từ hoạt động (TOI): 12.259 tỷ đồng. ✓ Lợi nhuận trước thuế: 5.830 tỷ đồng. ✓ Lợi nhuận sau thuế: 4.644 tỷ đồng. ✓ Lãi thuần từ đầu tư danh mục trái phiếu Chính phủ: 512 tỷ đồng. ✓ Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối: 1.072 tỷ đồng. ✓ Tổng dư nợ tín dụng: 149.145 tỷ đồng. trong đó cho lĩnh vực tín dụng xanh là 5.866 tỷ đồng cho 148 khách hàng. ✓ Lương và phúc lợi nhân viên: 2.838 tỷ đồng. 	  
Tác động kinh tế gián tiếp	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Nộp 1.907 tỷ đồng vào Ngân sách Nhà nước. ✓ Tài trợ: 3.148 tỷ đồng cho các hoạt động vì phát triển cộng đồng. ✓ Tạo việc làm cho 6.308 lao động. 	
Môi trường		

Thành tựu đạt được năm 2023		Mục tiêu PTBV (Sustainable Development Goals – SDGs)
Tuân thủ pháp luật về môi trường	✓ Năm 2023, MSB không ghi nhận trường hợp nào liên quan đến vi phạm pháp luật và các quy định về môi trường	 
Quản lý phát thải	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Lượng điện tiêu thụ: 12.390.087 kWh/năm ✓ Lượng nước tiêu thụ: 166.562 m³/năm ✓ Tổng lượng chất thải rắn: 116,6 tấn/năm 	
Phát thải CO ₂	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Tổng lượng phát thải CO₂: 10.892,37 tấn CO₂e/năm ✓ Lượng phát thải CO₂ phạm vi 1⁵: 931,354 tấn CO₂e/năm ✓ Lượng phát thải CO₂ phạm vi 2⁶: 8.946,88 tấn CO₂e/năm ✓ Lượng phát thải CO₂ phạm vi 3⁷: 1.013,43 tấn CO₂e/năm 	
Xã hội		
Lao động và việc làm	✓ Lương thưởng và phúc lợi: 100% nhân viên thỏa mãn về lương thưởng và phúc lợi	
	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Đào tạo và phát triển: <ul style="list-style-type: none"> ▸ 64 lớp đào tạo tương ứng 3 dự án, 20 khóa đào tạo cho 2.054 cán bộ lãnh đạo/quản lý tham dự ▸ 51 giờ đào tạo trung bình cho cấp quản lý 	

⁵ Phạm vi 1: Phát thải trực tiếp - là các phát thải từ các nguồn tại cơ sở thuộc sở hữu hoặc kiểm soát bởi công ty: hoạt động đốt nhiên liệu vận hành phương tiện di chuyển của doanh nghiệp.

⁶ Phạm vi 2: Phát thải gián tiếp - là các phát thải từ nguồn phát điện mua bên ngoài được tiêu dùng tại cơ sở sản xuất thuộc sở hữu hoặc kiểm soát của công ty: từ thiết bị sử dụng điện.

⁷ Phạm vi 3: Phát thải gián tiếp khác của công ty, phát thải từ các nguồn không thuộc sở hữu hoặc kiểm soát bởi công ty: hoạt động di chuyển của CBNV; hoạt động sử dụng phương tiện đi công tác; hoạt động sử dụng tư liệu sản xuất; từ rác thải, nước thải phát sinh.

Thành tựu đạt được năm 2023		Mục tiêu PTBV (Sustainable Development Goals – SDGs)
	<ul style="list-style-type: none"> ▸ 47 giờ đào tạo trung bình cho cấp nhân viên 	
	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Đa dạng. bình đẳng ✓ 47,9% tỷ lệ nữ trong cấp quản lý 	
	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Quan hệ lao động: 100% nhân viên tham gia vào thỏa ước lao động tập thể 	
Đảm bảo tương tác với các bên liên quan	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Tham dự đầy đủ các cuộc họp, giải trình và đóng góp ý kiến theo yêu cầu của Cơ quan quản lý, các Bộ, Ban ngành, các đối tác ✓ Tổ chức thành công 01 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và 01 đợt lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản ✓ Tổ chức 04 cuộc họp báo cáo kết quả kinh doanh theo Quý (bao gồm cả họp trực tuyến) với các nhà đầu tư, các công ty chứng khoán, các quỹ đầu tư, các nhà đầu tư tiềm năng, các đối tác quan tâm đến hoạt động kinh doanh của ngân hàng ✓ Tham dự hội thảo nhà đầu tư được tổ chức bởi Công ty Chứng khoán Sài Gòn SSI và Citibank ✓ Tổ chức họp với các cổ đông, nhà đầu tư tổ chức, nhà đầu tư tiềm năng theo yêu cầu ✓ Tiếp nhận thông tin từ nhà đầu tư, các bên quan tâm đến MSB qua hòm mail: ir@msb.com.vn ✓ Thành lập trung tâm Contact Center bên cạnh các kênh chăm sóc khách hàng như email, tổng đài điện thoại, facebook, zalo...tư vấn trực tiếp để tăng khả năng kết nối với khách hàng 	    

Thành tựu đạt được năm 2023		Mục tiêu PTBV (Sustainable Development Goals – SDGs)
	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Tổ chức khảo sát hài lòng khách hàng: 99% khách hàng hài lòng, 98% cuộc gọi, email được thực hiện tốt cho khách hàng 	

Quản lý chất thải

Loại chất thải		Chất thải rắn thông thường	Nước thải	Khí thải	Chất thải nguy hại
Khối lượng phát sinh		116,6 tấn/năm	166.562 m ³ /năm (ước tính bằng 100% lượng nước tiêu thụ)		
Biện pháp quản lý áp dụng (theo thứ tự ưu tiên từ trái qua phải)	Tiết kiệm	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Tiết kiệm giấy, khuyến khích trao đổi công việc qua email, số hoá quy trình (truyền thông nội bộ, dán thông báo) ✓ Định mức sử dụng văn phòng phẩm; sử dụng giấy in văn phòng sản xuất từ nguyên liệu được chứng nhận quản lý rừng bền vững 	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Tiết kiệm nước tại khu vệ sinh (truyền thông nội bộ, dán thông báo) 	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Áp dụng định mức tiêu hao nhiên liệu cho các phương tiện vận chuyển, Sử dụng các phương tiện đạt tiêu chuẩn về khí thải ✓ Chỉ sử dụng máy phát điện trong trường hợp có sự cố hoặc cần thiết ✓ Hệ thống điều hoà theo công nghệ hiện đại, tiết 	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Thay thế đèn huỳnh quang bằng đèn LED tiết kiệm năng lượng và thân thiện môi trường



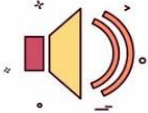

		(chứng nhận FSC) ✓ Hạn chế sử dụng đồ nhựa 1 lần, túi nilon		kiệm năng lượng, Hệ thống điều hoà được tắt sau giờ làm việc, chỉ duy trì tại các khu vực cần thiết	
	Tuần hoàn/Tái sử dụng	✓ Các dạng tài sản lớn như bàn ghế, tủ, máy tính khi hỏng hóc được thanh lý theo quy trình, không thải bỏ cùng các chất thải khác ✓ In giấy 2 mặt ✓ Tái sử dụng các bao bì, hộp chứa	Không áp dụng	Không áp dụng	✓ Khuyến khích bơm mực thêm cho các máy in, máy photocopy thay vì thay mới để hạn chế phát thải ra môi trường
	Thải bỏ và xử lý	✓ Chất thải rắn thải bỏ được phân loại tại nguồn, có nhân viên vệ sinh thu gom hàng ngày ✓ Chất thải sau thu gom được chuyển giao cho đơn vị thuê ngoài có năng lực để xử	✓ Có hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt đảm bảo quy chuẩn môi trường	✓ Định kỳ duy trì bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các phương tiện, thiết bị để tối ưu hiệu suất ✓ Áp dụng công nghệ lọc khí thải đạt quy chuẩn môi trường	✓ Phân loại tại nguồn, thu gom và lưu trữ theo quy định ✓ Chất thải sau thu gom được chuyển giao cho đơn vị thuê ngoài có năng lực để xử lý theo quy định pháp luật

		lý theo quy định pháp luật		đôi với máy phát điện	
--	--	----------------------------	--	-----------------------	--

Văn hóa doanh nghiệp song hành với hành trình phát triển bền vững

Cùng với sự phát triển lớn mạnh không ngừng thông qua những kết quả tài chính ấn tượng, MSB ngày càng chú trọng hơn đến xây dựng, phát triển văn hóa doanh nghiệp đặc biệt là các hoạt động chăm lo cho đời sống nhân viên. Văn hóa MSB tạo môi trường thân thiện, gần gũi và gắn kết từ Ban Lãnh đạo tới cán bộ nhân viên, duy trì truyền thống đoàn kết tốt đẹp. Với sứ mệnh “**Vì một cuộc sống thuận ích hơn**” và tầm nhìn trở thành “**Ngân hàng ai cũng muốn tham gia và không ai muốn rời bỏ**”, hướng đến mục tiêu “Ngân hàng hạnh phúc”, MSB là môi trường mà mọi cán bộ nhân viên đều được tạo điều kiện để hoàn thiện bản thân mỗi ngày và có nhiều cơ hội để phát triển trong sự nghiệp. Năm 2023, MSB lọt top 15 doanh nghiệp tiêu biểu có nguồn nhân lực hạnh phúc – do Anphabe – đơn vị tiên phong về giải pháp thương hiệu Nhà tuyển dụng công bố.

Cũng trong năm qua, Ban Văn hóa doanh nghiệp của MSB đã thể hiện vai trò của mình trong việc xây dựng nền tảng văn hóa doanh nghiệp bền vững, có bản sắc riêng nhằm tạo sự khác biệt và lợi thế cạnh tranh cho ngân hàng.

	<p>Thành lập câu lạc bộ M Runners trên phạm vi toàn ngân hàng</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ 3,890 thành viên ✓ 15 giải chạy, thử thách online và offline ✓ 80,688 km 		<p>Chương trình hiến máu nhân đạo diễn ra tại Hội sở Hà Nội và Hội sở TP.Hồ Chí Minh:</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Hà Nội: hơn 200 người đăng ký và 155 đơn vị máu được trao tặng ✓ TP.Hồ Chí Minh: hơn 120 người đăng ký và 81 đơn vị máu được trao tặng
	<p>Hỗ trợ truyền thông, tổ chức các sự kiện theo đăng ký từ các Khối/Phòng khác thực hiện về chủ đề phát triển bền vững tại MSB:</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Truyền thông Chương trình Paperless của Khối 		<p>Tổ chức hoạt động đầu tiên trong chuỗi chương trình Green day: thu gom lịch cũ, thu được gần 700kg lịch cũ, sổ cũ, giấy tái chế</p>

	<p>chiến lược: Tổng số 10 bản tin trên các kênh truyền thông nội bộ</p> <ul style="list-style-type: none"> ✓ Truyền thông hoạt động hiến máu MSB: Gần 15 bản tin trên các kênh truyền thông nội bộ ✓ Truyền thông M Runners: Hơn 20 bài viết về giải chạy, hoạt động của Câu lạc bộ M Runners trên các kênh truyền thông 		
--	--	--	--



Cán bộ nhân viên MSB thực hiện hiến máu nhân đạo



Cán bộ nhân viên thu gom lịch cũ – hoạt động ý nghĩa trong ngày Green day tại MSB



Câu lạc bộ M Runners hoạt động tích cực

Định hướng phát triển bền vững năm 2024

MSB sẽ tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu, tăng cường hợp tác để triển khai định hướng dài hạn về phát triển bền vững. Ngân hàng đang xây dựng chiến lược phát triển bền vững trung và dài hạn với các mục tiêu cụ thể, phù hợp với chiến lược thích ứng của Việt Nam với biến đổi khí hậu, tương thích với các kế hoạch quốc gia, tích hợp vào chiến lược kinh doanh mà MSB đang theo đuổi. Trong ngắn hạn, năm 2024, MSB tập trung:

- Mở rộng quan hệ đối tác quốc tế và tăng cường huy động nguồn vốn trung/dài hạn từ thị trường quốc tế để hỗ trợ các hoạt động kinh doanh, các dự án, các khách hàng đạt chuẩn phát triển bền vững tại Việt Nam; từng bước thực thi nhiệm vụ quốc gia trong tiến trình đưa phát thải ròng của đất nước bằng 0 đến năm 2050.
- Nghiên cứu, xây dựng và phát triển chiến lược phát triển bền vững phù hợp với chiến lược kinh doanh tổng thể, tập trung cho các sản phẩm tín dụng và các dịch vụ khác liên quan các tiêu chí phát triển bền vững và hỗ trợ chuyển đổi xanh cho khách hàng.
- Từ các thông tin, nghiên cứu thị trường, trên cơ sở định vị năng lực nội bộ, MSB sẽ đưa ra các cam kết liên quan giảm phát thải carbon trong danh mục cho vay của ngân hàng (Phạm vi 3 – Scope 3) theo lộ trình phù hợp với định hướng quốc gia và các ngành kinh tế.
- Nỗ lực thực thi nhiệm vụ kinh doanh đảm bảo tăng trưởng tốt và bền vững; hoạt động ngân hàng an toàn; quản trị rủi ro theo các tiêu chuẩn nâng cao, đặc biệt là rủi ro liên quan đến biến đổi khí hậu, môi trường, xã hội; tiếp tục đầu tư cho số hóa; giảm các hoạt động tiêu tốn tài nguyên; không ngừng cải tiến, nâng cao hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh.
- Tăng cường đầu tư cho nguồn nhân lực về đào tạo, cơ hội phát triển sự nghiệp, mở rộng thêm các hoạt động hỗ trợ, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho toàn thể nhân viên và gia đình.
- Tiếp tục thực hiện chuyển đổi xanh trong hoạt động nội bộ của ngân hàng, đẩy mạnh công tác tuyên truyền, đầu tư và triển khai các công cụ hỗ trợ lối sống xanh tại công sở.
- Duy trì gắn kết chặt chẽ và đảm bảo đối thoại hợp tác, cùng có lợi với các bên liên quan.

10. Hoạt động xã hội

Tiếp nối hành trình nhân văn mà MSB đã không ngừng theo đuổi và đẩy mạnh, trong năm 2023, MSB đã phối hợp với nhiều cơ quan, tổ chức... thực hiện các chương trình từ thiện, thể hiện trách nhiệm xã hội, hướng tới xây dựng cuộc sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng, đặc biệt là người dân có hoàn cảnh khó khăn.

Cụ thể, hồi tháng 6/2023, MSB đã ủng hộ 2 tỷ đồng nhằm xây dựng trường Phổ thông dân tộc bán trú Trung học cơ sở Huy Giáp, xã Huy Giáp, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng. Bảo Lạc là huyện vùng cao biên giới của tỉnh Cao Bằng, có địa hình phức tạp, tỉ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo chiếm

trên 63%. Tình hình giáo dục tại địa phương vì thế cũng gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là về cơ sở vật chất, thiếu thôn trang thiết bị học tập. Những đóng góp của MSB nhằm tạo môi trường học tập an toàn, khang trang, hiệu quả cho các em học sinh, nuôi dưỡng ước mơ chinh phục con chữ, đồng thời chung tay thúc đẩy sự đổi mới trong công tác giáo dục tại địa phương.

Cũng tại tỉnh Cao Bằng, trong tháng 10/2023, MSB ủng hộ xây dựng 22 căn nhà cho hộ nghèo, hộ cận nghèo huyện Bảo Lâm. Nghĩa cử này, bên cạnh việc tạo giá đỡ an sinh, giúp người nghèo có cơ hội thay đổi cuộc đời và cải thiện cuộc sống, còn là sự tiếp nối, phát huy truyền thống tương thân tương ái, hưởng ứng Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021 – 2025 của Thủ tướng Chính phủ.

Cũng trong năm 2023, MSB đã trao hàng trăm căn nhà đại đoàn kết cho các hộ khó khăn tại Quảng Nam, Thanh Hóa. Đây là những món quà mang ý nghĩa nhân văn, là sự sẻ chia mà MSB muốn gửi gắm tới địa phương, nhằm động viên tinh thần người dân an cư lạc nghiệp, có thêm động lực vươn lên, đúng như tinh thần của phong trào thi đua “Vì người nghèo - Không để ai bị bỏ lại phía sau”; đồng thời chung tay từng bước hiện thực hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về công cuộc xóa đói giảm nghèo, xây dựng và đổi mới đất nước.



Ông Nguyễn Việt Sơn – Giám đốc Khách hàng Chiến lược MSB trao nhà Đại đoàn kết tại Đại Lộc, Quảng Nam

Bên cạnh việc đồng hành cùng những hoàn cảnh thiếu may mắn về vật chất, cán bộ nhân viên MSB cũng dành sự quan tâm đặc biệt tới nhiều trường hợp khó khăn khác, tiêu biểu như bệnh nhân ung thư, bệnh nhân gặp bệnh lý về máu. Theo đó, phát huy giá trị cốt lõi “Nhân văn” và “Trách nhiệm”, đề cao con người và tinh thần trách nhiệm với cộng đồng, MSB đã kêu gọi đội

ngũ nhân sự tích cực đăng ký tham gia “Chương trình hiến máu nhân đạo” thuộc chuỗi hoạt động mừng sinh nhật với chủ đề “M32 Tuổi mới”. “Mỗi giọt máu trao đi là một cuộc đời ở lại”, hơn 200 cán bộ nhân viên đều cảm thấy hạnh phúc khi được mang hành động thiết thực chung tay nâng niu sự sống.

MSB định hướng trở thành ngân hàng thấu hiểu sâu sắc trách nhiệm của doanh nghiệp trong hành trình mang giá trị tích cực tới cộng đồng, chung tay xây dựng xã hội bền vững, vì một quốc gia “vươn tầm”. Do vậy, trong thời gian tới, MSB sẽ tích cực triển khai các chương trình thiện nguyện ý nghĩa, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống người Việt, xây dựng quốc gia thịnh vượng hơn.

11. Hoạt động của công ty con

FCCOM chính thức đổi tên thành Công ty Tài chính TNHH MTV TNEX (TNEX Finance) vào Quý IV/2023. TNEX Finance với định hướng đóng góp cho sự phát triển của cộng đồng, mang đến dịch vụ chuyên nghiệp, nhanh chóng, dễ dàng cho người tiêu dùng và ngày càng hiện đại hóa với việc triển khai hợp tác với các đối tác để triển khai hành trình số. Từng bước thực hiện chuyển đổi số, TNEX Finance kì vọng nâng vị thế lên một tầm cao mới, trở thành tổ chức tài chính hàng đầu Châu Á, đột phá về sản phẩm & công nghệ, thúc đẩy sự thịnh vượng toàn diện cho cộng đồng - xã hội và luôn là điểm tựa vững chắc và niềm tin cho các khách hàng.

Tính đến năm 2023, TNEX Finance đã phát triển mạng lưới trải đều khắp toàn quốc với 21 điểm giới thiệu dịch vụ (POS) tại 18 tỉnh thành và có tổng 291 nhân viên, phục vụ lên tới gần 11.699 khách hàng với các dòng sản phẩm cho vay chính:

- Vay tiêu dùng
 - Vay tiêu dùng với khách hàng sở hữu bất động sản
 - Vay tiêu dùng với khách hàng có nguồn thu từ kinh doanh
 - Vay tiêu dùng với thu nhập từ lương
 - Vay tiêu dùng thông thường
 - Vay tiêu dùng siêu nhanh...
- Vay hạn mức – tiêu trước trả sau

Sản phẩm vay hạn mức – tiêu trước trả sau là sản phẩm mới được TNEX Finance ra mắt vào Quý IV/2023 cùng với cột mốc đổi tên. Cột mốc này đánh dấu một chặng đường kinh doanh mới, với mục tiêu nghiên cứu phát triển và mở rộng quy mô các sản phẩm cho vay tiền mặt/hạn mức tín dụng với đối tác chiến lược, hạn mức tín dụng theo từng mốc trong năm 2024.

Kết quả kinh doanh năm 2023 của TNEX Finance ghi nhận:

- Tổng dư nợ đạt 2.161 tỷ đồng.
- Tổng tài sản đạt 2.719 tỷ đồng.
- Tổng doanh thu thuần 232,7 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 2,8 tỷ đồng.

D. MỤC TIÊU VÀ ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NĂM 2024

1. Môi trường kinh doanh – Cơ hội và thách thức

Tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2024 dự kiến thấp hơn so với năm 2023, OECD dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong năm 2024 sẽ chỉ đạt 2,7%, thấp hơn so với mức ước tính 2,9% của năm 2023. Các tổ chức quốc tế nhận định kinh tế toàn cầu có thể “hạ cánh mềm”, đặc biệt là tại các nước phát triển, thay vì rơi vào suy thoái như những lo ngại trước đây. Những yếu tố hỗ trợ cho nền kinh tế toàn cầu chủ yếu đến từ kỳ vọng chu kỳ thắt chặt chính sách tiền tệ trên toàn cầu đang đi vào pha kết thúc, lạm phát tiếp tục hạ nhiệt trên khắp các nền kinh tế và hoạt động sản xuất dần bước qua đáy. Nhu cầu tiêu dùng, đầu tư, và tăng trưởng việc làm tại Mỹ được kỳ vọng sẽ khởi sắc hơn kể từ nửa cuối năm 2024 khi lạm phát hạ nhiệt, thúc đẩy Fed có động thái giảm lãi suất nhanh và mạnh. Tại Trung Quốc, dự báo cầu tiêu dùng chưa cải thiện, xuất khẩu vẫn ở mức yếu, thị trường bất động sản tiếp tục giai đoạn khó khăn.

Trong bối cảnh địa chính trị diễn biến phức tạp, các quốc gia có xu hướng gia tăng hàng rào bảo hộ nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế lẫn phi kinh tế. Năm 2023, đã có 26 quốc gia cấm xuất khẩu hoặc hạn chế xuất khẩu 39 loại hàng hóa nông sản và vật tư nông nghiệp quan trọng; OPEC+ thực hiện giảm sản lượng khai thác dầu thô ở mức cao. Xu hướng này sẽ đe dọa an ninh lương thực, an ninh năng lượng thế giới và khiến lo ngại về lạm phát luôn thường trực.

Trong nước, các tổ chức quốc tế tiếp tục đánh giá khá tích cực về triển vọng tăng trưởng kinh tế Việt Nam với dự báo tăng trưởng GDP năm 2024 có thể từ 5,5% đến 6,3%. Chính phủ đặt mục tiêu tăng trưởng từ 6% đến 6,5% và ưu tiên hướng các chính sách, giải pháp cho nhiệm vụ này. Một số yếu tố quan trọng giúp triển vọng kinh tế Việt Nam năm 2024 lạc quan hơn đó là:

- Các chính sách hỗ trợ được ban hành trong 2023 có độ trễ nhất định, dự tính sẽ tác động rõ nét hơn vào nền kinh tế trong 2024.
- Các động lực đầu tư (đầu tư công, đầu tư nước ngoài, đầu tư tư nhân), tiêu dùng, du lịch và xuất khẩu tiếp tục được thúc đẩy mạnh mẽ.
- Các vấn đề nội tại được tập trung tháo gỡ, chuyển biến tích cực hơn, nhất là những vướng mắc của doanh nghiệp, dự án đầu tư, thị trường bất động sản, thị trường trái phiếu doanh nghiệp và hoạt động ngân hàng...
- Việc một số công trình, dự án trọng điểm, quan trọng quốc gia, có tác động lan tỏa lớn, được hoàn thành đưa vào khai thác, cũng sẽ tác động tích cực tới tăng trưởng kinh tế.

Để hỗ trợ mục tiêu tăng trưởng năm 2024, Chính phủ sẽ tiếp tục thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ, đồng bộ với chính sách tài khoá mở rộng hợp lý, có trọng tâm, trọng điểm. Ngoài các động lực tăng trưởng chính là đầu tư, xuất khẩu và tiêu dùng, 3 động lực tăng trưởng mới của nền kinh tế được xác định là: (1) Tăng cường liên kết giữa các vùng, liên kết cả nước, liên kết trong nước và quốc tế; (2) Tập trung phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cho các ngành, lĩnh vực mới nổi như: sản xuất chip, hydrogen, chống biến đổi khí hậu, tăng

trường xanh, chuyển đổi năng lượng, kinh tế tuần hoàn; (3) Củng cố thị trường truyền thống, đồng thời mở rộng các thị trường mới như Trung Đông, châu Phi và Nam Mỹ.

Các rủi ro tiềm ẩn đối với nền kinh tế trong năm 2024 là:

- Rủi ro địa chính trị biến động khó lường sẽ tác động mạnh đến giá cả, đầu tư và thương mại toàn cầu, làm chệch hướng các dự báo về chính sách và kinh tế.
- Bầu cử tổng thống Mỹ với chiến dịch tranh cử nhiều hỗn loạn sẽ khiến thị trường biến động mạnh.
- Kinh tế Trung Quốc tăng trưởng yếu, thị trường bất động sản, tài chính sụt giảm, ảnh hưởng tới tăng trưởng toàn cầu.
- Trong nước, các chính sách hỗ trợ khu vực bất động sản, trái phiếu doanh nghiệp vẫn chưa phát huy đầy đủ tác dụng; huy động vốn tiếp tục khó khăn, nợ xấu gia tăng, cầu tiêu dùng suy giảm...

2. Chiến lược phát triển

Giai đoạn 2024 – 2027, MSB kiên định với tầm nhìn “Trở thành ngân hàng ai cũng muốn tham gia và không ai muốn rời bỏ”. Tầm nhìn này được xây dựng dựa trên 4 trụ cột và 3 nền tảng chiến lược cốt lõi.

4 trụ cột:

- Định vị giá trị khách hàng khác biệt: Tập trung vào phân khúc mục tiêu cụ thể, cung cấp các giải pháp tổng thể và tư vấn chi tiết giúp khách hàng đạt được mong muốn.
- Mạng lưới phân phối đa kênh, tối ưu hóa: Tập trung phát triển theo chiều sâu, lựa chọn địa bàn trọng tâm để tập trung hóa nguồn lực nhằm khai thác hiệu quả và tối đa tiềm năng thị trường. Ngân hàng đang từng bước chuyển dịch sang kênh số để gia tăng thu hút và trải nghiệm khách hàng.
- Lực lượng bán hàng hiệu quả, ổn định: Kết hợp nâng cao chất lượng đội ngũ bán và ứng dụng hệ thống, công cụ, số hóa.
- Mở rộng quan hệ đối tác và hệ sinh thái: Hợp tác với các đối tác, xây dựng hệ sinh thái nhằm mang tới cho khách hàng chuỗi sản phẩm – dịch vụ và ưu đãi vượt trội, tối ưu, đồng thời nâng cao tính liên kết, tiềm năng phát triển cho MSB và đối tác.

3 nền tảng:

- Số hóa, tinh gọn từ a-z và phân tích nâng cao: Tinh gọn hệ thống chính sách, văn bản, quy trình; tự động hóa soạn thảo văn bản; Quản trị dữ liệu xuyên suốt, ứng dụng phân tích dữ liệu lớn trong việc ra quyết định; Triển khai số hóa theo mô hình “Agile” và “Agile@scale” (*)⁸.

⁸ (*) **Agile**: Là phương thức triển khai nhằm nhanh chóng thích ứng và phản hồi với thay đổi, trong đó việc nghiên cứu – thử nghiệm - ứng dụng sẽ được tiến hành song song và liên tục.

Agile@scale: Việc triển khai Agile trên quy mô lớn.

- Quản lý rủi ro: Tiên phong chuẩn hóa theo Basel III; Xây dựng và phát triển hệ thống ra quyết định tin cậy với mô hình chấm điểm phù hợp; Quản trị rủi ro chủ động.
- Tổ chức, con người và văn hóa: Môi trường làm việc thấu hiểu khách hàng, sáng tạo và có chuyên nghiệp cao; Nuôi dưỡng, gắn bó và khen thưởng nhân tài; văn hóa tôn trọng, minh bạch và hiệu quả; Thúc đẩy sự tin tưởng và thành tích.

Mục tiêu Chiến lược đến năm 2027: Kênh số là động lực chính cho sự tăng trưởng

- Lợi nhuận đạt 1 tỷ USD
- Tốc độ tăng trưởng doanh thu bình quân đạt 25%
- Thu hút khách hàng mới qua kênh số: Khách hàng cá nhân đạt 60% và khách hàng doanh nghiệp đạt 40%
- Doanh thu từ kênh số của khách hàng cá nhân và khách hàng doanh nghiệp: 70%
- Tỷ lệ thu nhập từ phí (NFI) đạt 30%
- Chi phí hoạt động trên thu nhập (CIR) chiếm 30%
- Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA) trên tổng huy động: 40%
- Tỷ lệ số hóa các quy trình nội bộ đạt 70%
- Tỷ lệ thu nhập từ phí đạt 30%
- Chi phí hoạt động trên doanh thu chiếm 30%

3. Các mục tiêu tài chính

Trên cơ sở những định hướng vĩ mô của Chính phủ và dự báo xu thế kinh tế, tốc độ tăng trưởng tín dụng dự kiến đạt khoảng 12% - 13% trong năm 2024. Mức tăng trưởng này chịu áp lực từ nền kinh tế thế giới vẫn chưa rõ ràng khả năng quay trở lại giai đoạn tăng trưởng và bứt phá cùng với thị trường bất động sản trong nước tiếp tục chậm phục hồi, các doanh nghiệp còn nhiều khó khăn để quay lại nhịp độ tăng trưởng như trước đại dịch Covid-19. Động lực gia tăng tín dụng của các ngân hàng Việt Nam đến từ mặt bằng lãi suất thấp hỗ trợ nhu cầu vay vốn, đặc biệt là tín dụng bán lẻ và nhóm doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME); tiềm năng phủ rộng dịch vụ ngân hàng tới người dân vẫn còn khá lớn; xu thế tín dụng xanh/nguồn vốn hỗ trợ các dự án có yếu tố phát triển bền vững từ nước ngoài hướng về Việt Nam khá dồi dào. Tuy nhiên, mức lãi suất thấp theo định hướng Chính phủ sẽ dẫn đến áp lực cạnh tranh lớn giữa các ngân hàng, đặc biệt khi bối cảnh rủi ro nợ xấu cao thì khả năng giữ chân khách hàng cũ và mở rộng tệp khách hàng chất lượng tốt là khá thử thách. Tiềm năng gia tăng hệ số biên lãi thuần (NIM) tương đối hạn chế, rủi ro nợ xấu (NPL) vẫn là sự quan tâm lớn với các tổ chức tín dụng. Các chiến lược về sản phẩm, khai thác năng lực công nghệ, số hóa, đẩy mạnh năng lực bán hàng, cá nhân hóa dịch vụ... là các điểm mạnh cần ngân hàng tập trung đầu tư và khai thác.

Hội đồng quản trị và Hội đồng điều hành MSB đã xem xét sát sao biến động thị trường, dự báo các kịch bản kinh tế cho năm 2024 và định hướng tới năm 2027. Với tầm nhìn vươn mình lọt vào Top 5 ngân hàng thương mại cổ phần tư nhân hàng đầu Việt Nam và đạt mốc lợi nhuận trước thuế 1 tỷ USD, tập trung đầu tư vào con người, quản trị rủi ro, phát triển công nghệ, chuyển đổi số và các nền tảng của phát triển bền vững, MSB đặt ra các chỉ tiêu trung hạn về thành tựu kinh tế, tài chính như sau:

	Chỉ tiêu	Giai đoạn 2024-2027
QUY MÔ	Tổng tài sản (CAGR)	▲ 10 - 17%/year
	Vốn (CAGR)	▲ 20 - 30%
	Tỷ lệ CASA	35 - 40%
	Tăng trưởng tín dụng ⁹	15 - 30%
	% Dự nợ RB + SME/Tổng cho vay	≥ 60%
TĂNG TRƯỞNG	TOI (CAGR)	▲ 20 - 30%
	Doanh thu từ phí	▲ 30%/year
	Doanh thu Banca (CAGR)	▲ 25 - 30%
	PBT (CAGR)	▲ 20 - 30%
DOANH THU VÀ CHẤT LƯỢNG TÀI SẢN	ROE	18 - 22%/năm
	ROA	2,5 – 2,8%/năm
	NPL	<3%
	CAR	>11%

Trên cơ sở cân đối các yếu tố khách quan và chủ quan, tính toán nội lực và khả năng nắm bắt cơ hội của ngân hàng, kế hoạch 2024 được MSB đưa ra khá thận trọng. Các yêu cầu về quản trị rủi ro, nâng cao chất lượng quản trị của ngân hàng cùng với tầm nhìn vươn ra quốc tế là mục tiêu lớn của MSB năm 2024. Kế hoạch về tài chính được ngân hàng chủ định như dưới đây, đảm bảo tăng trưởng lợi nhuận và hiệu quả nguồn vốn. Kế hoạch theo số hợp nhất này sẽ được trình trong Đại hội đồng cổ đông thường niên dự tính diễn ra vào tháng 4/2024:

⁹ Phụ thuộc vào hạn mức tăng trưởng tín dụng được NHNN cấp

Đơn vị: tỷ VNĐ

TT	Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	So sánh KH2024/TH2023
1	Tổng tài sản	267.006	280.000	105%
2	Vốn huy động tại thị trường I và trái phiếu huy động vốn	141.342	178.900	127%
3	Dư nợ tín dụng (bao gồm dư nợ cho vay TCKT và cá nhân, đầu tư trái phiếu DN) ¹⁰	150.671	178.200	118%
4	Nợ xấu (nhóm 3-5)	2%	<3%	
5	Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp	5.830	6.800	117%
6	Vốn điều lệ	20.000	26.000	130%
7	Tỷ lệ chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu từ nguồn lợi nhuận để lại tích lũy đến 31/12/2023 và sau khi trích lập các quỹ theo quy định luật (% theo mệnh giá) ¹¹	30% (*)	15% (**)	50%

¹⁰ Phụ thuộc hạn mức tăng trưởng tín dụng được NHNN cấp.

¹¹ (*) Theo Nghị quyết đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 phê duyệt, Ngân hàng không thực hiện chi trả cổ tức/cổ phiếu thưởng từ nguồn lợi nhuận tạo ra trong năm 2022 và tích lũy đến thời điểm 31/12/2022 theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022. Với nguồn lợi nhuận được tạo ra trong năm 2023 và lợi nhuận chưa phân phối tích lũy đến 31/12/2023 theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023, Hội đồng quản trị trình ĐHĐCĐ phê duyệt việc chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 30% từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối tính đến thời điểm 31/12/2023 sau khi trích các quỹ theo quy định luật, việc chia cổ tức này sẽ được thực hiện trong năm 2024 và làm tăng vốn điều lệ MSB lên 26.000 tỷ đồng.

(**) Với lợi nhuận dự tính được tạo ra trong năm 2024 cùng với lợi nhuận để lại sau khi hoàn thành tăng vốn điều lệ lên 26.000 tỷ đồng từ chia cổ tức bằng cổ phiếu (thực hiện như (**)), Hội đồng quản trị kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt kế hoạch chia cổ tức từ nguồn lợi nhuận có thể dùng để chi trả cổ tức này với tỷ lệ ≤15% bằng tiền hoặc/và bằng cổ phiếu, thời điểm tùy theo diễn biến tình hình thị trường và hoạt động kinh doanh của MSB.

E. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ngân hàng

Trong bối cảnh nhiều khó khăn, thách thức của thị trường trong năm 2023, Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực không ngừng nghỉ của của toàn thể cán bộ nhân viên dưới sự điều hành sát sao, linh hoạt của Tổng Giám đốc và Hội đồng điều hành, để MSB đạt được các kết quả kinh doanh khá khả quan, hoàn thành cơ bản 1 số mục tiêu mà Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Hội đồng quản trị giao phó, cụ thể như sau:

- Tổng tài sản đạt trên 267.006 tỷ đồng tăng hơn 25% so với năm 2022.
- Tổng thu nhập thuần từ hoạt động đạt 12.259 tỷ đồng, tăng 15% so với 2022.
- Giá trị vốn hóa tại 31/12/2023 đạt 26.000 tỷ đồng, tăng 4% so với cuối năm 2022.

Cùng với kết quả kinh doanh tích cực, những nỗ lực của MSB trên các phương diện quản trị rủi ro, sản phẩm dịch vụ... đã mang đến vinh dự cho MSB khi đạt chuỗi giải thưởng “Ngân hàng của năm 2023” do Tạp chí tài chính uy tín quốc tế The Financial Times trao tặng, Giải Bạc giải thưởng “Quản trị rủi ro Đông Nam Á” do Học viện Quản trị rủi ro doanh nghiệp Singapore (ERMA) trao tặng, “Ngân hàng tốt nhất Việt Nam cho doanh nghiệp vừa và nhỏ” từ tạp chí Euromoney...

Tiếp tục định hướng phát triển kinh tế có chú trọng tích hợp các yếu tố phát triển bền vững đã đặt ra từ 2022, MSB đã có những bước tiến khá mạnh mẽ và thể hiện quyết tâm của ngân hàng trong xu thế tất yếu này. Từ tháng 5/2023, MSB đã ban hành các quy định nội bộ để áp dụng triển khai đánh giá tác động môi trường – xã hội đối với hồ sơ yêu cầu cấp tín dụng, đảm bảo tuân thủ không chỉ yêu cầu của cơ quan quản lý trong nước mà còn theo các tiêu chuẩn quốc tế. Kể từ ngày 1/6/2023, 100% các hồ sơ vay vốn đều được đánh giá tác động môi trường – xã hội trong khâu phê duyệt tín dụng. MSB cũng là một trong những ngân hàng đầu tiên trên thị trường ban hành Báo cáo phát triển bền vững độc lập với báo cáo thường niên, tổng kết về các hoạt động phát triển bền vững trong năm 2023. MSB cũng ký kết Ý định thư (Letter of Intent) với tổ chức FMO cho khoản vay 100 triệu đô la hỗ trợ khách hàng SME và các dự án đạt tiêu chuẩn xanh. Ngoài ra, các hội thảo phổ cập thông tin, kiến thức, xu thế, định hướng về phát triển bền vững của Việt Nam nói chung cũng như của ngành ngân hàng nói riêng với sự tham gia từ cấp Hội đồng quản trị đến Hội đồng điều hành, cấp quản lý được tổ chức thành công và đánh giá tích cực. Trên cơ sở đó, các hoạt động điều hành cũng như quản trị ngân hàng được nâng tầm về mức độ tuân thủ, không chỉ theo tiêu chuẩn Việt Nam và còn theo các tiêu chuẩn quốc tế nhằm đảm bảo các cam kết của MSB với các đối tác trong quá trình hoạt động.

Mức chi trả cổ tức phụ thuộc phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông năm 2024 dự tính tổ chức vào tháng 4/2024.

2. Đánh giá về hoạt động của Hội đồng điều hành

Tổng Giám đốc và các thành viên Hội đồng điều hành đã thể hiện sự linh hoạt, kinh nghiệm trong quản trị và điều hành, khả năng ứng phó, thích nghi nhanh nhạy suốt năm 2023. Với nhiều biến động trong và ngoài nước khó đoán, Tổng Giám đốc và Hội đồng điều hành đã điều hành MSB theo đúng những nội dung của nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và chỉ đạo của Hội đồng quản trị; tuân thủ đúng Điều lệ ngân hàng, các quy định pháp luật và phù hợp với bối cảnh thị trường nói chung.

Định kỳ hàng tháng, Hội đồng quản trị cùng Hội đồng điều hành ngân hàng đều tham dự phiên họp báo cáo, đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của MSB, Qua phiên họp này, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được rà soát về tiến độ thực hiện, xử lý các vướng mắc, đảm bảo hoàn thành tốt nhất. Ngoài ra, Hội đồng điều hành cũng cập nhật các biến động thị trường và báo cáo hoạt động của các Khối/Phòng/Ban, đồng thời đưa ra kế hoạch hành động cho thời gian tiếp theo, hướng tới hoàn thành kế hoạch kinh doanh đặt ra.

Trong bối cảnh cạnh tranh ngành khá cao, yêu cầu thắt chặt từ các cơ quan quản lý Nhà nước, nhu cầu nhận hỗ trợ nhằm phục hồi sau đại dịch từ khách hàng tăng, quy trình hợp tác đề cao các yếu tố phát triển bền vững từ đối tác nước ngoài... Tổng Giám đốc và Hội đồng điều hành cũng đã chủ động nghiên cứu và triển khai các định hướng chiến lược kinh doanh mới, đầu tư và ứng dụng chuyển đổi số theo đúng xu hướng để nâng cao hiệu quả hoạt động của MSB; song song đó, áp dụng nhiều giải pháp điều hành linh hoạt, kịp thời, phù hợp nhằm thích ứng với diễn biến phức tạp của thị trường, hoàn thành tốt nhất trong khả năng có thể các mục tiêu kế hoạch năm 2022 được giao và hài hòa được lợi ích của các bên liên quan.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Nhận trách nhiệm giao phó từ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị ngân hàng đã chỉ đạo triển khai thực hiện thành công các chỉ tiêu kế hoạch được giao, cụ thể:

Đơn vị: tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	So sánh TH 2023/KH2023
1	Tổng tài sản	230.000	267.006	116%
2	Vốn huy động tại thị trường I và trái phiếu huy động vốn	142.000	141.342	99,5%

3	Dư nợ tín dụng (bao gồm dư nợ cho vay TCKT và cá nhân, đầu tư trái phiếu DN) ¹²	141.700	150.671	106%
4	Nợ xấu (nhóm 3-5)	<3%	2%	Đạt
5	Lợi nhuận trước thuế thu nhập DN (bao gồm thu hồi nợ đã sử dụng dự phòng)	6.300	5.830	92,5%
6	Thù lao, chi phí HĐQT và BKS	25,5	20,11	78,9%
7	Vốn điều lệ	20.000	20.000	Hoàn thành
8	Tỷ lệ chi trả cổ tức/chia cổ phiếu thưởng ¹³	0%	0%	Hoàn thành

Song hành với các chỉ tiêu tài chính, Hội đồng quản trị còn tập trung:

- Nghiên cứu và áp dụng thêm nhiều mô hình và phương thức kinh doanh mới nhằm nâng cao hiệu quả cho MSB, hỗ trợ khách hàng tối đa trên cơ sở tập trung vào 05 trọng tâm chính gồm: thấu hiểu khách hàng; khai thác chuỗi và hệ sinh thái; nâng cao hiệu suất bán hàng; tinh gọn và số hóa; ứng dụng Big Data và phân tích nâng cao.
- Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, đảm bảo an toàn vốn của cổ đông, đánh giá hiệu quả vốn đầu tư và thực hiện các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, tăng cường công tác quản lý công nợ, không để phát sinh nợ xấu mới, đảm bảo an toàn thanh khoản.
- Chỉ đạo tiếp tục thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng quản trị trên toàn hệ thống, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin để tăng cường năng lực thiết kế sản phẩm - dịch vụ và quản trị cũng như phục vụ công tác chuyển đổi số, nâng cao tính minh bạch, công khai trong công tác quản trị doanh nghiệp.

F. QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG

1. Tổng quan về quản trị ngân hàng

Trong năm 2023, dưới định hướng và chỉ đạo của Hội đồng Quản trị, MSB tiếp tục tuân thủ các quy định về quản trị công ty theo pháp luật hiện hành đồng thời chủ động tiếp thu các thông lệ quản trị tốt với mục tiêu thúc đẩy, cải thiện thực tiễn quản trị của MSB, nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ quản lý và toàn thể cán bộ nhân viên về tiêu chuẩn quản trị nội bộ. MSB định hướng xây dựng và trở thành ngân hàng có quản trị doanh nghiệp vượt trên tuân thủ, đáp ứng cao

¹² Tùy thuộc hạn mức tăng trưởng tín dụng được cấp bởi Ngân hàng Nhà nước phù hợp từng thời kỳ

¹³ Cổ tức/Cổ phiếu thưởng dự tính được chia từ lợi nhuận tích lũy đến 31/12/2023. Năm 2023 ngân hàng không trả cổ tức/cổ phiếu thưởng từ nguồn này theo kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông đã phê duyệt.

hơn các tiêu chí theo quy định pháp luật hiện hành, đưa vào áp dụng các thông lệ quản trị quốc tế tốt nhất với mục tiêu phát triển bền vững.

2. Hoạt động quan hệ nhà đầu tư

Với mục tiêu nâng cao các tiêu chuẩn về quản trị doanh nghiệp, đảm bảo minh bạch trong công bố thông tin, cam kết về quyền lợi tốt nhất cho cổ đông, tuân thủ các quy định luật, MSB luôn chú trọng các hoạt động mang tính trao đổi, gắn kết với cổ đông, nhà đầu tư trong năm 2023. Ngân hàng tuân thủ và thực hiện công bố thông tin trên thị trường chứng khoán theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ban hành ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính cùng các quy định và văn bản luật liên quan đến cổ phiếu, trái phiếu, phát hành chứng khoán, các quy định luật dành riêng cho Tổ chức tín dụng. Các quy trình nội bộ của MSB liên tục được cập nhật phù hợp với các thay đổi của luật cũng như các quy chế của cơ quan quản lý (Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam, Sở giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội, Tổng công ty Lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam...), của các đối tác quốc tế mà MSB có các cam kết tuân thủ. Trên cơ sở đó, hoạt động công bố thông tin luôn được MSB thực hiện đầy đủ, kịp thời, các thông tin công bố được đưa ra công chúng, cập nhật tới thị trường theo đa kênh với những thông tin quan trọng (trang thông tin điện tử của ngân hàng, các kênh thông tin của cơ quan quản lý, các phương tiện thông tin đại chúng...).

Theo cơ cấu nội bộ của ngân hàng, bộ phận quản lý cổ đông - trực thuộc Văn phòng Hội đồng quản trị phối hợp chặt chẽ với Phòng Quản lý quan hệ nhà đầu tư - nằm trong khối Quản lý tài chính, là các cầu nối hiệu quả giữa MSB và cổ đông, nhà đầu tư, các công ty chứng khoán, các quỹ đầu tư. Mọi thắc mắc của cổ đông, nhà đầu tư đều được trao đổi hiệu quả, giải đáp thắc mắc nhanh chóng với sự đóng góp ý kiến từ Hội đồng quản trị/Hội đồng điều hành của ngân hàng thông qua họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, các buổi họp nhà đầu tư công bố kết quả kinh doanh, các hội thảo nhà đầu tư trong nước và quốc tế, kênh trao đổi qua điện thoại, email (ir@msb.com.vn). Đây là kênh thông tin chính thức của ngân hàng đến cộng đồng đầu tư nhằm truyền tải thông tin kịp thời và đảm bảo các quy tắc, tiêu chuẩn cao của quản trị doanh nghiệp.

Thông qua các hoạt động quan hệ nhà đầu tư, các kênh truyền thông hiệu quả, cổ phiếu MSB luôn nằm trong top đầu các cổ phiếu ngân hàng có khối lượng giao dịch lớn nhất thị trường, số lượng cổ đông của MSB tăng từ 29.057 cổ đông tại ngày 3/1/2023 lên 34.015 tại 31/12/2023, tăng 17% với sự xuất hiện các tên tuổi lớn trong danh mục các nhà đầu tư chuyên nghiệp tổ chức.

Trong năm 2024, MSB tiếp tục đảm bảo tuân thủ quy định luật về minh bạch hóa thông tin, nâng cao chất lượng truyền thông, gia tăng tương tác với cổ đông và nhà đầu tư. Với các quy định luật dự tính được sửa đổi trong năm 2024 (Luật các tổ chức tín dụng, các thông tư, nghị định liên quan đến cổ phần, công ty đại chúng, công ty niêm yết...), MSB sẽ cập nhật và hoàn thiện các quy định

nội bộ để hoạt động quan hệ nhà đầu tư được hiệu quả, vươn lên đạt chuẩn quốc tế, từ đó nâng cao vị thế của ngân hàng trên thị trường.

3. Giới thiệu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Hội đồng điều hành

3.1. Hội đồng quản trị

3.1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

- **Ông TRẦN ANH TUẤN**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông tham gia quản trị và điều hành MSB từ năm 2007 với các chức danh: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc. Từ tháng 02/2012 đến nay, ông là Chủ tịch Hội đồng quản trị MSB.

- **Ông NGUYỄN HOÀNG AN**

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông gia nhập MSB từ năm 1991 và đảm nhiệm các vị trí như: Trưởng phòng Tín dụng, Giám đốc Chi nhánh Thanh Xuân, Giám đốc Chi nhánh Hà Nội, Phó Tổng Giám đốc MSB. Từ tháng 05/2018 đến nay, ông là Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị MSB.

- **Bà NGUYỄN THỊ THIÊN HƯƠNG**

Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà đã có nhiều năm kinh nghiệm trong ngành ngân hàng. Từ năm 1995 tới năm 2016, bà làm việc tại Techcombank và nắm giữ nhiều chức vụ khác nhau như: Trưởng phòng Dự án và đầu tư chứng khoán, Trưởng phòng Tín dụng, Phó Tổng Giám đốc và Thành viên thường trực Ủy ban kiểm toán rủi ro. Từ tháng 05/2018 đến nay, bà là Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị MSB.

- **Ông TRẦN XUÂN QUẢNG**

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông gia nhập MSB từ năm 1993 và đảm nhiệm các vị trí như: Giám đốc Sở Giao dịch, Phó Tổng Giám đốc phụ trách Khách hàng doanh nghiệp & Khách hàng cá nhân; Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp; Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Quản lý chiến lược... Từ tháng 04/2016 đến nay, ông là thành viên Hội đồng quản trị MSB.

- **Ông NGUYỄN HOÀNG LINH**

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Hoàng Linh có hơn 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong các ngân hàng tại Việt Nam như: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc PVCombank, Tổng Giám đốc Western Bank, Quyền Tổng Giám đốc Ngân hàng Việt Á,... Tại MSB, ông đã trải qua hơn 20 năm công tác và được tin tưởng giao phó nhiều trọng trách như: Giám đốc MSB Hồ Chí Minh, Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Chiến lược, Phó Tổng Giám đốc

kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ. Từ tháng 03/2020, ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc MSB, Từ tháng 09/2020, ông được bầu là thành viên Hội đồng quản trị MSB.

- **Bà LÊ THỊ LIÊN**

Thành viên Hội đồng quản trị

Từ năm 2007 tới năm 2012, bà là Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam nhiệm kỳ IV, kiêm đại diện vốn của VNPT tại ngân hàng và Trưởng Ban Đầu tư và quản lý vốn, Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam. Từ năm 2012 tới năm 2017, bà nắm giữ các vị trí như Trưởng Ban Đầu tư và quản lý vốn, Phó Trưởng Ban Tài chính - Chiến lược thuộc Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam. Từ tháng 05/2018 đến tháng 4/2022, bà là thành viên Hội đồng quản trị độc lập MSB. Từ tháng 04/2022 đến nay, bà là Thành viên Hội đồng quản trị MSB.

- **Ông TẠ NGỌC ĐA**

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Ông gia nhập MSB từ năm 2010 và đảm nhiệm các vị trí như Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Trung tâm Xử lý tín dụng tập trung Hồ Chí Minh; Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khôi Phê duyệt tín dụng, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khôi Quản lý rủi ro, Phó Tổng Giám đốc phụ trách điều hành. Từ tháng 04/2022 đến nay, ông là thành viên Hội đồng quản trị độc lập MSB.

3.1.2. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của các thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu (*)	Chức danh thành viên HĐQT nắm giữ tại các công ty khác
1	Ông Trần Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	16.847.125	0,842%	Không
2	Bà Nguyễn Thị Thiên Hương	Phó Chủ tịch HĐQT	92.274	0,005%	Không
3	Ông Nguyễn Hoàng An	Phó Chủ tịch HĐQT	338.676	0,017%	Không
4	Ông Trần Xuân Quảng	Thành viên HĐQT	255.528	0,013%	Phó Chủ tịch HĐQT/ Tổng Giám đốc Công ty cổ phần đầu tư

					<p>TNG Holdings Việt Nam</p> <p>Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Family Mart Việt Nam</p> <p>Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần thương mại dịch vụ TNS Holdings</p>
5	Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	378.560	0,019%	Thành viên HĐQT Công ty Tài chính TNHH MTV TNEX (TNEX Finance)
6	Bà Lê Thị Liên	Thành viên HĐQT	636.961	0,032%	Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần ROX Asset
7	Ông Tạ Ngọc Đa	Thành viên HĐQT độc lập	113.568	0,006%	<p>Phó Tổng Giám đốc khu vực miền Nam Công ty cổ phần đầu tư TNG Holdings Việt Nam</p> <p>Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Công nghệ thông tin Giải pháp thông minh</p> <p>Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH MTV Công nghệ thông tin Hệ thống thông minh</p> <p>Thành viên HĐQT Công ty</p>

					Cổ phần TNG Realty
--	--	--	--	--	--------------------

(*) Tính trên tổng vốn điều lệ là 20.000 tỷ

3.1.3. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

- Ủy ban Quản lý rủi ro**

Thành phần	Chức vụ
Ông Trần Xuân Quảng, Thành viên HĐQT	Chủ tịch
Ông Tạ Ngọc Đa, Thành viên HĐQT độc lập	Thành viên biểu quyết
Bà Lê Thị Liên, Thành viên HĐQT	Thành viên biểu quyết
Ông Nguyễn Hoàng Linh, Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	Thành viên biểu quyết
Ông Đỗ Thành Công	Thành viên biểu quyết
Ông Hà Duyên Tiến	Thành viên biểu quyết
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Giám đốc Khối Quản lý tài chính	Thành viên không biểu quyết

- Ủy ban Chiến lược**

Thành phần	Chức vụ
Ông Trần Anh Tuấn, Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch
Ông Trần Xuân Quảng, Thành viên HĐQT	Phó Chủ tịch thường trực
Ông Nguyễn Hoàng Linh, Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	Phó Chủ tịch
Ông Võ Tấn Long	Phó Chủ tịch
Bà Đinh Thị Tố Uyên, Phó Tổng Giám đốc/Giám đốc Khối Chiến lược	Thành viên
Bà Lê Cẩm Thúy, Giám đốc Khối Quản lý rủi ro	Thành viên

- Ủy ban Nhân sự**

Thành phần	Chức vụ
Ông Trần Anh Tuấn, Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Bích Huyền	Phó Chủ tịch thường trực
Ông Trần Xuân Quảng, Thành viên HĐQT	Thành viên
Bà Lê Thị Liên, Thành viên HĐQT	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Linh, Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Cương, Giám đốc Nhân sự	Thành viên

- Ủy ban Công nghệ**

Thành phần	Chức vụ
Ông Võ Tấn Long	Chủ tịch
Ông Trần Xuân Quảng, Thành viên HĐQT	Thành viên

Ông Tạ Ngọc Đa, Thành viên HĐQT độc lập	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng Linh, Thành viên HĐQT/Tổng giám đốc	Thành viên
Ông Nguyễn Quốc Khánh, Giám đốc Khối Công nghệ	Thành viên
Bà Đinh Thị Tô Uyên, Phó Tổng Giám đốc/Giám đốc Khối Chiến lược	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Giám đốc Khối Quản lý tài chính	Thành viên
Bà Nguyễn Hà Thanh, Giám đốc Khối Vận hành	Thành viên
Ông Lê Minh Loan, Chuyên gia An ninh mạng	Thành viên
Tổng Giám đốc Ngân hàng chuyên doanh và Giám đốc Khối/Ban	Thành viên

• **Hội đồng xử lý rủi ro**

Thành phần	Chức vụ
Bà Lê Thị Liên, Thành viên HĐQT	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Linh, Thành viên HĐQT/Tổng giám đốc	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thiên Hương, Phó Chủ tịch HĐQT	Thành viên biểu quyết
Bà Lê Cẩm Thúy, Giám đốc Khối Quản lý rủi ro	Thành viên biểu quyết
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Giám đốc Khối Quản lý tài chính	Thành viên biểu quyết
Ông Đỗ Thành Công	Thành viên biểu quyết
Ông Hà Duyên Tiến	Thành viên biểu quyết
Tổng Giám đốc Ngân hàng chuyên doanh hoặc Giám đốc Khối/Ban	Thành viên không biểu quyết
Giám đốc Quản lý rủi ro tín dụng Ngân hàng chuyên doanh, Khối Quản lý rủi ro	Thành viên không biểu quyết

• **Ủy ban Phát triển bền vững**

Thành phần	Chức vụ
Bà Nguyễn Thị Thiên Hương, Phó Chủ tịch HĐQT	Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Linh, Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc MSB	Phó Chủ tịch
Bà Nguyễn Hương Loan, Phó Tổng Giám đốc/Tổng Giám đốc Ngân hàng Định chế tài chính	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng, Giám đốc Khối Quản lý tài chính	Thành viên
Bà Đinh Thị Tô Uyên, Phó Tổng Giám đốc/Giám đốc Khối Chiến lược	Thành viên
Bà Lê Cẩm Thúy, Giám đốc Khối Quản lý rủi ro	Thành viên
Tổng Giám đốc Ngân hàng chuyên doanh hoặc Giám đốc Khối/Ban trực tiếp quản lý khách hàng	Thành viên

3.1.4. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Các cuộc họp Hội đồng quản trị năm 2023:

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trần Anh Tuấn	04	100%	
2	Ông Nguyễn Hoàng An	04	100%	
3	Bà Nguyễn Thị Thiên Hương	04	100%	
4	Ông Nguyễn Hoàng Linh	04	100%	
5	Ông Trần Xuân Quảng	04	100%	
6	Bà Lê Thị Liên	04	100%	
7	Ông Tạ Ngọc Đa	04	100%	

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỐI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC/BAN ĐIỀU HÀNH

Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc thực hiện các nhiệm vụ được phân công, triển khai thực hiện các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị giám sát hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc thông qua hệ thống văn bản nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành; tham gia các cuộc họp điều hành hàng tháng cùng Ban điều hành để kịp thời đưa ra các ý kiến chỉ đạo đối với hoạt động điều hành của Tổng Giám đốc. Hội đồng quản trị đánh giá định kỳ hàng quý việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

Theo phân công ủy quyền, các Ủy ban giúp việc cho Hội đồng quản trị đã giải quyết các công việc trong năm 2023 cụ thể như sau:

- **Ủy ban Quản lý rủi ro (UBQLRR):**

Trong năm 2023, UBQLRR đã tổ chức 13 phiên họp trực tuyến, và thông qua 05 đề xuất xin ý kiến qua email, bám sát chức năng/nhiệm vụ được Hội đồng quản trị phân giao. Tại các phiên họp, Ủy ban tập trung thảo luận các báo cáo/chuyên đề, đồng thời xem xét các đề xuất trình để tham mưu, khuyến nghị cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, cụ thể: Thông qua 12 báo cáo danh mục rủi ro định kỳ, 03 báo cáo theo dõi tuân thủ, thảo luận 09 chuyên đề/báo cáo về quản lý rủi ro, tham mưu và khuyến nghị cho Hội đồng quản trị 15 đề xuất, xem xét và khuyến nghị đối với Tổng Giám đốc 06 đề xuất, đưa ra 11 chỉ đạo hành động liên quan đến lĩnh vực quản lý rủi ro.

- **Ủy ban Chiến lược (UBCL):**

Trong năm 2023, UBCL thực hiện 04 buổi họp trực tiếp với các chủ đề trọng tâm gồm: Cuộc họp số 1 (Tháng 2/2023): Khối Chiến lược báo cáo kế hoạch triển khai các dự án trọng điểm giai đoạn 2023 - 2027, Cuộc họp số 2 (Tháng 4/2023): Khối Chuyển đổi số báo cáo chi tiết hoạt động và kết quả triển khai các dự án chuyển đổi số, Cuộc họp số 3 (Tháng 6/2023): Khối Chiến lược báo cáo các chỉ số quản trị dự án chuyển đổi chiến lược đánh giá kinh doanh (QBR) – mục tiêu & kết quả then chốt (OKR), Cuộc họp số 4 (Tháng 8/2023): Báo cáo tiến độ các dự án Cải tiến năng lực lực lượng bán hàng, báo cáo các chỉ số OKR – QBR.

Cũng trong năm 2023, UBCL đã được cập nhật định kỳ hàng quý Báo cáo về đo lường quản trị các chỉ số chiến lược trọng yếu của MSB giúp thành viên UBCL nắm bắt được bức tranh tổng thể và chi tiết về chiến lược MSB trong hành trình 2023-2027.

Với vai trò tham mưu, khuyến nghị cho Hội đồng quản trị về định hướng chiến lược, các hành động cần thực hiện để chuyển đổi chiến lược thành công, UBCL đã chỉ đạo các đơn vị nghiệp vụ thực hiện theo dõi sát sao các chương trình chuyển đổi toàn hàng, hướng dẫn các phương thức cải tiến mô hình hoạt động nhằm đáp ứng sự biến đổi nhanh của khách hàng, thị trường và nền kinh tế.

- **Ủy ban Nhân sự (UBNS)**

Trong năm 2023, UBNS đã thụ lý giải quyết hơn 110 hồ sơ và tham mưu cho Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị trong các vấn đề liên quan đến cơ cấu bộ máy tổ chức của ngân hàng, chế độ chính sách nhân sự, bố trí nhân sự nhằm phù hợp với bối cảnh kinh doanh và tối ưu nguồn lực cho tổ chức; đồng thời, thực hiện các thủ tục nhân sự liên quan đến các vị trí cán bộ quản lý và chức danh luật định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và các nội dung công việc khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị giao phó. Bên cạnh đó, UBNS đã tổ chức các phiên họp định kỳ để thảo luận và thống nhất các vấn đề về chiến lược nhân sự, có ảnh hưởng đến toàn hệ thống như phát triển năng lực cho lãnh đạo cấp cao, digital HR, thực hiện cơ chế khoán, nâng cao năng lực chuyển đổi số cho các dự án chiến lược, đánh giá năng suất lao động của lực lượng bán...

- **Ủy ban Công nghệ (UBCN):**

Trong năm 2023, UBCN đã tổ chức 04 buổi họp:

Phiên họp Quý I diễn ra vào ngày 31/03/2023. Các nội dung chính bao gồm: kết quả thực hiện kết luận buổi họp Quý I/2023; năng lực công nghệ, tiến độ triển khai sáng kiến và tình hình áp dụng thực tế tại MSB; chất lượng dịch vụ công nghệ Quý I/2023; đánh giá nhanh về xu hướng công nghệ mới và tình hình áp dụng thực tế tại MSB.

Phiên họp Quý II diễn ra vào ngày 30/06/2023. Tại phiên họp này, UBCN tập trung vào các nội dung: báo cáo sơ bộ về tình hình triển khai các sáng kiến chiến lược; các chỉ số thể hiện sức khỏe dịch vụ công nghệ trong Quý theo tư vấn của MCKinsey; cập nhật thêm về các xu hướng công

nghe gần đây trên thị trường và những tác động chính đối với MSB như Nghị định 13 về bảo vệ dữ liệu cá nhân, Luật giao dịch điện tử sửa đổi có hiệu lực từ 1/7/2024.

Phiên họp Quý III diễn ra vào ngày 10/10/2023. Tại phiên họp, UBCN tập trung vào các nội dung: kết quả thực hiện kết luận phiên họp Quý II/2023; cập nhật các thay đổi về năng lực theo khung kiến trúc doanh nghiệp (EA); chất lượng dịch vụ và tiến độ triển khai sáng kiến sức khỏe dịch vụ công nghệ trong Quý III/2023.

Phiên họp Quý IV diễn ra vào ngày 05/01/2024. Nội dung báo cáo bao gồm: trạng thái các công việc trong kỳ họp trước; cập nhật thay đổi năng lực theo khung kiến trúc doanh nghiệp; thực trạng chỉ số sức khỏe công nghệ; tiến độ triển khai các dự án công nghệ và các chương trình chuyển đổi ngân hàng (change the bank); kết quả thực hiện kế hoạch công nghệ 2023; xin ý kiến thông qua kế hoạch công nghệ 2024; các dự án trọng điểm đề xuất triển khai năm 2024.

- **Ủy ban Phát triển bền vững (UBPTBV):**

Trong năm 2023, UBPTBV đã tổ chức họp 3 cuộc họp với mục tiêu truyền thông về vai trò của ngân hàng trong xu thế phát triển bền vững toàn cầu, cập nhật thực tiễn các hoạt động phát triển bền vững trong nước, quốc tế, đặc biệt là xu thế phát triển bền vững của ngành ngân hàng. Trên cơ sở đó, UBPTBV cũng đưa ra định hướng chiến lược ngắn, trung và dài hạn cho MSB và đặt ra các kế hoạch hành động, đào tạo, truyền thông phù hợp. Qua các cuộc họp định kỳ, các Khối/Phòng/Ban của MSB báo cáo tiến độ triển khai các hoạt động phát triển bền vững với Ủy ban, cùng giải quyết các vướng mắc, khó khăn, đặc biệt là các hoạt động liên quan huy động vốn theo các chương trình tài trợ vốn có tiêu chí phát triển bền vững, đáp ứng các cam kết theo tiêu chuẩn quốc tế khi nhận các khoản vay theo chương trình tài chính xanh (green financing), xây dựng các sản phẩm cho vay “xanh”.

MSB đã có cam kết đồng hành cùng Chính phủ Việt Nam khi ký Biên bản ghi nhớ với Cục biến đổi khí hậu – Bộ Tài nguyên và Môi trường trong công cuộc thực hiện cam kết đưa đất nước đạt mức phát thải ròng carbon bằng 0 vào năm 2050. Do đó, UBPTBV có vai trò tham mưu cho Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Hội đồng điều hành trong quá trình tích hợp các yếu tố bền vững (Môi trường – Xã hội – Quản trị) vào hoạt động của ngân hàng, xây dựng một chiến lược tổng thể có cân nhắc các yếu tố phát triển bền vững, đảm bảo cam kết của ngân hàng với đối tác và các bên liên quan, đồng thời trở thành đơn vị tiên phong trong hoạt động phát triển bền vững.

Đầu tháng 12/2023, UBPTBV của MSB đã có các đại diện tham dự Hội nghị lần thứ 28 các bên tham gia Công ước khung của Liên Hợp quốc về biến đổi khí hậu tại Dubai, Các Tiểu vương quốc Ả-rập thống nhất cùng Chính phủ Việt Nam và Bộ Tài nguyên và Môi trường. Việc tham dự này thể hiện mức độ cam kết cao của ngân hàng trong quá trình đồng hành cùng Việt Nam trong quá trình chuyển đổi xanh, chống biến đổi khí hậu và quyết tâm đạt mục tiêu phát thải ròng Carbon bằng 0 vào năm 2050 như Thủ tướng đã đặt ra tại COP26.

3.1.5. Đào tạo về quản trị Ngân hàng

Với tinh thần “Học khác đi”, trong năm 2023, MSB đã xây dựng dự án văn hóa học tập M-share. Dự án được triển khai với nhiều phương thức khác nhau, đặc biệt chương trình “Cổ vấn tinh hoa” được thiết kế theo dạng thức mới với sự tham gia của đội ngũ lãnh đạo cấp cao. Chương trình không chỉ dừng lại ở việc đào tạo, chia sẻ kiến thức cho nhân sự nội bộ mà còn gắn kết và giữ gìn nhân tài cho MSB, tạo ra “bộ gen trội” được lưu trữ và kế thừa qua các thế hệ. Bên cạnh đó, nắm bắt nhu cầu chuyển đổi số mạnh mẽ trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, MSB chú trọng việc nâng cao năng lực chuyển đổi số cho lãnh đạo cấp cao thông qua các hình thức đào tạo đa dạng như kèm cặp 1-1 với đội ngũ chuyên gia, tổ chức hội thảo về các chủ đề khác nhau hoặc cử cán bộ tham gia các chương trình đào tạo đặc thù trong và ngoài nước... để hoàn thiện năng lực quản trị điều hành trong bối cảnh mới. Song song với việc đẩy mạnh các chương trình đào tạo theo từng phân khúc chuyên biệt như M-Leader, M-Manager hay Talent Pool, việc ra đời Học viện MSB cũng là một dấu ấn quan trọng cho thấy sự quan tâm của Ban lãnh đạo với chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực nói chung.

3.2. Ban Kiểm soát

3.2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát

- **Bà PHẠM THỊ THÀNH**

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Phạm Thị Thành từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng như: Phó Giám đốc Ngân hàng Nhà nước tỉnh Hà Tây (cũ); Phó Vụ trưởng Vụ Tổng kiểm soát Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam, Ủy viên Hội đồng quản trị, Trưởng ban Kiểm soát Ngân hàng chính sách xã hội. Bà gia nhập Ban Kiểm soát MSB từ tháng 4/2009 với vai trò thành viên Ban Kiểm soát. Từ tháng 9/2009 đến nay, bà giữ chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát MSB.

- **Bà CHU THỊ ĐÀM**

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Chu Thị Đàm có 28 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng. Bà gia nhập MSB từ tháng 9/2008 và từng đảm nhiệm chức vụ Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ. Từ tháng 2/2012 đến nay, bà giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát MSB.

- **Bà LÊ THANH HÀ**

Thành viên Ban Kiểm soát

Bà Lê Thanh Hà gia nhập MSB từ năm 1991 và đảm nhiệm vị trí lãnh đạo tại các bộ phận như Kế toán, Dịch vụ khách hàng, Quản lý vốn, Đầu tư và kinh doanh ngoại tệ - Khối Thị trường tài chính, Ngân hàng Định chế tài chính. Từ tháng 2/2012 đến nay, bà giữ chức vụ Thành viên Ban Kiểm soát MSB.

3.2.2. Danh sách tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác của Ban Kiểm soát

• **Danh sách tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết**

STT	Họ và tên	Giới tính	Chức vụ	Số lượng cổ phần nắm giữ có quyền biểu quyết (CP)	Tỷ lệ sở hữu
01	Phạm Thị Thành	Nữ	Trưởng Ban	235.254	0,011847%
02	Chu Thị Đàm	Nữ	Thành viên chuyên trách	141.960	0,007148%
03	Lê Thanh Hà	Nữ	Thành viên chuyên trách	238.635	0,012017%

• **Danh sách tỷ lệ sở hữu các chứng khoán khác**

STT	Họ và tên	Giới tính	Chức vụ	Mã chứng khoán khác	Số lượng cổ phần nắm giữ có quyền biểu quyết (CP)	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Phạm Thị Thành	Nữ	Trưởng Ban Kiểm soát	ACB	0	%
				PGB	0	%
				TN1	637	0,001281%
				TNC	0	%
2	Bà Chu Thị Đàm		Thành viên chuyên trách	MBB	4.140	0,000095%
				SSI	0	%
				TCB	7.315	0,000208%
				TN1	489	0,000984%
				TPB	2.783	0,000126%
				TNC	0	%
				VND	5.000	0,000411%
3	Bà Lê Thanh Hà		Thành viên chuyên trách	VPB	8.398	0,000138%
				ABB	20.130	0,0019%
				BLI	40	0,000000%
				HIG	73	0,000000%
				LPB	0	%

				MBB	3.243	0,000062%
				POT	96	0,000000%
				TN1	1.064	0,0021%
				VIE	2.000	0,039%
				TNC	0	%
				SHB	2.000	0,00005%

3.2.3. Hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã thực hiện 05 cuộc họp trong đó có cuộc họp bầu Trưởng Ban Kiểm soát cho nhiệm kỳ VII (2022-2026). Nội dung chủ đạo của các cuộc họp là cập nhật tình hình hoạt động kinh doanh của MSB, các nghị quyết trọng yếu mà Hội đồng quản trị ban hành, các chỉ đạo, quy định của Ngân hàng Nhà nước đối với hoạt động của các tổ chức tín dụng nói chung và đối với riêng MSB,...; từ đó thống nhất các công việc cần chú trọng trong quá trình giám sát hoạt động kinh doanh, chỉ đạo công tác kiểm toán nội bộ bám sát các yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước; giám sát từ xa và kiểm toán trực tiếp đối với những hoạt động kinh doanh trọng yếu của ngân hàng; báo cáo Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đối với một số hoạt động còn tiềm ẩn rủi ro để có giải pháp chấn chỉnh và nâng cao chất lượng, đảm bảo MSB hoạt động an toàn, hiệu quả, tuân thủ quy định của pháp luật.

Các cuộc họp đều đạt được sự đồng thuận, thống nhất của tất cả các thành viên Ban Kiểm soát, là tiền đề để Ban Kiểm soát hoàn thành tốt công việc theo quy định góp phần vào sự phát triển ổn định, bền vững của ngân hàng.

3.3. Hội đồng điều hành

3.3.1. Thành viên Hội đồng điều hành

- Ông NGUYỄN HOÀNG LINH

Tổng Giám đốc MSB, Thành viên Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Hoàng Linh có hơn 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và từng giữ nhiều chức vụ quan trọng trong các ngân hàng tại Việt Nam như: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc PVCombank, Tổng Giám đốc Western Bank, Quyền Tổng Giám đốc Ngân hàng Việt Á,... Tại MSB, ông đã trải qua hơn 20 năm công tác và được tin tưởng giao phó nhiều trọng trách như: Giám đốc MSB Hồ Chí Minh, Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp, Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Chiến lược, Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ. Từ tháng 03/2020, ông được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc MSB. Từ tháng 09/2020, ông được bầu là thành viên Hội đồng quản trị MSB. Từ ngày

01/3/2023, ông Nguyễn Hoàng Linh phụ trách trực tiếp dự án “Nhà máy số” và các hoạt động chuyên đổi số của ngân hàng.

- **Ông NGUYỄN PHI HÙNG**

Phó Tổng Giám đốc MSB

Với hơn 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, ông Nguyễn Phi Hùng đã từng đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo cao cấp tại các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước như Ngân hàng Citibank Hà Nội, Ngân hàng TMCP Dầu Khí toàn cầu, Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex... Ông có hơn 7 năm công tác tại MSB với vai trò Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc Khối Vận hành. Từ ngày 30/10/2023, ông Nguyễn Phi Hùng được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc MSB.

- **Ông NGUYỄN THẾ MINH**

Phó Tổng Giám đốc MSB, Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp

Ông Nguyễn Thế Minh có 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng và từng giữ nhiều vị trí quan trọng tại các ngân hàng uy tín như: Giám đốc Khối MME, Giám đốc miền Bắc - HSBC Việt Nam; Giám đốc cao cấp Khối Doanh nghiệp & các dự án tài chính - Calyon Việt Nam... Từ tháng 4/2015, ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc MSB kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp lớn. Tháng 01/2019, ông giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc MSB kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp.

- **Bà NGUYỄN HƯƠNG LOAN**

Phó Tổng Giám đốc MSB, Tổng Giám đốc Ngân hàng Định chế tài chính

Bà Nguyễn Hương Loan gia nhập MSB kể từ năm 2009 trên cương vị là Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Nguồn vốn. Trước đó, bà Loan đã từng đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo cao cấp tại các tổ chức tín dụng như Techcombank, PG Bank. Hiện tại, bà Loan giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc MSB kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng định chế tài chính. Bà được giao phụ trách toàn bộ hoạt động kinh doanh với các định chế tài chính của MSB, bao gồm việc quản lý quan hệ, cung cấp các sản phẩm - dịch vụ dành cho các khách hàng định chế tài chính, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và các tổ chức tài chính công.

- **Bà ĐINH THỊ TỐ UYÊN**

Phó Tổng Giám đốc MSB, Giám đốc Khối Chiến lược

Bà Đinh Thị Tố Uyên đã có 26 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Marketing & Truyền thông nắm giữ các vị trí cao cấp tại các tổ chức quốc tế trong và ngoài nước như: Giám đốc Marketing và Thương hiệu Techcombank; Giám đốc Marketing & Phát triển kinh doanh British Petroleum; Trưởng phòng Marketing Shell Gas Việt Nam... Từ tháng 5/2015, bà gia nhập MSB và giữ chức vụ Giám đốc Khối Marketing & Truyền thông. Từ tháng 02/2020, bà được luân chuyển và bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Khối Chiến lược. Từ tháng 4/2022, bà giữ chức vụ Phó Tổng giám đốc MSB kiêm Giám đốc Khối Chiến lược.

- **Bà NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH**

Phó Tổng Giám đốc MSB, Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh đã có 22 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng, trong đó có 17 năm công tác tại MSB và được tin nhiệm đảm nhận nhiều vị trí quản lý khác nhau như: Giám đốc Trung tâm kênh bán hàng và phân phối; Giám đốc Trung tâm quản lý phát triển kinh doanh; Giám đốc Vùng 1, Phụ trách Phòng huy động vốn thuộc MSB. Bên cạnh đó, bà Hạnh từng đảm nhiệm chức vụ Phó Giám đốc Trung tâm phát triển kinh doanh – Khối Bán lẻ VietinBank. Từ tháng 01/2020, bà Hạnh được bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ. Từ tháng 12/2020 đến nay, bà giữ chức vụ Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ. Từ tháng 4/2022, bà đảm nhiệm chức danh Phó Tổng giám đốc MSB kiêm Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ.

- **Bà LÊ CẨM THÚY**

Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro

Bà Lê Cẩm Thúy đã có hơn 15 năm kinh nghiệm trong ngành tài chính ngân hàng, trong đó có hơn 12 năm công tác tại MSB và được tin nhiệm đảm nhận nhiều vị trí quản lý quan trọng như: Phó Giám đốc Khối quản lý rủi ro, Giám đốc Quản lý phân tích công cụ và mô hình rủi ro tại MSB và Giám đốc Ban quản lý rủi ro tại SHB. Với kinh nghiệm và sự am hiểu hệ thống quản lý rủi ro của MSB, bà Thúy được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Khối Quản lý rủi ro từ tháng 3/2022.

- **Bà NGUYỄN HÀ THANH**

Giám đốc Khối Vận hành

Bà Nguyễn Hà Thanh đã có 28 năm kinh nghiệm làm việc tại các tổ chức tài chính - ngân hàng uy tín tại Việt Nam và đảm nhiệm những chức vụ quan trọng như: Phó Giám đốc Khối vận hành, Techcombank; Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc Vận hành, Công ty chứng khoán Morgan Stanley Gateway MSGS; Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc Vận hành, Công ty chứng khoán quốc tế Hoàng Gia IRS; Giám đốc Dịch vụ quản lý rủi ro tín dụng, Ngân hàng Citibank... Từ cuối tháng 12/2020, bà gia nhập MSB và giữ chức vụ Giám đốc Khối Vận hành.

- **Bà LẠI THANH MAI**

Giám đốc Khối Tư vấn Pháp lý và Tuân thủ

Bà Mai đã có 27 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn pháp luật – tuân thủ trong hoạt động ngân hàng. Bà gia nhập MSB từ năm 1997, từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng tại MSB như: Trưởng phòng pháp chế, Trưởng Ban thư ký Hội đồng quản trị, Giám đốc Khối Pháp chế và giám sát tuân thủ. Từ tháng 01/2019, bà được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Khối Tư vấn pháp lý và Tuân thủ.

- **Ông NGUYỄN QUỐC KHÁNH**

Giám đốc Khối Công nghệ

Ông Khánh đã có 24 năm công tác trong lĩnh vực công nghệ thông tin ở trong và ngoài nước, với gần 16 năm đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo cấp cao như: Phó Giám đốc Trung tâm công nghệ thông tin - Vietcombank, Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc Khối Công nghệ thông tin PVCombank, Phó

Tổng Giám đốc phụ trách công nghệ thông tin - Tổng Công ty Tài chính cổ phần dầu khí Việt Nam (PVFC), Phó Trưởng ban phụ trách công nghệ thông tin – Ban Trù bị Ngân hàng Dầu khí, Giám đốc kỹ thuật - Công ty FPT Software... Đặc biệt, ông Khánh đã từng đảm nhiệm vị trí Giám đốc Khối Công nghệ tại MSB từ tháng 05/2009 đến tháng 10/2013 với nhiều đóng góp quan trọng. Từ tháng 4/2020, ông chính thức quay trở lại và đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Công nghệ tại MSB.

- **Ông NGUYỄN NGỌC CƯỜNG**

Giám đốc Nhân sự

Ông Nguyễn Ngọc Cường gia nhập MSB từ năm 2007 và từng đảm nhiệm các vị trí quản lý từ năm 2009 đến năm 2012 như: Giám đốc quản lý nghiệp vụ nhân sự, Trưởng phòng chiến lược phát triển nhân tài, Phó phòng tiền lương và phúc lợi. Từ năm 2012, ông công tác tại Công ty cổ phần Quản trị Nguồn nhân lực M-Talent với vị trí như Giám đốc Trung tâm chiến lược nhân sự và được bổ nhiệm làm Phó Tổng Giám đốc công ty M-Talent từ năm 2015. Từ tháng 01/2020, ông được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Nhân sự MSB.

- **Bà NGUYỄN THỊ THU HẰNG**

Giám đốc Khối Quản lý tài chính

Bà Nguyễn Thị Thu Hằng đã có 23 năm công tác tại MSB và từng đảm nhiệm các vị trí lãnh đạo cấp cao trong công tác quản lý tài chính của ngân hàng như: Phó Giám đốc Khối Quản lý tài chính; đồng thời kiêm nhiệm các vị trí như Giám đốc Trung tâm quản trị tài chính, Trưởng phòng tài chính, Trưởng phòng kế hoạch ngân sách. Với kinh nghiệm và sự am hiểu hệ thống tài chính của MSB, từ tháng 4/2020, bà Hằng được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Khối Quản lý tài chính.

- **Ông DƯƠNG NGỌC DŨNG**

Giám đốc Khối Marketing và Truyền thông

Ông Dương Ngọc Dũng đã có hơn 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực marketing, truyền thông và thương hiệu. Ông từng giữ nhiều chức vụ quan trọng tại các ngân hàng, tổ chức tài chính uy tín tại Việt Nam như: Giám đốc Marketing và Truyền thông - Ngân hàng Hong Leong Việt Nam, Giám đốc Marketing và Truyền thông Ngân hàng Quốc tế (VIB), Giám đốc PR và Marketing - Ngân hàng Bản Việt và Công ty Chứng khoán Bản Việt, Giám đốc Marketing và Phát triển kinh doanh - Công ty cổ phần Sao Bắc Đẩu. Từ tháng 2/2020, ông gia nhập MSB và giữ chức vụ Giám đốc Khối Marketing và Truyền thông.

- **Ông BÙI ĐỨC QUANG**

Tổng Giám đốc Ngân hàng Quản lý tín dụng

Ông Bùi Đức Quang có hơn 23 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực pháp luật, trong đó có 09 năm công tác trong ngành ngân hàng. Trước đó, ông từng đảm nhiệm vị trí Giám đốc Xử lý nợ khách hàng cá nhân – Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB); Giám đốc Tổ tụng, Thành viên Hội đồng cố vấn – Tập đoàn TNG. Tại MSB, ông từng đảm nhiệm vị trí Giám đốc Quản lý tổ tụng và mua bán nợ,

Phó Giám đốc phụ trách Khối Quản lý tín dụng, Chủ tịch công ty MSB AMC và đảm nhiệm vị trí Quyền Giám đốc Khối Quản lý tín dụng từ tháng 1/2020. Từ tháng 7/2020, ông Quang được bổ nhiệm vị trí Tổng Giám đốc Ngân hàng Quản lý tín dụng.

- **Ông NGUYỄN VIỆT SƠN**

Giám đốc Khối Khách hàng chiến lược

Ông Nguyễn Việt Sơn đã có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và từng đảm nhiệm vai trò cán bộ quản lý tại các tổ chức tín dụng khác nhau như: Phó Trưởng phòng tín dụng - đầu tư, Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam; Giám đốc Chi nhánh Hải Dương, Giám đốc Vùng 1 Khách hàng doanh nghiệp, Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam; Phó Tổng Giám đốc, Ngân hàng TNHH Sài Gòn - Hà Nội Lào. Từ tháng 12/2022, ông chính thức quay trở lại và đảm nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Khách hàng chiến lược MSB.

- **Bà NGUYỄN THU TRANG**

Giám đốc Khối Văn phòng & Dịch vụ nội bộ

Bà Nguyễn Thu Trang có hơn 16 năm công tác tại MSB và trải qua nhiều vị trí lãnh đạo cao cấp như Phó Chủ tịch thường trực Ủy ban Nhân sự, Giám đốc Nhân sự, Chánh Văn phòng, Phó Trưởng ban Trợ lý Tổng Giám đốc. Từ tháng 6/2023, bà được luân chuyển và bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Khối Văn phòng và Dịch vụ nội bộ MSB. Bên cạnh đó, bà Trang đã từng đảm nhiệm các vai trò khác nhau tại tập đoàn đa ngành TNG Holdings Việt Nam: Giám đốc Nhân sự TNG Holdings Việt Nam, Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thương mại Dịch vụ TNS Holdings; Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Quản trị Nguồn nhân lực TNTalent.

- **Bà PHÙNG THÙY NHUNG**

Kế toán trưởng

Bà Phùng Thùy Nhung gia nhập MSB kể từ năm 2011 và từng đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý khác nhau thuộc Khối Quản lý Tài chính như: Giám đốc quản lý hiệu suất Ngân hàng Định chế Tài chính; Giám đốc quản lý hiệu suất Ngân hàng Doanh nghiệp lớn; Giám đốc quản lý tài chính và kế hoạch, Giám đốc Trung tâm quản trị kế toán.

Kể từ tháng 02/2021 đến nay, bà đảm nhiệm chức vụ Kế toán trưởng MSB kiêm Giám đốc Trung tâm quản trị kế toán. Bà được giao quản lý và điều hành việc xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện chính sách, chuẩn mực kế toán toàn hệ thống đảm bảo tuân thủ quy định của MSB và pháp luật.

3.3.2. Thông tin thay đổi nhân sự Hội đồng điều hành năm 2023

Ngày 01/6/2023, MSB bổ nhiệm bà Nguyễn Thu Trang giữ chức vụ Giám đốc Khối Văn phòng và dịch vụ nội bộ với mục tiêu nâng cao hơn nữa chất lượng công tác dịch vụ hỗ trợ và mức độ hài lòng của khách hàng nội bộ trên toàn hệ thống, góp phần hỗ trợ tốt hơn cho hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

Ngày 30/10/2023, MSB bổ nhiệm ông Nguyễn Phi Hùng giữ chức Phó Tổng Giám đốc. Việc bổ nhiệm nhằm kiện toàn bộ máy lãnh đạo, đáp ứng yêu cầu tăng trưởng quy mô và định hướng chiến lược phát triển của ngân hàng.

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Hội đồng điều hành và Ban Kiểm soát

4.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc thực hiện theo quy chế tiền lương của MSB và Nghị quyết phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

Chi tiết về khoản lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc được liệt kê tại phần thuyết minh số 44 – “Giao dịch với các bên liên quan” trang 58 trong Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán 2023.

4.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Chi tiết về giao dịch cổ phiếu của người nội bộ được liệt kê tại Phụ lục 07, Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu MSB, thuộc Báo cáo quản trị công ty năm 2023 của MSB.^{(*)14}

4.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

Chi tiết về Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ được liệt kê tại Phụ lục 03, Giao dịch giữa MSB với người có liên quan của MSB; hoặc giữa MSB với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, thuộc Báo cáo quản trị công ty năm 2023.^{(*)15}

4.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

MSB đã thực hiện đầy đủ theo quy định pháp luật về quản trị công ty.

G. HỆ THỐNG MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Tính đến 31/12/2023, mạng lưới hoạt động của MSB trải rộng 51 tỉnh thành trên toàn quốc, bao gồm 263 Chi nhánh và Phòng giao dịch, 285 ATM (trong đó có 5 máy STM).

1	An Giang
2	Bà Rịa Vũng Tàu

27	Kiên Giang
28	Kontum

^{14 15} Chi tiết báo cáo xem tại đường dẫn: https://www.msb.com.vn/documents/20121/2148328/20240130-MSB-CBTT+Bao+cao+quan+tri+ngan+hang+2023_ban+hide+thong+tin+ca+nhan.pdf/19072c53-1c8c-780f-d4a0-65973eb8067b?t=1706608018989

3	Bạc Liêu
4	Bắc Giang
5	Bắc Ninh
6	Bến Tre
7	Bình Dương
8	Bình Định
9	Bình Phước
10	Bình Thuận
11	Cà Mau
12	Cần Thơ
13	Đà Nẵng
14	Đắk Lắk
15	Đồng Nai
16	Đồng Tháp
17	Gia Lai
18	Hà Nam
19	Hà Nội
20	Hà Tĩnh
21	Hải Dương
22	Hải Phòng
23	Hậu Giang
24	Huế
25	Hưng Yên
26	Khánh Hòa

29	Lạng Sơn
30	Lào Cai
31	Lâm Đồng
32	Long An
33	Nam Định
34	Ninh Bình
35	Ninh Thuận
36	Nghệ An
37	Phú Thọ
38	Phú Yên
39	Quảng Bình
40	Quảng Nam
41	Quảng Ngãi
42	Quảng Ninh
43	Tây Ninh
44	Thái Bình
45	Thái Nguyên
46	Thanh Hóa
47	Tiền Giang
48	TP, Hồ Chí Minh
49	Trà Vinh
50	Vĩnh Long
51	Vĩnh Phúc

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 73

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN VỀ NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam vào ngày 08 tháng 06 năm 1991 theo Giấy phép hoạt động Ngân hàng số 0001/NH-GP do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam (được gọi tắt là “NHNN”) cấp và có thời hạn 99 năm kể từ ngày cấp và được sửa đổi gần nhất theo Quyết định số 45/QĐ-NHNN ngày 09 tháng 01 năm 2023. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200124891 của Ngân hàng được điều chỉnh nhiều lần với điều chỉnh lần thứ 26 vào ngày 13 tháng 01 năm 2023.

Hoạt động chính của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán, ngân quỹ; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Trụ sở và mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, sáu mươi hai (62) chi nhánh, hai trăm lẻ một (201) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, sáu mươi hai (62) chi nhánh, hai trăm lẻ một (201) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước).

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Trần Anh Tuấn	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Thiên Hương	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng An	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Thành viên
Ông Trần Xuân Quảng	Thành viên
Bà Lê Thị Liên	Thành viên
Ông Tạ Ngọc Đa	Thành viên độc lập

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Bà Phạm Thị Thành	Trưởng ban
Bà Chu Thị Đàm	Thành viên
Bà Lê Thanh Hà	Thành viên

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Ban Điều hành của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Nguyễn Hoàng Linh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phi Hùng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 30/10/2023)
Bà Nguyễn Hương Loan	Phó Tổng Giám đốc – Tổng Giám đốc Ngân hàng Định chế Tài chính
Ông Nguyễn Thế Minh	Phó Tổng Giám đốc – Tổng Giám đốc Ngân hàng Doanh nghiệp
Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc – Tổng Giám đốc Ngân hàng Bán lẻ
Bà Đinh Thị Tố Uyên	Phó Tổng Giám đốc – Giám đốc Khối Chiến lược
Ông Bùi Đức Quang	Tổng Giám đốc Ngân hàng Quản lý tín dụng
Bà Nguyễn Thị Thu Hằng	Giám đốc Khối Quản lý Tài chính
Ông Nguyễn Quốc Khánh	Giám đốc Khối Công nghệ
Ông Nguyễn Ngọc Cương	Giám đốc Nhân sự
Bà Lại Thanh Mai	Giám đốc Khối Tư vấn Pháp lý và Tuân thủ
Ông Dương Ngọc Dũng	Giám đốc Khối Marketing & Truyền thông
Bà Nguyễn Hà Thanh	Giám đốc Khối Vận hành
Ông Samuel Anthony Dotro	Giám đốc Khối Chuyển đổi Số (Miễn nhiệm ngày 01/03/2023)
Bà Lê Cẩm Thúy	Giám đốc Khối Quản lý Rủi ro
Ông Nguyễn Việt Sơn	Giám đốc Khối Khách hàng chiến lược
Bà Nguyễn Thu Trang	Giám đốc Khối Văn phòng và Dịch vụ nội bộ (Bổ nhiệm ngày 01/06/2023)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Hoàng Linh, chức danh Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Ngân hàng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Ban Điều hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con ("Ngân hàng") tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Ngân hàng và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Ngân hàng và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Ngân hàng và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều hành cam kết rằng Ngân hàng đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều hành, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Điều hành:



Ông Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2024

Số tham chiếu: 12801180/66982110-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam ("Ngân hàng") và các công ty con được lập ngày 28 tháng 03 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 73, bao gồm báo cáo tình hình tài chính hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất đi kèm.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Ngân hàng

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Ngân hàng xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Ngân hàng liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Ngân hàng. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1



Hoàng Thị Hồng Minh
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0761-2023-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng
TÀI SẢN			
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	5	939.629	1.393.551
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNN”)	6	4.589.199	3.689.730
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng (“TCTD”) khác	7	61.149.694	39.243.600
Tiền gửi tại các TCTD khác		51.384.709	29.363.640
Cho vay các TCTD khác		9.764.985	9.879.960
Chứng khoán kinh doanh	8	-	21.675
Chứng khoán kinh doanh		-	39.287
Dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh		-	(17.612)
Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	9	-	446.344
Cho vay khách hàng		146.782.639	119.212.621
Cho vay khách hàng	10	149.145.386	120.643.542
Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11	(2.362.747)	(1.430.921)
Chứng khoán đầu tư	12	37.880.373	31.534.742
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		37.897.490	31.554.087
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư		(17.117)	(19.345)
Góp vốn, đầu tư dài hạn	13	10.036	10.036
Đầu tư dài hạn khác		10.036	10.036
Tài sản cố định		402.736	382.873
Tài sản cố định hữu hình	14	202.533	153.330
<i>Nguyên giá</i>		661.129	606.147
<i>Khấu hao lũy kế</i>		(458.596)	(452.817)
Tài sản cố định vô hình	15	200.203	229.543
<i>Nguyên giá</i>		630.943	618.177
<i>Hao mòn lũy kế</i>		(430.740)	(388.634)
Tài sản Có khác	16	15.251.532	16.840.686
Các khoản phải thu	16.1	8.480.027	10.881.321
Các khoản lãi, phí phải thu	16.2	5.065.400	2.808.476
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	16.3	-	50
Tài sản Có khác	16.4	1.749.755	3.218.269
- Trong đó: <i>Lợi thế thương mại</i>	17	15.124	25.106
Dự phòng rủi ro tài sản Có khác	16.5	(43.650)	(67.430)
TỔNG TÀI SẢN CÓ		267.005.838	212.775.858

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng</i>
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	18	1.012.533	1.014.560
Tiền gửi và vay Chính phủ, NHNN		1.012.533	1.014.560
Tiền gửi và vay các TCTD khác	19	85.553.514	50.374.160
Tiền gửi của các TCTD khác		54.484.312	29.339.865
Vay các TCTD khác		31.069.202	21.034.295
Tiền gửi của khách hàng	20	132.350.131	117.120.779
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	9	263.356	-
Phát hành giấy tờ có giá	21	8.991.415	11.599.514
Các khoản nợ khác		7.536.677	6.012.847
Các khoản lãi, phí phải trả	22.1	3.813.157	2.253.470
Các khoản phải trả và công nợ khác	22.2	3.723.520	3.759.377
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		235.707.626	186.121.860
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
Vốn của TCTD		20.034.068	19.891.568
- Vốn điều lệ		20.000.000	19.857.500
- Vốn đầu tư xây dựng cơ bản		608	608
- Thặng dư vốn cổ phần		33.460	33.460
Quỹ của TCTD		2.589.959	1.896.036
Lợi nhuận chưa phân phối		8.674.185	4.866.394
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	24	31.298.212	26.653.998
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		267.005.838	212.775.858

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng
1. Bảo lãnh vay vốn	40	31.980	33.980
2. Cam kết giao dịch hối đoái	40	343.840.786	223.775.857
2.1 Cam kết mua ngoại tệ		11.263.221	1.408.572
2.2 Cam kết bán ngoại tệ		11.255.288	1.407.285
2.3 Cam kết giao dịch hoán đổi		321.322.277	220.960.000
3. Cam kết trong nghiệp vụ L/C	40	7.555.360	9.141.549
4. Bảo lãnh khác	40	21.686.263	20.444.318
5. Các cam kết khác	40	11.326.397	16.451.969
6. Lãi cho vay và phí phải thu chưa thu được	41	2.089.139	779.182
7. Nợ khó đòi đã xử lý	42	15.649.464	13.624.430
8. Tài sản và chứng từ khác	43	83.676.862	114.866.183

Người lập:



Bà Nguyễn Bảo Ngọc
 Giám đốc Báo cáo tài chính

Người kiểm soát:



Bà Phùng Thùy Nhung
 Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hoàng Linh
 Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2023 triệu đồng</i>	<i>Năm 2022 triệu đồng</i>
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	25	18.951.085	13.252.114
Chi phí lãi và các chi phí tương tự	26	(9.762.570)	(4.930.323)
Thu nhập lãi thuần		9.188.515	8.321.791
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		2.017.973	1.605.101
Chi phí hoạt động dịch vụ		(420.948)	(492.637)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	27	1.597.025	1.112.464
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	28	1.072.237	1.000.441
Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	29	(12.705)	(2.028)
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	30	511.812	683.122
Thu nhập từ hoạt động khác		610.169	760.999
Chi phí cho hoạt động khác		(709.697)	(1.183.995)
Lỗ thuần từ hoạt động khác	31	(99.528)	(422.996)
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	32	1.631	880
Chi phí hoạt động	33	(4.812.331)	(4.427.964)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		7.446.656	6.265.710
Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	34	(1.616.746)	(478.507)
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		5.829.910	5.787.203
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành	35	(1.185.646)	(1.170.979)
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		(50)	(11)
Tổng chi phí thuế TNDN		(1.185.696)	(1.170.990)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		4.644.214	4.616.213
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	36	2.322	2.252

Người lập:



Bà Nguyễn Bảo Ngọc
Giám đốc Báo cáo tài chính

Người kiểm soát:



Bà Phùng Thùy Nhung
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2023 triệu đồng</i>	<i>Năm 2022 triệu đồng</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được		16.726.536	13.219.183
Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả		(8.202.883)	(4.282.479)
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được		1.564.653	1.106.784
Chênh lệch số tiền thực thu/(thực chi) từ hoạt động kinh doanh chứng khoán, vàng bạc, ngoại tệ		1.551.505	1.671.342
Chi phí khác		(962.895)	(1.491.064)
Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý xoá, bù đắp bằng nguồn dự phòng rủi ro		169.516	448.922
Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ		(3.819.039)	(3.844.731)
Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	35	(1.396.341)	(573.278)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và vốn lưu động		5.631.052	6.254.679
Những thay đổi về tài sản hoạt động		(31.720.103)	1.083.505
Giảm các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác		114.974	3.652.782
(Tăng)/Giảm các khoản về kinh doanh chứng khoán		(6.903.477)	17.302.758
Giảm/(Tăng) về công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác		446.344	(446.344)
Tăng các khoản cho vay khách hàng		(28.504.837)	(19.082.631)
Giảm nguồn dự phòng để xử lý rủi ro, xử lý bù đắp tổn thất các khoản tín dụng, chứng khoán, đầu tư dài hạn, phải thu khác		(738.829)	(912.144)
Giảm khác về tài sản hoạt động		3.865.722	569.084
Những thay đổi về công nợ hoạt động		48.074.233	3.390.203
Giảm các khoản nợ Chính phủ và NHNN		(2.027)	(2.693)
Tăng/(Giảm) các khoản tiền gửi, tiền vay các TCTD khác		35.179.354	(17.661.444)
Tăng tiền gửi của khách hàng		15.229.350	22.504.361
Giảm phát hành giấy tờ có giá (ngoại trừ giấy tờ có giá phát hành được tính vào hoạt động tài chính)		(2.608.098)	(1.443.026)
Tăng/(Giảm) các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác		263.356	(76.833)
Tăng khác về công nợ hoạt động		12.298	69.838
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		21.985.182	10.728.387

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

	<i>Thuyết minh</i>	<i>Năm 2023 triệu đồng</i>	<i>Năm 2022 triệu đồng</i>
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Mua sắm tài sản cố định		(120.062)	(174.712)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		503	1.762
Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn		1.631	880
		(117.928)	(172.070)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(117.928)	(172.070)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm		21.867.254	10.556.317
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		35.046.283	24.489.966
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	37	56.913.537	35.046.283

Người lập:



Bà Nguyễn Bảo Ngọc
Giám đốc Báo cáo tài chính

Người kiểm soát:



Bà Phùng Thùy Nhung
Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hoàng Linh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Ngân hàng") là ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng hoạt động theo Giấy phép hoạt động Ngân hàng số 0001/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (được gọi tắt là "NHNN") cấp ngày 08 tháng 06 năm 1991 có thời hạn 99 năm kể từ ngày cấp và được sửa đổi gần nhất theo Quyết định số 45/QĐ-NHNN ngày 09 tháng 01 năm 2023. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200124891 của Ngân hàng được điều chỉnh nhiều lần với điều chỉnh lần thứ 26 vào ngày 13 tháng 01 năm 2023.

Hoạt động chính của Ngân hàng là thực hiện các giao dịch ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn hạn, trung hạn và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn đối với các tổ chức và cá nhân trên cơ sở tính chất và khả năng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các giao dịch ngoại tệ, các dịch vụ tài trợ thương mại quốc tế, chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá khác; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán, ngân quỹ; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNN cho phép.

Vốn điều lệ

Số vốn điều lệ của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 20.000.000 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 19.857.500 triệu đồng).

Mạng lưới hoạt động

Ngân hàng có trụ sở chính đặt tại số 54A Nguyễn Chí Thanh, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, sáu mươi hai (62) chi nhánh, hai trăm lẻ một (201) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Ngân hàng có một (01) Hội sở chính, sáu mươi hai (62) chi nhánh, hai trăm lẻ một (201) phòng giao dịch tại các tỉnh và thành phố trên cả nước).

Công ty con

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Ngân hàng có một (01) công ty con như sau:

STT	Tên Công ty	Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp	Lĩnh vực hoạt động	Tỷ lệ % sở hữu của Ngân hàng
1	Công ty Tài chính TNHH MTV TNEX ("TNEX FINANCE") (trước đây là Công ty Tài chính TNHH MTV Cộng đồng)	Số 0301516782 cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010 và thay đổi lần thứ 8 ngày 01 tháng 02 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp	Hoạt động dịch vụ tài chính khác	100%

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 6.308 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 6.317 người).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Ngân hàng bắt đầu vào ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong công tác lập báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng là đồng Việt Nam ("VND"). Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất các số liệu được làm tròn đến hàng triệu và trình bày theo đơn vị triệu đồng Việt Nam ("triệu đồng"). Việc trình bày này không ảnh hưởng đến nhìn nhận của người đọc báo cáo tài chính về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất cũng như tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con.

3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Tuyên bố tuân thủ

Ban Điều hành Ngân hàng khẳng định báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng được lập phù hợp với Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN ngày 29 tháng 04 năm 2004, Thông tư số 10/2014/TT-NHNN ngày 20 tháng 03 năm 2014 và Thông tư số 22/2017/TT-NHNN ngày 29 tháng 12 năm 2017 và Thông tư số 27/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 bổ sung, sửa đổi Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN bổ sung; Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều khoản của Chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN và Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng ban hành kèm theo Quyết định số 479/2004/QĐ-NHNN của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Nghị định số 93/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 08 năm 2017, Thông tư số 16/2018/TT-BTC ngày 07 tháng 02 năm 2018 về chế độ tài chính áp dụng cho các tổ chức tín dụng và Hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành bao gồm:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. CHUẨN MỰC VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

3.2 Cơ sở lập báo cáo tài chính (tiếp theo)

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở tuân thủ các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận tại Việt Nam. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất này cũng như việc sử dụng báo cáo này không dành cho những ai không thông hiểu các thông lệ, thủ tục và nguyên tắc kế toán Việt Nam và hơn nữa, báo cáo này không chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Ngân hàng theo những nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các quốc gia và thể chế bên ngoài Việt Nam.

Các khoản mục không được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất này theo Quyết định số 16/2007/QĐ-NHNN ngày 18 tháng 04 năm 2007, Thông tư số 49/2014/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 27/2021/TT-NHNN ngày 31 tháng 12 năm 2021 về chế độ báo cáo tài chính đối với các tổ chức tín dụng là các khoản mục không có số dư.

3.3 Các cơ sở đánh giá và các ước tính kế toán áp dụng

Việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Điều hành phải thực hiện các ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả cũng như việc trình bày các công nợ tiềm ẩn. Các ước tính và giả định này cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả số liệu dự phòng. Các ước tính này được lập dựa trên các giả định về một số yếu tố với các mức độ khác nhau về chủ quan và tính không chắc chắn. Do vậy, các kết quả thực tế có thể khác với các ước tính dẫn đến việc điều chỉnh các khoản mục có liên quan sau này.

3.4 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Ngân hàng nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục hợp nhất cho đến ngày Ngân hàng chấm dứt quyền kiểm soát công ty con.

Báo cáo tài chính của Ngân hàng mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên báo cáo tình hình tài chính giữa Ngân hàng mẹ và các công ty con, giữa các công ty có cùng Ngân hàng mẹ, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn. Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Ngân hàng và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất và trong phần vốn chủ sở hữu trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán Ngân hàng sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, trừ thay đổi sau:

Thông tư số 02/2023/TT-NHNN do NHNN ban hành ngày 23 tháng 04 năm 2023 quy định về việc TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn ("Thông tư 02").

Các nội dung chính của Thông tư 02 bao gồm:

- ▶ Phạm vi và điều kiện đối với khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ;
- ▶ Nguyên tắc giữ nguyên nhóm nợ và phân loại nợ, hạch toán lãi dự thu và trích lập dự phòng đối với khoản nợ có số dư nợ gốc và/hoặc lãi được cơ cấu lại thời hạn trả nợ.

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 24 tháng 04 năm 2023.

4.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các khoản tiền gửi thanh toán và tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác có thời gian đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày gửi, chứng khoán có thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4.3 Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Các khoản tiền gửi và cho vay các TCTD khác được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 11/2021/TT-NHNN ngày 30 tháng 07 năm 2021 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài ("Thông tư 11"). Theo đó, Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán tại tổ chức tín dụng trong nước và chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam) và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp nêu tại *Thuyết minh số 4.5*.

Theo Thông tư 11, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.4 Các khoản cho vay khách hàng và các khoản nợ mua

Các khoản cho vay khách hàng được công bố và trình bày theo số dư nợ gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Dự phòng rủi ro tín dụng của các khoản cho vay khách hàng được hạch toán và trình bày thành một dòng riêng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay không quá 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay trên 1 năm và không quá 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Các khoản nợ mua được trình bày theo giá gốc được xác định bằng giá mua của khoản nợ.

Việc phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 11 như trình bày tại *Thuyết minh số 4.5*.

4.5 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản nợ

Phân loại nợ

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác (trừ tiền gửi thanh toán), mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng, các khoản nợ mua và ủy thác cấp tín dụng (gọi chung là "các khoản nợ") được phân loại theo Điều 10 của Thông tư 11.

Dự phòng cụ thể

Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo phân loại nhóm nợ tại ngày 31 tháng 12. Tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản nợ (tiếp theo)

Dự phòng cụ thể (tiếp theo)

Nhóm nợ		Diễn giải	Tỷ lệ dự phòng
1	Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	0%
2	Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn đến 90 ngày trừ khoản nợ quy định tại điểm (b) của Nhóm 1; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu còn trong hạn.	5%
3	Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu còn trong hạn; hoặc (c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo thỏa thuận; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: <ul style="list-style-type: none"> ▶ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc ▶ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc ▶ Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng. (e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra; hoặc (f) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (g) Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.	20%
4	Nợ nghi ngờ	(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai còn trong hạn; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (f) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (g) Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.	50%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản nợ (tiếp theo)

Dự phòng cụ thể (tiếp theo)

Nhóm nợ		Diễn giải	Tỷ lệ dự phòng
5	Nợ có khả năng mất vốn	(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 91 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra, kiểm tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Khoản nợ phải thu hồi theo quyết định thu hồi nợ trước hạn của Ngân hàng do khách hàng vi phạm thỏa thuận với Ngân hàng chưa thu hồi được trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (h) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng đang được kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản; hoặc (i) Khi có yêu cầu của NHNN dựa trên kết quả thanh tra, giám sát và thông tin tín dụng có liên quan.	100%

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Ngân hàng mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Ngân hàng phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi Ngân hàng tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, ngoại trừ trường hợp Ngân hàng cho vay hợp vốn bằng nguồn vốn ủy thác của bên thứ 3 mà bên thứ 3 cam kết chịu trách nhiệm xử lý khi rủi ro xảy ra, Ngân hàng thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và đánh giá của Ngân hàng.

Trường hợp nợ của khách hàng được phân loại vào nhóm nợ có mức độ rủi ro thấp hơn nhóm nợ theo danh sách do CIC cung cấp, Ngân hàng phải điều chỉnh kết quả phân loại nợ theo nhóm nợ được CIC cung cấp.

Ngân hàng đồng thời áp dụng các quy định về việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ đối với các khoản vay đáp ứng yêu cầu của Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ("Thông tư 01") do NHNN ban hành ngày 13 tháng 03 năm 2020, Thông tư số 03/2022/TT-NHNN ("Thông tư 03") ngày 02 tháng 04 năm 2022, Thông tư số 04/2021/TT-NHNN ("Thông tư 04") ngày 05 tháng 04 năm 2021 và Thông tư số 14/2021/TT-NHNN ("Thông tư 14") ngày 07 tháng 09 năm 2021 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 01 do NHNN ban hành quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, phí, giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng do dịch Covid-19. Đối với số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi, giữ nguyên nhóm nợ quá hạn theo thời hạn cơ cấu lại và không tiếp tục được Ngân hàng cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo các quy định hiện hành, Ngân hàng thực hiện phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 11.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản nợ (tiếp theo)

Dự phòng cụ thể (tiếp theo)

Các thông tư trên yêu cầu Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng cụ thể đối với khách hàng có số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi được thực hiện phân loại theo hai loại nợ như sau: (1) phân loại nợ giữ nguyên như trước khi thực hiện cơ cấu, miễn giảm lãi; (2) phân loại nợ theo quy định của NHNN về phân loại nợ trong hoạt động của TCTD. Trong trường hợp chênh lệch số tiền dự phòng cần phải trích theo loại nợ (2) so với loại nợ (1) là dương, Ngân hàng thực hiện trích lập dự phòng cụ thể bổ sung như sau:

<i>Dự phòng bổ sung</i>	<i>Thời hạn</i>
Tối thiểu 30% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021
Tối thiểu 60% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2022
100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung	Đến ngày 31 tháng 12 năm 2023

Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2024, Ngân hàng căn cứ quy định của NHNN về trích lập dự phòng rủi ro trong hoạt động của TCTD, để trích lập dự phòng rủi ro đối với toàn bộ dư nợ, cam kết ngoại bảng của khách hàng, bao gồm cả số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi và giữ nguyên nhóm nợ theo quy định tại Thông tư 03.

Từ ngày 24 tháng 04 năm 2023, Ngân hàng đã áp dụng chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh và khách hàng gặp khó khăn trả nợ vay phục vụ nhu cầu đời sống, tiêu dùng và đáp ứng yêu cầu của Thông tư 02 do NHNN ban hành quy định về việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ nhằm hỗ trợ khách hàng gặp khó khăn.

Theo đó, Ngân hàng thực hiện phân loại nợ đối với các khoản nợ áp dụng chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ như sau:

<i>Thời điểm phát sinh khoản nợ</i>	<i>Tình trạng khoản nợ</i>	<i>Khoảng thời gian phát sinh nghĩa vụ trả nợ</i>	<i>Nguyên tắc giữ nguyên nhóm nợ</i>
Trước 24/04/2023	Trong hạn hoặc quá hạn đến 10 ngày	Từ 24/04/2023 đến 30/06/2024	Giữ nguyên nhóm nợ đã phân loại tại thời điểm gần nhất trước ngày thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ

Ngân hàng trích lập dự phòng cụ thể đối với khách hàng có số dư nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo công thức sau: $C = A - B$

Trong đó:

C: Dự phòng cụ thể trích phải trích bổ sung;

A: Dự phòng cụ thể phải trích đối với toàn bộ dư nợ của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 11 (không áp dụng quy định giữ nguyên nhóm nợ);

B: Tổng dự phòng cụ thể phải trích đối với phần dư nợ được giữ nguyên nhóm nợ theo quy định và dự phòng cụ thể phải trích đối với phần dư nợ còn lại của khách hàng theo kết quả phân loại nợ theo Thông tư 11.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.5 Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho các khoản nợ (tiếp theo)

Dự phòng cụ thể (tiếp theo)

Dự phòng cụ thể phải trích bổ sung (C) được Ngân hàng thực hiện trích bổ sung khi lập báo cáo tài chính đảm bảo việc trích lập tối thiểu theo quy định như sau:

- Đến thời điểm 31/12/2023: Tối thiểu 50% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung;
- Đến thời điểm 31/12/2024: 100% số tiền dự phòng cụ thể phải trích bổ sung.

Dự phòng chung

Theo Thông tư 11, dự phòng chung tại ngày 31 tháng 12 được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày 31 tháng 12 của các khoản nợ từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 trừ các trường hợp sau:

- ▶ Tiền gửi tại các TCTD trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam theo quy định của pháp luật và các khoản tiền tại các TCTD nước ngoài;
- ▶ Khoản cho vay, mua có kỳ hạn giấy tờ có giá đối với các TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác tại Việt Nam;
- ▶ Khoản mua kỳ phiếu, tín phiếu, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu do TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác phát hành trong nước;
- ▶ Khoản mua bán lại trái phiếu Chính phủ.

Xử lý rủi ro tín dụng

Theo Thông tư 11, các khoản cho vay khách hàng có thể được xử lý bằng nguồn dự phòng khi được phân loại vào Nhóm 5 hoặc khi khách hàng vay tuyên bố phá sản hoặc giải thể (đối với trường hợp khách hàng vay là tổ chức), hoặc khi khách hàng vay chết hoặc mất tích (đối với trường hợp khách hàng vay là cá nhân).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.6 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm chứng khoán vốn được mua với mục đích kinh doanh. Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Tại thời điểm cuối năm tài chính, chứng khoán kinh doanh sẽ được xem xét về khả năng giảm giá. Chứng khoán được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường được xác định theo quy định tại Điều 5, Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019 ("Thông tư 48"). Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "Lãi/Lỗ) thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh".

Đối với chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các doanh nghiệp đại chúng chưa niêm yết ("chứng khoán chưa niêm yết") thì Ngân hàng xác định mức trích dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính riêng của tổ chức kinh tế nhận vốn góp lập cùng thời điểm báo cáo tài chính năm của Ngân hàng, dự phòng cho từng khoản đầu tư được tính theo công thức sau:

$$\text{Mức trích dự phòng cho mỗi khoản đầu tư} = \text{Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (\%)} \text{ của Ngân hàng tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng} \times \left[\begin{array}{l} \text{Vốn đầu tư thực tế của} \\ \text{các chủ sở hữu ở tổ} \\ \text{chức kinh tế nhận vốn} \\ \text{góp tại thời điểm trích} \\ \text{lập dự phòng} \end{array} \right] - \left[\begin{array}{l} \text{Vốn chủ sở hữu} \\ \text{của tổ chức kinh} \\ \text{tế nhận vốn góp} \\ \text{tại thời điểm trích} \\ \text{lập dự phòng} \end{array} \right]$$

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi thực nhận. Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.7 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán gồm chứng khoán nợ và chứng khoán vốn được Ngân hàng nắm giữ với mục đích đầu tư và sẵn sàng để bán, không thuộc loại chứng khoán mua vào bán ra thường xuyên nhưng có thể bán bất cứ lúc nào xét thấy có lợi. Đối với chứng khoán vốn, Ngân hàng không phải là cổ đông sáng lập; hoặc đối tác chiến lược; hoặc có khả năng chi phối nhất định vào quá trình lập, quyết định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư thông qua văn bản thỏa thuận cử nhân sự tham gia Hội đồng Quản trị/Ban Điều hành.

Chứng khoán vốn được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán nợ được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch. Lãi dự thu của chứng khoán trước mua (đối với chứng khoán nợ trả lãi sau) hoặc lãi nhận trước chờ phân bổ (đối với chứng khoán nợ trả lãi trước) được phản ánh trên một tài khoản riêng. Phần chiết khấu/phụ trội là chênh lệch âm/dương giữa giá gốc với giá trị của khoản tiền gồm mệnh giá cộng (+) lãi dồn tích trước mua (nếu có) hoặc trừ (-) lãi nhận trước chờ phân bổ (nếu có), cũng được phản ánh trên một tài khoản riêng.

Trong khoảng thời gian nắm giữ tiếp theo, các chứng khoán này được ghi nhận theo mệnh giá và chiết khấu/phụ trội (nếu có) của chứng khoán sẵn sàng để bán được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian còn lại ước tính của chứng khoán. Số tiền lãi nhận được trong thời gian nắm giữ chứng khoán được ghi nhận theo nguyên tắc: số tiền lãi dồn tích trước mua được ghi giảm giá trị của tài khoản lãi dự thu, và số tiền lãi dồn tích sau mua được ghi nhận vào thu nhập của Ngân hàng theo phương pháp cộng dồn. Số tiền lãi nhận trước được hạch toán phân bổ vào thu lãi đầu tư chứng khoán theo phương pháp đường thẳng cho khoảng thời gian đầu tư chứng khoán. Tại thời điểm cuối năm, chứng khoán sẵn sàng để bán sẽ được xem xét về khả năng giảm giá.

Các chứng khoán (trừ trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết và trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương) được lập dự phòng giảm giá khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị thị trường được xác định theo quy định tại Điều 5, Thông tư 48 và Thông tư 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 04 năm 2022 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 48. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ không được trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên khoản mục "*Lãi/(Lỗ) thuần mua bán chứng khoán đầu tư*".

Trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được tiến hành trích lập dự phòng rủi ro theo Thông tư 11 như được trình bày tại *Thuyết minh số 4.5*.

Chứng khoán đầu tư được dừng ghi nhận khi quyền nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Ngân hàng đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.8 Các hợp đồng mua lại và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trên báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản cho vay trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo lãi suất trên hợp đồng vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng.

4.9 Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác thể hiện các khoản đầu tư vốn vào các đơn vị khác mà Ngân hàng có tối đa 11% quyền biểu quyết và chứng khoán của các đơn vị này không được niêm yết trên thị trường khoán. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc tại thời điểm đầu tư.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư dài hạn được lập trong trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo quy định tại Điều 5, Thông tư 48.

Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng được ghi nhận hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Tăng hoặc giảm dự phòng đầu tư dài hạn được ghi nhận vào khoản mục "*Chi phí hoạt động*" trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

4.10 Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao hay hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định là toàn bộ các chi phí mà Ngân hàng phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định; chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi/lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.11 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian sử dụng ước tính của tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 50 năm
Máy móc thiết bị	3 – 20 năm
Phương tiện vận tải	6 – 30 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 – 10 năm
Tài sản cố định hữu hình khác	4 – 25 năm
Phần mềm máy vi tính	3 – 20 năm
Tài sản cố định vô hình khác	3 – 8 năm

Quyền sử dụng đất của Ngân hàng được Nhà nước giao không thời hạn không được trích khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian thuê hoặc thời gian sử dụng.

4.12 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã phá sản, đã mở thủ tục phá sản, đã bỏ trốn khỏi địa điểm kinh doanh; đối tượng nợ đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đang mắc bệnh hiểm nghèo (có xác nhận của bệnh viện) hoặc đã chết hoặc khoản nợ đã được yêu cầu thi hành án nhưng không thể thực hiện được do đối tượng nợ bỏ trốn khỏi nơi cư trú; khoản nợ đã được khởi kiện đòi nợ nhưng bị đình chỉ giải quyết vụ án. Chi phí dự phòng phát sinh của các khoản phải thu có tính chất tín dụng được hạch toán vào "*Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng*", chi phí dự phòng phát sinh của các khoản phải thu khác được hạch toán vào "*Chi phí hoạt động*" trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng được quy định tại Thông tư 48 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

4.13 *Chi phí trả trước và chi phí chò phân bổ*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

4.14 *Thuê hoạt động*

Các khoản tiền thuê theo các hợp đồng thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào khoản mục "*Chi phí hoạt động*" trên báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trong suốt thời hạn thuê tài sản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.15 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

4.16 *Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước*

Các khoản nợ Chính phủ và Ngân hàng Nhà nước được phản ánh theo giá gốc.

4.17 *Tiền gửi của các TCTD khác, của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá*

Các khoản tiền gửi của các TCTD khác, của khách hàng và phát hành giấy tờ có giá được công bố và trình bày theo số dư gốc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, chi phí phát hành trái phiếu được ghi giảm số dư gốc của trái phiếu. Ngân hàng thực hiện phân bổ dần các chi phí này vào "*Chi phí lãi và các chi phí tương tự*" theo phương pháp đường thẳng phù hợp với kỳ hạn của giấy tờ có giá.

4.18 *Các công cụ phái sinh*

Ngân hàng ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác, đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Ngân hàng.

Các hợp đồng kỳ hạn ngoại tệ

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để mua hoặc bán một loại tiền tệ nhất định tại một ngày cụ thể được xác định trong tương lai theo một tỷ giá xác định trước và sẽ được thanh toán bằng tiền. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục "*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*" trên "*Vốn chủ sở hữu*" và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi đến hạn hoặc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Các hợp đồng hoán đổi

Các hợp đồng hoán đổi là các cam kết để thanh toán bằng tiền tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước được tính trên số tiền gốc danh nghĩa hoặc các cam kết thanh toán khoản tiền lãi tính theo lãi suất thả nổi hay lãi suất cố định được tính trên cùng một khoản tiền danh nghĩa, trong cùng một khoảng thời gian. Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ được định kỳ đánh giá lại, chênh lệch từ việc đánh giá lại được ghi vào khoản mục "*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*" trên "*Vốn chủ sở hữu*" và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi đến hạn hoặc tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.18 Các công cụ phái sinh (tiếp theo)

Các hợp đồng hoán đổi (tiếp theo)

Chênh lệch lãi suất hoán đổi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

4.19 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Theo hệ thống kế toán của Ngân hàng, tất cả các nghiệp vụ phát sinh của Ngân hàng được hạch toán theo nguyên tệ. Tại thời điểm cuối năm, tài sản và công nợ có nguồn gốc ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy định vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất (*Thuyết minh số 50*). Các khoản thu nhập và chi phí bằng ngoại tệ của Ngân hàng được quy đổi ra VND theo tỷ giá vào ngày phát sinh giao dịch. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các tài sản và công nợ bằng ngoại tệ sang VND trong năm được ghi nhận và theo dõi trên khoản mục "*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*" trên tài khoản "*Vốn chủ sở hữu*" trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất và được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất tại thời điểm cuối năm tài chính.

4.20 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Ngân hàng đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

4.21 Vốn và các quỹ

4.21.1 Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp tới việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

4.21.2 Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được vốn từ các cổ đông, phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá của cổ phiếu được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

4.21.3 Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.21.4 Các quỹ dự trữ

Ngân hàng thực hiện trích lập các quỹ dự trữ sau khi có quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc chủ sở hữu tương ứng.

- (i) Các quỹ dự trữ của Ngân hàng: Các quỹ dự trữ được sử dụng cho các mục đích cụ thể và được trích từ lợi nhuận sau thuế của Ngân hàng dựa trên các tỷ lệ quy định theo trình tự sau:
- ▶ Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: 5% lợi nhuận sau thuế, tối đa không vượt quá vốn điều lệ của Ngân hàng;
 - ▶ Quỹ dự phòng tài chính: 10% lợi nhuận sau thuế;
 - ▶ Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích theo quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông;
 - ▶ Các quỹ dự trữ khác: trích theo quy định hiện hành và quyết định của Đại Hội đồng Cổ đông.
- (ii) Các quỹ dự trữ của các công ty con
- ▶ Công ty Tài chính TNHH MTV Tnex ("Tnex Finance"): Theo Nghị định số 93/2017/NĐ-CP, Tnex Finance phải trích lập các quỹ dự trữ bắt buộc trước khi phân phối lợi nhuận tương tự như Ngân hàng.

4.22 Phân loại nợ cho các cam kết ngoại bảng

Ngân hàng thực hiện phân loại đối với các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời điểm thực hiện cụ thể (gọi chung là các khoản cam kết ngoại bảng) nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng theo chính sách phân loại áp dụng đối với các khoản nợ như được trình bày tại *Thuyết minh số 4.5*. Theo Thông tư 11, Ngân hàng không cần phải trích lập dự phòng cho các cam kết ngoại bảng.

4.23 Ghi nhận thu nhập và chi phí

Thu nhập lãi và chi phí lãi

Thu nhập lãi và chi phí lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất trên cơ sở dồn tích. Lãi dự thu phát sinh từ các khoản nợ phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 theo Thông tư 11 và các khoản nợ được giữ nguyên Nhóm 1 do áp dụng Thông tư 01, Thông tư 03 và Thông tư 14 sẽ không được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Lãi dự thu của các khoản nợ này được chuyển ra theo dõi ở tài khoản ngoại bảng và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi Ngân hàng thực thu.

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ và chi phí hoạt động dịch vụ

Thu nhập từ hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp.

Chi phí hoạt động dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi phát sinh.

Thu nhập từ hoạt động đầu tư

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn của chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.23 Ghi nhận thu nhập và chi phí (tiếp theo)

Thu nhập từ hoạt động đầu tư (tiếp theo)

Cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất khi quyền nhận cổ tức bằng tiền của Ngân hàng được thiết lập.

Cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thường và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và không được ghi nhận là một khoản thu nhập của Ngân hàng mà chỉ cập nhật số lượng cổ phiếu.

Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Thu nhập/chi phí từ mua bán nợ

Thu nhập từ mua bán nợ được xác định bằng chênh lệch giữa giá bán của khoản nợ mua bán và giá trị ghi sổ của khoản nợ.

Giá trị ghi sổ của khoản nợ mua/bán bao gồm giá trị ghi sổ của khoản gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính liên quan (nếu có) của các khoản nợ được ghi nhận nội bảng hoặc đã xuất ngoại bảng tại ngày mua/bán nợ; hoặc giá trị ghi sổ tại thời điểm xử lý rủi ro; giá trị ghi sổ của khoản nợ đã xử lý rủi ro từ trước tại ngày mua/bán nợ.

Giá mua/bán nợ là khoản tiền mà bên mua nợ phải trả cho bên bán nợ theo hợp đồng mua/bán nợ.

4.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến được thu hồi từ (hoặc phải nộp cho) cơ quan thuế, áp dụng mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Ngân hàng có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Ngân hàng dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.24 Thuế thu nhập doanh nghiệp (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay công nợ được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

4.25 Lợi ích của nhân viên

4.25.1 Trợ cấp nghỉ hưu

Nhân viên Ngân hàng khi nghỉ hưu sẽ được nhận trợ cấp về hưu từ Bảo hiểm Xã hội thuộc Bộ Lao động và Thương binh Xã hội. Ngân hàng sẽ phải đóng bảo hiểm xã hội cho mỗi nhân viên bằng 17,5% lương cơ bản hàng tháng, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác. Ngoài ra, Ngân hàng không phải có một nghĩa vụ nào khác.

4.25.2 Trợ cấp thôi việc

Theo Điều 46 Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 có hiệu lực ngày 01 tháng 01 năm 2021, Ngân hàng có nghĩa vụ chi trả trợ cấp thôi việc bằng một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 cộng với các trợ cấp khác (nếu có) cho những nhân viên tự nguyện thôi việc. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, mức lương bình quân tháng được tính để thanh toán trợ cấp thôi việc sẽ căn cứ theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm người lao động thôi việc. Theo đó, thời gian làm việc tại Ngân hàng để tính hưởng trợ cấp thôi việc là tổng thời gian làm việc thực tế tại Ngân hàng trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp và thời gian làm việc đã được người sử dụng lao động chi trả trợ cấp thôi việc.

4.25.3 Trợ cấp thất nghiệp

Theo Thông tư số 28/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện Điều 52 của Luật Việc làm và một số điều của Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 03 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp, Ngân hàng có nghĩa vụ đóng bảo hiểm thất nghiệp với mức bằng 1% quỹ tiền lương, tiền công đóng bảo hiểm thất nghiệp của những người tham gia bảo hiểm thất nghiệp và trích 1% tiền lương, tiền công tháng đóng bảo hiểm thất nghiệp của từng người lao động để đóng cùng lúc vào Quỹ Bảo hiểm thất nghiệp.

4.26 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Ngân hàng nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Ngân hàng và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

4.27 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Ngân hàng tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Ngân hàng là dựa theo bộ phận chia theo lĩnh vực kinh doanh.

4.28 Lãi trên cổ phiếu

Ngân hàng trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Nếu cổ phiếu phát hành trong năm chỉ làm thay đổi về số lượng cổ phiếu mà không dẫn đến sự thay đổi về nguồn vốn, Ngân hàng sẽ thực hiện điều chỉnh số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong các năm được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất dẫn đến điều chỉnh tương ứng của chỉ tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu.

4.29 Bù trừ

Tài sản và nợ phải trả tài chính được cân trừ và thể hiện giá trị ròng trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất chỉ khi Ngân hàng có quyền hợp pháp để thực hiện việc cân trừ và Ngân hàng dự định thanh toán tài sản và nợ phải trả theo giá trị ròng hoặc việc tất toán tài sản và nợ phải trả xảy ra đồng thời.

5. TIỀN MẶT, VÀNG BẠC, ĐÁ QUÝ

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng</i>
Tiền mặt bằng VND	734.824	878.133
Tiền mặt bằng ngoại tệ	203.287	514.085
Vàng	1.518	1.333
	939.629	1.393.551

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (“NHNN”)

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng</i>
Tiền gửi tại NHNN		
- Bằng VND	3.277.068	3.206.421
- Bằng ngoại tệ	1.312.131	483.309
	4.589.199	3.689.730

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM (“NHNN”) (tiếp theo)

Tiền gửi tại NHNN bao gồm tiền gửi thanh toán và dự trữ bắt buộc tại NHNN. Mức dự trữ bắt buộc theo quy định của NHNN tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

- ▶ Tiền gửi bằng VND có kỳ hạn dưới 12 tháng và tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên có tỷ lệ dự trữ tương ứng là 3,00% và 1,00%;
- ▶ Tiền gửi bằng ngoại tệ có kỳ hạn dưới 12 tháng và tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên có tỷ lệ dự trữ tương ứng là 8,00% và 6,00%.

Trong năm, Ngân hàng đã duy trì mức dự trữ bắt buộc theo đúng quy định của NHNN.

7. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG (“TCTD”) KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng
Tiền gửi tại các TCTD khác	51.384.709	29.363.640
Tiền gửi không kỳ hạn	13.813.935	9.763.592
- Bằng VND	12.674.755	8.985.314
- Bằng ngoại tệ	1.139.180	778.278
Tiền gửi có kỳ hạn	37.570.774	19.600.048
- Bằng VND	29.200.000	17.418.700
- Bằng ngoại tệ	8.370.774	2.181.348
Cho vay các TCTD khác	9.764.985	9.879.960
Bằng VND	9.374.123	8.716.441
Bằng ngoại tệ	390.862	1.163.519
	61.149.694	39.243.600

Trong đó, số dư tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn không quá 3 tháng tại 31 tháng 12 năm 2023 là 37.570.774 triệu đồng.

Mức lãi suất tiền gửi và cho vay các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 %/năm
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	2,05 - 4,50	2,90 - 8,50
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	4,50 - 5,40	2,00 - 4,80
Cho vay bằng VND	3,70 - 10,40	4,10 - 11,80
Cho vay bằng ngoại tệ	4,27 - 7,35	3,00 - 6,38

Chi tiết chất lượng dư nợ tiền gửi và cho vay các TCTD khác tại thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	47.335.759	29.480.008
	47.335.759	29.480.008

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng</i>
Chứng khoán vốn		
- Chứng khoán vốn do các TCKT trong nước phát hành	-	39.287
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	(17.612)
	<u>-</u>	<u>21.675</u>

Thuyết minh về tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng</i>
Chứng khoán vốn		
Chưa niêm yết	-	39.287
	<u>-</u>	<u>39.287</u>

Thay đổi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh trong năm như sau:

	<i>Năm 2023 triệu đồng</i>	<i>Năm 2022 triệu đồng</i>
Số dư đầu năm	17.612	15.800
(Hoàn nhập)/Trích lập trong năm	(17.612)	1.812
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>17.612</u>

9. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ CÁC TÀI SẢN/CÔNG NỢ TÀI CHÍNH KHÁC

	<i>Tổng giá trị hợp đồng (*) triệu đồng</i>	<i>Tổng giá trị ghi sổ (**)</i>		<i>Giá trị thuần triệu đồng</i>
		<i>Tài sản triệu đồng</i>	<i>Nợ phải trả triệu đồng</i>	
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023				
Công cụ tài chính phái sinh				
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	62.703.812	-	(43.307)	(43.307)
Giao dịch hoán đổi	158.208.872	-	(220.049)	(220.049)
	<u>220.912.684</u>	<u>-</u>	<u>(263.356)</u>	<u>(263.356)</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022				
Công cụ tài chính phái sinh				
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	38.382.147	150.331	-	150.331
Giao dịch hoán đổi	111.162.730	296.013	-	296.013
	<u>149.544.877</u>	<u>446.344</u>	<u>-</u>	<u>446.344</u>

(*) Tổng giá trị hợp đồng được quy đổi theo tỷ giá ngày hiệu lực hợp đồng.

(**) Tổng giá trị ghi sổ là giá trị thuần được quy đổi theo tỷ giá tại ngày lập báo cáo tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng</i>
Cho vay các tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước	148.789.541	120.532.719
Cho vay chiết khấu thương phiếu và các giấy tờ có giá	355.845	110.823
	149.145.386	120.643.542

Mức lãi suất cho vay vào thời điểm cuối năm như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 %/năm</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 %/năm</i>
Cho vay thương mại bằng VND	3,00 - 12,50	4,00 - 12,50
Cho vay thương mại bằng ngoại tệ	3,00 - 6,20	3,50 - 7,52

10.1 Phân tích chất lượng nợ cho vay

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng</i>
Nợ đủ tiêu chuẩn	142.221.856	116.900.964
Nợ cần chú ý	2.642.701	1.673.825
Nợ dưới tiêu chuẩn	1.032.207	616.555
Nợ nghi ngờ	1.441.280	442.851
Nợ có khả năng mất vốn	1.807.342	1.009.347
	149.145.386	120.643.542

10.2 Phân tích dư nợ theo thời gian cho vay gốc

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng</i>
Nợ ngắn hạn	67.725.380	51.830.929
Nợ trung hạn	43.819.385	27.862.422
Nợ dài hạn	37.600.621	40.950.191
	149.145.386	120.643.542

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

10.3 Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Doanh nghiệp nhà nước	3.605.975	2,42	1.548.658	1,28
Công ty trách nhiệm hữu hạn Nhà nước	756.626	0,51	1.147.306	0,95
Công ty trách nhiệm hữu hạn tư nhân	39.938.570	26,78	29.215.085	24,22
Công ty cổ phần có vốn cổ phần của Nhà nước chiếm trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết; hoặc Nhà nước giữ quyền chi phối đối với công ty trong Điều lệ của công ty	1.852.456	1,24	1.134.953	0,94
Công ty cổ phần khác	61.423.469	41,18	49.721.221	41,21
Doanh nghiệp tư nhân	3.777	0,00	149	0,00
Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	253.713	0,17	286.082	0,24
Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	22.442	0,02	26.161	0,02
Đơn vị hành chính sự nghiệp, Đảng, đoàn thể và hiệp hội	398	0,00	-	-
Cá nhân	41.286.931	27,68	37.563.927	31,14
Khác	1.029	0,00	-	-
	149.145.386	100,00	120.643.542	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. CHO VAY KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

10.4 Phân tích dư nợ cho vay theo một số ngành kinh tế của khách hàng

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	2.346.262	1,57	656.190	0,54
Khai khoáng	332.646	0,22	1.150.939	0,95
Chế biến thủy hải sản	1.427.864	0,96	1.256.232	1,04
Sản xuất, chế biến lương thực thực phẩm, đồ uống, thức ăn chăn nuôi	1.609.573	1,08	1.121.771	0,93
Dệt may, sản xuất da giày, sản xuất trang phục	1.613.649	1,08	1.553.930	1,29
Khai thác và sơ chế gỗ, chế biến gỗ, sản xuất sản phẩm từ gỗ và lâm sản khác	1.310.563	0,88	1.266.880	1,05
Sản xuất giấy và các sản phẩm từ giấy và in ấn	1.357.596	0,91	1.025.660	0,85
Sản xuất thuốc, hoá dược, dược liệu; cao su, nhựa, phân bón, hoá chất	2.123.551	1,42	1.558.786	1,29
Sản xuất vật liệu xây dựng (trừ thép, Inox, sơn, matit và các chất tương tự)	1.537.847	1,03	838.965	0,70
Sản xuất thép thành phẩm	295.669	0,20	105.312	0,09
Sản xuất phôi thép	17.276	0,01	25.164	0,02
Sản xuất Inox và luyện kim khác	49.198	0,03	77.233	0,06
Cơ khí, lắp ráp, chế tạo máy móc, ô tô, xe máy	1.366.705	0,92	1.438.804	1,19
Sản xuất điện tử, thiết bị điện, máy vi tính quang học, thiết bị viễn thông	2.711.575	1,82	3.269.622	2,71
Đóng tàu, thuyền	3.382	0,00	3.852	0,00
Sản xuất thiết bị văn phòng, đồ gia dụng, thiết bị y tế, giáo dục, thể dục thể thao	41.335	0,03	57.352	0,05
Sản xuất và phân phối điện, năng lượng	8.346.872	5,60	10.315.040	8,55
Xây dựng	13.105.715	8,79	11.207.188	9,29
Thương mại hàng công nghiệp nhẹ và hàng tiêu dùng	16.285.336	10,92	10.714.319	8,88
Kinh doanh phân bón, hóa chất, các sản phẩm hóa chất khác, thuốc, hóa dược, dược liệu, thiết bị y tế	1.086.396	0,73	778.370	0,65
Thương mại xăng, dầu, gas, khí đốt	4.645.331	3,11	990.165	0,82
Kinh doanh sắt thép, xi măng, vật liệu xây dựng tổng hợp khác	7.426.527	4,98	4.482.711	3,72
Thương mại hàng công nghiệp nặng khác	2.978.469	2,00	2.782.320	2,31
Kinh doanh vận tải bộ và đường sông	3.519.426	2,36	2.925.191	2,42
Kinh doanh vận tải biển	683.712	0,46	581.322	0,48
Kinh doanh dịch vụ khách sạn, du lịch, ăn uống, vui chơi giải trí	188.876	0,13	151.226	0,13
Kinh doanh bất động sản và cơ sở hạ tầng	13.163.399	8,83	10.386.690	8,60
Kinh doanh dịch vụ bưu chính viễn thông	1.108.097	0,74	769.794	0,64
Dịch vụ công nghệ, khoa học công nghệ, dịch vụ hành chính, hỗ trợ, giáo dục y tế, thông tin và truyền thông khác	4.087.884	2,74	4.259.915	3,53
Kinh doanh kho bãi và các dịch vụ hỗ trợ	91.464	0,06	165.387	0,14
Hoạt động tài chính và chứng khoán	7.281.125	4,88	1.446.536	1,20
Ngành khác	5.715.135	3,83	5.716.749	4,74
Cá nhân	41.286.931	27,68	37.563.927	31,14
	149.145.386	100,00	120.643.542	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. DỰ PHÒNG RỦI RO CHO VAY KHÁCH HÀNG

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng</i>
Dự phòng chung	1.105.035	898.256
Dự phòng cụ thể	1.257.712	532.665
	2.362.747	1.430.921

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm 2023 như sau:

	<i>Dự phòng chung triệu đồng</i>	<i>Dự phòng cụ thể triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Số dư đầu năm	898.256	532.665	1.430.921
Trích lập trong năm	206.779	1.437.329	1.644.108
Xử lý rủi ro trong năm	-	(709.288)	(709.288)
Dự phòng giảm khác	-	(3.185)	(3.185)
Dự phòng tăng khác	-	191	191
Số dư cuối năm	1.105.035	1.257.712	2.362.747

Thay đổi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng trong năm 2022 như sau:

	<i>Dự phòng chung triệu đồng</i>	<i>Dự phòng cụ thể triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Số dư đầu năm	754.974	931.834	1.686.808
Trích lập trong năm	143.282	352.235	495.517
Xử lý rủi ro trong năm	-	(749.706)	(749.706)
Dự phòng giảm khác	-	(1.698)	(1.698)
Số dư cuối năm	898.256	532.665	1.430.921

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

12.1 Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng
Chứng khoán nợ	37.897.490	31.554.087
Chứng khoán Chính phủ	22.572.105	16.577.065
Chứng khoán Nợ của các TCTD khác trong nước	13.800.000	12.097.953
Chứng khoán nợ của các TCKT trong nước	1.525.385	2.579.385
Tín phiếu phát hành bởi NHNN	-	299.684
Dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	(17.117)	(19.345)
Dự phòng chung	(11.440)	(19.345)
Dự phòng cụ thể	(5.677)	-
	37.880.373	31.534.742

- ▶ Trái phiếu Chính phủ có kỳ hạn từ 5 năm đến 30 năm, được hưởng lãi suất từ 2,20%/năm đến 8,80%/năm.
- ▶ Chứng khoán nợ do các TCTD trong nước phát hành có kỳ hạn từ 1 năm đến 10 năm, được hưởng lãi suất từ 3,90%/năm đến 15,00%/năm.
- ▶ Trái phiếu do các TCKT trong nước phát hành có kỳ hạn từ 3 năm đến 10 năm, được hưởng lãi suất từ 8,50%/năm đến 12,40%/năm.

12.2 Thay đổi dự phòng chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng chứng khoán đầu tư trong năm 2023 như sau:

	Dự phòng chung triệu đồng	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Tổng triệu đồng
Số dư đầu năm	19.345	-	19.345
Trích lập/(Hoàn nhập) trong năm	(7.905)	5.677	(2.228)
Số dư cuối năm	11.440	5.677	17.117

Thay đổi dự phòng rủi ro tín dụng chứng khoán đầu tư trong năm 2022 như sau:

	Dự phòng chung triệu đồng	Dự phòng cụ thể triệu đồng	Tổng triệu đồng
Số dư đầu năm	22.790	-	22.790
Hoàn nhập trong năm	(3.445)	-	(3.445)
Số dư cuối năm	19.345	-	19.345

Thay đổi dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư trong năm như sau:

	Năm 2023 triệu đồng	Năm 2022 triệu đồng
Số dư đầu năm	-	8.560
Hoàn nhập trong năm	-	(8.560)
Số dư cuối năm	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ (tiếp theo)

12.3 Phân tích chất lượng chứng khoán nợ được phân loại là tài sản chịu rủi ro tín dụng theo Thông tư 11

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng
Nợ đủ tiêu chuẩn	14.921.000	14.677.338
Nợ cần chú ý	376.000	-
Nợ dưới tiêu chuẩn	28.385	-
	15.325.385	14.677.338

13. GÓP VỐN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng
Đầu tư vào các tổ chức kinh tế	10.036	10.036
	10.036	10.036

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH (“TSCĐ”) HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc triệu đồng	Máy móc, thiết bị triệu đồng	Phương tiện vận tải triệu đồng	Thiết bị dụng cụ quản lý triệu đồng	TSCĐ hữu hình khác triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	28.589	393.508	91.919	91.905	226	606.147
Mua trong năm	-	94.948	-	6.938	5.410	107.296
Thanh lý trong năm	-	(34.098)	(748)	(17.424)	(44)	(52.314)
Số dư cuối năm	28.589	454.358	91.171	81.419	5.592	661.129
Giá trị khấu hao lũy kế						
Số dư đầu năm	13.379	281.136	75.447	82.659	196	452.817
Khấu hao trong năm	562	47.809	2.770	6.084	931	58.156
Thanh lý trong năm	-	(34.091)	(748)	(17.389)	(44)	(52.272)
Giảm khác trong năm	-	(105)	-	-	-	(105)
Số dư cuối năm	13.941	294.749	77.469	71.354	1.083	458.596
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	15.210	112.372	16.472	9.246	30	153.330
Số dư cuối năm	14.648	159.609	13.702	10.065	4.509	202.533

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 311.425 triệu đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (“TSCĐ”) VÔ HÌNH

	<i>Quyền sử dụng đất triệu đồng</i>	<i>Phần mềm máy vi tính triệu đồng</i>	<i>TSCĐ vô hình khác triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	52.233	546.134	19.810	618.177
Tăng trong năm	-	10.490	2.276	12.766
Số dư cuối năm	52.233	556.624	22.086	630.943
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	-	379.060	9.574	388.634
Hao mòn trong năm	-	39.127	2.979	42.106
Số dư cuối năm	-	418.187	12.553	430.740
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	52.233	167.074	10.236	229.543
Số dư cuối năm	52.233	138.437	9.533	200.203

Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 164.409 triệu đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. TÀI SẢN CÓ KHÁC

16.1 Các khoản phải thu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng
Các khoản phải thu nội bộ	76.338	101.260
Các khoản phải thu bên ngoài	8.232.333	10.663.966
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	171.356	116.095
	8.480.027	10.881.321

16.1.1 Các khoản phải thu nội bộ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng
Tạm ứng để hoạt động nghiệp vụ	70.099	84.679
Tham ô, thiếu mất tiền, tài sản chờ xử lý	2.571	2.194
Các khoản tạm ứng và phải thu khác	3.668	14.387
	76.338	101.260

16.1.2 Các khoản phải thu bên ngoài

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng
Phải thu từ các hợp đồng bán nợ cho đối tác	4.001.159	2.481.159
Phải thu từ các hoạt động tài trợ thương mại	2.657.177	5.008.050
Các khoản tạm ứng và phải thu khác	1.349.650	2.936.968
Tạm ứng cho các hoạt động xử lý tài sản xiết nợ (*)	174.454	217.033
Phải thu Ngân sách Nhà nước về hỗ trợ lãi suất	45.438	20.067
Các khoản thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	4.455	689
	8.232.333	10.663.966

(*) Bao gồm 79.150 triệu đồng chi phí vận hành các tài sản gán nợ là tàu biển được ghi nhận là các khoản tạm ứng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 115.180 triệu đồng). Ngân hàng sẽ thực hiện quyết toán các doanh thu (*Thuyết minh số 22.2.2*) và chi phí vận hành phát sinh khi hoàn tất việc thanh lý.

16.1.3 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng
Các khoản tạm ứng mua sắm tài sản cố định	86.778	63.108
Các khoản sửa chữa tài sản cố định	84.578	52.987
	171.356	116.095

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

16.2 Các khoản lãi, phí phải thu

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng
Lãi phải thu từ tiền gửi	25.898	18.429
Lãi phải thu từ đầu tư chứng khoán	971.532	574.941
Lãi phải thu từ hoạt động tín dụng	3.598.525	1.594.434
Lãi phải thu từ các công cụ tài chính phái sinh	424.144	607.746
Phí phải thu khác	45.301	12.926
	5.065.400	2.808.476

16.3 Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng
Số dư đầu năm	50	61
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(50)	(11)
Số dư cuối năm	-	50

16.4 Tài sản Có khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng
Vật liệu và công cụ	29.496	47.469
Chi phí trả trước chờ phân bổ khác	589.639	361.573
Tài sản xiết nợ chờ xử lý (*)	1.115.496	2.164.447
Phải thu từ mua bán chứng khoán	-	462.305
Tài sản Có khác	-	157.369
Lợi thế thương mại	15.124	25.106
	1.749.755	3.218.269

(*) Bao gồm 1.056.767 triệu đồng các tài sản gắn nợ là tàu biển. Chi tiết chi phí vận hành và doanh thu vận hành các tài sản gắn nợ nêu trên xem *Thuyết minh số 16.1.2* và *Thuyết minh số 22.2.2*

16.5 Dự phòng rủi ro các tài sản có nội bằng khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng
Dự phòng cho số tiền chưa thu được của nợ đã bán	-	27.362
- Dự phòng chung	-	27.362
Dự phòng rủi ro khác	43.650	40.068
	43.650	67.430

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. TÀI SẢN CÓ KHÁC (tiếp theo)

16.5 Dự phòng rủi ro các tài sản có nội bằng khác (tiếp theo)

Thay đổi dự phòng cho số dư phải thu nợ đã bán trong năm 2023 như sau:

	<i>Dự phòng chung triệu đồng</i>	<i>Dự phòng cụ thể triệu đồng</i>	<i>Tổng triệu đồng</i>
Số dư đầu năm	27.362	-	27.362
Hoàn nhập trong năm	(27.362)	-	(27.362)
Số dư cuối năm	-	-	-

Thay đổi dự phòng cho số dư phải thu nợ đã bán trong năm 2022 như sau:

	<i>Dự phòng chung triệu đồng</i>	<i>Dự phòng cụ thể triệu đồng</i>	<i>Tổng triệu đồng</i>
Số dư đầu năm	28.862	175.510	204.372
Hoàn nhập trong năm	(1.500)	(15.510)	(17.010)
Xử lý rủi ro trong năm	-	(160.000)	(160.000)
Số dư cuối năm	27.362	-	27.362

Thay đổi dự phòng rủi ro khác trong năm như sau:

	<i>Năm 2023 triệu đồng</i>	<i>Năm 2022 triệu đồng</i>
Số dư đầu năm	40.068	38.690
Dự phòng (hoàn nhập)/trích lập trong năm	(70)	2.118
Xử lý rủi ro trong năm	(29.541)	(2.438)
Tăng khác	33.193	1.698
Số dư cuối năm	43.650	40.068

17. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<i>Năm 2023 triệu đồng</i>	<i>Năm 2022 triệu đồng</i>
Tổng giá trị lợi thế thương mại ("LTTM")	99.823	99.823
Thời gian phân bổ (năm)	10	10
Giá trị LTTM đã phân bổ lũy kế đầu năm	74.717	64.735
Giá trị LTTM chưa phân bổ đầu năm	25.106	35.088
LTTM phân bổ trong năm	(9.982)	(9.982)
Giá trị LTTM phân bổ trong năm	(9.982)	(9.982)
Tổng giá trị LTTM chưa phân bổ cuối năm	15.124	25.106

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. CÁC KHOẢN NỢ CHÍNH PHỦ VÀ NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC (“NHNN”)

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng
Vay NHNN	1.011.561	1.014.560
Vay theo hồ sơ tín dụng	999.972	999.972
Vay thực hiện Dự án hiện đại hóa Ngân hàng và Hệ thống thanh toán	11.589	14.588
Tiền gửi của KBNN	972	-
Tiền gửi bằng VND	972	-
	1.012.533	1.014.560

19. TIỀN GỬI VÀ VAY CÁC TCTD KHÁC

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng
Tiền gửi các TCTD khác	54.484.312	29.339.865
Tiền gửi không kỳ hạn	13.292.684	13.370.028
- Bằng VND	12.936.882	12.969.177
- Bằng ngoại tệ	355.802	400.851
Tiền gửi có kỳ hạn	41.191.628	15.969.837
- Bằng VND	40.881.510	15.261.837
- Bằng ngoại tệ	310.118	708.000
Vay các TCTD khác	31.069.202	21.034.295
Bằng VND	11.880.021	9.345.443
Bằng ngoại tệ	19.189.181	11.688.852
	85.553.514	50.374.160

Mức lãi suất tiền gửi và tiền vay các TCTD khác vào thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 %/năm
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác bằng VND	2,00 - 4,50	2,80 - 8,90
Tiền gửi có kỳ hạn của các TCTD khác bằng ngoại tệ	5,00 - 5,10	4,30 - 5,30
Tiền vay các TCTD khác bằng VND	2,00 - 4,99	5,50 - 6,60
Tiền vay các TCTD, tổ chức tài chính khác bằng ngoại tệ	5,13 - 6,53	3,08 - 5,99

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

20.1 Thuyết minh theo loại hình tiền gửi

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng
Tiền gửi không kỳ hạn	33.317.559	34.736.911
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	29.490.769	28.473.485
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	3.826.790	6.263.426
Tiền gửi có kỳ hạn	97.229.772	80.625.545
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	95.434.641	78.136.273
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	1.795.131	2.489.272
Tiền gửi vốn chuyên dùng	361.807	171.944
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng VND	307.283	162.110
Tiền gửi vốn chuyên dùng bằng ngoại tệ	54.524	9.834
Tiền gửi ký quỹ	1.440.993	1.586.379
Tiền gửi ký quỹ bằng VND	1.376.826	1.539.236
Tiền gửi ký quỹ bằng ngoại tệ	64.167	47.143
	132.350.131	117.120.779

Mức lãi suất tiền gửi của khách hàng vào thời điểm cuối năm như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 %/năm	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 %/năm
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,00 - 0,50	0,00 - 0,50
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	2,50 - 11,00	5,00 - 9,50
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00	0,00
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00 - 0,10	0,00 - 0,10

20.2 Thuyết minh theo đối tượng khách hàng, loại hình doanh nghiệp

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Tiền gửi của tổ chức kinh tế	56.762.543	42,89	57.175.663	48,82
Tiền gửi của cá nhân	75.587.588	57,11	59.945.116	51,18
	132.350.131	100,00	117.120.779	100,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ (“GTCCG”)

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng
Chứng chỉ tiền gửi	2.091.415	3.199.514
Trái phiếu thường	6.900.000	8.400.000
	8.991.415	11.599.514

Chi tiết kỳ hạn của các GTCCG phát hành theo mệnh giá tại thời điểm cuối năm như sau:

	Trái phiếu thường triệu đồng	Chứng chỉ tiền gửi triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng
Dưới 12 tháng (Dưới 366 ngày)			
- Bằng VND	-	2.000.700	2.000.700
Từ 12 tháng đến 5 năm (Từ 366 - 1826 ngày)			
- Bằng VND	6.900.000	90.715	6.990.715
Số dư cuối năm	6.900.000	2.091.415	8.991.415

22. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

22.1 Các khoản lãi, phí phải trả

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng
Lãi phải trả cho tiền gửi	2.767.659	1.250.861
Lãi phải trả cho các giấy tờ có giá	276.163	236.734
Lãi phải trả cho tiền vay	326.168	186.492
Lãi phải trả cho công cụ tài chính phái sinh	443.167	579.383
	3.813.157	2.253.470

22.2 Các khoản phải trả và công nợ khác

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng
Các khoản phải trả nội bộ	1.357.884	964.796
Các khoản phải trả bên ngoài	2.337.402	2.764.267
Quý khen thưởng, phúc lợi	28.234	30.314
	3.723.520	3.759.377

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC (tiếp theo)

22.2 Các khoản phải trả và công nợ khác (tiếp theo)

22.2.1 Các khoản phải trả nội bộ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng
Các khoản phải trả cán bộ, công nhân viên	828.508	658.804
Cổ tức phải trả	6.409	6.413
Thừa quỹ, tài sản thừa chờ xử lý	1.628	1.383
Tạm treo lãi của tài sản gán nợ	13.261	27.708
Các khoản phải trả khác	508.078	270.488
	1.357.884	964.796

22.2.2 Các khoản phải trả bên ngoài

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng
Tiền giữ hộ và chờ thanh toán	51.775	28.577
Thuế phải nộp cho ngân sách nhà nước	670.804	966.439
Chuyển tiền phải trả	185.572	159.115
Tiền thu từ việc bán nợ, tài sản bảo đảm nợ hoặc khai thác tài sản bảo đảm nợ (*)	275.326	430.901
Các khoản phải trả khác	1.153.925	1.179.235
	2.337.402	2.764.267

(*) Bao gồm 274.578 triệu đồng doanh thu vận hành các tài sản gán nợ là tàu biển (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 430.725 triệu đồng). Ngân hàng sẽ thực hiện quyết toán các doanh thu và chi phí vận hành (Thuyết minh số 16.1.2) phát sinh khi hoàn tất việc thanh lý.

23. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (“NSNN”)

Đơn vị: triệu đồng

	Số dư đầu năm	Phát sinh trong năm		Số dư cuối năm
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Phải thu NSNN	(689)	(3.766)	-	(4.455)
Thuế TNDN	(689)	(3.766)	-	(4.455)
Phải trả NSNN	966.439	1.611.653	(1.907.288)	670.804
Thuế GTGT	10.735	130.876	(129.753)	11.858
Thuế TNDN	821.224	1.182.247	(1.396.341)	607.130
Các loại thuế khác	134.480	297.686	(380.350)	51.816
Các khoản phải nộp khác	-	844	(844)	-
	965.750	1.607.887	(1.907.288)	666.349

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

B05/TC.TD-HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN VÀ CÁC QUỸ

24.1 Báo cáo tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Đơn vị: triệu đồng

	Vốn điều lệ	Thặng dư cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Vốn đầu tư xây dựng cơ bản	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Ngày 01 tháng 01 năm 2022	15.275.000	491.710	3.397	932.058	341.518	608	4.993.494	22.037.785
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	4.616.213	4.616.213
Trích lập quỹ	-	-	-	412.709	206.354	-	(619.063)	-
Chia cổ tức bằng cổ phiếu	4.582.500	(458.250)	-	-	-	-	(4.124.250)	-
Ngày 01 tháng 01 năm 2023	19.857.500	33.460	3.397	1.344.767	547.872	608	4.866.394	26.653.998
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	4.644.214	4.644.214
Phát hành cổ phiếu thường cho người lao động	142.500	-	-	-	-	-	(142.500)	-
Trích lập quỹ	-	-	-	462.615	231.308	-	(693.923)	-
Ngày 31 tháng 12 năm 2023	20.000.000	33.460	3.397	1.807.382	779.180	608	8.674.185	31.298.212

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VỐN VÀ CÁC QUỸ (tiếp theo)

24.2 Vốn cổ phần

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 cổ phiếu	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.000.000.000	2.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.000.000.000	2.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	2.000.000.000	2.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.000.000.000	2.000.000.000
Cổ phiếu phổ thông	2.000.000.000	2.000.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000	10.000

Danh sách cổ đông lớn sở hữu cổ phần từ 5% trở lên vốn điều lệ của Ngân hàng như sau:

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
	Số cổ phiếu phổ thông	%	Số cổ phiếu phổ thông	%
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	120.965.367	6,05	120.965.367	6,05

Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam hoạt động theo hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 955/QĐ-TTg ngày 24 tháng 06 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Công ty Trách nhiệm Hữu hạn một thành viên số 0100684378 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 17 tháng 08 năm 2010.

25. THU NHẬP LÃI VÀ CÁC KHOẢN THU NHẬP TƯƠNG TỰ

	Năm 2023 triệu đồng	Năm 2022 triệu đồng
Thu nhập lãi tiền gửi	749.702	228.547
Thu nhập lãi cho vay khách hàng	15.112.528	10.270.547
Thu nhập lãi chứng khoán đầu tư	1.970.187	2.030.171
Thu từ nghiệp vụ bảo lãnh	283.123	268.965
Thu khác từ hoạt động tín dụng	835.545	453.884
	18.951.085	13.252.114

26. CHI PHÍ LÃI VÀ CÁC CHI PHÍ TƯƠNG TỰ

	Năm 2023 triệu đồng	Năm 2022 triệu đồng
Trả lãi tiền gửi	7.608.989	3.404.093
Trả lãi tiền vay	1.457.534	845.561
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	644.767	625.349
Chi phí hoạt động tín dụng khác	51.280	55.320
	9.762.570	4.930.323

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	<i>Năm 2023</i> <i>triệu đồng</i>	<i>Năm 2022</i> <i>triệu đồng</i>
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	2.017.973	1.605.101
Thu từ dịch vụ thanh toán	919.218	830.289
Thu từ dịch vụ ngân quỹ	1.955	3.466
Thu từ nghiệp vụ ủy thác và đại lý	443.318	269.218
Thu từ dịch vụ khác	653.482	502.128
Chi phí hoạt động dịch vụ	(420.948)	(492.637)
Chi về dịch vụ thanh toán	(224.734)	(264.189)
Chi về hoạt động ngân quỹ	(9.091)	(11.195)
Chi từ dịch vụ khác	(187.123)	(217.253)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	1.597.025	1.112.464

28. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NGOẠI HỐI

	<i>Năm 2023</i> <i>triệu đồng</i>	<i>Năm 2022</i> <i>triệu đồng</i>
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	6.160.214	5.366.265
Thu về kinh doanh ngoại tệ giao ngay và vàng	1.201.639	999.045
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	4.958.575	4.367.220
Chi phí về hoạt động kinh doanh ngoại hối	(5.087.977)	(4.365.824)
Chi về kinh doanh ngoại tệ giao ngay và vàng	(171.232)	(180.454)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(4.916.745)	(4.185.370)
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại hối	1.072.237	1.000.441

29. LỖ THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	<i>Năm 2023</i> <i>triệu đồng</i>	<i>Năm 2022</i> <i>triệu đồng</i>
Chi phí về mua bán chứng khoán kinh doanh	(30.317)	(216)
Hoàn nhập/(Trích lập) dự phòng rủi ro chứng khoán kinh doanh	17.612	(1.812)
Lỗ thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(12.705)	(2.028)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	<i>Năm 2023</i>	<i>Năm 2022</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	821.095	1.894.599
Chi phí về mua bán chứng khoán đầu tư	(311.511)	(1.223.482)
Hoàn nhập dự phòng rủi ro chứng khoán đầu tư	2.228	12.005
Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	511.812	683.122

31. LỖ THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Năm 2023</i>	<i>Năm 2022</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Thu nhập từ hoạt động khác	610.169	760.999
Thu nhập từ nợ đã xử lý rủi ro	169.516	448.922
Thu nhập từ chuyển nhượng thanh lý tài sản	469	1.762
Thu từ nghiệp vụ mua bán nợ	177	1.039
Thu nhập khác	440.007	309.276
Chi phí cho hoạt động khác	(709.697)	(1.183.995)
Chi về nghiệp vụ mua bán nợ	-	(2)
Chi về các công cụ tài chính phái sinh khác	(64)	(24)
Chi phí khác	(709.633)	(1.183.969)
Lỗ thuần từ hoạt động khác	(99.528)	(422.996)

32. THU NHẬP GÓP VỐN, MUA CỔ PHẦN

	<i>Năm 2023</i>	<i>Năm 2022</i>
	<i>triệu đồng</i>	<i>triệu đồng</i>
Cổ tức nhận được trong năm từ góp vốn, đầu tư mua cổ phần	1.631	880
	1.631	880

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	<i>Năm 2023</i> <i>triệu đồng</i>	<i>Năm 2022</i> <i>triệu đồng</i>
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	87.993	81.597
Chi phí cho nhân viên	2.838.027	2.647.866
Chi lương và phụ cấp	2.498.722	2.341.959
Các khoản chi đóng theo lương	215.854	174.963
Chi trợ cấp	59.186	58.635
Các khoản chi khác	64.265	72.309
Chi về tài sản	639.932	574.742
Khấu hao tài sản cố định	100.262	103.323
Bảo dưỡng và sửa chữa tài sản	116.921	99.705
Thuê tài sản	374.173	317.160
Mua sắm công cụ lao động	37.186	37.082
Chi bảo hiểm tài sản	11.390	17.472
Chi cho hoạt động quản lý công vụ	1.150.713	1.055.338
Công tác phí	65.405	47.707
Chi thuê chuyên gia, tư vấn	139.080	80.025
Chi hoạt động quản lý công vụ khác	946.228	927.606
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	95.736	66.303
(Hoàn nhập)/Trích lập chi phí dự phòng (không tính chi phí dự phòng rủi ro tín dụng nội và ngoại bảng; chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán)	(70)	2.118
	4.812.331	4.427.964

34. CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

	<i>Năm 2023</i> <i>triệu đồng</i>	<i>Năm 2022</i> <i>triệu đồng</i>
Trích lập dự phòng cho vay khách hàng	1.644.108	495.517
Hoàn nhập dự phòng phải thu nợ đã bán	(27.362)	(17.010)
	1.616.746	478.507

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (“TNDN”) HIỆN HÀNH

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2016, Ngân hàng có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) là 20% trên tổng lợi nhuận chịu thuế theo quy định của Thông tư số 78/2014/TT-BTC có hiệu lực ngày 02 tháng 08 năm 2014.

Các báo cáo thuế của Ngân hàng sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động hợp nhất. Thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập được tính thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác do có sự khác biệt giữa việc ghi nhận theo chính sách kế toán của Ngân hàng và các quy định thuế hiện hành, và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Ngân hàng được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được ước tính như sau:

	Năm 2023 triệu đồng	Năm 2022 triệu đồng
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh trước thuế	5.829.910	5.787.203
Các khoản điều chỉnh		
- Chi phí không được khấu trừ thuế	4.793	10.475
- Thu nhập không chịu thuế	(1.631)	(904)
- Biến động các chênh lệch tạm thời	(36.420)	(203.028)
- Điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế (Lợi thế thương mại, thanh lý tài sản)	9.730	9.929
Thu nhập tính thuế	5.806.382	5.603.675
Trong đó:		
- Thu nhập từ hoạt động kinh doanh	5.806.382	5.603.675
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.161.277	1.120.735
Trong đó:		
- Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh	1.161.277	1.120.735
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước	24.369	50.244
Chi phí thuế TNDN trong năm	1.185.646	1.170.979
Thuế TNDN đã nộp các năm trước	(7.165)	-
Thuế TNDN phải nộp trong năm	1.178.481	1.170.979
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	820.535	222.834
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(1.396.341)	(573.278)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	602.675	820.535
Tổng chi phí thuế TNDN hoãn lại	50	11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm hiện hành được dựa trên số lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông của Ngân hàng.

	<u>Năm 2023</u>	<u>Năm 2022</u>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (triệu đồng)	4.644.214	4.473.713
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm (cổ phiếu)	2.000.000.000	1.986.921.233
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	<u>2.322</u>	<u>2.252</u>

37. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền thể hiện trên báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất bao gồm các khoản trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất sau đây:

	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</u> <i>triệu đồng</i>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</u> <i>triệu đồng</i>
Tiền và các khoản tương đương tiền tại quỹ	939.629	1.393.551
Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước	4.589.199	3.689.730
Tiền gửi tại các TCTD khác không kỳ hạn	13.813.935	9.763.592
Tiền gửi tại các TCTD khác có kỳ hạn không quá 3 tháng	37.570.774	19.600.048
Chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua	-	599.362
	<u>56.913.537</u>	<u>35.046.283</u>

38. TÀI SẢN, GIẤY TỜ CÓ GIÁ THỂ CHẤP, CẦM CỔ VÀ CHIẾT KHẤU, TÁI CHIẾT KHẤU

38.1 Tài sản, giấy tờ có giá nhận thể chấp, cầm cổ và chiết khấu, tái chiết khấu

	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</u> <i>triệu đồng</i>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</u> <i>triệu đồng</i>
Bất động sản	141.598.463	135.999.992
Động sản	10.667.281	13.297.846
Giấy tờ có giá	56.394.481	48.828.117
Tài sản khác	268.115.355	224.652.264
	<u>476.775.580</u>	<u>422.778.219</u>

38.2 Tài sản, giấy tờ có giá đưa đi thể chấp, cầm cổ và chiết khấu, tái chiết khấu

	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</u> <i>triệu đồng</i>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</u> <i>triệu đồng</i>
Giấy tờ có giá	11.737.000	10.188.500
	<u>11.737.000</u>	<u>10.188.500</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

39. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

	Năm 2023 triệu đồng	Năm 2022 triệu đồng
I. Tổng số cán bộ, công nhân viên bình quân (người)	6.731	6.091
II. Thu nhập của cán bộ công nhân viên		
1. Tổng quỹ lương	2.325.588	2.484.920
2. Tổng thu nhập	2.327.667	2.487.355
3. Tiền lương bình quân/tháng	28,79	34,00
4. Thu nhập bình quân/tháng	28,82	34,03

40. CÁC CAM KẾT ĐƯA RA

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng
Bảo lãnh vay vốn	31.980	33.980
Cam kết giao dịch hối đoái	343.840.786	223.775.857
Cam kết mua ngoại tệ	11.263.221	1.408.572
Cam kết bán ngoại tệ	11.255.288	1.407.285
Cam kết giao dịch hoán đổi tiền tệ	321.322.277	220.960.000
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	7.555.360	9.141.549
Cam kết trong nghiệp vụ L/C	7.865.215	9.575.780
- Trừ: Tiền ký quỹ	(309.855)	(434.231)
Bảo lãnh khác	21.686.263	20.444.318
Cam kết bảo lãnh thanh toán	3.343.207	4.528.714
Cam kết bảo lãnh thực hiện hợp đồng	5.332.633	4.539.156
Cam kết bảo lãnh dự thầu	913.928	798.158
Cam kết bảo lãnh khác	12.934.764	11.508.786
- Trừ: Tiền ký quỹ	(838.269)	(930.496)
Các cam kết khác	11.326.397	16.451.969

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

41. LÃI CHO VAY VÀ PHÍ PHẢI THU CHƯA THU ĐƯỢC

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng</i>
Lãi cho vay chưa thu được	1.445.389	779.123
Lãi chứng khoán chưa thu được	643.691	-
Phí phải thu chưa thu được	59	59
	2.089.139	779.182

42. NỢ KHÓ ĐÒI ĐÃ XỬ LÝ

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng</i>
Nợ gốc của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	5.615.707	4.752.064
Nợ lãi của khoản nợ đã xử lý rủi ro đang trong thời gian theo dõi	10.001.777	8.869.928
Các khoản nợ khác đã xử lý	31.980	2.438
	15.649.464	13.624.430

43. TÀI SẢN VÀ CHỨNG TỪ KHÁC

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 triệu đồng</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 triệu đồng</i>
Tài sản khác giữ hộ	17.789.628	21.340.752
Tài sản thuê ngoài	4.892	4.892
Tài sản bảo đảm nhận thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm chờ xử lý	-	5.120
Các chứng từ có giá trị khác đang bảo quản	65.882.342	93.515.419
	83.676.862	114.866.183

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

44. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan là các giao dịch được thực hiện với các bên có liên quan với Ngân hàng. Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Một bên được coi là bên có liên quan với Ngân hàng nếu:

- (a) Trực tiếp hoặc gián tiếp qua một hay nhiều bên trung gian, bên này:
 - ▶ kiểm soát hoặc bị kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát chung bởi Ngân hàng (bao gồm các công ty mẹ, công ty con);
 - ▶ có vốn góp vào Ngân hàng và do đó có ảnh hưởng đáng kể tới Ngân hàng;
 - ▶ có quyền đồng kiểm soát Ngân hàng;
- (b) Bên liên quan là công ty liên doanh, liên kết mà Ngân hàng là một bên liên doanh, liên kết;
- (c) Bên liên quan có thành viên là nhân sự chính trong Ban Quản lý của Ngân hàng hoặc công ty mẹ của nó;
- (d) Bên liên quan là thành viên mật thiết trong gia đình của bất kỳ cá nhân nào đã nêu trong điểm (a) hoặc (c); và
- (e) Bên liên quan là một đơn vị trực tiếp hoặc gián tiếp chịu sự kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể, hoặc có quyền biểu quyết bởi bất kỳ cá nhân nào được đề cập đến trong điểm (c) hoặc (d).

Chi tiết số dư trọng yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
	<i>Phải thu/(Phải trả) triệu đồng</i>	<i>Phải thu/(Phải trả) triệu đồng</i>
Tổng công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam (“VNPT”) – Cổ đông lớn		
Tiền gửi	(1.558.638)	(2.489.341)
Các khoản lãi phải trả	(21.864)	(45.698)
CTCP Tập đoàn ROX – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền gửi	(3.588)	(1.041)
Tiền vay	48	44
CTCP FamilyMart Việt Nam – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền gửi	(381)	(576)
Tiền vay	13	-
CTCP ROX Living – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền gửi	(2.086)	-
Tiền vay	15	-
CTCP thương mại dịch vụ TNS Holdings – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền gửi	(223.735)	-
Các khoản lãi phải trả	(42)	-
CTCP ROX Asset – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Tiền gửi	(336)	(1.689)
Tiền vay	9	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

44. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Chi tiết số dư trọng yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau (tiếp theo):

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
	<i>Phải thu/(Phải trả) triệu đồng</i>	<i>Phải thu/(Phải trả) triệu đồng</i>
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này		
Tiền gửi	(637.558)	(91.139)
Tiền vay	202.192	127.240
Các khoản phải thu khác	1.311	960
Các khoản phải trả và các khoản chờ thanh toán khác	(4.672)	(897)

Chi tiết giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

	Năm 2023 <i>triệu đồng</i>	Năm 2022 <i>triệu đồng</i>
Tổng công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam (“VNPT”) – Cổ đông lớn		
Chi phí lãi tiền gửi	(164.886)	(75.979)
CTCP Tập đoàn ROX – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Chi phí lãi tiền gửi	(6)	(5)
Thu nhập từ phí dịch vụ	38	145
Thu nhập lãi tiền vay	1	1
CTCP FamilyMart Việt Nam – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Chi phí lãi tiền gửi	(2)	(1)
CTCP ROX Asset – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Chi phí lãi tiền gửi	(2)	(3)
CTCP ROX Living – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Chi phí lãi tiền gửi	(3)	-
Thu nhập từ phí dịch vụ	5	-
CTCP thương mại dịch vụ TNS Holdings – Bên liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị		
Chi phí lãi tiền gửi	(47)	-
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này		
Thù lao Hội đồng quản trị	(15.039)	(16.363)
- Chủ tịch	-	-
- Phó chủ tịch 1	(3.230)	(3.334)
- Phó chủ tịch 2	(2.936)	(3.243)
- Thành viên 1	(2.585)	(2.954)
- Thành viên 2	(2.827)	(3.159)
- Thành viên 3	(1.869)	(2.132)
- Thành viên 4	(1.592)	(1.541)
Thù lao của Ban kiểm soát	(5.071)	(4.783)
Lương của Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc	(34.608)	(35.689)
Thu nhập lãi tiền vay	19.262	2.054
Thu nhập từ phí dịch vụ và thu nhập khác	252	64
Chi phí lãi tiền gửi và chứng chỉ tiền gửi	(39.211)	(2.675)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

45. BÁO CÁO BỘ PHẬN

45.1 Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Kết quả hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh năm 2023 như sau:

	<i>Tài chính ngân hàng triệu đồng</i>	<i>Khác dịch/số dư nội bộ triệu đồng</i>	<i>Loại trừ giao Loại trừ giao triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
I. Doanh thu	50.611.239	-	(22.029.162)	28.582.077
1. Doanh thu lãi	40.980.217	-	(22.029.132)	18.951.085
2. Doanh thu từ hoạt động dịch vụ	2.018.003	-	(30)	2.017.973
3. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác	7.613.019	-	-	7.613.019
II. Chi phí	(43.154.853)	-	22.019.432	(21.135.421)
1. Chi phí lãi	(31.791.702)	-	22.029.132	(9.762.570)
2. Chi phí khấu hao TSCĐ	(100.514)	-	252	(100.262)
3. Chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh	(11.262.637)	-	(9.952)	(11.272.589)
Kết quả kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro	7.456.386	-	(9.730)	7.446.656
Chi phí dự phòng rủi ro	(1.616.746)	-	-	(1.616.746)
Kết quả kinh doanh bộ phận	5.839.640	-	(9.730)	5.829.910

Tài sản và công nợ theo lĩnh vực kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	<i>Tài chính ngân hàng triệu đồng</i>	<i>Khác dịch/số dư nội bộ triệu đồng</i>	<i>Loại trừ giao Loại trừ giao triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
III. Tài sản	269.839.642	-	(2.833.804)	267.005.838
1. Tiền mặt	939.629	-	-	939.629
2. Tài sản cố định	402.736	-	-	402.736
3. Tài sản khác	268.497.277	-	(2.833.804)	265.663.473
IV. Nợ phải trả	237.859.478	-	(2.151.852)	235.707.626
1. Nợ phải trả khách hàng bên ngoài	2.431.273	-	(93.871)	2.337.402
2. Nợ phải trả nội bộ	1.357.884	-	-	1.357.884
3. Nợ phải trả khác	234.070.321	-	(2.057.981)	232.012.340

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

45. BÁO CÁO BỘ PHẬN (tiếp theo)

45.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý

	<i>Miền Bắc triệu đồng</i>	<i>Miền Trung triệu đồng</i>	<i>Miền Nam triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
I. Kết quả kinh doanh bộ phận				
1. Tổng doanh thu	21.996.739	1.196.913	5.388.425	28.582.077
2. Tổng chi phí hoạt động	18.682.691	720.226	3.349.250	22.752.167
Tổng lợi nhuận trước thuế	3.314.048	476.687	2.039.175	5.829.910
II. Tài sản	213.574.350	9.639.772	43.791.716	267.005.838
III. Nợ phải trả	183.760.931	9.331.014	42.615.681	235.707.626

46. MỨC ĐỘ TẬP TRUNG THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ CỦA CÁC TÀI SẢN, CÔNG NỢ VÀ CÁC KHOẢN MỤC NGOẠI BẢNG

	<i>Tổng dư nợ cho vay (cho vay khách hàng và các TCTD khác) triệu đồng</i>	<i>Tổng tiền gửi huy động (tiền gửi của khách hàng, tiền gửi và vay các TCTD khác) triệu đồng</i>	<i>Các cam kết tín dụng triệu đồng</i>	<i>Công cụ tài chính phái sinh (Tổng giá trị hợp đồng) triệu đồng</i>	<i>Kinh doanh và đầu tư chứng khoán triệu đồng</i>
Trong nước	158.910.371	186.723.174	29.273.603	220.912.684	37.897.490
Nước ngoài	-	111.269	-	-	-
Tổng	158.910.371	186.834.443	29.273.603	220.912.684	37.897.490

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

47. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO (“QLRR”)

Ngân hàng định hướng trở thành một tổ chức tài chính đa năng. Do vậy, Ngân hàng cung cấp đa dạng các loại hình sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng nhằm hướng tới mục tiêu trên, đồng thời đảm bảo lợi nhuận kỳ vọng. Việc tham gia các công cụ tài chính, bao gồm huy động vốn từ khách hàng (bằng sản phẩm tiền gửi và phát hành giấy tờ có giá) và đầu tư vào các tài sản tài chính có chất lượng cao đã trở thành hoạt động mang tính then chốt giúp Ngân hàng đạt mục tiêu lợi nhuận nhưng cũng phát sinh rủi ro cần phải được quản lý chặt chẽ. Rủi ro được quản lý thông qua áp dụng hạn mức nhằm kiểm soát chủ động rủi ro, đồng thời thực hiện các biện pháp/công cụ phòng ngừa để giảm thiểu rủi ro. Thông qua việc nắm giữ nhiều tài sản là các công cụ tài chính có chất lượng cao, cơ cấu báo cáo tình hình tài chính của Ngân hàng có đủ khả năng phòng ngừa rủi ro trọng yếu trong quá trình hoạt động kinh doanh và đảm bảo khả năng thanh khoản.

Trong quá trình QLRR tín dụng, Ngân hàng đã ban hành đầy đủ và sử dụng có hiệu quả các văn bản về QLRR tín dụng, trong đó ghi chi tiết các chính sách và thủ tục cho vay cũng như các hướng dẫn thực hiện để chuẩn hóa các hoạt động tín dụng của Ngân hàng. Rủi ro thanh khoản được hạn chế thông qua việc nắm giữ một số lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền dưới dạng tài khoản Nostro ở mức độ hợp lý, các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại NHNN và các tổ chức tín dụng khác và đặc biệt các giấy tờ có giá thanh khoản cao. Các tỷ lệ an toàn có tính đến yếu tố rủi ro được sử dụng để quản lý rủi ro thanh khoản. Ngân hàng thường tiến hành đánh giá chênh lệch lãi suất, so sánh với các thị trường trong nước và quốc tế để có những điều chỉnh kịp thời. Thêm vào đó, việc QLRR cũng trở nên hiệu quả hơn nhờ việc triển khai Hệ thống Quản lý Vốn Tập trung và Hệ thống Thanh toán Tập trung. Theo đó, toàn bộ các giao dịch vốn và thanh toán của Ngân hàng đều do Hội sở chính thực hiện, cho phép Ngân hàng giám sát hiệu quả hơn các biến đổi về vốn và giảm các sai sót có thể xảy ra cũng như những thủ tục phức tạp không cần thiết.

47.1 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là khả năng xảy ra tổn thất trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng do khách hàng hoặc đối tác không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của mình theo cam kết.

Ngân hàng đã duy trì một chính sách QLRR tín dụng đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau:

- ▶ thiết lập một môi trường QLRR tín dụng phù hợp;
- ▶ hoạt động theo một quy trình cấp tín dụng lành mạnh;
- ▶ duy trì một quy trình quản lý, đo lường và giám sát tín dụng phù hợp; và
- ▶ đảm bảo kiểm soát đầy đủ đối với rủi ro tín dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

47. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO (“QLRR”) (tiếp theo)

47.1 Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

Ngân hàng tiến hành xét duyệt tín dụng qua nhiều cấp để đảm bảo một khoản tín dụng được xem xét một cách độc lập; đồng thời, việc phê duyệt các khoản vay được thực hiện trên cơ sở hạn mức tín dụng được giao cho từng cấp có thẩm quyền. Bên cạnh đó, mô hình phê duyệt tín dụng của Ngân hàng có sự tham gia của Hội đồng Tín dụng để đảm bảo hoạt động phê duyệt tín dụng được tập trung với chất lượng cao nhất.

Mức rủi ro tín dụng tối đa chưa tính đến tài sản thế chấp hoặc các biện pháp giảm thiểu rủi ro tín dụng

Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản bằng với giá trị ghi sổ (không bao gồm dự phòng) của nhóm tài sản đó trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất được trình bày như sau:

	<i>Chưa bị giảm giá triệu đồng</i>	<i>Bị giảm giá nhưng không có dự phòng triệu đồng</i>	<i>Bị giảm giá và có dự phòng triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Tiền gửi có kỳ hạn tại và cho vay các TCTD khác	47.335.759	-	-	47.335.759
Cho vay khách hàng	142.221.856	1.562.044	5.361.486	149.145.386
Chứng khoán nợ do các TCTD, TCKT trong nước phát hành	14.921.000	376.000	28.385	15.325.385
Tài sản có rủi ro tín dụng khác	-	4.001.159	-	4.001.159
Tổng cộng	204.478.615	5.939.203	5.389.871	215.807.689

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

47. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO (“QLRR”) (tiếp theo)

47.2 Rủi ro thị trường

47.2.1 Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro do biến động bất lợi của lãi suất đối với vốn kinh tế, thu nhập, giá trị tài sản, nợ phải trả và cam kết ngoại bảng của Ngân hàng phát sinh do:

- ▶ Chênh lệch thời điểm ấn định mức lãi suất mới hoặc kỳ định lại lãi suất;
- ▶ Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất của các công cụ tài chính khác nhau nhưng có cùng thời điểm đáo hạn;
- ▶ Thay đổi mối quan hệ giữa các mức lãi suất ở các kỳ hạn khác nhau;
- ▶ Tác động từ các sản phẩm quyền chọn lãi suất, các sản phẩm có yếu tố quyền chọn lãi suất.

Ngân hàng duy trì chính sách quản lý rủi ro lãi suất đảm bảo các nguyên tắc sau:

- ▶ Tuân thủ các quy định của NHNN và Ngân hàng về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với công tác quản lý rủi ro lãi suất.
- ▶ Định kỳ đo lường; Giám sát và kiểm soát chặt chẽ đối với rủi ro lãi suất tiềm tàng trong các nghiệp vụ kinh doanh trọng yếu của Ngân hàng (bao gồm tài sản; nợ phải trả và các cam kết ngoại bảng); Từ đó triển khai đầy đủ các biện pháp cân đối cơ cấu tài sản; nợ phải trả và/hoặc các biện pháp phòng ngừa nhằm giảm thiểu rủi ro cho Ngân hàng trước các biến động bất lợi của lãi suất thị trường;
- ▶ Thiết lập các hạn mức quản lý rủi ro lãi suất về trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất; thay đổi thu nhập lãi thuần và thay đổi giá trị kinh tế vốn chủ sở hữu dựa trên kết quả kiểm tra sức chịu đựng trong kịch bản hoạt động bình thường và kịch bản có diễn biến bất lợi.

Nguyên tắc phân loại và đo lường trạng thái rủi ro lãi suất thông qua Bảng trạng thái chênh lệch kỳ định lại lãi suất của các khoản Tài sản; Nợ phải trả nằm trong và ngoài bảng cân đối kế toán đáp ứng các nội dung sau:

- ▶ Các khoản mục nhạy cảm với lãi suất là các khoản mục có thu nhập/chi phí/giá thay đổi khi lãi suất thay đổi;
- ▶ Các khoản mục không nhạy cảm lãi suất là các khoản mục không chịu lãi suất (bao gồm nhưng không giới hạn: tiền mặt, vàng bạc đá quý, tiền gửi NHNN, chứng khoán kinh doanh, phụ trội, chiết khấu, các khoản lãi, phí phải thu, đầu tư dài hạn, tài sản cố định, chứng khoán đầu tư (chứng khoán vốn), tài sản khác, nợ khác không chịu lãi suất) và phần quá hạn của các khoản mục tài sản;
- ▶ Chỉ tiêu Quá hạn của các khoản mục tài sản là các dòng tiền đã quá hạn và/hoặc được phân loại nợ vào Nhóm 2 theo CIC trở lên;
- ▶ Các khoản mục nhạy cảm lãi suất được phân bổ vào các khoảng thời gian trên báo cáo dựa vào kỳ định lại lãi suất thực tế của từng giao dịch phát sinh trong khoản mục;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

47. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO (“QLRR”) (tiếp theo)

47.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

47.2.1 Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

- ▶ Kỳ định lại giá lãi suất thực tế là khoảng thời gian (số ngày) tính từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán cho tới ngày định lại lãi suất (là ngày Ngân hàng và/hoặc khách hàng/đối tác có quyền xác định/thỏa thuận lại mức lãi suất trong hợp đồng) hoặc ngày thanh toán/ngày đáo hạn/ngày đến hạn từng phần của các hợp đồng tài sản và nợ phải trả, tùy ngày nào đến trước. Cụ thể như sau:
 - Các khoản mục nhạy cảm lãi suất nhưng không xác định được kỳ hạn cụ thể và/hoặc có ngày điều chỉnh lại lãi suất là bất cứ thời điểm nào kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán, bao gồm nhưng không giới hạn bởi các nghiệp vụ tiền gửi/nhận gửi không kỳ hạn của TCTD, tổ chức kinh tế và cá nhân; Thấu chi; Thẻ tín dụng, sẽ được ghi nhận vào kỳ định lại lãi suất gần nhất trên báo cáo (đến 1 tháng);
 - Các khoản mục nhạy cảm lãi suất còn lại có lãi suất thả nổi định kỳ: kỳ định lại lãi suất thực tế được tính từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán cho tới ngày định lại lãi suất hoặc ngày thanh toán/ngày đáo hạn/ngày đến hạn từng phần theo hợp đồng tùy thời điểm nào đến trước;
 - Các khoản mục nhạy cảm lãi suất còn lại có lãi suất cố định trong suốt thời gian của hợp đồng: kỳ định lại lãi suất thực tế được tính từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán cho tới ngày thanh toán/ngày đáo hạn/ngày đến hạn từng phần theo hợp đồng.

Lãi suất thực tế cho các khoản cho vay khách hàng và tiền gửi khách hàng theo loại tiền tệ được trình bày lần lượt tại *Thuyết minh số 10* và *Thuyết minh số 20*.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

B05/TCTD-HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

47. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO (“QLRR”) (tiếp theo)

47.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

47.2.1 Rủi ro lãi suất (tiếp theo)

	Quá hạn	Không chịu lãi	Thời hạn định lại lãi suất					Đơn vị: triệu đồng	
			Đến 1 tháng	Từ 1 – 3 tháng	Từ 3 – 6 tháng	Từ 6 – 12 tháng	Từ 1 – 5 năm		Trên 5 năm
Tài sản									
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	939.629	-	-	-	-	-	-	939.629
Tiền gửi tại NHNN	-	4.589.199	-	-	-	-	-	-	4.589.199
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	269.747	51.381.342	5.005.507	3.205.285	1.217.813	70.000	-	61.149.694
Cho vay khách hàng và mua nợ (*)	6.911.542	954.370	35.672.970	57.961.996	25.965.770	12.707.019	8.307.367	664.352	149.145.386
Chứng khoán đầu tư (*)	404.385	3.064.349	30.000	5.003.445	225.000	4.696.000	9.102.000	15.372.311	37.897.490
Góp vốn, đầu tư dài hạn (*)	-	10.036	-	-	-	-	-	-	10.036
Tài sản cố định	-	402.736	-	-	-	-	-	-	402.736
Tài sản Có khác (*)	10.527	11.737.097	412.382	1.528.706	931.041	122.639	57.600	495.190	15.295.182
Tổng tài sản	7.326.454	21.987.163	87.496.694	69.499.654	30.327.096	18.743.471	17.536.967	16.531.853	269.429.352
Nợ phải trả									
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	2.665	-	-	1.001.666	8.202	-	1.012.533
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	69.376.017	7.116.225	8.690.584	370.688	-	-	85.553.514
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	101.067	14.332	(19.147)	57.053	110.051	-	263.356
Tiền gửi của khách hàng	-	-	63.228.992	19.143.305	30.933.645	14.658.736	4.385.380	73	132.350.131
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	85.215	2.006.200	-	400.000	6.500.000	-	8.991.415
Các khoản nợ khác (*)	-	7.536.360	44	272	1	-	-	-	7.536.677
Tổng nợ phải trả	-	7.536.360	132.794.000	28.280.334	39.605.083	16.488.143	11.003.633	73	235.707.626
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội bảng	7.326.454	14.430.803	(45.297.306)	41.219.320	(9.277.987)	2.255.328	6.533.334	16.531.780	33.721.726
Các cam kết ngoại bảng có tác động tới mức độ nhạy cảm với lãi suất của các tài sản và công nợ (ròng)	-	-	682.456	10.329.932	1.379.192	(1.260.879)	(3.995.820)	(4.595.000)	2.539.881
Mức chênh lệch cảm với lãi suất nội, ngoại bảng	7.326.454	14.430.803	(44.614.850)	51.549.252	(7.898.795)	994.449	2.537.514	11.936.780	36.261.607

(*) không bao gồm dự phòng rủi ro

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

47. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO (“QLRR”) (tiếp theo)

47.2 Rủi ro thị trường (tiếp theo)

47.2.2 Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ những biến động về tỷ giá (rủi ro ngoại hối).

Ngân hàng được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là đồng Việt Nam (“VND”). Đồng tiền giao dịch chính của Ngân hàng là VND. Cấu trúc tài sản – nợ phải trả của Ngân hàng bao gồm các loại ngoại tệ khác nhau như USD, EUR, JPY,... là nguyên nhân dẫn đến Rủi ro tiền tệ.

Ngân hàng duy trì chính sách quản lý rủi ro tiền tệ đảm bảo các nguyên tắc sau:

- ▶ Tuân thủ các quy định của NHNN và Ngân hàng về hệ thống kiểm soát nội bộ đối với quản lý rủi ro ngoại hối;
- ▶ Định kỳ hàng ngày thực hiện đo lường; giám sát và kiểm soát chặt chẽ đối với rủi ro ngoại hối trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các hạn mức đã được thiết lập (phù hợp quy định của NHNN) về trạng thái ngoại tệ; độ nhạy; lãi/lỗ tiềm ẩn; mức độ tập trung theo loại tiền tệ dựa trên kết quả kiểm tra sức chịu đựng trong kịch bản hoạt động bình thường và kịch bản có diễn biến bất lợi.

	<i>EUR quy đổi triệu đồng</i>	<i>USD quy đổi triệu đồng</i>	<i>Ngoại tệ khác quy đổi triệu đồng</i>	<i>Tổng cộng triệu đồng</i>
Tài sản				
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	35.961	104.767	64.077	204.805
Tiền gửi tại NHNN	691	1.311.440	-	1.312.131
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	52.730	9.606.117	241.969	9.900.816
Công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	35.009	6.329.998	-	6.365.007
Cho vay khách hàng và mua nợ (*)	-	8.799.580	-	8.799.580
Tài sản Có khác (*)	65.081	1.218.433	15.520	1.299.034
Tổng tài sản	189.472	27.370.335	321.566	27.881.373
Nợ phải trả				
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	11.589	-	11.589
Tiền gửi và vay các TCTD khác	81.579	19.721.544	51.978	19.855.101
Tiền gửi của khách hàng	96.922	5.549.257	94.433	5.740.612
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	480.808	480.808
Các khoản nợ khác (*)	9.391	870.671	54.349	934.411
Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	187.892	26.153.061	681.568	27.022.521
Trạng thái tiền tệ nội bảng	1.580	1.217.274	(360.002)	858.852
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	1.347	(1.986.311)	434.069	(1.550.895)
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	2.927	(769.037)	74.067	(692.043)

(*) không bao gồm dự phòng rủi ro

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

47. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO (“QLRR”) (tiếp theo)

47.3 *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro do Ngân hàng không có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn; hoặc Ngân hàng có khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn nhưng phải trả chi phí cao hơn mức chi phí bình quân của thị trường theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

Ngân hàng đã duy trì một chính sách QLRR thanh khoản đảm bảo những nguyên tắc cơ bản sau:

- ▶ Tuân thủ các quy định của NHNN và Ngân hàng về hệ thống kiểm soát nội bộ trong công tác quản lý rủi ro thanh khoản. Nổi bật với cơ cấu tổ chức 3 tuyến phòng thủ; trong đó tuyến 1 được song hành quản lý bởi 02 chức năng: Quản lý bảng cân đối (BSM) và Quản lý thanh khoản hàng ngày (ALM);
- ▶ Luôn duy trì danh mục tài sản có tính thanh khoản cao, quản lý theo giá trị thị trường và khả năng chuyển đổi thành tiền để đảm bảo nhu cầu thanh khoản trong điều kiện hoạt động bình thường và thị trường có khó khăn về thanh khoản;
- ▶ Quản lý, theo dõi thanh khoản trong ngày; xác định các nguồn vốn và khả năng huy động nguồn vốn này nhằm đáp ứng nhu cầu chi trả trong ngày; dự báo các tình huống làm thay đổi bất thường thanh khoản trong ngày và triển khai các biện pháp xử lý kịp thời, hiệu quả;
- ▶ Luôn chú trọng việc đa dạng hóa nguồn thanh khoản, đảm bảo khả năng tiếp cận thị trường hiệu quả và hiểu rõ mối tương quan của rủi ro tín dụng, rủi ro thị trường và các rủi ro trọng yếu khác tác động đến khả năng thanh khoản của Ngân hàng;
- ▶ Thiết lập các hạn mức quản lý rủi ro thanh khoản phù hợp với quy định của NHNN và ban hành kế hoạch dự phòng thanh khoản (CFP) dựa trên kết quả kiểm tra sức chịu đựng về thanh khoản trong kịch bản hoạt động bình thường và kịch bản có diễn biến bất lợi;
- ▶ Sử dụng giá vốn nội bộ và cấu phần định giá thanh khoản (Liquidity Premium) trong cơ chế định giá vốn nội bộ (FTP) một cách linh hoạt để điều tiết thanh khoản và cơ cấu kỳ hạn từng thời kỳ.

Nguyên tắc thực hiện phân loại và đo lường trạng thái rủi ro thanh khoản thông qua Bảng thời gian đáo hạn của các khoản mục Tài sản, Nợ phải trả được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như sau:

- ▶ Thời gian đến hạn của các tài sản và nợ phải trả thể hiện thời hạn còn lại của tài sản và nợ phải trả tính từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến các ngày thanh toán/ngày đáo hạn từng phần theo quy định trong hợp đồng;
- ▶ Các giả định và điều kiện sau được áp dụng trong phân tích khoảng thời gian đến hạn của các tài sản và nợ phải trả:
 - ✓ Tiền gửi tại NHNN bao gồm tiền gửi dự trữ bắt buộc được coi là loại tài sản có khả năng thanh toán ngay trong vòng 1 tháng;
 - ✓ Thời gian đến hạn của chứng khoán được tính dựa trên mục đích đầu tư:
 - Đối với chứng khoán kinh doanh; chứng khoán sẵn sàng để bán niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên sàn chứng khoán trong nước: được coi là loại chứng khoán có tính thanh khoản cao và có thể thanh toán ngay trong vòng 1 tháng;
 - Đối với các loại chứng khoán còn lại được phân bổ dựa vào ngày đáo hạn theo hợp đồng của từng loại chứng khoán;
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản đầu tư tài sản cố định, góp vốn mua cổ phần được phân bổ vào kỳ hạn do tính chất sử dụng và/hoặc ổn định lâu dài của các tài sản này;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

47. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO (“QLRR”) (tiếp theo)

47.3 *Rủi ro thanh khoản* (tiếp theo)

- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản tiền gửi và cho vay/đi vay các TCTD và các khoản tiền gửi/cho vay khách hàng được xác định dựa vào ngày thanh toán/ngày đáo hạn/ngày đáo hạn từng phần của hợp đồng quy định. Thời gian đến hạn có thể thay đổi do các kế ước cho vay được gia hạn. Trong thực tế, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, có kỳ hạn của khách hàng có thể được quay vòng và do đó duy trì trong thời gian dài hơn thời gian đáo hạn ban đầu;
- ▶ Thời gian đến hạn của các khoản cho vay khách hàng từ mua nợ được xác định dựa vào ngày đến hạn của hợp đồng vay theo quy định;
- ▶ Thời gian đến hạn của các nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ và phái sinh được xác định theo ngày thanh toán/ngày đến hạn theo hợp đồng của giao dịch trên cơ sở bù trừ giữa dòng tiền vào và dòng tiền ra;
- ▶ Thời gian đến hạn của các tài sản và nợ phải trả khác được xếp loại căn cứ vào đặc điểm nghiệp vụ và/hoặc ngày thanh toán dự kiến;
- ▶ Với các tài sản, nợ phải trả không xác định được ngày thanh toán/ngày đến hạn dự kiến, ngân hàng thực hiện xác định thời gian đến hạn theo nguyên tắc thận trọng. Theo đó thời gian đến hạn được phân bổ ở kỳ hạn dài hợp lý (tối thiểu trên 1 năm) đối với dòng tiền vào và kỳ hạn ngắn hợp lý (tối đa dưới 3 tháng) đối với dòng tiền ra.

Phân loại tài sản và công nợ theo thời hạn gốc quy định trong hợp đồng hoặc trong điều khoản phát hành như sau:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải Việt Nam

B05/TCTD-HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

47. CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO (“QLRR”) (tiếp theo)

47.3 Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

	Quá hạn		Trong hạn					Đơn vị: triệu đồng
			Từ 1 đến 3 tháng		Từ 3 đến 12 tháng		Từ 1 đến 5 năm	
	Trên 3 tháng	Đến 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng	
Tài sản								
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	-	-	939.629	-	-	-	-	939.629
Tiền gửi tại NHNN	-	-	4.589.199	-	-	-	-	4.589.199
Tiền gửi tại và cho vay các TCTD khác (*)	-	-	51.095.444	5.382.986	4.463.091	208.173	-	61.149.694
Cho vay khách hàng và mua nợ(*)	4.280.640	2.630.902	16.099.298	18.078.781	41.275.807	44.302.419	22.477.539	149.145.386
Chương khoản đầu tư (*)	28.385	376.000	1.030.000	8.067.789	3.425.000	9.598.000	15.372.316	37.897.490
Góp vốn đầu tư dài hạn (*)	-	-	-	-	-	-	10.036	10.036
Tài sản cố định	-	-	-	-	-	-	402.736	402.736
Tài sản Có khác (*)	10.527	-	1.137.435	2.776.311	2.626.795	596.650	8.147.464	15.295.182
Tổng tài sản	4.319.552	3.006.902	74.891.005	34.305.867	51.790.693	54.705.242	46.410.091	269.429.352
Nợ phải trả								
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	2.665	-	1.001.666	8.202	-	1.012.533
Tiền gửi của và vay các TCTD khác	-	-	65.073.345	7.516.642	10.056.167	2.907.360	-	85.553.514
Công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	-	-	101.067	14.332	37.906	110.051	-	263.356
Tiền gửi của khách hàng	-	-	62.983.382	19.248.615	45.727.018	4.391.043	73	132.350.131
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	85.215	2.006.200	400.000	6.500.000	-	8.991.415
Các khoản nợ khác (*)	-	-	3.744.559	1.158.265	1.399.473	1.233.261	1.119	7.536.677
Tổng nợ phải trả	-	-	131.990.233	29.944.054	58.622.230	15.149.917	1.192	235.707.626
Mức chênh thanh khoản ròng	4.319.552	3.006.902	(57.099.228)	4.361.813	(6.831.537)	39.555.325	46.408.899	33.721.726

(*) không bao gồm dự phòng rủi ro

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

48. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2011.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm về tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và các khái niệm liên quan như được trình bày sau đây trên báo cáo tài chính hợp nhất chỉ áp dụng đối với việc lập các thuyết minh này. Các khoản mục tài sản, nợ phải trả và vốn chủ sở hữu của Ngân hàng vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Ngân hàng theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản tiền gửi tại các TCTD khác, các khoản cho vay khách hàng và các TCTD khác, các khoản phải thu và các tài sản theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất thành một trong các loại sau:

▶ **Tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ**

Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ.

▶ **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Ngân hàng có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; hoặc
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

▶ **Các khoản cho vay và phải thu**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường ngoại trừ:

- Các khoản mà Ngân hàng có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ để kinh doanh và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Ngân hàng xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ;
- Các khoản được Ngân hàng xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu không phải do suy giảm chất lượng tín dụng và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

48. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

▶ ***Tài sản sẵn sàng để bán***

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Ngân hàng theo phạm vi của Thông tư 210 bao gồm các khoản tiền gửi và vay các TCTD khác, phát hành giấy tờ có giá và các khoản phải trả tài chính khác và các khoản phải trả theo các hợp đồng phái sinh tiền tệ.

Theo Thông tư 210, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành:

▶ ***Các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua lãi lỗ***

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Ngân hàng xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ.

▶ ***Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ***

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua lãi lỗ sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Xác định giá trị hợp lý của công cụ tài chính

Ngân hàng xác định giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên báo cáo tình hình tài chính hợp nhất nếu và chỉ nếu, Ngân hàng có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

48. THUYẾT MINH BỔ SUNG VỀ TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023:

	Giá trị ghi sổ						Giá trị hợp lý triệu đồng
	Ghi nhận giá trị hợp lý thông qua lãi lỗ triệu đồng	Giữ đến ngày đáo hạn triệu đồng	Cho vay và phải thu triệu đồng	Sẵn sàng để bán triệu đồng	Tài sản và nợ khác ghi nhận theo giá trị phan bổ triệu đồng	Tổng cộng triệu đồng	
Tiền mặt, vàng bạc, đá quý	939.629	-	-	-	-	939.629	939.629
Tiền gửi tại NHNN	-	-	4.589.199	-	-	4.589.199	(*)
Tiền gửi và cho vay các TCTD khác	-	-	61.149.694	-	-	61.149.694	(*)
Cho vay khách hàng	-	-	149.145.386	-	-	149.145.386	(*)
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán	-	-	-	37.897.490	-	37.897.490	(*)
Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	10.036	-	10.036	(*)
Tài sản tài chính khác	-	-	14.504.691	-	-	14.504.691	(*)
	939.629	-	229.388.970	37.907.526	-	268.236.125	
Các khoản nợ Chính phủ và NHNN	-	-	-	-	1.012.533	1.012.533	(*)
Tiền gửi và vay các TCTD khác	-	-	-	-	85.553.514	85.553.514	(*)
Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	132.350.131	132.350.131	(*)
Các công cụ tài chính phái sinh và các khoản nợ tài chính khác	263.356	-	-	-	-	263.356	(*)
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	8.991.415	8.991.415	(*)
Các khoản nợ tài chính khác	-	-	-	-	6.009.132	6.009.132	(*)
	263.356	-	-	-	233.916.725	234.180.081	

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không thể xác định được do các Chuẩn mực kế toán và Hệ thống kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

49. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu hoặc có thể gây ảnh hưởng trọng yếu đến hoạt động của Ngân hàng và các công ty con và kết quả hoạt động của Ngân hàng và các công ty con cần phải thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất.

50. TỶ GIÁ MỘT SỐ LOẠI NGOẠI TỆ VÀ VÀNG SO VỚI VND VÀO THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
USD	24.228	23.600
EUR	26.930	25.261
GBP	30.940	28.800
CHF	28.833	25.618
JPY	172	179
SGD	18.399	17.578
CAD	18.380	17.463
AUD	16.630	16.282

Người lập:



Bà Nguyễn Bảo Ngọc
 Giám đốc Báo cáo tài chính

Người kiểm soát:



Bà Phùng Thùy Nhung
 Kế toán trưởng

Người phê duyệt:



Ông Nguyễn Hoàng Linh
 Tổng Giám đốc



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 28 tháng 03 năm 2024